

VIRGINIA

WOOLF

BÀ DALLOWAY



VIRGINIA WOOLF

BÀ DALLOWAY

Nguyên tác: Mrs. Dalloway (1925)

Nguyễn Thành Nhân dịch



NĂM 2012

TÁC GIẢ



Virginia Woolf (1882 - 1941) tiểu thuyết gia và là một nhà văn tiểu luận người Anh, bà được coi là một trong những nhân vật văn học hiện đại lừng danh nhất thế kỉ 20.

Trong suốt thời gian giữa chiến tranh, Woolf là một nhân vật có tầm ảnh hưởng của xã hội văn học London và là một thành viên của Bloomsbury Group.

• Tuổi thơ

Virginia Woolf sinh ngày 25 tháng 1 năm 1882, tại thủ đô London sương mù. Bố mẹ bà là một cặp đôi ở hai thái cực khác nhau: Ngài Leslie Stephen là một học giả, nhà sử học, nhà văn và phê bình văn học nổi tiếng; trong khi mẹ bà Julia Stephen lại là một nhiếp ảnh gia, người mẫu cũng có tiếng không kém. Hai người đều đã từng trải qua một cuộc hôn nhân trước đó, nên rất tôn trọng và yêu thương nhau.

Không chỉ như vậy, gia đình Virginia còn rất đông đúc. Bố mẹ bà đều có con từ những cuộc tình trước, và tất cả các anh chị em chung nửa dòng máu đều sống dưới cùng một mái nhà. Đó là chưa kể đến số lượng lớn các bạn bè, khách khứa học giả của bố mẹ bà, luôn luôn đến thăm và ở lại nhà.

Nếu nền giáo dục chứa đầy những tri thức học giả từ bố mẹ bà là chưa đủ, những vị khách này lại cung cấp thêm những nguồn thông tin thực tế, những cuộc tranh luận từ khắp nơi đến Virginia. Từ bé, bà không chỉ quen với cuộc sống đầy học thuật, mà còn thường đắm mình trong các cuộc tranh luận và nhanh chóng có ý kiến của riêng mình.

Tuổi thơ hạnh phúc của bà đột nhiên phủ máu xám. Những người thân trong gia đình bà lần lượt qua đời vì bệnh tật. Mẹ bà ra đi đầu tiên năm bà 12 tuổi, mang đến sự suy sụp trong tâm trí bà con gái nhỏ. Tiếp đó là chị bà, và đến cái chết của cha thì Virginia đã không còn giữ được tâm trí mình. Sự suy sụp lần thứ hai của bà quá nặng nề và đã để lại di chứng đến hết đời: bà mắc bệnh rối loạn lưỡng cực. Sau cái chết của cha, bà mắc căn bệnh này trong khoảng thời gian lâu nhất trong đời.

Trong khoảng 2 tháng, một nửa thời gian bà cực kì vui vẻ, cười nói hát ca, mơ mộng ảo tưởng và kể chuyện liên tục với mọi người. Tâm trí bà hoạt động nhanh không ai bằng. Khoảng thời gian còn lại, bà trầm cảm, không muốn nói gì, và coi bản thân mình đầy tội lỗi, không đáng được sống.

Đây cũng là thời gian đầu tiên bà có những cố gắng tự hành hạ và tự tử. Tuy vậy, như nhà sử học cũng là cháu của Virginia đã kể lại, Virginia phân biệt cực kì rõ ràng những triệu chứng của mình, và bà lặp lại nó một cách có chu kì - bà đã chứng tỏ mình là một người phụ nữ sáng suốt chỉ bị mắc

bệnh. Nhờ vậy, gia đình bà đã kịp thời có những phương cách trợ giúp bà hiệu quả.

• Tuổi trưởng thành phóng đảng

Sau khi trưởng thành, Virginia đi dạy ở trường đại học và viết các bài luận, bài phê bình, được đăng trên nhiều báo. Chị gái bà - Vanessa lấy chồng năm 1907. Hai chị em chuyển ra sống riêng trong một tòa nhà với rất nhiều những người bạn khác: họ đều là những cử nhân Cambridge.

Tuy vậy, cuộc sống độc lập của Virginia, cùng sống trong một tòa nhà nhiều đàn ông độc thân không phải chồng hay anh trai mình, đã gây ra nhiều phản ứng tiêu cực từ những người bạn cũ của bố mẹ bà.

Nhưng chính Virginia đã phát biểu, trong cuốn sách nổi tiếng của mình: “Một người phụ nữ nếu muốn viết văn thì phải có tự có tiền riêng và phải có một căn phòng riêng”.

Đây là một trong những phát biểu đầy nữ quyền và đầy nhân quyền đầu tiên trong văn học hiện đại. Virginia Woolf cùng với các bạn của mình đề cao sự tự do, độc lập, điều mà nhiều thanh niên thời đó còn thiếu sót. Đồng thời, việc sống độc lập và tự do cũng là một tuyên ngôn của nhóm thanh niên đi trước thời đại: họ chấp nhận những mặt khác của con người mà không đánh giá. Trong số các bạn của Virginia, có những học giả là người đồng tính. Họ hoàn toàn chấp nhận nhau và tự do sống theo cách của mình trong gia đình lớn ở tòa nhà Bloomsbury.

Virginia lấy chồng vào năm 1912, khi bà đã 30 tuổi. Bà lấy Leonardo Woolf, một trong số những người bạn sống cùng nhà của mình. Tuy ông là một người không có chức tước, và cũng không có gia sản giàu có như Virginia nhưng hai người đã có một cuộc sống vô cùng gắn bó, hạnh phúc. 25 năm sau ngày cưới, nhật kí của Virginia ghi lại rằng: “25 năm sau, chuyện yêu nhau của chúng tôi vẫn không thể tách rời. Bạn sẽ luôn cảm thấy niềm hạnh phúc to lớn, khi mãi được thêm muốn với tư cách một người vợ. Và như vậy, cuộc hôn nhân của chúng tôi đã viên mãn.”

Tuy vậy, tính tự do và mạnh mẽ, hoang dã của Virginia không bao giờ cạn kiệt. Trong những năm lấy chồng, bà đã có một cuộc tình với một người bạn gái khác: Vita Sackville-West, lúc đó cũng đã lấy chồng. Ông

Leonardo biết trọn vẹn việc này và hoàn toàn chấp nhận sự độc lập của vợ. Cuộc tình của Virginia diễn ra trong khoảng hơn 7 năm, trong lúc đó, bà đã viết cuốn sách Orlando, kể về một người anh hùng vô danh sống qua 3 thế kỉ và những thiên tình sử với cả hai giới. Cuốn sách được con trai của Vita coi là “Bức thư tình vĩ đại nhất của Virginia với Vita.” Sau khi chia tay, hai bà vẫn còn là bạn tốt cho đến khi qua đời.

• **Cái chết mà bà lựa chọn**

Vào ngày 28 tháng 3 năm 1941, Virginia đã tự trầm mình trong một cái ao gần nhà, sau khi tạm biệt chồng và tự đi dạo quanh khu bà ở. Người ta đã từng nghĩ rằng bà gặp tai nạn, hay tự tử vì đã lên cơn bệnh. Nhưng bức thư bà để lại cho chồng đã vén hết bức màn bí mật: bà đã tự chọn cái chết cho mình.

Trong đó, bà viết: “Người yêu quý, em cảm thấy rất rõ ràng em lại sắp bị bệnh. Em cảm thấy chúng ta không thể vượt qua những điều kinh hoàng như vậy nữa. Và lần này, em không thể phục hồi.

Em bắt đầu nghe thấy những giọng nói, và em không thể tập trung. Vì vậy em sẽ làm điều tốt nhất cho cả hai chúng ta... Em chỉ muốn nói rằng, mọi hạnh phúc em có trên đời, là do có anh... Tâm trí em rời bỏ em, ngoại trừ một điều, anh là điều tốt nhất với em... Em không thể tiếp tục làm hại cuộc đời anh. Chúng ta đang là những người hạnh phúc nhất trên cuộc đời này. V (chữ đầu tiên trong tên của Virginia) ”

Có lẽ, đó thực sự là điều tốt nhất mà bà có thể làm cho những người Virginia yêu thương. Với sự mạnh mẽ vốn có, bà không thể chịu nổi cảnh sẽ trở thành một gánh nặng tuổi già cho chồng mình, hay việc ông sẽ phải nhìn bà chết dần chết mòn trong sự điên loạn.

Bà đã làm cái việc to lớn nhất trong cả một đời người: chọn cái chết cho mình, làm chủ cuộc đời mình cho đến tận cái chết.

• **Những tác phẩm nổi tiếng nhất của bà:**

- Đêm Và Ngày (Night and Day, 1919).
- Căn Phòng Của Jacob (Jacob’s Room, 1922).
- Bà Dalloway (Mrs.Dalloway, 1925).
- Đến ngọn Hải Đăng (To the Lighthouse, 1927).

- Orlando (1928)
- Một Căn Phòng Riêng (A Room of One's Own, 1929).
- Những Đợt Sóng (The Waves, 1931).
- Ba Đồng Tiền Vàng (Three Guineas, 1938).

GIỚI THIỆU

Trong buổi phỏng vấn do Barnes & Noble thực hiện^[1], khi được hỏi: “Cuốn sách nào ảnh hưởng nhiều nhất tới cuộc đời ông, và tại sao?” nhà văn Mỹ Michael Cunningham^[2] đã đáp: “Khi tôi mười lăm tuổi, tôi đã đọc cuốn Mrs. Dalloway của Virginia Woolf, vì một cô bé mà tôi phải lòng đã ném nó cho tôi và bảo đại loại là ‘sao cậu không đọc cuốn này và cố bớt ngốc hơn chút xíu?’ Tôi đã đọc nó, và dù tôi vẫn khá ngu ngốc không kém trước đó bao nhiêu, nó là một phát hiện đối với tôi. Cho tới khi đó, tôi không hề biết rằng bạn – bất kỳ một ai – có thể làm những điều như thế với ngôn ngữ; tôi chưa bao giờ đọc những câu phức tạp, đầy nhạc tính, đậm đặc và đẹp đẽ như thế. Tôi nhớ tôi đã nghĩ, ‘Chà, bà ấy đã thực hiện với ngôn ngữ một điều gì đó giống như cách Jimi Hendrix thực hiện với một cây đàn guitar.’ Mrs. Dalloway đã biến tôi thành một độc giả, và chỉ là vấn đề thời gian cho tới khi tôi trở thành một nhà văn.”

Như vậy, tác phẩm này, theo Michael Cunningham, đã tạo cho ông một ấn tượng vô cùng sâu sắc, biến ông từ một cậu bé “ngốc nghếch” trở thành một độc giả có chiều sâu, và rồi cuộc biến ông trở thành một nhà văn tên tuổi. Thật ra, theo người dịch, một tác phẩm như Mrs. Dalloway không dành cho một cậu bé mười lăm tuổi, vì nó rất khó đọc, cả về văn phong lẫn chiều sâu của chủ đề, mức độ phức tạp của tính cách nhân vật. Có lẽ, nếu nói một cách khách quan và công bằng, ông có ấn tượng mạnh mẽ đến thế là vì từ trong bản chất ông đã có thiên tư của một nhà văn.

Chúng ta cũng thử tìm hiểu xem bản thân Virginia Woolf nghĩ gì về đứa con tinh thần này của mình. Bà viết:

“Trong cuốn sách này, hầu như tôi có quá nhiều ý tưởng. Tôi muốn đưa ra sự sống và cái chết, sự tỉnh táo và sự mất trí; tôi muốn phê phán hệ thống xã hội, và biểu thị nó trong hoạt động, ở trạng thái mãnh liệt nhất của nó.”^[3]

Trong một phần nhật ký khác viết vào tháng 10-1923, bà nói cụ thể hơn về quá trình viết một phần trong tác phẩm, phần vợ chồng Septimus đang ở trong công viên Regent's:

“Tôi đang ở giữa mớ dầy đặc của cảnh tượng điên rồ trong công viên Regent's. Tôi nhận ra tôi viết nó bằng cách cố hết sức bám chặt vào thực tế... Một ngày nào đó, tôi phải viết lại đoạn này.^[4]

Virginia Woolf viết Mrs. Dalloway trong lúc đang cố chống chọi với chứng bệnh thần kinh của chính mình. Và đây cũng là tác phẩm đầu tiên bà khai thác thủ pháp Dòng ý thức. Phần vì bút pháp mới thử nghiệm ở đây chưa tinh luyện và nhuần nhuyễn như ở Tới ngọn hải đăng, phần vì lượng nhân vật cũng quá nhiều (Ngoài khoảng mười mấy nhân vật chủ yếu có tới mấy chục nhân vật phụ; có nhân vật chỉ thoáng hiện ra rồi biến mất hoàn toàn.); mặt khác, ý nghĩ và hành động của các nhân vật đan xen như những sợi tơ nhện từ quá khứ sang hiện tại, rồi lại từ hiện tại sang quá khứ, với rất nhiều hình ảnh ẩn dụ, nên đòi hỏi người đọc phải thật sự tập trung.

Toàn bộ câu chuyện diễn tiến trong một ngày Thứ tư của tháng Sáu năm 1923, bắt đầu với cảnh bà Dalloway tự đi mua hoa vào buổi sáng sớm và kết thúc vào cuối buổi tiệc tại nhà bà lúc đêm khuya. Tác phẩm không phân thành chương mà phân thành mười phần, mỗi phần không đánh số mà được đánh dấu bằng một số khoảng trống ở giữa. Nhưng để bạn đọc tiện theo dõi, vì có lẽ các bạn không có thì giờ để đọc liền một mạch, người dịch xin mạn phép đánh dấu các phần trong bản dịch bằng chữ số trong ngoặc đơn, ví dụ (1) nghĩa là phần 1.

Chủ đề nổi bật trong tác phẩm này là tác động của Thế chiến I lên mọi tầng lớp xã hội ở Anh. Cuộc chiến tranh đã qua, nhưng dấu ấn của nó vẫn còn nặng nề, sâu thẳm. Như với Septimus, một cựu chiến binh, bị chấn thương tâm lý trong chiến tranh và sau đó đã tự sát. Anh đã kinh qua cuộc chiến bình an, khá vô cảm; đã cưới một cô gái Ý được vài năm. Nhưng sau đó anh đã phát hiện ra có một cái gì đó không ổn trong tâm hồn mình:

“...khi Evans bị giết ở Ý, ngay trước Ngày đình chiến, Septimus, không hề biểu lộ chút cảm xúc hay ghi nhận nào, rằng đây là sự kết thúc của một

tình bạn, đã tự chúc mừng mình vì đã cảm xúc rất ít và rất hợp lý. Cuộc chiến đã dạy anh. Nó thật phi thường. Anh đã trải qua toàn bộ vở kịch, tình bạn, cuộc chiến châu Âu, cái chết, đã được thăng cấp, vẫn chưa tới ba mươi và nhất định phải sống sót. Anh đã ở ngay tại đó. Những quả đạn pháo cuối cùng đã sượt qua anh. Anh quan sát chúng nổ tung với sự dừng dưng. Khi hòa bình lập lại, anh đang ở Milan, tạm trú trong nhà của một ông chủ nhà trọ; ngôi nhà có một mảnh sân nhỏ, những chậu hoa, những cái bàn nhỏ đặt ngoài trời, các cô con gái hành nghề làm mĩ, và một tối nọ anh đã hứa hôn với Lucrezia, cô con gái nhỏ hơn, trong lúc đang hoang mang – rằng anh không thể cảm nhận được.”

Hoặc:

“Nhưng anh không thể thưởng thức, anh không thể cảm nhận. Trong tiệm trà, giữa những cái bàn và những người bồi bàn đang tán gẫu, nỗi sợ kinh khủng lại chế ngự anh – anh không thể cảm nhận. Anh có thể suy luận; anh có thể đọc, Dante chẳng hạn, một cách hoàn toàn dễ dàng... anh có thể cộng tờ hóa đơn của mình; bộ não của anh hoàn hảo; hẳn đây là lỗi của thế giới – rằng anh không thể cảm nhận.”

Những từ “không thể cảm thấy”, “không thể cảm nhận” cứ lặp đi lặp lại trong tác phẩm, lặp đi lặp lại trong ý thức và tiềm thức và của Septimus, và anh kết luận:

“Vậy là không có gì để biện minh; không có gì, bất kể vấn đề thế nào, trừ tội lỗi mà vì nó bản chất con người đã tuyên án tử hình anh; rằng anh không cảm nhận được. Anh đã không quan tâm khi Evans bị giết; điều đó tệ hại nhất; nhưng tất cả những tội ác khác bên trên cái chấn song giường vào những giờ đầu buổi sáng cũng ngóc đầu lên, búng ngón tay, cười nhạo và châm chọc cái thân thể sóng soài đang nằm nhận thức về sự thoái hóa của nó; anh đã cưới vợ mình mà không yêu cô ta ra sao; đã nói dối cô ta; đã quyến rũ cô ta ra sao; đã sỉ nhục cô Isabel Pole, và bị đánh dấu, đây những vết rỗ đời bại đến nỗi những người phụ nữ phải rùng mình khi họ nhìn thấy anh trên phố ra sao. Phán quyết của bản chất con người đối với một kẻ xấu xa đến thế là cái chết.”

Septimus nhiều lần nhắc tới từ tự sát, nhưng trong thâm tâm anh không muốn chết. Mâu thuẫn là thế! Anh nghĩ:

“VẬY là anh đã bị bỏ rơi. Toàn thế giới đang gào thét: Hãy tự sát, hãy tự sát đi, vì chúng tôi. Nhưng tại sao anh phải tự sát vì họ chứ? Thức ăn là một lạc thú; mặt trời nóng ấm; và việc tự sát này, người ta thực hiện nó bằng cách nào, với một con dao ăn, một cách xấu xí, với những vòi máu – bằng cách hít một cái ống dẫn khí đốt chẳng?...”

Và trước khi quăng mình từ cửa sổ căn nhà trọ xuống cái hàng rào song sắt, anh vẫn nghĩ:

“(Anh ngồi lên bệ cửa sổ.) Nhưng anh sẽ chờ cho tới giây phút cuối. Anh không muốn chết. Cuộc sống thật tốt đẹp. Mặt trời nóng ấm. Chỉ có con người – họ muốn gì nhỉ?”

Ngay cả với bà Dalloway, một phụ nữ thuộc tầng lớp thượng lưu, yêu cuộc sống và những thú vui vụn vặt hàng ngày của nó, ví dụ những bữa tiệc do bà tổ chức, chiến tranh và cái chết cũng mơ hồ lẫn khuất, hiện diện đâu đó trong cuộc sống quanh bà:

“BỜ giờ đang giữa tháng Sáu. Cuộc chiến tranh đã kết thúc, ngoại trừ một ai đó như bà Foxcrott ở Đại sứ quán đêm qua đã đau xé cõi lòng vì cậu thanh niên khôi ngô đó đã bị giết và giờ đây ngôi trang viên cũ phải chuyển sang cho một người em họ; hoặc phu nhân Bexborough, người đã mở một cửa hàng phúc thiện, người ta bảo, với bức điện tín trong tay bà ta, rằng John, đứa con bà yêu mến nhất, đã bị giết chết; nhưng nó đã kết thúc; tạ ơn Trời – kết thúc.”

Hoặc nó xuất hiện ngay cả trong bữa tiệc của bà:

“Ồ! Clarissa nghĩ, giữa buổi tiệc của mình, đây là cái chết, bà nghĩ.”

Và:

“Việc gì gia đình Bradshaw phải nói về cái chết trong bữa tiệc của bà? Một người đàn ông trẻ đã tự sát. Và họ nói về nó trong bữa tiệc của bà – vợ chồng nhà Bradshaw, nói về cái chết. Anh ta đã tự sát – nhưng như thế nào? Luôn luôn thân thể bà đi qua nó trước nhất, khi bà được kể lại, một cách đột ngột, về một tai nạn; chiếc áo của bà bùng cháy, thân thể của bà bị thiêu rụi. Anh ta đã tự quăng người ra khỏi một cửa sổ. Mặt đất chột lóe sáng;

những que sắt nhọn đầu xuyên qua thân người tím bầm của anh ta, một cách sai lầm. Anh ta nằm đó với một tiếng rơi ạch, ạch, ạch trong bộ não, và rồi một màu tối đen nghệt thở. Bà nhìn thấy nó như thế. Nhưng vì sao anh ta làm điều đó? Và vợ chồng nhà Bradshaw đã nói về nó trong bữa tiệc của bà!”

Bên trên, tác giả thổ lộ với chúng ta về ý đồ sáng tác của bà đối với tác phẩm, là nói về cuộc sống và cái chết, sự tỉnh táo và sự mất trí, phê phán hệ thống xã hội... Chúng ta đã thử điếm qua về cái chết, sự mất trí. Vậy còn cuộc sống, sự tỉnh táo, và hệ thống xã hội thì sao?

Mỗi nhân vật của Mrs. Dalloway, dù chính hay phụ, dù xuất hiện nhiều lần hay chỉ trong một đoạn, một dòng duy nhất, cũng đều thể hiện sự muôn màu muôn vẻ của tính cách con người, và đã thật sự góp phần vào bức tranh tổng thể, đem đến thành công cho tác phẩm.

Bà Dalloway là một nhân vật vừa đơn giản lại vừa phức tạp, thường xuyên đấu tranh để cân bằng đời sống nội tâm với thế giới bên ngoài. Ở ngoại diện là những thứ lấp lánh, quần áo đẹp, những bữa tiệc, và mối quan hệ với tầng lớp thượng lưu, nhưng sâu bên dưới bề mặt đó là một cuộc kiếm tìm ý nghĩa đích thực của cuộc sống, bản chất của linh hồn. Bà thích tổ chức những bữa tiệc là “để trao tặng; để kết hợp, để sáng tạo”:

“Nhưng nếu đi sâu hơn, bên dưới những gì mọi người nói (và những phán xét này thật nông cạn, thật chấp vá biết bao!) trong tâm trí của bà lúc này, nó có ý nghĩa gì với bà, cái điều mà bà gọi là cuộc đời này? Ôi, nó thật lạ lùng. Đây là Ngài nào đó ở South Kensington; một ai đó ở Bayswater; và một ai đó khác, chẳng hạn, ở Mayfair. Và bà cảm thấy một ý thức liên tục về sự tồn tại của họ; bà cảm thấy thật lãng phí biết bao; bà cảm thấy thật đáng tiếc biết bao; bà cảm thấy giá như bà có thể đưa họ tới gần nhau; thế là bà làm điều đó. Và đó là một sự trao tặng; để kết hợp, để sáng tạo; nhưng cho ai?

Một sự trao tặng vì chính sự trao tặng, có lẽ.”

Bà ghét cô Kilman, gia sư dạy môn lịch sử cho Elizabeth, con gái của bà, vì cô ta ăn mặc xấu xí, lúc nào cũng chỉ “một cái áo khoác đi mưa,” vì

cô ta “tước đoạt khỏi bà” Elizabeth. Nhưng bà cũng nghĩ rằng cô Kilman là “kẻ thù của bà: tình yêu của bà.”

Thường xuyên trong bà là sự phân tranh giữa những đam mê thật sự và một nếp sống thượng lưu dễ chịu mà bà yêu thích. Nhưng cuối cùng, bà nhượng bộ cuộc sống, và bằng cách nhượng bộ, rốt cuộc bà lại là người chiến thắng.

Thông qua các nhân vật như Phu nhân Bruton, bác sĩ Holmes, bác sĩ William Bradshaw, ông Thủ tướng, Virginia Woolf cũng đã phê phán tầng lớp thượng lưu London, đặc biệt là giới bác sĩ, một cách sâu sắc và tinh tế, đôi khi nhuốm vẻ mỉa mai. Họ là những kẻ thích áp chế người khác, áp đặt những điều mình muốn lên toàn thế giới; là những kẻ ảo tưởng về một Đế chế đã lụi tàn.

Bản thân nhân vật Peter Walsh không có gì ấn tượng, chỉ là một người đàn ông đa cảm và thiếu quyết đoán. Tuy nhiên, qua hồi ức và những suy nghĩ của ông, chúng ta hiểu rõ hơn về Clarissa và Sally Seton.

Cô Kilman, gia sư môn lịch sử cho Elizabeth và bà Ellie Henderson là hai nhân vật khá thú vị. Sally Seton, một cô gái táo tợn, thông minh khi còn trẻ và một phu nhân Rosschester trung niên tới dự bữa tiệc cũng là một nhân vật khá đặc biệt, nhưng xuất hiện phần nhiều trong hồi ức của Clarissa Dalloway và Peter Walsh. Sự hiện diện thật sự của nhân vật này trong bữa tiệc không có gì nổi bật. Nụ hôn của Sally trao cho Clarissa vào một đêm giữa vườn rau mang tính chất tình yêu đồng tính, ít ra là về phía Clarissa, vì bà vẫn lưu giữ mãi ấn tượng về nó.

Elizabeth, con gái của Richard và Clarissa là một cô bé mười bảy tuổi xinh đẹp, có ước mơ trở thành một bác sĩ hay chủ nông trại.

Thời gian là một yếu tố chi phối toàn tác phẩm. Tiếng chuông Big Ben và những cái đồng hồ điểm giờ hầu như hiện diện từ đầu tới cuối tác phẩm. Những tiếng chuông biểu thị sự “bất khả vãn hồi” của thời gian. Quá khứ êm dịu hay cay đắng, hạnh phúc hay đau khổ đan xen với thực tại trong tâm thức của từng nhân vật. Bản thân Virginia Woolf lúc đầu cũng định đặt tựa đề cho tác phẩm là Thời Khắc (The Hours).

Dĩ nhiên trên đây là những nhận định rất sơ lược, đầy tính chủ quan để giúp độc giả có một ý niệm khái quát về tác phẩm. Người dịch rất mong các bạn có thể phát hiện thêm nhiều yếu tố sau khi đọc và sẽ yêu thích tác phẩm qua bản dịch này. Nếu bạn cảm thấy tác phẩm không hay, đó chắc chắn là do khả năng của người dịch còn hạn chế, dù đã cố hết sức mình. Xin chân thành cảm ơn mọi ý kiến đóng góp của các bạn.

Sài Gòn, 10/2012

Nguyễn Thành Nhân

I

Bà Dalloway bảo bà sẽ tự đi mua hoa.

Vì Lucy có công việc phù hợp với cô ta. Mấy cánh cửa sẽ được tháo khỏi bản lề, những người thợ của Rumpelmayer sẽ tới. Và sau đó, Clarissa Dalloway nghĩ, thật là một buổi sáng tuyệt vời – tươi tắn như thể được ban phát cho lũ trẻ con trên bờ biển.

Thật hân hoan! Thật chìm đắm! Vì dường như đối với bà, khi những cái bản lề kêu rít lên, như lúc này bà có thể nghe, bà phải mở tung những khung cửa sổ kiểu Pháp và lao người vào bầu không khí thoáng đãng của Bourton. Trong lành biết bao, êm ả biết bao, dĩ nhiên là yên tĩnh hơn lúc này, bầu không khí sớm mai hồi ấy giống như tiếng vỗ của một làn sóng; nụ hôn của một làn sóng; lạnh và gắt, thế nhưng nghiêm trang (với một cô gái mười tám tuổi như bà thuở ấy), khi bà cảm thấy như đã từng cảm thấy lúc đứng đó ở khung cửa sổ mở, rằng một điều gì đó kinh khủng sắp xảy ra; khi nhìn những bụi hoa, những cây cối với làn khói ngoằn ngoèo lan tỏa và những con quạ đang vọt lên, sà xuống; đứng và nhìn cho tới khi Peter Walsh bảo: “Đang suy tư giữa đám rau củ hả? – Phải thế không? – “Tôi thích những người đàn ông hơn là những cây cải bắp” – Phải thế không? Hẳn ông ấy đã nói thế vào bữa điểm tâm của một sớm mai nào đó khi bà đã bước ra trước sân hiên – Peter Walsh. Một hôm nào đó, trong tháng Sáu hoặc tháng Bảy này, bà quên mất là tháng nào, ông ấy sẽ trở về từ Ấn Độ, vì những lá thư của ông ấy cực kỳ buồn nản; những câu nói của ông ấy chính là thứ làm cho người ta nhớ; đôi mắt, con dao nhíp, nụ cười, tính tình gắt gỏng của ông ấy, và khi hàng triệu thứ đã hoàn toàn biến mất, một vài câu nói như câu này về những cây cải bắp thật kỳ lạ biết bao! Bà hơi cứng người lại chút đỉnh trên vệ đường, chờ chiếc xe tải của Durtnall chạy qua. Một người phụ nữ quyến rũ, Scrope Purvis nghĩ về bà (ông ta biết bà như người ta biết về những người sống bên cạnh nhà mình ở Westminster); ở bà

có cái dáng vẻ của một con chim, một nàng chim giẻ cùi, xanh lam, nhẹ nhàng, sôi nổi, dù bà đã quá năm mươi, và đã bạc trắng mái đầu từ khi ngã bệnh. Bà đứng đó, không hề nhìn thấy ông, chờ để băng qua đường, người thật thẳng.

Vì khi đã sống ở Westminster – bao nhiêu năm nhỉ? – hơn hai mươi rồi – người ta cảm thấy thậm chí giữa những xe cộ giao thông qua lại, hay khi tản bộ trong đêm, Clarissa luôn tỏ ra quả quyết, một sự im lặng, hay vẻ nghiêm trang riêng biệt; một sự ngập ngừng vô tả, một trạng thái hồi hộp (nhưng người ta bảo có thể đó là do tim bà đã chịu ảnh hưởng của bệnh cúm) trước khi tháp Big Ben đổ chuông. Kia rồi! Nó đã trầm trầm vang dội. Đầu tiên là một âm thanh cảnh báo, như âm nhạc, rồi tới thời khắc, bất khả vãn hồi. Những đường tròn xám xịt nặng trĩu tan biến khỏi bầu không khí. Chúng ta thật là những kẻ ngu xuẩn xiết bao, bà nghĩ khi băng qua phố Victoria. Vì chỉ có Trời mới biết vì sao người ta yêu nó như thế, cách người ta nhìn nó như thế, tạo nên nó, dựng nó lên xung quanh người ta, xô đổ nó, rồi mỗi khoảnh khắc lại làm mới nó; nhưng những người đàn bà lôi thôi lếch thếch nhất, buồn nản hay bất hạnh nhất, đang ngồi trên những bậc thềm (uống sự suy sụp của họ), làm một việc như nhau, không thể bị xử lý bởi những đạo luật của Quốc hội; bà cảm thấy lạc quan, chính vì nguyên nhân đó: họ yêu cuộc sống. Trong đôi mắt của mọi người, trong từng nhịp điệu, bước đi nặng nề hay khó nhọc; trong âm thanh ồn ào nhiệt náo; những cỗ xe ngựa, xe hơi, xe buýt, xe tải, những người bán sandwich ngược xuôi như những con thoi; những ban nhạc kèn đồng; những cái đàn thùng; trong tiếng gầm vang đặc thẳng, lạnh lạnh và cao vút lạ lùng của những chiếc phi cơ bên trên đầu là điều mà bà yêu mến; cuộc sống; London; khoảnh khắc này của tháng Sáu.

Bởi giờ đang giữa tháng Sáu. Cuộc chiến tranh đã kết thúc, ngoại trừ một ai đó như bà Foxcrott ở Đại sứ quán đêm qua đã đau xé cõi lòng vì cậu thanh niên khôi ngô đó đã bị giết và giờ đây ngôi trang viên cũ phải chuyển sang cho một người em họ; hoặc phu nhân Bexborough, người đã mở một cửa hàng phúc thiện, người ta bảo, với bức điện tín trong tay bà ta, rằng John, đứa con bà yêu mến nhất, đã bị giết chết; nhưng nó đã kết thúc; tạ ơn

Trời – kết thúc. Giờ là tháng Sáu. Đức Vua và Hoàng hậu đang ở trong Hoàng cung. Và khắp mọi nơi, dù trời vẫn còn sớm lắm, có tiếng gõ móng âm âm của những con ngựa pony đang phi nhanh, tiếng đập của những cây vợt crickê; sân Lords, Ascot và Ravelagh và tất cả các sân chơi còn lại được bao bọc trong một bầu không khí mềm mại, xanh xám, mà, khi ánh ngày lên, sẽ bung ra, và đáp xuống những thảm cỏ, những mảnh sân nơi những con ngựa pony nhảy chồm lên, hai chân trước gõ mạnh lên mặt đất, rồi phóng lên, những chàng thanh niên xoay tròn, những cô gái cười khanh khách trong những chiếc váy muslin trong suốt, những kẻ mà ngay cả lúc này, sau khi khiêu vũ suốt đêm, đang dắt những con chó lông xồm buồn cười đi dạo; và ngay cả lúc này, vào giờ này, những quý bà thừa kế tước hiệu kín đáo đang phóng ra phố trong những chiếc xe hơi để làm những việc nho nhỏ bí ẩn; và những người chủ tiệm đang lu bu trong bên trong tiệm với những viên đá quý và kim cương, những bộ trâm cài tóc cũ kỹ đáng yêu xanh màu biển hồi thế kỷ mười tám để dụ dỗ những người Mỹ (nhưng người ta phải tiết kiệm, không vội vàng mua này mua nọ cho Elizabeth), cả bà nữa, cũng yêu thích nó như trước kia với một niềm đam mê phi lý và chân thật, là một phần của nó, vì ông cha của bà từng là triều thần dưới thời các vua Georges; cả bà, ngay đêm đó cũng sẽ thấp sáng đèn đuốc để tổ chức bữa tiệc của mình. Nhưng lạ lùng biết bao, khi bước vào công viên, sự thinh lặng; màn sương mù; tiếng lao xao; những con vịt hạnh phúc đang bơi chậm rãi; những con chim bồ nông đang bước lạch bạch; và kẻ đang đi tới, lưng quay về phía tòa nhà Chính phủ một cách thích đáng nhất, mang theo một cái tráp có đóng dấu Quân đội Hoàng gia có thể là ai nhỉ, còn ai khác ngoài Hugh Whitbread; ông bạn cũ Hugh của bà – Hugh đáng ngưỡng mộ!

“Chúc buổi sáng tốt lành, Clarissa!” Hugh lên tiếng, hơi cường điệu, vì họ đã quen biết nhau từ hồi còn bé. “Bà đi đâu vậy?”

“Tôi thích đi bộ trong thành London.” Bà Dalloway đáp. “Thật sự, nó tốt hơn đi bộ ở miền quê.”

Không may là họ chỉ tới đây để khám bệnh. Những người khác tới đây để ngắm những bức tranh; xem kịch opera; đưa con gái của họ đi dạo mát;

còn gia đình Whitbread thì đến “để khám bệnh.” Đã vô số lần Clarissa phải viếng thăm Evelyn Whitbread trong căn phòng của bệnh xá. Phải chăng Evelyn lại ngã bệnh? Evelyn thấy rất khó chịu trong người, Hugh nói, thể hiện qua cách bĩu môi hay bộ quần áo bảnh bao, vẻ khôi ngô cực kỳ nam tính, và thân hình được che phủ một cách hoàn hảo của ông (hầu như ông luôn ăn mặc rất trang nhã, nhưng người ta cho là ông phải như vậy, với một công việc nho nhỏ trong Hoàng cung) rằng vợ của ông bị yếu trong người, không có gì nghiêm trọng, với tư cách một người bạn cũ, Clarissa Dalloway sẽ hoàn toàn thấu hiểu, không cần ông phải nói cụ thể. Ồ, vâng, tất nhiên bà hiểu; thật phiền; và đồng thời cảm thấy một ý thức rất thân thương, rất kỳ lạ, về cái mũ của mình. Không phải loại mũ dành cho buổi sáng sớm, có phải không? Bởi Hugh luôn khiến cho bà cảm thấy, khi ông vội vã đi tiếp, giơ cao mũ với vẻ khá ngông cuồng và bảo đảm với bà rằng bà có thể là một cô gái mười tám tuổi, và dĩ nhiên ông sẽ tới dự buổi tiệc tối nay, Evelyn đã hoàn toàn dứt khoát, chỉ có thể hơi muộn chút xíu, sau bữa tiệc ở Hoàng cung mà ông phải đưa một trong mấy cậu con trai của Jim tới – bà luôn cảm thấy hơi thất thế bên cạnh Hugh; giống như một nữ sinh; nhưng gắn bó với ông, phần vì luôn hiểu biết ông, nhưng bà nghĩ ông là một gã tốt bụng theo cách của ông, dù suýt nữa ông đã khiến cho Richard nổi điên lên, còn về phần Peter Walsh, mãi tới hôm nay ông ấy vẫn chưa bao giờ tha thứ cho bà về việc ưa thích Hugh.

Bà có thể nhớ hết cảnh tượng này sang cảnh tượng khác ở Bourton – Peter nổi giận; Hugh thì không, dĩ nhiên, cỡ nào ông cũng hòa đồng được, nhưng vẫn không phải là một vẻ khờ khạo tích cực như kiểu của Peter; không đơn giản là một cái hình nộm để gắn tóc giả của một anh thợ hớt tóc. Khi bà mẹ già của ông muốn ông thôi chụp ảnh hay đưa bà ấy tới Bath, ông thực hiện nó, không nói lời nào; ông thật sự vị tha, còn về nhận định, như Peter từng bảo, rằng ông không có quả tim, không có đầu óc, không có thứ gì ngoài những cung cách hành xử và nền giáo dục của một quý ông người Anh, thì đó là điều tệ hại nhất ở Peter thân yêu của bà; và Hugh đáng được khoan dung; có thể khó mà chịu nổi ông, nhưng ông lại rất đáng yêu khi cùng tản bộ với nhau trong một buổi sáng như hôm nay.

(Tháng Sáu đã ló dạng trên từng chiếc lá của những hàng cây. Những bà mẹ ở khu Pimlico đang cho con bú. Các thông điệp đang được chuyển từ Hạm đội tới Bộ Hải quân. Có vẻ như phố Arlington và Piccadilly đã phá vỡ bầu không khí trong công viên và nâng cao, một cách sôi nổi nhiệt tình, những chiếc lá của nó, trên những đợt sóng của sức sống thiêng liêng mà Clarissa yêu mến. Để nhảy múa, để lướt trôi, bà yêu thích tất cả những điều đó.)

Vì có vẻ như họ đã xa cách nhau suốt mấy trăm năm, bà và Peter; bà chưa bao giờ viết lá thư nào, còn những lá thư của ông ấy thì khô khốc; nhưng đột nhiên bà chợt nảy ra ý nghĩ, Nếu bây giờ ông ấy ở đây với mình, ông ấy sẽ nói gì? – một số ngày, một số cảnh tượng đã mang ông ấy trở về với bà một cách bình thản, không còn nổi cay đắng cũ; có lẽ đây là sự tưởng thưởng cho việc quan tâm tới mọi người; họ đã quay lại giữa công viên St. James vào một sáng đẹp trời, thật vậy. Nhưng Peter – bất chấp ngày hôm đó có thể đẹp cỡ nào, những cây cối và hoa cỏ, và cô gái nhỏ mặc áo hồng – Peter không bao giờ trông thấy thứ nào trong tất cả những điều đó. Ông ấy sẽ đeo kính vào, nếu bà bảo ông ấy; ông ấy sẽ nhìn. Điều mà ông quan tâm là tình trạng của thế giới; vĩnh viễn vẫn là thơ của Wagner^[5], Pope^[6], tính cách của mọi người, và những nhược điểm của linh hồn bà. Ông ấy đã trách móc bà thậm tệ biết bao! Họ đã tranh cãi nhiều biết bao! Bà sẽ lấy một ông thủ tướng và đứng ở đầu cầu thang; ông ấy đã gọi bà là nữ chủ nhân hoàn hảo (bà đã khóc vì câu nói đó trong phòng ngủ), bà có những phẩm chất của nữ chủ nhân hoàn hảo, ông ấy bảo.

Thế nên bà vẫn sẽ nhận ra mình đang tranh luận ở công viên St. James, vẫn chứng tỏ rằng bà đúng – và bà cũng đã không kết hôn với ông ấy. Vì trong hôn nhân, cần phải có một tờ chứng nhận nho nhỏ, một sự độc lập nho nhỏ giữa những người sống chung hết ngày này sang ngày khác trong cùng một ngôi nhà; thứ mà Richard đã cho bà, và bà đã cho ông ấy. (Chẳng hạn, sáng nay ông ấy đi đâu? Một ủy ban nào đó, bà chưa bao giờ hỏi đó là ủy ban gì?) Nhưng với Peter, mọi thứ phải được chia sẻ; mọi thứ phải được thảo luận. Và điều đó thật quá sức chịu đựng, và khi cái cảnh tượng đó diễn

ra trong khu vườn nhỏ, cạnh đài phun nước, bà phải chia tay với ông, không thì họ sẽ bị hủy diệt, cả hai người đều bị hủy hoại, bà tin chắc vậy; dù bà đã mang theo suốt nhiều năm, như một mũi tên ghăm chặt vào tim, nổi u sầu, thống khổ; thế rồi sự kinh khủng của khoảnh khắc khi ai đó nói với bà trong một buổi hòa nhạc rằng ông ấy đã cưới một người phụ nữ gặp gỡ trên một con tàu sang Ấn Độ! Bà không bao giờ quên được tất cả những chuyện ấy! Ông ấy gọi bà là một kẻ lạnh lùng, tàn nhẫn, đoan trang vờ vịch. Bà không bao giờ hiểu ông ấy thích thế nào. Nhưng có lẽ những người đàn bà Ấn Độ đó làm được – những cô nàng khờ dại, xinh xắn, mong manh, ngốc nghếch. Và bà đã phí hoài lòng thương hại của mình. Vì ông ấy hoàn toàn hạnh phúc, ông ấy quả quyết với bà – hoàn toàn hạnh phúc, dù ông ấy chưa hề làm một điều nào mà họ từng nói tới; trọn cuộc đời ông ấy là một sự thất bại. Điều này vẫn còn khiến cho bà nổi giận.

Bà đã tới cổng công viên. Bà đứng một hồi, nhìn những chiếc xe buýt hai tầng trên phố Piccadilly.

Giờ bà sẽ không nói với bất kỳ một ai trên đời rằng họ như thế này hoặc như thế nọ. Bà cảm thấy rất trẻ trung; đồng thời lại già nua vô tả. Bà xấn như một lưỡi dao qua mọi thứ; đồng thời lại ở ngoài lề, dõi nhìn theo. Bà có một cảm giác thường xuyên, trong lúc quan sát những chiếc taxi, về tình trạng ở xa, thật xa, ngoài biển khơi và cô độc; bà luôn có cảm giác rằng sống dù chỉ một ngày là rất, rất nguy hiểm. Bà không nghĩ rằng mình thông minh hay quá khác biệt. Bà không thể nghĩ ra làm thế nào bà có thể đi qua cuộc đời dựa vào vài nhánh kiến thức mà cô Daniels đã trao cho họ. Bà chẳng biết gì hết; ngôn ngữ không, lịch sử không; hiện giờ bà ít khi đọc một cuốn sách, ngoại trừ những cuốn hồi ký khi lên giường; thế nhưng đối với bà nó cực kỳ hấp dẫn, tất cả những thứ này; những chiếc xe taxi chạy ngang qua; và bà sẽ không nói về Peter. Bà sẽ không nói về mình, Tôi thế này, Tôi thế nọ.

Tài năng thiên phú duy nhất của bà là hiểu biết mọi người hầu như bằng bản năng, bà nghĩ, tiếp tục bước đi. Nếu bạn bỏ bà vào một căn phòng với ai đó, lưng bà sẽ cong lên như lưng một con mèo; hoặc bà sẽ kêu rừ rừ như mèo. Tòa nhà Devonshire, tòa nhà Bath, ngôi nhà có con vẹt màu Trung

Quốc, có lần bà đã nhìn thấy chúng sáng rực ánh đèn; và nhớ tới Sylvia, Fred, Sally Seton – những vị chủ nhà hiếu khách; và cuộc khiêu vũ suốt đêm; những cỗ xe ngựa ra chợ nặng nề lướt qua; và trở về nhà qua công viên. Bà nhớ có lần đã ném một đồng siling xuống hồ Serpentine. Nhưng người ta nhớ mọi thứ; cái bà thích là điều này, tại đây, ngay lúc này, trước mặt bà; vị phu nhân mập mạp trong cỗ xe. Vậy có quan trọng gì không, bà tự hỏi, việc đi về phía phố Bond, có gì quan trọng không khi bà phải từ bỏ hoàn toàn, không tài nào tránh khỏi; tất cả những thứ này phải tiếp diễn mà không có bà; bà có ghét bỏ nó không? hay niềm tin rằng cái chết là sự kết thúc hoàn toàn không mang lại chút an ủi nào? nhưng theo cách nào đó, trên những đường phố London, trên sự thăng trầm của vạn vật, ở đây, ở đó, bà đã sống sót, Peter đã sống sót, sống trong nhau, bà là một phần, bà chắc chắn, của những cây cối ở nhà, của ngôi nhà ở đó, xấu xí, tất cả tan rã thành từng mảnh như đã diễn ra; là một phần của những người bà chưa bao giờ gặp; đang trải ra như một làn sương mù giữa những người bà biết rõ nhất, những người nâng bà lên nhánh cây của họ như bà đã nhìn thấy những cây cối nâng một làn sương, nhưng nó lan trải ra xa mãi, cuộc đời bà, bản thân bà. Nhưng bà đã mơ gì khi nhìn vào cửa sổ tiệm của Hatchard? Bà đang cố khôi phục lại điều gì? Hình ảnh bình minh trắng nào ở miền quê, như bà đã đọc trong cuốn sách bày bán công khai:

«Đừng e sợ nữa sức nóng của vàng thái dương,
Hay những cơn thịnh nộ của mùa đông giận dữ»^[7]

Cái lứa tuổi muộn màng này của kinh nghiệm trần thế đã nuốt chửng tất cả bọn họ, đàn ông và phụ nữ, một cái giếng đầy nước mắt. Những giọt lệ và những nỗi u sầu của lòng can đảm và sự chịu đựng; một thái độ thẳng thắn và khắc kỷ tới độ hoàn hảo. Cứ nghĩ, chẳng hạn, về người phụ nữ mà bà ngưỡng mộ nhất, Phu nhân Bexborough, đang mở cửa hàng phúc thiện.

Có cuốn “Những chuyến dạo chơi và những cuộc hội hè của Jorrocks”^[8]; có cuốn “Xát xà bông”^[9], “Những hồi ức của bà Asquith”^[10] và “Săn thú lớn ở Nigeria”^[11], tất cả đều bày bán công khai. Luôn có rất

nhiều cuốn sách; nhưng dường như không có cuốn nào hoàn toàn thích hợp để mang tới dưỡng đường cho Evelyn Whitbread.

Khi Clarissa bước vào phòng, không thứ gì có thể giúp cho bà ấy vui lên và làm cho vẻ ngoài của người phụ nữ nhỏ bé đã khô héo không tài nào tả xiết đó trở nên thân mật, dù chỉ trong khoảnh khắc; trước khi họ lấy lại sự điềm tĩnh cho cuộc chuyện trò tràng giang đại hải thông thường về những chứng bệnh của phụ nữ. Bà mong muốn điều đó biết bao – rằng trông mọi người sẽ hài lòng khi bà bước vào, Clarissa thầm nghĩ và quay lưng bước trở lại phía phố Bond, bực dọc, vì việc phải có những lý do khác để làm các thứ là điều xuẩn ngốc. Có lẽ tốt hơn bà nên nằm trong số những người giống như Richard, những kẻ làm các thứ là vì chính bản thân chúng, bà nghĩ, chờ để băng qua đường, nửa phần thời gian bà đã làm những thứ không đơn giản, không vì chính bản thân chúng; mà là để mọi người suy nghĩ thế này thế khác; bà biết vậy là hoàn toàn ngu ngốc (và lúc này viên cảnh sát giơ bàn tay lên) vì chưa hề có ai bị lừa dù chỉ trong một giây. Hoặc giá mà bà có thể sống lại một lần nữa đời mình! bà nghĩ, bước lên vệ đường, thậm chí có thể nhìn theo một cách khác hẳn!

Trước hết, bà sẽ ngăm ngăm như Phu nhân Bexborough, với một làn da giống như da thuộc và đôi mắt xinh đẹp. Bà sẽ, giống như Phu nhân Bexborough, chậm rãi và trang nghiêm; khá to con; quan tâm tới chính trị như một gã đàn ông; với một ngôi nhà nông thôn; rất có phẩm cách, rất chân thành. Thay vì thế, bà có một thân hình nhỏ nhắn mảnh khảnh; một gương mặt nhỏ bé buồn cười, nhọn như mỏ của một con chim. Đúng là bà duy trì tốt vóc dáng của mình; có đôi bàn tay và bàn chân đẹp, và ăn mặc coi được, nếu xét tới việc bà tiêu tiền ít. Nhưng thường thường hiện giờ, cái thân thể bà mang (bà dừng lại để nhìn một bức tranh Hà Lan), cái thân thể này, với mọi khả năng của nó, dường như không có gì – không có gì cả. Bà có một ý nghĩ kỳ quặc nhất về việc mình trở nên vô hình; không ai nhìn thấy; không ai biết tới; lúc này không còn hôn nhân, không còn con cái, mà chỉ còn quá trình lạ lùng và khá nghiêm trang với số còn lại bọn họ, ngược lên phố Bond, bà Dalloway đang hiện hữu này; thậm chí không còn Clarissa; chỉ bà Richard Dalloway đang hiện hữu này.

Phố Bond mê hoặc bà; phố Bond vào buổi sớm mai của mùa này; những lá cờ đang tung bay; những cửa hiệu; không nước văng tung tóe; không ánh sáng lấp lánh; một cuộn vải tuyết trong cửa tiệm nơi cha bà đã mua những bộ com lê trong suốt năm mươi năm; vài hạt ngọc trai; cá hồi trên một tảng nước đá.

“Đó là tất cả,” bà nói, nhìn tiệm của người bán cá. “Đó là tất cả,” bà lặp lại, dừng lại giây lát ở cửa sổ của một tiệm bán găng tay, nơi mà, trước chiến tranh, bạn có thể mua những đôi găng tay gần như tuyệt hảo. Và ông chú già William của bà thường bảo một quý cô được biết tới nhờ giày và găng tay của cô ta. Một sáng nọ giữa cuộc chiến ông đã trở người trên cái giường. Ông đã nói, “Chú đã có đủ rồi.” Những đôi găng tay và giày; bà có một đam mê đối với những đôi găng tay; nhưng con gái của bà, Elizabeth của bà, không hề quan tâm tới thứ nào trong số đó.

Không một mảy may, bà nghĩ, đi tiếp dọc phố Bond tới một cửa hiệu nơi họ để dành hoa cho bà khi bà tổ chức một bữa tiệc. Elizabeth thật sự quan tâm tới con chó của nó hơn tất cả mọi thứ. Cả ngôi nhà sáng nay đầy mùi hắc ín. Tuy nhiên con chó Grizzle tội nghiệp vẫn tốt hơn là cô Kilman; chứng sốt ho của chó và hắc ín và tất cả những thứ còn lại vẫn tốt hơn là việc ngồi ê a trong một căn phòng ngủ ngột ngạt với một cuốn kinh cầu nguyện! Tốt hơn bất cứ thứ gì, bà có ý muốn nói thế. Nhưng có thể nó chỉ là một cụm từ, như Richard nói, giống cụm từ cửa miệng của tất cả mọi cô gái. Có thể đó là trạng thái của tình yêu. Nhưng sao lại với cô Kilman? Người dĩ nhiên đã bị đối xử một cách tệ hại; người ta phải khoan dung cho điều đó, và Richard bảo cô ta có khả năng, thật sự có đầu óc về mặt lịch sử. Dù sao, không thể tách rời họ được, và Elizabeth, con gái của bà, đã tới dự cuộc họp nhóm đạo; nó đã ăn mặc đẹp biết bao, nó đã đối xử tốt biết bao với những người tới ăn trưa mà nó không hề quan tâm chút xíu nào, theo kinh nghiệm của bà, trạng thái mê ly trong tôn giáo khiến mọi người trở nên tàn nhẫn (những chính nghĩa cũng vậy); làm u mê những cảm giác của họ, vì cô Kilman sẽ làm bất cứ điều gì cho những người Nga, chịu đói gần chết vì những người Úc, nhưng lại kín đáo gây đau khổ cho người khác; cô ta rất vô cảm, mặc một cái áo khoác vải cao su màu lục. Cô ta mặc cái áo

đó hết năm này sang năm khác; cô ta toát mồ hôi; cô ta không bao giờ ở trong phòng năm phút mà không khiến cho bạn cảm thấy sự ưu việt của cô ta, sự thấp kém của bạn; cô ta nghèo khổ ra sao; bạn giàu có ra sao; cô ta sống ra sao trong một khu ổ chuột, không một tấm màn, một cái giường, một tấm thảm hay bất cứ thứ gì có thể có, toàn bộ linh hồn của cô ta trở nên han rỉ với nỗi thống khổ gắn chặt vào nó; cô ta bị sa thải khỏi trường trung học hồi chiến tranh – một con người tội nghiệp rất đổi không may! Vì không phải người ta ghét cô ta mà ghét cái ý tưởng về cô ta, mà không ngờ gì nữa, đã tự nó tập hợp trong chính nó nhiều thứ không phải là cô Kilman; đã trở thành một trong những bóng ma mà người ta chiến đấu với chúng trong đêm; một trong những bóng ma đứng dạng chân bên trên chúng ta và hút lấy nửa phần máu huyết của chúng ta, những kẻ thống trị và những tên bạo chúa; vì không ngờ gì nữa, với một cú gieo súc sắc khác, hẳn bà sẽ yêu mến cô Kilman nếu như người da đen có địa vị cao hơn người da trắng! Nhưng không phải trong cõi đời này. Không.

Tuy nhiên, việc con quái vật hung bạo này khuấy động trong lòng khiến bà thấy khó chịu! Việc nghe thấy tiếng những nhánh cây gãy rãng rặc và cảm thấy những cái móng guốc nện xuống những chiều sâu của khu rừng ngập lá đỏ, linh hồn; không bao giờ cảm thấy hoàn toàn hài lòng, hay hoàn toàn có an ninh, vì con quái vật đó sẽ khuấy động vào bất cứ lúc nào, niềm căm ghét đó, nhất là từ khi bà bị bệnh, có khả năng khiến cho bà cảm thấy bị cào cấu, bị gây thương tổn bên trong xương sống; mang tới cho bà nỗi đau thể chất, và khiến cho mọi lạc thú trong vẻ đẹp, trong tình bạn, trong cuộc sống an lành, trong việc được yêu thương và mang lại niềm vui cho ngôi nhà của bà bị chấn động, run rẩy và cong oằn như thể thật sự có một con quái vật đang đào xới trên mái nhà, như thể toàn bộ chiếc áo giáp của sự hài lòng không là gì khác ngoài tình yêu chính bản thân mình! Niềm căm ghét này!

Vớ vẩn, vớ vẩn! Bà kêu lên với chính mình, đi ào qua những cánh cửa xoay của những tiệm bán hoa trên phố Mulberry.

Bà tiến tới, nhẹ nhàng, cao, người rất thẳng, được chào hỏi ngay lập tức bởi cô Pym có gương mặt tròn xoe và đôi bàn tay luôn đỏ ửng, như thể

chúng đã bị nhúng trong nước lạnh cùng với những nhánh hoa.

Có nhiều loại hoa: phi yến, đậu hoa, những chùm tử đinh hương; và hoa cẩm chướng, hàng đồng hoa cẩm chướng. Có hoa hồng; có hoa diên vĩ.Ồ, phải – bà hít vào mùi thơm ngọt ngào của khu vườn địa đàng trong lúc đứng trò chuyện với cô Pym, người chịu sự giúp đỡ của bà, và nghĩ rằng bà tử tế, vì bà đã tử tế từ nhiều năm trước; rất tử tế, nhưng năm nay trông bà già hơn, đang xoay đầu từ phía này sang phía khác giữa những đóa hoa diên vĩ và hoa hồng, và gật đầu chào những chùm tử đinh hương với đôi mắt khép hờ, hít vào mùi thơm ngào ngạt, sự dịu mát tuyệt trần, sau cảnh náo nhiệt trên phố xá. Và sau đó, khi mở mắt ra, những bông hồng nằm trong những cái khay đan bằng nhánh liễu gai trông tươi tắn như tấm vải lanh xếp nếp vừa mới giặt sạch từ một tiệm giặt ủi; và những bông cẩm chướng đỏ thắm, nghiêm trang, đang ngẩng cao đầu; và tất cả những bông đậu hoa trải ra trong những cái bát, tím man mác, trắng tuyết, xanh nhạt – như thể đang là chiều tối và những nàng thiếu nữ mặc váy dài vừa bước ra để hái những bông đậu hoa và bông hồng sau khi một ngày hè huy hoàng, với bầu trời gần như xanh thẫm, với những đóa hoa phi yến, hoa cẩm chướng và huệ trắng, đã trôi qua; và đây là khoảnh khắc giữa sáu và bảy giờ khi mọi loài hoa – hoa hồng, phi yến, diên vĩ, tử đinh hương – tỏa sáng; trắng, tím, đỏ, cam đậm; mỗi bông hoa dường như tự bốc cháy một cách mềm mại, thuần khiết trong những luống đất mờ sương; và bà yêu biết bao những con bướm đêm trắng xám đang bay vòng vòng, trên cái bánh nướng màu đỏ anh đào, trên những đóa hoa anh thảo ban chiều!

Và trong lúc bà bắt đầu đi cùng cô Pym từ chậu hoa này sang chậu hoa khác, chọn lựa, bà tự nhủ, vớ vẩn, vớ vẩn, ngày càng dịu dàng hơn, như thể vẻ đẹp này, mùi thơm này, màu sắc này, và việc cô Pym yêu quý bà, tin cậy bà, là một làn sóng mà bà để cho lướt trôi qua người mình và trùm lên niềm căm ghét đó, con quái vật đó, bao trùm lên tất cả; và nó nâng bà lên cao, lên cao mãi khi –Ồ! Có một tiếng pít-tông nổ trên đường phố bên ngoài!

“Trời, mấy chiếc xe hơi đó!” cô Pym nói, bước tới cửa sổ để nhìn, quay trở lại, với những bông đậu hoa đầy ắp trên đôi cánh tay, và mỉm cười với

vẻ hối lỗi như thế những chiếc xe hơi đó, những cái lốp xe hơi đó, tất cả đều là lỗi của cô ta.

Cú nổ thô bạo khiến cho bà Dalloway nhảy nhồm lên và cô Pym đi tới cửa sổ và xin lỗi xuất phát từ một chiếc xe hơi đã được lùi sang một phía vệ đường ngay đúng chỗ đối diện với cửa sổ của tiệm Mulberry. Những khách qua đường dừng lại và dòm ngó, dĩ nhiên, đã có đủ thời gian để nhìn thấy một gương mặt rất quan trọng nổi lên trên tấm màn dày màu xám bồ câu, trước khi một bàn tay đàn ông kéo bức màn xuống và người ta không còn thấy gì nữa trừ một ô vuông màu xám bồ câu.

Thế nhưng lời đồn thổi ngay lập tức lan truyền từ giữa phố Bond tới phố Oxford ở đầu này, tới tiệm nước hoa của Atkinson ở đầu kia, lan đi một cách vô hình, vô thanh, như một đám mây mỏng như voan trôi nhanh trên những ngọn đồi, thật sự buông rơi trên những gương mặt mà chỉ một giây trước đó cực kỳ rối loạn sự điềm tĩnh và lặng lẽ bất ngờ của một đám mây. Nhưng giờ đây sự bí ẩn đã quét đôi cánh của mình qua họ; họ đã nghe một giọng nói đầy quyền lực; linh hồn của tôn giáo đang ra ngoài dạo chơi với đôi mắt che kín và đôi môi mở rộng. Nhưng không ai biết người ta đã nhìn thấy gương mặt của ai. Có phải đó là mặt của Hoàng tử xứ Wales, của Hoàng hậu, của Thủ tướng? Đó là gương mặt của ai? Không ai biết.

Edgar J. Watkiss, với cuộn ống chì quấn quanh cánh tay, nói lớn tiếng, với một vẻ hài hước, tất nhiên: “Xơ của Thủ táng.^[12]”

Septimus Warren Smith, kẻ nhận ra mình không thể đi qua, đã nghe thấy lời của anh ta.

Septimus Warren Smith, độ ba mươi tuổi, mặt mày nhợt nhạt, mũi khoằm, mang một đôi giày nâu và mặc một chiếc áo khoác tồi tàn, với đôi mắt màu nâu lục nhạt chứa đựng một nỗi e sợ khiến cho những người hoàn toàn xa lạ cũng trở nên e sợ. Thế giới đã vung ngọn roi của nó lên; nó sẽ hạ xuống chỗ nào?

Mọi thứ trở nên bất động. Tiếng xình xịch của những động cơ xe hơi nghe như thể một mạch máu đang đập dồn dập một cách bất thường qua toàn bộ một cơ thể. Mặt trời trở nên nóng lạ lùng vì chiếc xe hơi đã dừng ở

bên ngoài cửa sổ tiệm Mulberry; những quý bà lớn tuổi trên tầng hai của những chiếc xe buýt hai tầng bung mấy cái ô đen của họ ra; chỗ này một cái ô xanh lục, chỗ nọ một cái ô đỏ mở ra với một tiếng bụp nho nhỏ. Bà Dalloway bước tới cửa sổ nhìn ra với đôi tay ôm đầy những nhánh đậu hoa, gương mặt nhỏ nhắn hồng hào cau lại với vẻ dò hỏi. Mọi người đều nhìn vào chiếc xe hơi. Septimus nhìn. Những cậu bé cưỡi xe đạp nhảy xuống xe. Giao thông ùn tắc. Và chiếc xe hơi nằm chình ình ở đó, với những tấm màn buông kín, và bên trên chúng là một hình vẽ lạ lùng giống như một cái cây, Septimus nghĩ, và cái cây này dần dà thu hút mọi thứ tới một điểm trung tâm trước mắt anh, như thể một điều kinh khủng nào đó đã gần như lên tới bề mặt và sắp sửa bùng lên thành những ngọn lửa, khiến anh hoảng hốt. Thế giới chao động, run rẩy và đe dọa bùng lên thành những ngọn lửa. Mình chính là người chặn đường, anh nghĩ. Không phải mọi người đang nhìn ngó và chỉ vào anh; không phải anh đứng thừ ra đó, chôn chân trên vỉa hè, là vì một mục đích hay sao? Nhưng vì mục đích gì?

“Chúng ta đi tiếp đi, Septimus.” Vợ anh nói. Một phụ nữ nhỏ nhắn, với đôi mắt to trên một gương mặt nhọn vàng búng; một cô gái Ý.

Nhưng bản thân Lucrezia không thể không nhìn vào chiếc xe và hình vẽ cái cây trên những tấm màn. Có phải Hoàng hậu ở trong đó không – có phải bà đang đi mua sắm?

Tay tài xế, lúc này đã mở thứ gì đó, xoay thứ gì đó, đóng thứ gì đó lại, trèo lại vào xe.

“Đi thôi.” Lucrezia nói.

Nhưng chồng cô, vì họ đã lấy nhau được bốn năm năm, nhảy chồm lên, nhìn chòng chọc, và bảo: “Được rồi!” một cách giận dữ, như thể cô đã cắt ngang ý nghĩ của anh.

Hắn mọi người đã chú ý; hắn mọi người đã thấy. Mọi người, cô nghĩ, nhìn đám đông đang chong mắt ngó vào chiếc xe hơi; người Anh, với con cái, lũ ngựa và quần áo của họ, mà cô ngưỡng mộ theo cách nào đó; nhưng giờ họ là “mọi người,” vì Septimus đã nói: “Tôi sẽ tự sát”; nói ra một điều kinh khủng như thế. Giả sử họ đã nghe thấy anh ta? Cô nhìn đám đông. Giúp với, giúp với! Cô muốn kêu lên với những cậu bé và những người phụ

nữ giúp việc cho những ông chủ hàng thịt. Giúp với! Mới mùa thu trước cô và Septimus đã đứng ở bến tàu, quần chung một tấm áo choàng, và Septimus đang đọc một tờ báo thay vì nói chuyện, cô đã giật phắt nó khỏi tay anh và cười chế giễu ông già đang nhìn họ! Nhưng người ta che đậy sự thất bại. Cô phải đưa anh ta vào một công viên nào đó.

“Giờ chúng sẽ băng qua đường.” Cô nói.

Cô ta có một quyền hạn đối với cánh tay của anh, dù anh không hề có chút cảm giác nào. Anh sẽ trao tay cho cô ta, kẻ rất đơn giản, rất bốc đồng, chỉ mới hai mươi bốn tuổi, không có người bạn nào ở Anh, đã rời nước Ý vì anh, một mẫu xương.

Chiếc xe hơi với những tấm màn buông phủ và một vẻ bí hiểm tiếp tục tiến tới phố Piccadilly, vẫn bị dòm ngó sẫm soi, vẫn làm cho những gương mặt ở cả hai bên đường gợn lên cùng một hơi thở sùng kính âm đạm mà không ai biết là dành cho Hoàng hậu, Hoàng tử hay Thủ tướng. Bản thân gương mặt đó chỉ bị ba người nhìn thấy một lần duy nhất trong vài giây. Ngay cả giới tính lúc này cũng đang trong vòng tranh cãi. Nhưng chắc chắn là có nhân vật lớn đang ngồi trong đó; nhân vật lớn đã đi ngang, ẩn nấp, xuôi xuống phố Bond, chỉ di chuyển cách những thường dân chiều rộng của một bàn tay. Có thể đây là lần đầu tiên và lần cuối cùng họ ở trong phạm vi nói chuyện với hoàng tộc nước Anh, với cái biểu tượng lâu dài của quốc gia sẽ được những nhà khảo cổ hiếu kỳ biết tới, khi chọn lọc những tàn tích của thời gian, khi London là một con đường mòn um tùm cỏ và tất cả những kẻ hối hả dọc vỉa hè đó trong buổi sáng Thứ tư này chỉ còn là những khúc xương với vài chiếc nhẫn cưới trộn lẫn trong tro tàn của họ và những lớp vàng trám răng của vô số cái răng sâu. Khi đó gương mặt trong chiếc xe hơi sẽ được biết tới.

Có lẽ đó là Hoàng hậu, bà Dalloway nghĩ, bước ra khỏi tiệm Mulberry với những bó hoa; Hoàng hậu. Và trong giây lát, bà khoác lên một vẻ ngoài cực kỳ phẩm giá khi đứng cạnh tiệm bán hoa dưới ánh mặt trời trong lúc chiếc xe chạy ngang qua với vận tốc đi bộ, những tấm màn buông kín. Hoàng hậu sẽ tới một bệnh viện nào đó; Hoàng hậu đang mở một cửa hàng phúc thiện nào đó, Clarissa nghĩ.

Sự chen lấn xô đẩy thật là kinh khủng đối với giờ này trong ngày. Lords, Ascot, Hurlingham, sân nào nhỉ? Bà tự hỏi, vì con đường đã bị nghẽn. Những tầng lớp trung lưu nước Anh đang ngồi nghiêng người ở tầng trên những chiếc xe buýt hai tầng với những cái gói và những chiếc ô, vâng, thậm chí cả áo lông, trong một ngày như thế này, thật lố bịch, thật khác với bất cứ điều gì người ta có thể hình dung; và bản thân Hoàng hậu đã bị trì hoãn; bản thân Hoàng hậu không thể đi qua. Clarissa bị kẹt lại ở một phía của phố Brook; ngài John Buckhurst, vị thẩm phán già ở phía bên kia, với chiếc xe ở giữa họ (ngài John đã nghỉ hưu nhiều năm nay và ưa thích một phụ nữ ăn mặc đẹp) khi tay tài xế, hơi nghiêng người, nói hay chỉ gì đó cho viên cảnh sát, tay này cúi đầu chào, giơ cánh tay lên và hất đầu, dời chiếc xe buýt hai tầng sang một bên và chiếc xe hơi chạy qua. Chậm rãi và rất yên lặng, nó tiến theo con đường của nó.

Clarissa đã đoán ra; Clarissa đã biết, tất nhiên; bà đã nhìn thấy một cái gì đó màu trắng, kỳ diệu, hình tròn, trong bàn tay của tay người hầu, một cái đĩa khắc một cái tên – của Hoàng hậu, của Hoàng tử xứ Wales, hay của Thủ tướng? – mà, với sức mạnh tự thân của vẻ huy hoàng, đã lóe lên (Clarissa nhìn thấy chiếc xe xa dần, biến mất) để bừng sáng giữa những giá đèn chùm, những vì sao lấp lánh, những bộ ngực căng cứng với những chiếc lá sồi, Hugh Whitbread và tất cả những đồng nghiệp của ông ta, những quý ông của nước Anh, trong đêm đó ở điện Buckingham. Và cả Clarissa cũng tổ chức một bữa tiệc. Bà hơi cứng người một chút; vì thế bà sẽ đứng ở đầu cầu thang.

Chiếc xe hơi đi khỏi, nhưng nó đã để lại một gợn sóng lăn tăn tràn qua những cửa tiệm bán găng tay, tiệm bán mũ và tiệm may ở cả hai bên đường của phố Bond. Trong ba mươi giây, tất cả những cái đầu đều nghiêng về một hướng – tới cái cửa sổ. Chọn một cặp găng tay – chúng nên dài tới bên dưới hay bên trên cùi chỏ, màu vàng chanh hay màu xám nhạt? – các quý bà dừng lại; khi câu nói kết thúc đã có điều gì đó xảy ra. Một điều gì đó rất tầm thường trong những trường hợp đơn lẻ mà không thiết bị toán học nào, dù có khả năng truyền được những chấn động của Trung Quốc, có thể ghi lại sự rung động; thế nhưng trạng thái viên mãn của nó khá dữ dội và sự

tâm thường của nó đòi hỏi cảm xúc; vì trong tất cả những tiệm mũ và tiệm may những người xa lạ nhìn nhau và nghĩ tới những người chết; tới lá quốc kỳ; tới Đế chế. Trong một tiệm rượu ở một phố hậu, một gã thuộc dân đã thóa mạ Hoàng gia Anh dẫn tới lời qua tiếng lại, những ly bia bị vỡ, và một cuộc cãi lộn om xòm, vang dội đến lạ lùng suốt quãng đường trong tai của những thiếu nữ đang mua áo lót trắng đính ruy băng trắng cho đám cưới của họ. Bởi sự bối rối bề mặt của chiếc xe đang chạy ngang qua khi chìm xuống đã lướt qua một điều gì đó rất sâu xa.

Lướt ngang qua phố Piccadilly, chiếc xe hơi quẹo xuống phố St. James. Những người đàn ông cao lớn, những người đàn ông lực lưỡng, những người đàn ông ăn mặc lịch sự với những chiếc áo đuôi tôm, áo sơ-mi trắng và tóc chải vuốt ra sau gáy, những người, vì những lý do khó phân biệt, đang đứng trong cửa sổ hình vòm của câu lạc bộ Brooks's^[13], với đôi bàn tay đặt sau đuôi áo khoác, đang nhìn ra, ý thức một cách bản năng rằng nhân vật lớn vừa mới đi ngang, và ánh sáng nhợt nhạt của sự hiện diện bất tử trùm lên họ như đã trùm lên Clarissa Dalloway. Ngay lập tức, họ đứng thậm chí thẳng hơn, bỏ tay xuống, và dường như sẵn sàng theo chân Quốc chủ của họ, nếu cần, tới hòng khẩu đại bác, như những tiên nhân của họ đã làm trước đó. Những bức tượng bán thân trắng toát và những cái bàn nhỏ ở phía sau, bị che lấp bởi những cuốn tạp chí Tatler và những chai xô-đa, dường như cũng tán thành; dường như biểu thị cho cánh đồng lúa xào xạc và những thái ấp của nước Anh, và đáp lại tiếng bánh xe lăn lao xao như những bức tường của một hành lang thì thầm mở rộng và tạo âm vang cho một giọng nói đơn lẻ bởi sức mạnh của toàn thể một giáo đường. Shawled Moll với những bó hoa của mình trên vệ đường đã chúc cậu bé thân yêu an lành (tất nhiên đó là Hoàng tử xứ Wales) và hẳn sẽ tung số tiền bằng giá của một ca bia – một bó hoa hồng – vào phố St. James vì sự bốc đồng và lòng khinh miệt sự nghèo túng nếu như bà không nhìn thấy ánh mắt của viên cảnh sát đang dán vào mình, làm thui chột lòng trung thành của một bà già Ái Nhĩ Lan. Những tay lính gác ở phố St. James cúi chào; viên cảnh vệ của Hoàng hậu Alexandra tiếp nhận.

Trong lúc đó một đám đông nhỏ đã tập trung ở những cánh cổng của Điện Buckingham. Cả bọn đều là những người nghèo, bơ phờ nhưng tự tin, họ chờ đợi; nhìn vào bản thân cung điện với lá cờ đang tung bay; nhìn vào tượng Nữ hoàng Victoria sừng sững trên cái bục, ngưỡng mộ những thềm nước chảy của bà, những bụi phong lữ của bà; chọn từ những chiếc xe hơi trên đường The Mall, trước tiên chiếc này, rồi tới chiếc kia, tỏ bày cảm xúc một cách vô ích với những thường dân lái xe ra phố; khôi phục lại lòng tôn kính của họ, gìn giữ không để cho nó lụi tàn trong lúc hết chiếc xe hơi này tới chiếc khác chạy qua; và suốt thời gian đó vẫn để cho lời đồn tích tụ lại trong huyết mạch của họ và rung động những dây thần kinh trong đầu họ với ý nghĩ về việc Hoàng gia đang nhìn họ; Hoàng hậu đang chào; Hoàng tử đang chào; với ý nghĩ về cuộc sống thiên đường mà những vị vua đã được ban tặng một cách tuyệt vời; về những viên quan hầu cận và những cái nhún gối sâu; về căn nhà búp bê của Hoàng hậu; về việc Công chúa Mary đã lấy một người Anh, và Hoàng tử – Chà! Hoàng tử! người giống Đức vua già Edward một cách kỳ diệu, họ bảo, nhưng mảnh mai hơn nhiều. Hoàng tử sống ở phố St. James; nhưng chàng có thể tới thăm mẹ chàng vào buổi sáng.

Sarah Bletchley nói thể với đứa bé trên tay chị, nhón lên nhón xuống như thể chị đang đứng cạnh tấm chắn lò sưởi của mình ở Pimlico, nhưng vẫn dõi mắt vào con đường, trong lúc Emily Coates nhìn khắp các những cửa sổ cung điện và nghĩ tới những nàng hầu, vô số nàng hầu, những căn phòng ngủ, vô số căn phòng ngủ. Đám đông tăng lên khi có sự tham gia của một quý ông cao tuổi cùng một con chó săn Aberdien và những người đàn ông thất nghiệp. Anh chàng bé nhỏ Bowley, người có những căn phòng ở khu phố Albany và bị niêm phong bằng sáp những nguồn sống sâu xa hơn nhưng có thể gỡ bỏ niêm phong một cách bất ngờ, không thích đáng, đầy cảm xúc bởi chính sự kiện này – những phụ nữ nghèo đang chờ để trông thấy Hoàng hậu đi qua – những phụ nữ nghèo, những đứa con cô, những người góa phụ, cuộc chiến tranh – chặc chặc – thật sự có những giọt lệ trong mắt anh. Một làn gió nhẹ thật ấm áp lướt dọc con đường The Mall, qua những hàng cây gầy guộc, qua những vị anh hùng bằng đồng, cuốn lên

một lá cờ đang phất phới tung bay trong lồng ngực người Anh của Bowley và anh nhắc mũ khi chiếc xe hơi quẹo vào đường The Mall, giờ cao nó khi chiếc xe tới gần; mặc cho những bà mẹ nghèo ở khu Pimlico áp sát vào mình, và đứng thật thẳng. Chiếc xe hơi chạy tới.

Đột nhiên chị Coates ngẩng lên nhìn bầu trời. Âm thanh của một chiếc phi cơ xoáy vào tai của đám đông như một điềm gỡ. Nó đang bay tới trên những hàng cây, phụt khói trắng ra sau, làn khói cuộn tròn và xoắn lại, thật sự đang viết ra một điều gì đó! Đang tạo nên những mẫu tự giữa bầu trời! Mọi người ngẩng lên nhìn.

Chiếc phi cơ bổ nhào thẳng xuống, gầm lên, lượn một vòng, chìm xuống, ngóc lên, và bất kể nó làm gì, bất kể nó bay tới đâu, dập dờn phía sau nó một luồng khói trắng dày đặc uốn cong và kết lại thành những mẫu tự giữa bầu trời. Nhưng chữ gì? Phải là A C không? Một chữ E, rồi một chữ L? Chúng chỉ nằm yên chốc lát, rồi di chuyển và tan ra và bị xóa đi khỏi bầu trời, và chiếc máy bay vọt ra xa rồi quay lại, trong một không gian bầu trời mới, bắt đầu viết một chữ K, một chữ A, và có lẽ một chữ Y?

“Glaxo,” chị Coates nói với một giọng căng thẳng, sợ sệt, ngẩng lên nhìn, và em bé con chị, nằm cứng đờ và trắng béc trên tay chị, cũng ngẩng lên nhìn.

“Kreemo,” chị Bletchley thì thào, như một kẻ mộng du. Với cái mũ giơ ra, bất động một cách hoàn hảo trong bàn tay, anh Bowley nhìn thẳng lên. Dọc suốt con đường The Mall mọi người đang đứng và nhìn lên bầu trời. Trong lúc họ nhìn, toàn thế giới bắt đầu im lặng một cách hoàn hảo, và một đàn hải âu băng ngang qua bầu trời, đầu tiên là một con dẫn đường, rồi tới con khác, và trong sự im lặng và thanh bình khác thường này, trong vẻ xanh xao này, trong sự thuần khiết này, những cái chuông ngân lên mười một tiếng, âm thanh bốc cao tan loãng giữa đàn chim hải âu.

Chiếc phi cơ quay lại, lao nhanh và sà xuống đúng nơi nó muốn, một cách nhanh nhẹn, tự do, một người trượt băng...

“Đó là một chữ E,” chị Bletchley, hay một vũ công, nói.

“Đó là chữ toffee,” anh Bowley lẩm bẩm – (chiếc xe hơi tiến vào cổng, và không ai nhìn nó), và luồng khói bị cô lập, ngày càng cuốn ra xa, tan dần

và hòa vào những dải mây trắng thênh thang.

Nó đã biến mất; nó đã nằm phía sau những đám mây. Không còn âm thanh. Những đám mây mà các mẫu tự E, G hay L đã gắn vào di chuyển một cách tự do, như thể đã dự định băng từ Tây sang Đông trong một sứ mệnh tối quan trọng không bao giờ tiết lộ ra, thế nhưng chắc chắn đúng là thế – một sứ mệnh tối quan trọng. Thế rồi đột nhiên, như một con tàu lao ra khỏi một đường hầm, chiếc phi cơ lại vọt ra khỏi những đám mây, âm thanh xoáy vào tai của tất cả mọi người trên đường The Mall, trong công viên Green, trong phố Piccadilly, phố Regent's, công viên Regent's, một cột khói cuộn lên phía sau nó và nó sà xuống, rồi bay vút lên, viết hết mẫu tự này sang mẫu tự khác – nhưng nó đang viết chữ gì?

Lucrezia Warren Smith, đang ngồi cạnh chõng mình trên một cái ghế trên đường Broad Walk trong công viên Regent's, nhìn lên.

“Nhìn kìa, nhìn kìa, anh Septimus!” Cô kêu lên. Vì bác sĩ Holmes đã bảo cô phải làm cho chõng cô (kẻ không bị bất kỳ bệnh gì nghiêm trọng mà chỉ hơi khó ở) chú ý tới mọi sự vật bên ngoài.

Vậy là, Septimus nghĩ, nhìn lên, chúng đang ra hiệu cho mình. Thật ra không phải là những từ thật sự; nghĩa là, anh chưa thể đọc được thứ ngôn ngữ này; nhưng nó khá đơn giản, cái vẽ đẹp này, cái vẽ đẹp tinh tế này, và mắt anh rưng lệ khi anh nhìn những từ làm bằng khói đang tan chảy dần giữa bầu trời và ban tặng cho anh với lòng từ thiện vô cùng tận và tinh chất của tiếng cười hết hình dáng này tới hình dáng khác của vẻ đẹp phi thường và đang ra hiệu về dự định của chúng nhằm cung cấp cho anh vẻ đẹp, thêm nhiều vẻ đẹp, mà không đòi hỏi gì đáp lại, mãi mãi, đơn thuần chỉ để nhìn! Những giọt lệ lăn xuống đôi gò má của anh.

Nó là toffee [kẹo bơ cứng]; họ đang quảng cáo kẹo bơ cứng, một người vú em nói với Rezia. Họ bắt đầu cùng nhau đánh vần t... o... f...

“K.... R....” người bảo mẫu nói, và Septimus nghe chị ta nói “Kay, Arrr” sát bên tai anh, sâu thẳm, dịu dàng, như một tiếng đàn organ êm dịu, nhưng với một chút thô kệch trong giọng của chị ta như tiếng kêu của một con châu chấu, nó nạo vào xương sống của anh một cách tuyệt vời và chuyển lên bộ não của anh những làn sóng âm thanh chấn động, vỡ tung.

Thật là một phát hiện diệu kỳ – rằng giọng của con người trong những điều kiện khí quyển nhất định (vì người ta phải có đầu óc khoa học, trên hết tất cả là đầu óc khoa học) có thể làm cho cây cối mọc nhanh hơn! Rezia hạnh phúc đặt bàn tay cô với một sức nặng to lớn lên đầu gối của anh để anh trở nên nặng nề, chết sững, không thì sự phấn khích của những cây du đang dâng lên và hạ xuống – dâng lên hạ xuống với toàn bộ những chiếc lá cháy bùng lên và màu sắc mỏng đi, dày lên từ màu xanh dương sang màu xanh lục của một lượn sóng trũng sâu, giống như những chiếc lông chim gắn trên đầu lũ ngựa, những chiếc lông vũ trên đầu của các quý bà, chúng dâng lên hạ xuống một cách rất đổi kiêu hãnh, rất đổi mỹ lệ – sẽ khiến anh nổi điên lên. Nhưng anh sẽ không nổi điên. Anh sẽ nhắm mắt lại; anh sẽ không nhìn thấy gì nữa.

Nhưng chúng đã ra hiệu; những chiếc lá sống động; những cây du sống động, và những chiếc lá được nối với cơ thể của anh, trên cái ghế ở đó, bởi hàng triệu thứ sợi, thôi nó bay lên hạ xuống; khi những nhánh cây vươn ra, cả anh cũng tạo nên ấn tượng đó. Những con chim sẻ vỗ cánh, cất mình lên và rơi vào những vòi phun nước lờm chờm là một phần của mô hình; trắng và xanh, bị chặn lại với những nhánh cây đen. Những âm thanh hòa điệu với hành động có chủ tâm; những khoảng không gian giữa chúng cũng quan trọng như những âm thanh. Một đứa bé khóc. Từ xa vọng lại một tiếng còi. Kết hợp lại tất cả có nghĩa là sự chào đời của một tôn giáo mới...

“Septimus!” Rezia nói. Anh giật nảy cả người lên. Hẳn là mọi người phải nhìn thấy.

“Em sẽ đi tới chỗ đài phun nước và quay lại,” cô nói.

Vì cô không chịu đựng được nữa. Bác sĩ Holmes có thể nói không có chuyện gì quan trọng. Cô muốn thà là anh chết cho rồi! Cô không thể ngồi cạnh anh khi anh nhìn chòng chọc như thế mà không thấy cô và khiến cho mọi thứ trở nên kinh khủng; bầu trời và cây cối, trẻ em đang nô đùa, những cỗ xe ngựa đang chậm chạp lăn bánh, những cái còi đang thổi, đang rơi xuống; tất cả đều kinh khủng. Và anh sẽ không tự sát; và cô không thể nói với một ai. “Septimus đã làm việc quá vất vả” – đó là tất cả những gì cô có thể nói với mẹ cô. Tình yêu khiến cho người ta cô độc, cô nghĩ. Hiện giờ cô

không thể nói với một ai, ngay cả với Septimus, và quay nhìn lại, cô thấy anh đang ngồi một mình trong chiếc áo khoác tồi tàn, trên cái ghế, lưng khòm xuống, nhìn chòng chọc. Và một người đàn ông thật hèn hạ khi nói anh ta sẽ tự sát, nhưng Septimus đã chiến đấu, anh dũng cảm; anh không phải là Septimus hiện giờ. Cô thắt dây cổ áo lại. Cô đội cái mũ mới lên và anh không bao giờ chú ý tới; và anh hạnh phúc mà không cần tới cô. Không gì có thể làm cho cô hạnh phúc nếu không có anh! Không gì cả! Anh ích kỷ. Những người đàn ông đều như vậy. Vì anh không bị ốm. Bác sĩ Holmes đã bảo anh chẳng có vấn đề gì cả. Cô duỗi bàn tay ra trước mặt. Coi kìa! Chiếc nhẫn cưới của cô bị tuột – cô đã trở nên gầy quá. Chính cô là người gánh chịu khổ đau – nhưng cô không có ai để nói.

Xa rời nước Ý và những con ngựa trắng và căn phòng nơi các chị em cô ngồi làm những cái mũ, và những đường phố đông nghẹt mỗi chiều tối, với mọi người đi lại, cười lớn tiếng, không sống kiểu nửa vời như những người ở đây, co người lại trong những cái xe lăn, nhìn vài bông hoa xấu xí nhú lên từ một cái chậu!

“Vì anh nên nhìn thấy những khu vườn ở Milan.” Cô nói to. Nhưng với ai?

Không ai cả. Những từ của cô tan biến mất. Một quả tên lửa cũng tan đi như thế. Những tia lửa, sau khi bắn xẹt vào bóng đêm, đầu hàng nó, bóng tối buông xuống, tuôn trút lên những đường viền của những ngôi nhà và tháp; những sườn đồi trống trải mềm đi và chìm xuống. Nhưng dù chúng đã biến mất, đêm chứa đầy chúng; màu sắc bị tước đoạt, khoảng trống của những ô cửa sổ, chúng tồn tại một cách trầm trọng hơn, phát ra thứ mà ánh ngày minh bạch không truyền dẫn được – sự bất an và hồi hộp của vạn vật kết lại thành khối ở đó, trong bóng tối; co cụm lại trong bóng tối; tước đi sự khác biệt về độ cao thấp mà ánh bình minh tới khi, quét lên những bức tường màu trắng và xám, làm ố đi từng tấm kính cửa sổ, nâng làn sương khỏi những cánh đồng, phô bày ra những con bò nâu đỏ đang bình an gặm cỏ, tất cả một lần nữa được trang hoàng trước mắt; một lần nữa tồn tại. Tôi cô đơn; tôi cô đơn! Cô kêu lên, bên cạnh đài phun nước trong công viên Regent's (nhìn chăm chăm vào người Ấn Độ và cây thập giá của ông ta), như

có lẽ vào lúc nửa đêm, khi mọi biên giới mất đi, đất nước có lại hình dáng cổ xưa của nó, như người La Mã đã nhìn thấy nó, đang nằm buồn bã, khi họ đặt chân lên đất liền, những ngọn đồi không tên và những dòng sông mà họ không biết chảy quanh co về đâu – đó là bóng tối của cô; khi đột nhiên, như thể một viên đạn pháo được bắn đi và cô đứng bên trên nó, cô nói cô là vợ của anh thế nào, đã cưới nhau ở Milan nhiều năm trước, vợ của anh, và sẽ không bao giờ, không bao giờ nói rằng anh điên! Quay đi, viên đạn pháo rơi; cô rơi, rơi xuống. Vì anh đã ra đi, cô nghĩ – đã ra đi, như anh đe dọa, để tự giết mình – để tự quăng mình vào dưới một cỗ xe! Nhưng không, anh ở đó, vẫn ngồi một mình trên ghế, trong chiếc áo khoác tồi tàn, đôi chân gập lại, ánh mắt đăm đăm, đang nói to tiếng.

Những người đàn ông không được đốn hạ cây cối. Có một Thượng đế. (Anh đã ghi những phát hiện như thế vào mặt sau của những phong bì). Thay đổi thế giới. Không ai giết chóc do lòng căm ghét. Phải làm cho mọi người biết điều này (anh đã viết nó ra). Anh chờ. Anh lắng nghe. Một con chim sẻ đậu trên một cái rào đối diện chiêm chiêm kêu lên, Septimus, Septimus, bốn hoặc năm lần, và tiếp tục kéo dài những nốt nhạc của nó, hót lanh lảnh một điệu mới những từ Hy Lạp về việc không có tội ác, và với sự tham gia của một con sẻ khác, chúng hót bằng những giọng kéo dài và chói tai những từ Hy Lạp, từ những hàng cây trong cánh đồng của sự sống ở mé ngoài một dòng sông nơi những người chết bước đi, về việc không có cái chết.

Đó là bàn tay của anh; đó là những người chết. Những vật trắng toát tụ họp lại sau cái hàng rào đối diện. Nhưng anh không dám nhìn. Evans đang ở sau cái hàng rào!

“Anh đang nói gì vậy?” Đột nhiên Rezia hỏi, ngồi xuống cạnh anh.

Lại phá ngang! Cô luôn luôn phá ngang.

Cách xa khỏi mọi người – họ phải cách xa khỏi mọi người, anh nói (nhảy nhồm lên), đi ngay tới đằng kia, nơi có những cái ghế bên dưới một cái cây và con dốc dài của công viên từng xuống như một khúc vải xanh lục với một tấm vải trần bằng khói màu xanh trời và hồng trên cao, và có một cái lũy gồm những ngôi nhà xa gần lơ lửng mờ mờ trong làn khói, xe cộ

lao xao trong một vòng tròn, và bên mé tay phải, những con vật màu nâu xám vươn những cái cổ dài bên trên hàng rào Vườn thú, đang rống, đang tru lên. Ở đó, họ ngồi xuống bên dưới một tàng cây.

“Nhìn kìa.” Cô nài nỉ anh, chỉ vào một đám con trai đang xách những cái cột gôn crickê, một đứa kéo lê bước chân, xoay tròn quanh gót chân rồi lại lê bước, như thể nó đang diễn vai một anh hề trong nhà hát.

“Nhìn kìa.” Cô nài nỉ anh, vì bác sĩ Holmes đã bảo cô phải làm cho anh chú ý tới những sự vật có thật, đi tới một nhà hát ca múa nhạc, chơi crickê – đó là một môn chơi rất tuyệt, bác sĩ Holmes nói, một trò chơi ngoài trời thú vị, đúng thứ trò chơi dành cho chồng cô.

“Nhìn kìa.” Cô lặp lại.

Nhìn kẻ vô hình đang ra lệnh cho anh, lúc này giọng nói đó trao đổi với anh, Septimus, kẻ vĩ đại nhất trong nhân loại, mới bị đưa từ sự sống sang cái chết, Vị Chúa tể, kẻ đã tới để làm mới lại xã hội, kẻ nằm như một tấm khăn trải giường, một tấm chăn bằng tuyết chỉ bị tác động bởi mặt trời, mãi mãi không hoang phí, mãi mãi khổ đau, kẻ giơ đầu chịu báng, kẻ gánh chịu khổ đau vĩnh viễn, nhưng anh không muốn nó, anh rên lên, gạt nó ra khỏi anh với một cái vẩy tay, sự gánh chịu khổ đau vĩnh viễn đó, sự cô độc vĩnh viễn đó.

“Nhìn kìa.” Cô lặp lại, vì anh không nên nói lớn tiếng với chính mình ở bên ngoài.

“Ồ, nhìn đi.” Cô nài nỉ anh. Nhưng có gì ở đó để nhìn? Vài con cừu. Tất cả chỉ có thế.

Đường tới trạm xe điện ngầm của công viên Regent’s – họ có thể nói cho cô biết đường tới trạm xe điện ngầm của công viên Regent’s không – Maisie Johnson muốn biết. Cô chỉ mới lên đây từ Edinburgh hai ngày trước.

“Không phải đường này – ở đằng kia!” Rezia kêu lên, xua tay gạt cô ta sang một bên, để cô ta không nhìn thấy Septimus.

Đường như cả hai đều kỳ quặc, Maisie Johnson nghĩ. Đường như mọi thứ đều rất kỳ quặc. Tới London lần đầu tiên để nhận một chức vụ ở công ty của bác cô trên đường Leadenhall, và hiện đang đi bộ qua công viên

Regent's vào buổi sáng, cặp vợ chồng ngồi trên ghế này khiến cô hoàn toàn bị sốc; người thiếu phụ hình như là người nước ngoài, người đàn ông trông thật kỳ lạ, đến nỗi nếu cô có rất già cô vẫn nhớ lại và để cho nó reo lên âm ỉ trong những hồi ức của mình về việc cô đã đi bộ qua công viên Regent's vào một sáng đẹp trời mùa hạ hồi năm mươi năm trước. Bởi lẽ cô chỉ mới mười chín và cuối cùng đã tìm ra con đường tiến thân của mình, tới London. Và thật kỳ quặc làm sao, đôi vợ chồng mà cô đã hỏi đường này, người phụ nữ giật mình và khua tay, còn người đàn ông dường như khác thường một cách đáng sợ; đang cãi nhau, có lẽ; chia tay mãi mãi, có lẽ; một điều gì đó sắp xảy ra, cô biết; và hiện giờ tất cả những người này (vì cô đã quay trở lại đường Broad Walk), những cái chậu đá, những bụi hoa nghiêm nghị, những ông già bà già, hầu hết đều là những người bệnh tật ngồi trên những chiếc xe lăn – sau Edinburgh, tất cả dường như đều kỳ quặc. Và Maisie Johnson, khi tham gia vào nhóm bạn đồng hành đang khẽ khàng di chuyển, nhìn ngó mông lung, hôn gió nhau đó – lũ sóc đang đứng làm dáng, lũ chim sẻ bay quanh đài phun nước tìm vụn bánh, lũ chó bện rộn với những cái hàng rào, bện rộn với nhau, trong lúc làn không khí mềm mại ấm áp bao trùm lên chúng và thêm vào cái nhìn chăm chặp không chút ngạc nhiên mà với nó chúng đón nhận từ cuộc sống một thứ gì đó bất thường và có tính xoa dịu – cảm thấy một cách chắc chắn cô phải kêu lênỒ! (vì người đàn ông trẻ trên cái ghế đã khiến cô hoàn toàn chuyển sang một chiều hướng khác. Có gì đó sắp xảy ra, cô biết.)

Khủng khiếp! Khủng khiếp! Cô muốn kêu lên. (Cô đã rời khỏi nhóm bạn đồng hành của mình; họ đã cảnh báo cho cô biết chuyện gì sẽ xảy ra.)

Vì sao cô không ở nhà cho rồi, cô kêu lên, vịn cái nắm đấm của hàng rào chắn song sắt.

Cô gái đó, bà Dempster nghĩ (người đã để dành vỏ bánh mì cho lũ sóc và thường ăn trưa trong công viên Regent's) chưa biết một điều nào hết; và có vẻ như tốt hơn cô ta nên tỏ ra cứng rắn một chút, chậm chạp một chút, khiêm tốn một chút trong những kỳ vọng của người ta. Percy đã say. Chà, tốt hơn nên có một đứa con trai, bà Dempster nghĩ. Bà đã trải qua một thời điểm khổ sở về chuyện đó, và không thể kèm được một nụ cười trước một

thiếu nữ như thế. Cô ta sẽ lấy chồng, vì cô ta khá xinh xắn, bà Dempster nghĩ. Lấy chồng, bà nghĩ, và rồi cô ta sẽ biết.Ồ, nấu nướng các thứ, vân vân. Mỗi người đàn ông đều có cách thức của mình. Nhưng mình có chọn lựa hoàn toàn giống như thế không nếu mình có thể biết trước, bà Dempster nghĩ, và không thể kèm một lời chúc thì thầm cho Maisie Johnson; để cảm thấy trên cái mọng mắt nhăn nheo của gương mặt già nua héo hắt của mình nụ hôn của lòng thương hại. Vì đó là một cuộc sống khó khăn, bà Dempster nghĩ. Bà đã cho nó được gì? Những đóa hoa hồng; thân hình; đôi bàn chân của bà nữa. (Bà kéo những cục u bên dưới lớp váy.)

Những bông hồng, bà nghĩ một cách mỉa mai. Toàn thứ rác rưởi, bạn thân mến của tôi. Vì thật sự, việc ăn, uống, hẹn hò, những ngày tốt đẹp và tệ hại, cuộc đời, không hề dính dáng chút gì tới những bông hồng, và hơn thế nữa, để tôi nói cho bạn biết, Carrie Dempster không muốn đổi số phận của mình với bất kỳ người phụ nữ nào ở thị trấn Kentish! Nhưng bà cầu khẩn lòng thương hại. Lòng thương hại cho sự mất mát của những bông hồng. Lòng thương hại bà yêu cầu ở Maisie Johnson, đang đứng cạnh những luống dạ lan hương.

Chà, nhưng chiếc phi cơ đó! Không phải bà Dempster luôn ao ước được nhìn thấy những vùng ở nước ngoài sao? Bà có một đứa cháu trai, một người truyền giáo. Nó bay vút lên và lao đi.^[14] Bà luôn tới vùng biển Margate, không xa khỏi tầm nhìn từ đất liền, nhưng bà không có đủ kiên nhẫn với những người phụ nữ sợ nước. Nó lướt tới và hạ xuống. Bụng dạ bà trào lên miệng. Lại bay vút lên. Có một anh chàng trẻ tuổi đẹp trai ở trên đó, bà Dempster dám đánh cược, và nó cứ bay ngày càng xa; nhanh và nhòa dần, chiếc phi cơ lao đi; bay vút lên bên trên Greenwich và tất cả những cột ăng-ten; bên trên hòn đảo nhỏ của những ngôi nhà thờ xám, St. Paul's và những nhà thờ còn lại, cho tới khi, ở mé bên kia London, những cánh đồng trải ra và những khu rừng nâu sẫm, nơi những con chim hét thích mạo hiểm nhảy loi choi, đưa mắt liếc nhanh, tóm lấy con ốc sên và moi nó ra khỏi vỏ trên một tảng đá, một lần, hai lần, ba lần.

Chiếc phi cơ phóng vọt đi, cho tới khi nó chỉ còn là một tia sáng rực rỡ; một khát vọng; một sự tập trung; một biểu tượng của linh hồn một gã đàn ông (với Bentley, dường như nó là thế, anh đang hăng hái cắt cỏ trên bãi cỏ của mình ở Greenwich); của quyết tâm thoát ra khỏi cơ thể của anh, ra khỏi ngôi nhà, Bentley nghĩ, đi vòng quanh cây tuyết tùng, bằng phương tiện của tư duy, Einstein, óc phán đoán, toán học, học thuyết Mendel. Chiếc phi cơ phóng vọt đi.

Thế rồi, trong lúc một người đàn ông trông có vẻ tiêu tụy khó tả xách một cái túi da đứng trên bậc thềm của giáo đường St. Paul, và do dự, vì trong đó là niềm an ủi nào, ông nghĩ, sự chào đón tuyệt vời ra sao, có bao nhiêu ngôi mộ với những ngọn cờ vung vẩy bên trên, những vật kỷ niệm chiến thắng không phải đối với quân thù, mà đối với, ông nghĩ, cái tinh thần tìm kiếm sự thật ghê gớm đó, lúc này đang rời khỏi mình không nguyên cốt, và hơn thế nữa, thánh đường cung cấp bằng hữu, ông nghĩ, mời ông trở thành hội viên của một đoàn thể; những người đàn ông vĩ đại tham gia nó; những kẻ tử vì đạo đã chết vì nó; vì sao không bước vào, ông nghĩ, đặt cái túi da chứa đầy những cuốn sách mỏng này trước một bàn thờ, một thánh giá, biểu tượng của một thứ gì đó đã bay vút ra khỏi sự tìm kiếm, truy lùng và tấn công vào những ngôn từ và tất cả đã trở thành tinh thần, lìa khỏi xác, phát phưởng như một hồn ma – vì sao không bước vào? Ông nghĩ, và trong lúc ông do dự, chiếc phi cơ bay vọt qua bên trên ngã tư Ludgate Circus.

Thật lạ lùng; thật tĩnh lặng. Người ta không nghe thấy một âm thanh nào bên trên tiếng xe cộ giao thông. Dường như nó không có người dẫn dắt; bay nhanh theo ý chí tự do của chính nó. Và lúc này, lượn vòng lên mãi, hướng thẳng lên, như một thứ gì đó bốc lên cao trong trạng thái mê ly, trong niềm vui thuần khiết, làn khói trắng vọt ra từ phía sau kết thành hình thông lọng, đang viết một chữ T, một chữ O và một chữ F.

II

“Họ đang nhìn gì thế?” Clarissa Dalloway hỏi người hầu vừa mở cửa.

Đại sảnh của ngôi nhà mát rượi như một mái vòm. Bà Dalloway đưa tay lên che mắt, trong lúc cô hầu gái đóng cửa lại, và bà nghe thấy chiếc váy của Lucy kêu sột soạt, bà cảm thấy giống như một nữ tu đã lìa bỏ thế giới và cảm thấy bao phủ quanh bà là những lớp vải voan quen thuộc và lời phụ xướng cho những câu kinh cầu nguyện cũ. Người đầu bếp đang huýt sáo trong bếp. Bà nghe tiếng lách cách của cái máy đánh chữ. Đó là cuộc sống của bà, và, nghiêng đầu xuống cái bàn trong sảnh, bà cúi chào bên dưới sự tác động, cảm thấy hạnh phúc và thanh khiết, tự nhủ với mình, trong lúc cầm lấy tập giấy ghi chú với thông điệp điện thoại bên trên, những khoảnh khắc như vầy thật giống biết bao những chồi non trên cây sự sống, giống biết bao những bông hoa của bóng tối, bà nghĩ (như thể một đóa hồng xinh tươi nào đó đã nở chỉ riêng cho đôi mắt của bà); không một khoảnh khắc nào bà tin vào Thượng đế; nhưng càng có nhiều lý do hơn, bà nghĩ, cầm tập giấy lên, để người ta phải đền đáp trong cuộc sống thường nhật cho những người giúp việc, cho những con chó và những con chim yến, trên hết là cho Richard chồng bà, người là nền tảng của nó – của những âm thanh vui vẻ, của những ánh sáng xanh, thậm chí tiếng huýt sáo của bà đầu bếp, vì bà Walker là người Ái Nhĩ Lan và cứ huýt sáo suốt ngày – người ta phải đền đáp lại lớp trầm tích bí ẩn này của những khoảnh khắc tinh tế, bà nghĩ, giơ tập giấy lên, trong lúc Lucy đứng cạnh bà, cố giải thích lý do.

“Ông Dalloway, thưa bà.”

Clarissa đọc tập giấy ghi chú điện thoại: “Phu nhân Bruton muốn biết hôm nay ông Dalloway có thể tới dự bữa ăn trưa với bà ấy không.”

“Thưa bà, ông Dalloway bảo tôi nói với bà rằng ông ấy sẽ ăn trưa ở ngoài.”

“Ôi Trời!” Clarissa nói, và Lucy chia sẻ vì cô ta hiểu sự thất vọng của bà (nhưng không chia sẻ nỗi đau); cảm thấy sự tương hợp giữa họ; nắm bắt được hàm ý; suy nghĩ về cách thức yêu của tầng lớp xã hội cao; tô điểm tương lai của chính mình với sự bình thản; và, cầm lấy cái ô của bà Dalloway, xem nó như một thứ vũ khí thiêng liêng mà một nữ thần buông xuống sau khi làm xong bốn phận một cách vinh quang trên bãi chiến trường, và đặt nó vào cái giá ô.

“Đừng sợ nữa.” Clarissa nói. Đừng sợ nữa sức nóng của vàng thái dương; vì cú sốc của việc phu nhân Bruton mời Richard dùng cơm trưa mà không có bà khiến cho khoảnh khắc bà đứng rung chuyển, như một nhánh rêu dưới đáy sông cảm thấy sự chuyển động của một mái chèo lướt qua và run rẩy; bà cũng chấn động như thế, bà cũng run rẩy như thế.

Millicent Bruton, người mà những bữa tiệc trưa của bà ta được cho là cực kỳ vui thú, đã không mời bà. Không lòng ghen tuông thô tục nào có thể tách rời bà khỏi Richard. Nhưng bà sợ bản thân thời gian, và đọc thấy trên gương mặt của phu nhân Bruton, như thể nó là một cái đồng hồ mặt trời khắc trên tảng đá dừng đứng, sự hao mòn của cuộc sống; phần chia của bà đã bị cắt mỏng ra sao từ năm này sang năm khác; số dư còn lại ít oi biết bao để có thể kéo dài thêm, để thấm thấu, như trong những năm trẻ trung, những sắc màu, những điều ý nhị, những cung bậc của sự tồn tại, để bà phủ đầy căn phòng bà bước vào, và thường xuyên cảm thấy, khi bà đứng đó trong giây lát trên bậc cửa phòng khách, một trạng thái hồi hộp tinh tế, giống như cảm giác hồi hộp níu giữ một người thợ lặn trước khi lao mình xuống trong lúc biển cả hết tối sầm lại sáng rực bên dưới anh ta, và những lượn sóng đe dọa vỡ tung, nhưng chỉ nhẹ nhàng tách bề mặt của chúng ra, cuộn lên và che giấu và kết tụ lại trong lúc chúng lật ngửa những nhánh rong biển với những con trai.

Bà đặt tập giấy ghi chú lên cái bàn trong sảnh. Bà bắt đầu chậm rãi đi lên gác, với bàn tay đặt trên thành cầu thang, như thể bà vừa rời khỏi một bữa tiệc, nơi khi thì người bạn này, khi thì người bạn khác đã quay phắt khỏi gương mặt của bà, giọng nói của bà; đã đóng cửa lại, đi ra và đứng một mình, một hình dáng đơn cô nổi lên trên màn đêm đáng sợ, hay nói

chính xác hơn, nổi lên trên ánh nhìn đăm đăm của buổi sáng tháng Sáu thật sự này; mềm mại với sắc đỏ của những cánh hoa hồng, bà biết, và cảm thấy nó, khi bà dừng lại cạnh cửa sổ cầu thang mở rộng để cho tiếng phần phật của những tấm màn, tiếng chó sủa ùa vào, bà nghĩ, cảm thấy bản thân đột nhiên run rẩy, già nua, không còn hơi thở, để cho tiếng ken két, tiếng gió thổi, tiếng hoa nở của ngày thoát ra khỏi những cánh cửa ra vào, cửa sổ, thoát ra từ thân thể và bộ óc của bà mà lúc này trở nên bất lực, vì phu nhân Bruton, người mà những bữa ăn trưa của bà ta được cho là cực kỳ thú vị, đã không mời bà.

Giống như một nữ tu đang rút lui, hoặc một đứa trẻ đang thám hiểm một tòa tháp, bà đi lên gác, dừng lại ở cửa sổ, đi tới phòng tắm. Có một tấm vải lót sàn màu xanh và một cái vòi rỉ nước. Có một sự trống vắng quanh trung tâm cuộc sống; một căn phòng áp mái. Những người phụ nữ phải tháo bộ trang sức giàu có của họ ra. Vào giữa trưa họ phải cởi áo dài ra. Bà chọc tay vào cái gối cắm kim và đặt cái mũ vàng gắn lông chim lên giường. Những tấm vải giường còn sạch, căng trải thành một mảng rộng trắng toát từ mé này sang mé kia. Cái giường của bà như ngày càng hẹp lại. Cây nến đã cháy hết phân nửa và bà đã đọc say sưa cuốn Hồi ký của Nam tước Marbot. Đêm qua bà đã đọc tới khuya về cuộc rút lui khỏi Moscow. Bởi Hạ viện đã họp lâu đến nỗi Richard cứ khăng khăng, sau cơn bệnh của bà, rằng bà phải ngủ cho yên giấc. Và thật sự bà thích đọc về cuộc rút lui khỏi Moscow. Ông ấy biết điều đó. Thế nên căn phòng nằm ở tầng áp mái; cái giường hẹp; và khi nằm đó đọc, vì bà khó ngủ, bà không thể xua đuổi một trạng thái trình bạch đã bảo lưu suốt kỳ sinh sản cứ bám sát vào bà như một tấm chăn. Một khoảnh khắc của thời con gái đáng yêu đột nhiên xuất hiện – chẳng hạn trên con sông bên dưới cánh rừng ở Clieveden – khi mà, qua một cơn co thắt của nào đó của linh hồn lạnh lẽo này, bà đã lơ là với ông. Và rời ở Constantinople, và cứ lặp đi lặp lại. Bà có thể nhìn thấy cái bà thiếu hụt. Nó không phải là vẻ đẹp; nó không phải là trí tuệ. Nó là một thứ gì đó tỏa lan ra từ giữa; một thứ gì đó ấm áp, phá vỡ những bề mặt và làm gợn sóng những cuộc tiếp xúc lạnh nhạt giữa đàn ông và đàn bà, hay giữa những phụ nữ với nhau. Bà có thể lơ mờ nhận thức được điều đó. Bà bức tức với sự

thận trọng mà chỉ có trời mới biết đã mọc ra từ đâu, hoặc, như bà cảm thấy, đã được Tự nhiên gửi tới (kẻ luôn luôn khôn ngoan); thế nhưng đôi khi bà không thể cưỡng lại việc đầu hàng trước sự quyến rũ của một người đàn bà, không phải một cô gái, một người đàn bà đang tự thú một sự đại dột, một ý nghĩ điên rồ nào đó, vì họ thường làm điều đó với bà. Và dù đó là lòng thương hại hay là do vẻ đẹp của họ, hay vì bà lớn tuổi hơn, hay một sự ngẫu nhiên nào đó – như một mùi hương mơ hồ, hay một tiếng đàn vĩ cầm ở nhà bên (sức mạnh của những âm thanh thật lạ lùng trong những khoảnh khắc nhất định), khi đó, không ngờ gì nữa, bà cảm thấy điều mà những người đàn ông cảm thấy. Chỉ trong một khoảnh khắc; nhưng thế cũng đủ rồi. Đó là một phát hiện bất ngờ, một nét thoáng qua giống như một thoáng đỏ bừng trên mặt mà người ta cố kìm lại, và rồi, khi nó lan ra, người ta đầu hàng sự mở rộng của nó, và vội vã chạy tới một chỗ xa nhất, và ở đó run rẩy, cảm thấy thế giới đang tiến tới gần hơn, phình lên với một ý nghĩa lạ lùng nào đó, một sức ép nào đó của trạng thái mê ly, đang tách lớp vỏ mỏng của nó ra, phun trào và tuôn trút với một sự nhẹ nhõm lạ thường bên trên những vết nứt và những nỗi đau! Thế rồi, trong khoảnh khắc đó, bà nhìn thấy một làn ánh sáng; một que diêm bùng cháy trong màu vàng nghệ; một ý nghĩa nội tại hầu như hiển lộ ra. Nhưng sự tới gần lùi lại, trạng thái căng cứng mềm đi. Nó đã trôi qua – cái khoảnh khắc ấy. Tương phản với những khoảnh khắc như thế (cả với những người đàn bà) là cái giường (khi bà nằm xuống) và Nam tước Marbot, và cây nến đã cháy nửa phần. Năm tỉnh thức, sàn nhà kêu cọt két; ngôi nhà sáng đèn đột nhiên tối lại, và nếu góc đầu lên bà có thể nghe thấy tiếng lách cách của quả đấm cửa được thả ra hết sức khê khàng bởi Richard, kẻ đang rón rén đi lên gác trong đôi tất ngắn và rồi, thường thường, đánh rơi chai nước nóng của ông và cất tiếng chửi thề. Bà cười mới thỏa thích làm sao!

Nhưng câu hỏi này về tình yêu (bà nghĩ, cởi chiếc áo khoác ra), việc phải lòng những người đàn bà này. Cứ xét tới Sally Seton; mối quan hệ của bà với Sally Seton thuở xa xưa đó. Nói cho cùng, đó có phải là tình yêu không?

Cô ta ngồi trên sàn nhà – đó là ấn tượng đầu tiên của bà về Sally – cô ta ngồi trên sàn nhà, tay vòng quanh gối, đang hút một điếu thuốc. Nó có thể ở đâu nhỉ? Nhà của Mannings? Nhà của Kinloch-Jones? Trong một bữa tiệc nào đó (bà không thể chắc chắn ở đâu), vì bà có một ký ức rõ ràng về việc đã nói với người đàn ông đi cùng bà, “Đó là ai vậy?” Và ông ta đã nói cho bà biết, và bảo rằng cha mẹ của Sally không hòa thuận (việc đó đã khiến bà bị sốc quá chừng – rằng cha mẹ của một người cãi cọ nhau!) Nhưng suốt buổi tối hôm đó bà không thể rời mắt khỏi Sally. Đó là loại sắc đẹp lạ thường mà bà ngưỡng mộ nhất, mắt to, thâm màu, với cái phẩm chất mà, vì bản thân bà không có, bà luôn ganh tị – một dạng buông thả tự do, như thể cô ta có thể nói bất cứ, làm bất cứ thứ gì; một phẩm chất phổ biến ở những người ngoại quốc hơn ở những phụ nữ Anh. Sally luôn bảo rằng cô ta có dòng máu Pháp trong huyết quản, một vị tổ tiên đã từng ở với Marie Antoinette^[15], đã bị chặt đầu, để lại một chiếc nhẫn hồng ngọc. Có lẽ mùa hè đó cô ta đã tới sống ở Bourton, bước vào hoàn toàn đột ngột, không một xu dính túi, một đêm sau giờ ăn tối, và khiến bà cô Helena khốn khổ bực mình đến nỗi bà không bao giờ tha thứ cho cô ta. Đã có một cuộc tranh cãi ở nhà. Đúng là đêm đó khi tới chỗ họ cô ta không có xu nào. Đã đem cầm một cái trâm cài để tới đó. Cô ta đã bỏ đi trong một cơn tức giận. Họ ngồi trò chuyện suốt những giờ của đêm đó. Chính Sally là người đã khiến cho bà cảm thấy, lần đầu tiên, cuộc sống ở Bourton đã được che chở ra sao. Bà không biết chút gì về tình dục – không biết chút gì về những vấn đề xã hội. Có lần bà trông thấy một ông già bị chết bất đắc kỳ tử trong một cánh đồng – bà đã nhìn thấy những con bò cái ngay sau khi lũ bê con chào đời. Nhưng cô Helena không hề thích thảo luận về bất cứ thứ gì (khi Sally đưa cho bà cuốn sách của William Morris^[16], nó được bao bằng giấy nâu). Họ ngồi đó, giờ này sang giờ khác, nói chuyện trên giường của bà ở tầng trên cùng của ngôi nhà, nói về cuộc sống, về cách họ cải tạo thế giới. Họ có ý định thành lập một tổ chức để thủ tiêu sở hữu tư nhân, và thật sự đã viết một lá thư, dù chưa gửi đi. Những ý tưởng đó là của Sally, tất nhiên, nhưng bà sớm trở

nên kích động không kém – đọc Plato^[17] trên giường trước giờ ăn sáng; đọc Morris; đọc Shelley^[18] vào giờ đó.

Năng lực của Sally, thiên tài của cô, tính cách của cô thật tuyệt vời. Chẳng hạn cái cách của cô với những bông hoa. Ở Burton họ luôn luôn đặt những lọ hoa cứng nhỏ suốt con đường tới bàn. Sally ra ngoài, hái những nhánh hoa thực quỳ, thực dước – tất cả những loài hoa mà người ta chưa từng nhìn thấy mọc chung với nhau – cắt hoa khỏi nhánh, và cho chúng nổi lềnh bềnh trên mặt nước trong những cái bát. Tác động thật đặc biệt – khi vào ăn tối lúc hoàng hôn. (Dĩ nhiên cô Helena đã nghĩ rằng thật ác độc khi đối xử với những bông hoa như thế.) Rồi cô ta quên lấy miếng bọt biển, và chạy trần truồng khắp hành lang. Người hầu gái già dừ dẩn, Ellen Atkins, đi tới đi lui, càu nhàu: “Giả sử có quý ông nào trông thấy thì sao đây? Thật sự cô ta đã khiến cho họ bị sốc. Cô ta không ngần ngại, Papa nói.

Điều lạ lùng là, khi nhìn lại, sự thanh khiết, sự chính trực trong cảm giác của bà đối với Sally. Nó không giống như cảm giác của một phụ nữ đối với một người đàn ông. Nó hoàn toàn bất vụ lợi, và ngoài ra, nó có một phẩm chất chỉ có thể tồn tại giữa những người phụ nữ, giữa những người phụ nữ vừa trưởng thành. Nó mang tính bảo bọc, về phía bà; nảy sinh từ một ý thức cùng hội cùng thuyền với nhau, một linh cảm về điều gì đó khiến họ buộc phải bị tách ra khỏi nhau (họ luôn nói về hôn nhân như là một thảm họa), thứ đã dẫn tới tinh thần mã thượng này, cảm giác bảo bọc thuộc về phía bà nhiều hơn là về phía Sally này. Bởi trong những ngày đó bà hoàn toàn liêu lĩnh; làm những việc ngốc nghếch nhất để làm ra vẻ bạo gan; đập xe quanh bức tường chắn trên sân; hút thuốc. Ngốc nghếch – bà rất ngốc nghếch. Nhưng sự quyến rũ đang chế ngự, ít ra là đối với bà, khiến bà có thể nhớ đã đứng trong phòng ngủ của mình trên tầng cao nhất của ngôi nhà và nói to: “Cô ta đang ở dưới mái nhà này... Cô ta đang ở dưới mái nhà này!”

Không, những lời đó giờ đây hoàn toàn không có ý nghĩa gì đối với bà. Thậm chí bà không thể tìm được một tiếng vang của cảm xúc cũ của mình.

Nhưng bà có thể nhớ đã lạnh người đi vì phấn khích, và chải tóc trong một trạng thái mê ly (lúc này cảm giác cũ bắt đầu quay lại với bà, khi bà gỡ mấy cái kẹp tóc ra, đặt chúng lên bàn trang điểm, bắt đầu chải tóc), với những con quạ bay chấp chới lên xuống trong ánh chiều hồng, rồi thay quần áo và xuống thang, có cảm giác khi băng qua đại sảnh rằng “giá như lúc này mà chết thì đây là lúc hạnh phúc nhất.” Đó là cảm giác của bà, cảm giác của Othello^[19], và bà cảm thấy nó, bà tin chắc, mạnh mẽ không kém Shakespeare muốn Othello cảm thấy nó, tất cả là vì bà đi xuống ăn tối trong một chiếc váy dài trắng tinh để gặp Sally Seton!

Bà đang mặc chiếc váy bằng sa màu hồng – có thể không nhỉ? Dù sao đi nữa, dường như toàn thân bà tỏa ánh sáng, bừng lên rực rỡ, như một con chim hoặc một quả bóng bay nào đó vừa được thổi lên, tự gắn bản thân nó trong khoảnh khắc vào một bụi mâm xôi. Nhưng khi người ta đang yêu (và đây là gì ngoại trừ trạng thái đang yêu?) không có gì lạ lùng cho bằng sự dừng dưng hoàn toàn của những người khác. Cô Helena vừa ra ngoài đi dạo sau bữa tối; Papa đọc báo. Peter Walsh có thể có mặt ở đó, và cô Cummings lớn tuổi; Joseph Breitkopf chắc chắn có mặt, vì hè nào ông cũng tới, suốt tuần này sang tuần khác, ông cụ tội nghiệp, và vờ như cùng đọc tiếng Đức với bà, nhưng thật ra là chơi dương cầm và hát nhạc Brahms mà không có chút hơi nào.

Tất cả những điều này chỉ là một cảnh nền đối với Sally. Cô ta đứng cạnh lò sưởi nói chuyện, với giọng nói đáng yêu khiến mọi điều cô ta nói nghe như một sự mơn trớn, đối với Papa, người đã bắt đầu bị cuốn hút ngược với ý muốn của mình (ông không bao giờ quên được việc đã cho cô ta mượn một trong số sách của ông và tìm thấy nó bị ướt sũng trên sân hiên), khi cô ta đột ngột nói, “Thật là đáng tiếc nếu ngồi trong nhà!” và cả bọn ra ngoài hiên, đi tới đi lui. Peter Walsh và Joseph Breitkopf tiếp tục bàn về Wagner. Bà và Sally đi theo sau một quãng ngắn. Thế rồi khoảnh khắc tinh tế nhất trong toàn bộ đời bà đã tới khi đi ngang qua một cái chậu đá trong có trồng hoa. Sally dừng lại, hái một bông hoa, hôn lên môi bà. Hẳn là toàn cõi thế đã bị lộn ngược! Những người khác biến mất; chỉ có mình bà

ở đó với Sally. Và bà cảm thấy bà đã được tặng một món quà, gói kín, và được bảo hãy gìn giữ nó, đừng nhìn vào nó – một viên kim cương, một thứ gì đó vô cùng quý báu, được gói kín, mà, trong lúc họ bước đi (tới và lui, lui và tới), bà đã mở ra, hoặc ánh sáng chói lọi đã xuyên qua, sự mặc khải, cảm giác tín ngưỡng đó! – khi già Joseph và Peter chạm mặt họ:

“Đang ngắm sao hả?” Peter hỏi.

Nó giống như một người va mặt của mình vào một bức tường đá hoa cương trong bóng tối! Nó gây sốc; nó kinh khủng!

Không phải đối với bản thân bà. Bà chỉ cảm thấy Sally đã bị đối xử thô bạo, bị ngược đãi; bà cảm thấy sự thù địch của anh ta; sự ghen tị của anh ta; quyết tâm của anh ta nhằm phá vỡ tình bạn hữu của họ. Bà nhìn thấy tất cả những điều này như người ta nhìn thấy một phong cảnh trong một tia chớp – và Sally (bà chưa bao giờ ngưỡng mộ cô nhiều đến thế!) tiếp tục cái cung cách bất khả chiến bại của mình một cách dũng cảm. Cô cười khanh khách. Cô yêu cầu ông già Joseph nói cho cô biết tên của những vì sao, việc mà ông thích làm một cách rất nghiêm túc. Cô đứng đó: cô lắng nghe. Bà nghe thấy tên của những vì sao.

“Ôi chao, sự khủng khiếp này!” Bà tự nhủ; như thế bà đã biết ngay từ đầu rằng có cái gì đó sẽ gián đoạn, sẽ khiến cho khoảnh khắc hạnh phúc của bà trở nên cay đắng.

Thế nhưng, nói cho cùng, sau đó bà đã nợ ông ấy nhiều biết bao. Luôn luôn, khi nghĩ tới ông ấy, bà nghĩ tới những cuộc cãi cọ của họ vì một lý do nào đó – có lẽ vì bà rất muốn có ý kiến tốt đẹp của ông ấy. Bà nợ của ông ấy những từ: ủy mị, lịch sự; họ đã nêu ra mỗi ngày trong cuộc đời của bà như thể ông ấy muốn cảnh giác bà. Một cuốn sách ủy mị; một thái độ ủy mị đối với cuộc sống. “Ủy mị,” có lẽ bà sẽ suy nghĩ về quá khứ. Ông ấy sẽ nghĩ gì, bà tự hỏi, khi ông ấy quay lại?

Rằng bà đã già đi? Ông ấy sẽ nói thế, hoặc bà sẽ nhìn thấy ông ấy suy nghĩ khi ông ấy trở lại, rằng bà đã già đi? Điều đó đúng. Từ sau trận ốm, tóc bà hầu như bạc trắng.

Khi đặt cây trâm cài tóc lên bàn, bà cảm thấy một cơn đau thắt đột ngột, như thế, trong lúc bà im lặng, những móng vuốt lạnh như băng đã có cơ hội

cắm vào bà. Bà chưa gì. Bà vừa mới bước sang tuổi năm mươi hai. Nhiều tháng của cái tuổi đó vẫn còn chưa bị chạm tới. Tháng Sáu, tháng Bảy, tháng Tám! Mỗi tháng vẫn còn đó hầu như nguyên vẹn, như thể để tóm lấy một giọt nước đang rơi, Clarissa (đang đi tới bàn trang điểm) đã lao vào chính trung tâm của khoảnh khắc đó, chọc thủng nó, ở đó – cái khoảnh khắc của buổi sáng tháng Sáu này mà trên đó là áp lực của toàn bộ những buổi sáng khác, nhìn thấy tấm gương, cái bàn trang điểm, và tất cả những chai lọ một lần nữa, tập hợp toàn bộ con người bà vào một điểm (khi bà nhìn vào tấm gương), nhìn thấy gương mặt hồng hào thanh tú của người phụ nữ mà ngay đêm đó sẽ tổ chức một bữa tiệc; của Clarissa Dalloway; của bản thân bà.

Bà đã nhìn thấy gương mặt của mình biết bao nhiêu triệu lần, và luôn luôn với cùng sự co thắt không thể cảm thấy đó! Bà mím môi khi nhìn vào tấm gương. Việc đó mang tới ý nghĩa thiết yếu cho gương mặt của bà. Đó là bản lai diện mục của bà; giống như chuyển động của một chiếc lao; xác định. Đó là bản ngã của bà khi một nỗ lực, một tiếng gọi nào đó bảo bà trở thành chính bản thân bà, kéo những bộ phận lại gần nhau, chỉ một mình bà biết là khác biệt thế nào, không tương hợp và bao hàm thế nào chỉ để cho thế giới thu vào trong một trung tâm, một viên kim cương, một người phụ nữ đang ngồi trong phòng khách của mình và tạo nên một điểm gặp gỡ, một ánh sáng huy hoàng mà không ngờ gì nữa có trong một số cuộc đời buồn tẻ, một nơi trú ẩn cho kẻ cô đơn tìm đến, có lẽ; bà đã giúp những người trẻ tuổi, những kẻ biết ơn bà; đã cố luôn là một người, không bao giờ biểu lộ một dấu hiệu nào về tất cả những khía cạnh khác của bà – những khiếm khuyết, lòng ghen tị, những thứ hão huyền, những mối hoài nghi, như việc phu nhân Bruton không mời bà ăn trưa này; điều mà, bà nghĩ (cuối cùng đang chải tóc), là cực kỳ hèn hạ! Bây giờ, cái váy của bà đâu nhỉ?

Bộ váy áo buổi tối của bà treo trong tủ quần áo. Clarissa thọc tay vào lớp vải mềm mại, nhẹ nhàng gỡ chiếc váy màu xanh lá ra và mang nó tới chỗ cửa sổ. Bà đã làm rách nó. Một người nào đó đã dẫm lên cái váy. Bà đã cảm thấy nó bị rách ở đâu những nếp gấp trong bữa tiệc ở Đại sứ quán. Dưới ánh sáng nhân tạo màu xanh lá tỏa sáng, nhưng lúc này đánh mất màu

sắc của nó dưới ánh mặt trời. Bà sẽ vá lại nó. Những người hầu của bà có quá nhiều việc phải làm. Đêm nay bà sẽ mặc nó. Bà sẽ mang mấy mảnh lụa và cây kéo – và gùi nữa nhỉ? – cái đê của bà, dĩ nhiên, xuống phòng khách, vì bà còn phải viết, và coi xem nói chung mọi sự đã ít nhiều năm trong vòng trật tự hay chưa.

Lạ thật, bà nghĩ, dừng lại ở đầu cầu thang, và tập hợp lại hình dáng viên kim cương đó, con người đơn lẻ đó, thật lạ lùng biết bao khi một bà chủ nhà biết chính cái khoảnh khắc này, chính cái trạng thái này của nhà bà! Những âm thanh yếu ớt cất lên qua những đường xoắn ốc của cầu thang; tiếng sột soạt của một tấm giẻ lau sàn; tiếng vỗ, tiếng gõ; một tiếng động lớn khi cánh cửa chính mở ra; một giọng nói lặp lại một thông điệp ở tầng hầm; tiếng loảng xoảng của dao nĩa trên một cái khay; những dao nĩa sạch dành cho bữa tiệc. Tất cả đều dành cho bữa tiệc.

(Lucy bưng cái khay vào phòng khách, đặt những cái giá nển to tướng lên bệ lò sưởi, cái tráp bạc ở giữa, quay con cá heo thủy tinh hướng về phía cái đồng hồ treo tường. Họ sẽ tới; họ sẽ đứng; họ sẽ trò chuyện với những giọng điệu uốn éo mà bà có thể nhại theo, các quý bà và các quý ông. Trong tất cả, bà chủ nhà đáng yêu nhất – bà chủ của những dao nĩa, của vải lanh, của đồ sứ, bởi mặt trời, các thứ dao nĩa, những cánh cửa tháo khỏi bản lề, những người thợ của Rumpelmayer, đã cho bà một cảm giác, khi bà con dao rọc giấy lên cái bàn khám xà cừ, về một điều gì đó đạt được. Chú ý! Chú ý! Bà nói, với những người bạn cũ của mình trong tiệm bánh, nơi lần đầu tiên bà nhìn thấy sự phục vụ ở Caterham, khi tò mò nhìn vào lớp kính. Bà ta là phu nhân Angela, đang hầu hạ Công chúa Mary, khi bà Dalloway bước vào.)

“Này Lucy,” bà nói, “dao nĩa trông thật đẹp!”

“Và đêm qua cô đã thưởng thức vở kịch như thế nào?” Bà hỏi, xoay con cá heo thủy tinh đứng thẳng lên. “Ồ, họ phải đi trước khi kết thúc!” Bà nói. “Họ phải quay về lúc mười giờ!” Bà nói. “Vì thế họ không biết chuyện gì xảy ra.” Bà nói. “Điều đó thật rủi ro.” Bà nói (vì những người giúp việc của bà ở lại sau, nếu họ hỏi xin bà).

“Điều đó thật đáng tiếc.” Bà nói, cầm lấy tấm đệm cũ sồn ở giữa cái trường kỷ và đặt nó vào tay Lucy, đẩy nhẹ cô ta và kêu lên:

“Mang nó đi đi! Mang nó cho bà Walker với lời hỏi thăm của tôi! Mang nó đi đi!”

Và Lucy dừng lại ở cửa phòng khách, ôm tấm đệm, và nói, rất bẽn lễn, mặt hơi ửng hồng lên, Cô ta không thể giúp vá lại cái váy đó sao?

Nhưng, bà Dalloway nói, bà đã có đủ đồ trong tay, hoàn toàn đủ để làm mà không cần giúp.

“Nhưng cảm ơn cô, Lucy, ồ, cảm ơn.” Bà Dalloway nói, và cảm ơn, cảm ơn, bà tiếp tục nói (trong lúc ngồi xuống cái trường kỷ với cái váy trên đầu gối, cây kéo và mảnh lụa), cảm ơn, cảm ơn, bà tiếp tục nói với lòng biết ơn những người giúp việc của mình nói chung về việc giúp cho bà như thế này, trở thành người bà mong muốn, dịu dàng, phóng khoáng. Những người giúp việc của bà thích bà. Và sau đó là cái váy này của bà – chỗ rách ở đâu? và lúc này bà luồn chỉ vào cây kim. Đây là một cái váy được ưa thích, một trong những cái váy của tiệm Sally Parker, gần như là chiếc váy cuối cùng bà ta may, ôi trời, vì hiện giờ Sally đã nghỉ may, sống ở Ealing, và nếu có khi nào mình rảnh rỗi (nhưng bà sẽ không bao giờ có một phút rảnh rỗi), mình sẽ tới Ealing thăm bà ấy. Vì bà ấy là một nhân vật, Clarissa nghĩ, một nghệ sĩ thật sự. Bà ấy nghĩ về những chuyện vặt vãnh không đâu vào đâu; thế nhưng những chiếc váy của bà ấy không bao giờ kỳ quặc. Bạn có thể mặc chúng ở Hatfield; ở điện Buckingham. Bà đã mặc nó ở Hatfield; ở điện Buckingham.

Sự im lặng đáp lên bà, bình thản, hài lòng, trong lúc cây kim của bà êm ái luồn qua mảnh lụa, tập hợp những nếp gấp xanh lại và đính chúng, rất nhẹ nhàng, vào thắt lưng. Những làn sóng của một ngày hè cũng tập hợp lại giống như thế, vượt quá trạng thái cân bằng, và rơi xuống; tập hợp và lại rơi xuống; và toàn cõi thế dường như đang nói: “đó là tất cả,” ngày càng trầm trọng hơn, cho tới khi ngay cả quả tim trong cơ thể đang nằm trên bãi biển dưới ánh nắng cũng nói: Đó là tất cả. Đừng sợ nữa, quả tim nói. Đừng sợ nữa, quả tim nói, chuyển gánh nặng của nó cho một biển cả nào đó đang thở dài chung cho những nỗi u sầu, và làm mới lại, bắt đầu, tập hợp, rơi

xuống. Và chỉ có thân thể đó lắng nghe những con ong bay ngang qua; làn sóng vỡ tung; con chó sủa; cứ sủa mãi ở ngoài xa.

“Ôi Trời, chuông cửa trước!” Clarissa kêu lên, dừng mũi kim lại. Bà sực tỉnh, lắng nghe.

“Bà Dalloway sẽ gặp tôi.” Người đàn ông cao tuổi trong sảnh nói. “Ồ, phải, bà ấy sẽ gặp tôi.” Ông ta lẹp lại, khễ khàng đẩy Lucy sang một bên và chạy lên cầu thang thật nhanh. “Phải, phải, phải.” Ông ta lăm bắm trong lúc chạy lên cầu thang. “Bà ấy sẽ gặp tôi. Sau năm năm ở Ấn Độ, Clarissa sẽ gặp tôi.”

“Ai có thể – cái gì có thể?” Bà Daloloway hỏi (suy nghĩ rằng thật kỳ quặc khi bị phá ngang vào lúc mười một giờ sáng của cái ngày bà sẽ tổ chức một bữa tiệc), nghe thấy tiếng chân trên cầu thang. Bà nghe thấy một bàn tay đặt lên cửa. Bà tìm chỗ giấu cái váy, như một trinh nữ bảo vệ sự trong trắng; tôn trọng sự riêng tư. Lúc này, cái quả đấm bằng đồng xoay đi. Lúc này cánh cửa mở ra, và ông ấy bước vào – trong một giây độc nhất bà không thể nhớ phải gọi ông ấy là gì! Bà rất ngạc nhiên khi nhìn thấy ông ấy, rất vui mừng, rất e thẹn, rất kinh ngạc, khi Peter Walsh bất ngờ đến thăm bà vào buổi sáng! (Bà chưa đọc thư của ông ấy.)

“Bà khỏe không?” Peter Walsh nói, rõ là đang run rẩy; cầm lấy cả hai bàn tay của bà; hôn cả hai bàn tay. Bà ấy đã già đi, ông nghĩ, ngồi xuống. Mình sẽ không nói với bà ấy bất cứ điều gì về chuyện đó, ông nghĩ, vì bà ấy đã già đi. Bà ấy đang nhìn mình, ông nghĩ, một sự lúng túng bất ngờ ập tới với ông, dù ông đã hôn đôi bàn tay của bà ấy. Đưa tay vào túi, ông lôi ra một con dao nhíp to và mở con dao ra phân nửa.

Vẫn hệt như trước, Clarissa nghĩ; vẫn cái vẻ kỳ quặc ấy; vẫn bộ đồ com-lê kẻ ô vuông; gương mặt hơi phị ra chút xiu, gầy hơn chút xiu, lãnh đạm hơn, có lẽ, nhưng trông ông ta vô cùng khỏe mạnh, và vẫn hệt như trước.

“Thật tuyệt khi gặp lại ông!” Bà cảm thán. Ông móc con dao của mình ra. Điều đó thật giống với tính cách ông, bà nghĩ.

Ông ta chỉ mới tới thị trấn đêm qua, ông ta nói; phải đi xuống vùng nông thôn ngay; và mọi thứ ra sao, mọi người ra sao – Richard? Elizabeth?

“Và tất cả những thứ này là gì?” Ông hỏi, nghiêng con dao nhíp về phía chiếc váy xanh của bà.

Ông ta ăn mặc rất lịch sự, Clarissa nghĩ; thế nhưng ông ta luôn luôn chỉ trích mình.

Bà ấy đang ở đây vá lại cái váy; vá lại váy của bà ấy như thường lệ, ông nghĩ; bà ấy ngồi ở đây trong suốt thời gian mình ở Ấn Độ; vá lại váy của bà ấy; đi chơi quanh quần; dự những bữa tiệc; chạy tới Hạ viện rồi quay về và tất cả những thứ đó, ông nghĩ, càng lúc càng bức mình, càng lúc càng kích động, vì không có gì trên đời này tệ hại đối với một số phụ nữ cho bằng hôn nhân, ông nghĩ; và chính trị; và có một ông chồng bảo thủ, như tay Richard đáng ngưỡng mộ. Là thế đó, là thế đó, ông nghĩ, khép con dao lại đánh tách một cái.

“Richard rất khỏe. Richard đang họp ở một ủy ban.” Clarissa nói.

Bà mở cây kéo ra, và nói, ông có phiền không nếu bà hoàn tất công việc đang làm cho cái váy, vì tối hôm đó bà tổ chức một bữa tiệc?

“Mà tôi sẽ không mời ông.” Bà nói. “Peter thân mến của tôi!”

Nhưng thật tuyệt khi nghe bà nói câu đó – Peter thân mến của tôi! Thật sự, tất cả những điều này thật tuyệt vời – những bộ dao nĩa, những cái ghế; tất cả đều rất tuyệt vời!

Vì sao bà không mời ông dự tiệc? Ông hỏi.

Lúc này, dĩ nhiên, Clarissa nghĩ, ông ta đang bỏ bùa mê! Bỏ bùa mê một cách hoàn hảo! Giờ mình nhớ ra việc quyết định không lấy ông ta vào cái mùa hè dễ sợ đó luôn là bất khả ra sao rồi – và vì sao mình lại quyết định? Bà tự hỏi.

“Nhưng việc ông tới sáng nay thật là bất thường!” Bà kêu lên, đặt hai bàn tay, tay nọ úp lên tay kia, xuống chiếc váy.

“Ông có nhớ những tấm màn cửa đã vỡ phần phật thế nào ở Bourton không?” Bà hỏi.

“Chúng đã vỡ.” Ông nói; và ông nhớ đã ăn điếm tâm một mình, rất lúng túng, với cha của bà; người đã chết; và ông đã không viết thư cho Clarissa. Nhưng ông chưa bao giờ hòa hợp với ông cụ Parry, cái ông cụ cái kính, đầu gối yếu ớt đó, cha của Clarissa, Justin Parry.

“Tôi thường ước gì tôi hòa hợp với cha của bà.” Ông nói.

“Nhưng ông cụ chưa bao giờ ưa bất kỳ người nào là bạn của chúng tôi.” Clarissa nói; và suýt cắn phải lưỡi của mình vì đã nhắc cho Peter nhớ rằng ông ta đã muốn cưới bà.

Tất nhiên mình đã muốn, Peter nghĩ; việc đó hầu như đã khiến cho tim mình tan nát, ông nghĩ; và vượt qua nỗi đau riêng của mình, mọc lên như một vầng trăng nhìn thấy từ một khoảnh sân hiên, đẹp kinh khủng trong ánh ngày tàn. Mình đã bất hạnh hơn bao giờ hết kể từ đó, ông nghĩ. Và như thể ông đang thật sự ngồi đó trên sân, ông hơi nghiêng người về phía Clarissa; chìa tay ra; giơ nó lên; buông rơi nó. Bên trên họ, vầng trăng treo lơ lửng. Cả bà ấy nữa, dường như đang ngồi với ông trong sân, dưới ánh trăng.

“Hiện giờ Herbert là chủ ở đó.” Bà nói. “Giờ tôi không bao giờ đi tới đó.”

Thế rồi, như xảy ra trong một sân hiên dưới ánh trăng, khi một người bắt đầu cảm thấy xấu hổ vì anh ta đã phát chán, thế nhưng trong lúc người kia ngồi im lặng, rất lặng lẽ, buồn bã nhìn vầng trăng, không muốn nói năng gì, cựa quậy đôi bàn chân, hăng giọng, chú ý tới một hình trang trí bằng sắt nào đó trên một cái chân bàn, lay một chiếc lá, nhưng không nói năng gì – lúc này Peter Walsh cũng hành động như thế. Vì sao cứ quay về quá khứ như thế này? Ông nghĩ. Vì sao tự làm cho mình nghĩ tới nó lần nữa? Vì sao tự làm cho mình đau khổ, khi bà ấy đã hành hạ mình ghê gớm đến thế? Vì sao?

“Ông có nhớ cái hồ nước không?” Bà hỏi, với một giọng vội vã, dưới sức ép của một cảm xúc đã choán lấy tim bà, khiến những cơ trong cổ họng bà cứng lại, và khiến đôi môi của bà thu nhỏ lại trong một cơn co thắt trong lúc bà nói “cái hồ.” Bởi bà là một đứa trẻ con, đang ném vụn bánh mì cho lũ vịt, giữa cha mẹ bà, và đồng thời là một phụ nữ trưởng thành đang đi tới chỗ cha mẹ mình đứng cạnh hồ nước, ôm trong hai cánh tay bà cuộc đời của chính bà; khi bà tới gần họ, nó ngày càng to hơn trên hai cánh tay bà, cho tới khi nó trở thành toàn thể một cuộc đời, trọn vẹn một cuộc đời mà bà đặt xuống cạnh họ và nói, “Đây là cái mà con đã tạo nên từ nó! Cuộc đời

này!” Và bà đã tạo nên cái gì từ nó? Thật sự là cái gì? Khi đang ngồi đó may vá trong buổi sáng này với Peter.

Bà nhìn Peter Walsh; cái nhìn của bà, đi ngang qua tất cả thời gian đó và cảm xúc đó, không ngờ gì nữa, đã chạm tới ông; khiến ông buồn phát khóc; và cất mình lên, vỗ cánh bay đi, như một con chim chạm phải một cành cây, cất mình lên và vỗ cánh bay đi. Bà chậm mắt, hoàn toàn đơn giản.

“Có.” Peter nói. “Có, có, có.” Ông nói, như thể bà đã lôi lên bề mặt thứ gì đó đã khiến ông cực kỳ tổn thương khi nó ló lên. Thôi đi! Thôi đi! Ông muốn kêu lên. Bởi ông chưa già; cuộc đời của ông chưa kết thúc; chưa ở bất cứ ý nghĩa nào. Ông chỉ mới quá năm mươi. Mình sẽ nói với bà ấy, ông nghĩ, hay không nói? Ông muốn thú nhận hết tất cả những chuyện đó. Nhưng bà ấy quá lạnh lùng, ông nghĩ; đang may, với dây kéo của bà ấy; Daisy sẽ trông có vẻ bình thường bên cạnh Clarissa. Và bà ấy sẽ nghĩ mình là một kẻ thất bại, mà trong nhận thức của họ mình là thế, ông nghĩ; trong nhận thức của Dalloway. Ồ, phải, ông không còn ngờ gì về điều đó; ông là một kẻ thất bại, so với tất cả những thứ này – cái bàn khảm, con dao rọc giấy có giá đựng, con cá heo và những cái giá nệm, những tấm vải bọc ghế và những bản in tiếng Anh cổ có màu giá trị – ông là một kẻ thất bại! Mình ghét cay ghét đắng sự tự mãn của toàn thể vụ này, ông nghĩ; việc làm của Richard, chứ không phải của Clarissa; trừ một điều là bà ấy đã cưới ông ta. (Tối đây Lucy bước vào phòng, mang theo dao nữa, thêm nhiều dao nữa, nhưng trông cô ta xinh xắn, mảnh mai, đáng yêu, ông nghĩ, khi cô ta khom người để đặt chúng xuống.) Và việc này đã tiếp diễn trong suốt thời gian đó! ông nghĩ; hết tuần này sang tuần khác; cuộc đời của Clarissa; trong lúc mình – ông nghĩ; và ngay tức khắc mọi thứ dường như tỏa sáng từ ông; những chuyến đi, những cuộc cười đùa; những vụ cãi cọ; những chuyến phiêu lưu; những ván bài; những chuyện yêu đương; công việc; công việc; công việc! Và ông mở toang con dao nhíp – con dao cũ có cán bằng sừng mà Clarissa có thể thề rằng ông ta đã giữ suốt ba mươi năm qua – và úp nắm tay của ông ta lên trên nó.

Đó đúng là một thói quen kỳ lạ, Clarissa nghĩ; luôn nghịch chơi với một con dao. Cũng luôn khiến cho người ta cảm thấy phù phiếm; lơ đãng; chỉ là

một kẻ ba hoa ngốc nghếch, như ông ta từng là. Nhưng cả mình cũng vậy, Clarissa nghĩ, và cầm cây kim lên, bà triệu tập, như một nữ hoàng mà những người lính cận vệ của bà ta đã ngủ say và bỏ mặc bà ta không ai bảo vệ (bà hoàn toàn kinh ngạc vì cuộc viếng thăm này – nó đã làm cho bà khó chịu) khiến bất kỳ ai cũng có thể bước vào và đưa mắt nhìn chỗ bà nằm với những bụi mâm xôi rũ xuống từ bên trên, triệu tập để hỗ trợ cho những điều bà đã làm; những điều bà thích; chồng bà; Elizabeth; nói tóm lại, là bản thân bà, mà giờ đây Peter hầu như không biết, triệu tập tất cả tới quanh bà và đánh đuổi kẻ thù đi.

“À, chuyện gì đã xảy ra với ông vậy?” Bà hỏi. Vì trước khi một trận chiến bắt đầu, lũ ngựa gõ móng xuống đất, ngẩng đầu lên; ánh sáng bùng lên trên sườn chúng; cổ chúng cong lại. Peter Walsh và Clarissa cũng thế, đang ngồi bên cạnh nhau trên cái trường kỷ màu xanh dương, thách thức nhau. Những sức mạnh của ông còn cào và quăng quật trong lòng ông. Ông tập hợp từ những khu vực khác nhau mọi thứ; lời tán tụng; sự nghiệp của ông ở Oxford; cuộc hôn nhân của ông, mà bà không biết bất cứ điều gì về nó; ông đã yêu như thế nào; và nói chung đã hoàn thành công việc của mình như thế nào.

“Hàng triệu thứ!” Ông cảm thán, và, bị thôi thúc bởi sự tập hợp của những sức mạnh hiện đang tích nập theo cách này cách khác và lập tức mang tới cho ông cảm giác sợ hãi và cực kỳ vui sướng về việc lao qua không trung trên đôi vai của những người mà ông không thể nhìn thấy nữa, ông đưa hai tay lên trán.

Clarissa ngồi rất thẳng; hít sâu một hơi.

“Tôi đang yêu.” Ông nói, tuy nhiên không phải với bà ấy, mà với một người nào đó đang vươn lên trong bóng tối khiến bạn không thể chạm vào bà ấy mà phải đặt vòng hoa của bạn xuống mặt cỏ trong bóng tối.

“Đang yêu.” Ông lặp lại với Clarissa, lần này khá khô khan. “Yêu một cô gái ở Ấn Độ.” Ông đã đặt vòng hoa của mình xuống. Clariss có thể làm bất kỳ điều gì bà ấy muốn với nó.

“Đang yêu!” Bà nói. Ông ấy, ở lứa tuổi này, lại có thể bị hút vào dưới cái nơ con bướm nhỏ xíu của ông ấy bởi con quái vật đó! Và trên cổ ông ấy

không còn chút bắp thịt nào; đôi bàn tay ông ấy đỏ ửng; và ông ấy lớn hơn mình sáu tháng! Mắt bà phản ánh lại với bà; nhưng trong tim bà cảm thấy, dù sao đi nữa, ông ấy đang yêu. Ông ấy có điều đó, bà cảm thấy; ông ấy đang yêu.

Nhưng tính tự cao tự đại bất khả khuất phục vẫn luôn xoa dịu những bà chủ nhà phản đối lại nó, cái dòng sông bảo tiếp, tiếp, tiếp; mặc dù, nó thừa nhận, không có bất kỳ mục tiêu nào cho chúng ta hết, vẫn tiếp tục, tiếp tục; cái tính tự cao tự đại bất khả khuất phục này khiến cho đôi má của bà ửng đỏ; khiến cho bà trông rất trẻ trung; rất hồng hào; đôi mắt rất ngời sáng, khi bà ngồi với cái váy đặt trên đầu gối, và cây kim cắm vào đầu mảnh lụa xanh, hơi run rẩy. Ông ấy đang yêu! Không phải bà. Mà là một cô gái trẻ nào đó, dĩ nhiên.

“Cô ta là ai?” Bà hỏi.

Lúc này pho tượng đó phải được đưa khỏi cái bệ cao của nó và đặt xuống giữa họ.

“Thật không may, đó là một phụ nữ đã kết hôn.” Ông nói; “Vợ của một thiếu tá trong quân đội Ấn.”

Và với một sự ngọt ngào đầy mai mỉa, ông mỉm cười khi đặt cô ta trước mặt Clarissa theo cái cách lỗ bịch này .

(Dù sao đi nữa, ông ấy đang yêu, Clarissa nghĩ.)

“Cô ta có hai đứa con nhỏ,” ông nói tiếp, “một trai và một gái; và tôi đã tới gặp các luật sư của tôi về việc ly dị.”

Họ đấy! Ông nghĩ. Hãy làm những gì bà muốn với họ, Clarissa! Họ đấy! Và từng giây một, với ông, dường như bà vợ của viên thiếu tá trong quân đội Ấn Độ (Daisy của ông) và hai đứa bé ngày càng trở nên đáng yêu khi Clarissa nhìn chúng; như thể ông đã rọi ánh sáng lên một hòn cuội xám trong một cái đĩa và một thân cây đáng yêu đã mọc lên trong bầu không khí trong lành mặn mòi biển cả của tình thân của họ (vì theo cách nào đó không ai hiểu ông, cảm nhận với ông như Clarissa hồi đó) – tình thân đầy tinh tế của họ.

Cô ta đã tâng bốc ông ấy; cô ta đã lừa phỉnh ông ấy, Clarissa nghĩ; định hình người phụ nữ đó, vợ của viên thiếu tá trong quân đội Ấn Độ, với ba

nhát chém của một con dao. Thật lãng phí làm sao! Thật đại dột làm sao! Suốt cuộc đời dài của ông ấy, Peter vẫn cứ ngốc nghếch như thế; đầu tiên là bị thuyên chuyển khỏi Oxford; tiếp theo là cưới một cô gái trên một con tàu sang Ấn Độ; và bây giờ là vợ của một viên thiếu tá trong quân đội Ấn – tạ ơn Trời bà đã từ chối lấy ông! Tuy nhiên, ông ấy đang yêu; người bạn cũ của bà, Peter thân mến của bà, ông ấy đang yêu.

“Nhưng ông sẽ làm gì?” Bà hỏi.Ồ, những luật sư và cố vấn pháp lý, các ông Hooper và Grateley của hãng luật Lincoln, họ sẽ thực hiện việc đó, ông nói. Và ông thật sự xén những cái móng tay của mình với con dao.

Ôi trời, hãy để yên con dao của ông đi! Bà thầm kêu lên với sự bức tức không thể kềm nén; chính cái tính khác thường ngốc nghếch của ông ấy, khuyết điểm của ông ấy; sự thiếu vắng một ý thức nhỏ nhất về cảm giác của bất kỳ người nào khác của ông ấy khiến cho bà bức mình, luôn làm bà bức mình; và giờ này, ở lứa tuổi của ông ấy, thật ngốc nghếch biết bao!

Mình biết tất cả những điều đó, Peter nghĩ; mình biết mình đang chống lại thứ gì, ông nghĩ, đưa ngón tay lướt qua lưỡi dao, Clarissa và Dalloway và tất cả số còn lại; nhưng mình sẽ chỉ cho Clarissa thấy – thế rồi với sự ngạc nhiên cực độ của ông, đột ngột bị ném qua bầu không khí bởi những sức mạnh không thể kiểm soát đó, ông rơi nước mắt; khóc; khóc không chút xấu hổ, khi đang ngồi trên cái trường kỷ, những giọt nước mắt lăn xuống má ông.

Và Clarissa đã nghiêng người về phía trước, cầm lấy tay ông, kéo ông lại gần bà, hôn ông – thật sự cảm thấy mặt của ông trên mặt của bà trước khi bà có thể hạ tia chớp lóe màu bạc đó xuống – những chiếc lông chim giống như cỏ bông bạc trong một cơn bão nhiệt đới trong lồng ngực bà, mà khi đáp xuống, để lại bà trong tình trạng đang cầm lấy tay ông, vỗ nhẹ lên đầu gối của ông, và cảm thấy, khi bà ngồi ngay lại, đặc biệt thoải mái và dễ chịu với ông ấy, tất cả xâm chiếm lấy bà trong một tiếng nổ vang, Giá như mình lấy ông ấy, hẳn niềm vui này sẽ là của mình suốt cả ngày!

Tất cả những điều đó đã kết thúc đối với bà. Tấm vải giường đã được trải ra và cái giường thì hẹp. Bà đã đi lên tòa tháp một mình và mặc cho họ hái quả mâm xôi trong ánh nắng. Cánh cửa đã đóng lại và ở đó, trong đám

bụi vữa tường rơi xuống và rơm rác trong những tổ chim, cảnh vật trông mới xa xôi làm sao, và những âm thanh vọng tới mong manh và lạnh lẽo (một lần ở trên đồi Leith, bà nhớ), và Richard, Richard! bà kêu lên, như một người đang ngủ trong bóng tối bị giật mình và đưa tay ra tìm sự giúp đỡ. Đang ăn trưa với phu nhân Bruton, chuyện đó quay lại với bà. Ông ấy đã bỏ mặc mình; mình mãi mãi cô đơn, bà nghĩ, úp hai bàn tay lên đầu gối.

Peter Walsh đã đứng lên và bước tới chỗ cửa sổ, đứng quay lưng về phía bà, vạt một cái khăn tay lớn in hoa từ phía này sang phía khác. Trông ông ấy có vẻ xuất chúng, khô khan và lẻ loi, bờ vai gầy của ông ấy nhẹ nâng chiếc áo khoác; đang sịt mạnh mũi. Hãy mang tôi theo ông, Clarissa nghĩ một cách bốc đồng, như thể ông ta đang trực chỉ tiến tới trong một chuyến du hành lớn nào đó; và rồi, khoảnh khắc tiếp theo, như thể một vở kịch năm hồi rất thú vị và xúc động giờ đã kết thúc, và bà đã sống cả một đời người trong đó và đã bỏ trốn, đã sống với Peter, và giờ đây nó đã kết thúc.

Giờ đã tới lúc di chuyển, và như một người phụ nữ đang thu gom các thứ của mình, chiếc áo choàng, đôi găng tay, cặp kính xem kịch opera, và đứng lên để bước ra khỏi rạp hát xuống đường, bà đứng lên khỏi chiếc trường kỷ, bước tới cạnh Peter.

Và thật lạ lùng, ông nghĩ, làm thế nào bà ấy vẫn có khả năng, khi bà đi tới với tiếng lanh canh, sột soạt, vẫn có khả năng, khi bà ấy băng qua căn phòng, khiến cho vầng trăng mà ông ghét cay ghét đắng mọc lên trên sân hiên ở Bourton giữa bầu trời mùa hạ.

“Hãy nói cho tôi biết,” ông nói năm lấy hai vai bà. “Bà có hạnh phúc không, Clarissa? Richard có...”

Cánh cửa mở ra.

“Đây là Elizabeth của tôi.” Clarissa nói, một cách xúc động, có vẻ như đóng kịch, có lẽ.

“Chào ông.” Elizabeth nói, bước tới.

Tiếng chuông Big Ben điểm nửa giờ vang lên giữa họ với một sức mạnh khác thường, như thể một thanh niên, khỏe mạnh, dừng dừng, khinh suất, đang đu đưa những cái chuông về phía này phía khác.

“Chào Elizabeth.” Peter kêu lên, nhét cái khăn tay vào túi, vừa đi nhanh tới gần cô vừa nói, Tạm biệt, Clarissa, mà không nhìn bà, vội vàng rời phòng và bước nhanh xuống thang, mở cánh cửa đại sảnh ra.

‘Peter! Peter!’ Clarissa kêu to, đi theo ông ta ra đầu cầu thang. “Bữa tiệc tối nay của tôi! hãy nhớ bữa tiệc tối nay của tôi!” Bà kêu lên, cất cao giọng trên tiếng ồn của bầu không khí bên ngoài, và bị áp đảo bởi tiếng xe cộ qua lại và âm thanh của mọi cái đồng hồ đang điểm giờ, giọng kêu của bà “Hãy nhớ bữa tiệc tối nay của tôi” nghe có vẻ mong manh, mơ hồ và rất xa xôi khi Peter khép cánh cửa lại.

III

Hãy nhớ bữa tiệc của tôi, hãy nhớ bữa tiệc của tôi, Peter Walsh nói trong lúc bước xuôi xuống phố, tự nhủ với mình theo một nhịp điệu, đúng với nhịp trôi chảy của âm thanh, cái âm thanh hoàn toàn trực tiếp của chuông Big Ben điểm nửa giờ. (Những vòng tròn xám xịt tan ra giữa không trung.)Ồ, những bữa tiệc này, ông nghĩ; những bữa tiệc của Clarissa. Vì sao bà ấy tổ chức những bữa tiệc này, ông nghĩ. Không phải ông phiền trách bà hay cái hình nộm của một người đàn ông mặc áo đuôi tôm với một bông cẩm chướng trên khuy áo đang đi về phía ông. Chỉ có thể có một người trên cõi đời này giống như ông, đang yêu. Và đó chính là ông, con người may mắn này, chính bản thân ông, phản chiếu lại trong lớp kính cửa sổ của một nhà máy sản xuất xe hơi ở phố Victoria. Toàn bộ nước Ấn nằm sau lưng ông; những thảo nguyên, những ngọn núi, những trận dịch tả; một quận to gấp đôi Ái Nhĩ Lan; những quyết định ông phải đưa ra một mình – ông, Peter Walsh; kẻ hiện đang thật sự yêu lâu đầu tiên trong đời mình. Clarissa đã trở nên khó chịu, ông nghĩ và ngoài ra còn hơi ủy mị nữa, ông ngờ thế, nhìn những chiếc xe hơi lớn – bao nhiêu ga-lông trên bao nhiêu dặm? Vì ông có năng khiếu về cơ khí; đã phát minh một cái cày ở quận của ông, đã đặt mua những chiếc xe cút kít ở Anh, nhưng những tay công nhân không dùng tới chúng, Clarissa không hề biết gì về tất cả những điều đó.

Cách bà ấy nói, “Đây là Elizabeth của tôi!” khiến ông thấy khó chịu. Vì sao không nói một cách đơn giản “Đây là Elizabeth”? Nó không chân thành. Và cả Elizabeth cũng không thích nó. (Những dư chấn cuối cùng của tiếng chuông lớn vẫn còn rung động bầu không khí quanh ông; nửa giờ, vẫn còn sớm, chỉ mới mười một giờ rưỡi.). Bởi ông hiểu những người trẻ tuổi; ông thích họ. Ở Clarissa luôn có vẻ lạnh lùng nào đó, ông nghĩ. Bà đã luôn luôn, ngay cả hồi còn con gái, là một kẻ có tính rụt rè, và nó trở thành tính bảo thủ ở tuổi trung niên, và tất cả đã xong xuôi, tất cả đã xong xuôi, ông

ngẫm, nhìn với vẻ hơi sâu thẳm vào những chiều sâu của lớp kính, và tự hỏi ông có làm bà bực mình không khi ghé thăm vào giờ đó; đột nhiên thấy mất tự chủ với nỗi xấu hổ vì đã tỏ ra ngu ngốc; đã khóc; đã xúc động; đã nói với bà mọi thứ, như thường lệ, như thường lệ.

Như một đám mây bay ngang qua mặt trời, sự thình lạng rơi lên London; và rơi lên tâm trí. Sự nỗ lực ngưng lại. Thời gian vỗ cánh trên cột cờ. Chúng ta dừng tại đó; chúng ta đứng đó. Cứng nhắc, bộ xương của thói quen một mình chống đỡ cái khung con người. Ở nơi không có gì cả, Peter Walsh tự nhủ; cảm thấy bị lồm vào, trống rỗng trong lòng. Clarissa đã từ chối mình, ông nghĩ. Ông đứng đó suy nghĩ, Clarissa đã từ chối mình.

Chà, Thánh Margaret nói, như một bà chủ nhà bước vào phòng khách của mình đúng vào lúc chuông điểm giờ và thấy quan khách đã tề tựu ở đó. Tôi không bị muộn. Không, chính xác là mười một giờ rưỡi, bà ấy nói. Thế nhưng, dù bà ấy hoàn toàn đúng, giọng nói của bà ấy, vì là giọng nói của bà chủ, miễn cưỡng bộc lộ cá tính của nó. Một nỗi tiếc thương nào đó đối với quá khứ ngăn trở nó: một mối quan tâm nào đó đối với hiện tại. Bây giờ là mười một giờ rưỡi, bà ấy nói, và âm thanh của Thánh Margaret lướt vào những chỗ thẳm kín của con tim và tự chôn mình trong những tiếng chuông tiếp nối, như một thứ gì đó sống động muốn thổ lộ bản thân, tự phân tán nó, muốn được nghỉ ngơi, với một cái rùng mình hoan hỉ, như chính bản thân Clarissa khi bước xuống cầu thang trong chiếc váy trắng vào giờ đó chuông. Peter Walsh nghĩ. Đó chính là Clarissa, ông nghĩ, với một sự xúc động sâu sắc và một hồi ức rất rõ ràng nhưng gây bối rối về bà ấy, như thể tiếng chuông này đã vọng tới căn phòng hồi nhiều năm trước, nơi họ đang ngồi trong một khoảnh khắc rất thân tình, di chuyển từ người này sang người kia rồi rời khỏi, như một con ong với mật ong, chở đầy khoảnh khắc ấy. Nhưng căn phòng nào? Khoảnh khắc nào? Và vì sao ông đã vô cùng hạnh phúc khi đồng hồ điểm giờ? Thế rồi, trong lúc tiếng nói của thánh Margaret phai nhòa, ông nghĩ, Bà ấy đã bị ốm, và âm thanh đó biểu lộ sự suy nhược và đau khổ. Chính là quả tim của bà ấy, ông nhớ; và sự inh ỏi đột ngột của tiếng chuông báo tử cuối cùng ngân lên giữa cuộc sống khiến người ta kinh ngạc, Clarissa té xuống từ nơi bà ấy đứng, trong phòng khách

của bà ấy. Không! Không! ông kêu lên. Bà ấy không chết. Tôi không già, ông kêu lên, và đi ngược lên phố Whitehall, như thể tương lai của ông đang lặn về phía ông, mãnh liệt, vô tận.

Ít ra, ông không hề già, hay hết thời, hay khô héo. Về phần những gì họ nói về ông – gia đình Dalloway, gia đình Whitebread, và tầng lớp của họ, ông không mảy may quan tâm tới – không một mảy may (dù đúng là lúc này lúc khác ông cũng tìm hiểu xem Richard có thể giúp ông làm một công việc gì đó hay không). Bước sai chân, ánh mắt đăm đăm, ông nhìn vào bức tượng ngài Công tước vùng Cambridge. Ông đã bị điều động khỏi Oxford – đúng. Ông từng là một người theo Chủ nghĩa xã hội, ở một ý nghĩa nào đó là một kẻ thất bại – đúng. Tuy nhiên tương lai của nền văn minh, ông nghĩ, vẫn nằm trong tay của những người trẻ tuổi giống như thế; của những người trẻ tuổi như ông từng là, hồi ba mươi năm trước; với tình yêu của họ dành cho những nguyên tắc trừu tượng; nhận những quyển sách được gửi tới cho họ suốt cả quãng đường xa từ London tới một đỉnh núi trong dãy Hymalaya; đọc khoa học, đọc triết học. Tương lai nằm trong tay của những người trẻ tuổi giống như thế, ông nghĩ.

Một tiếng lao xao giống như tiếng lao xao của những chiếc lá trong một khu rừng phát ra từ phía sau, và cùng với nó là một âm thanh sột soạt, thành thịch đều đều, mà khi bắt kịp ông, nó đã làm xáo trộn những ý nghĩ của ông, nghiêm trang cất bước ngược phố Whitehall, không để ý tới ông. Những cậu con trai mặc đồng phục, mang súng, đang bước đều với mắt nhìn thẳng về phía trước, cánh tay của họ cứng ngắc, và trên mặt họ là một biểu hiện giống như những mẫu tự của một truyền thuyết được viết quanh bệ của một pho tượng, ca tụng bốn phận, lòng biết ơn, lòng trung thực và tình yêu nước Anh.

Đó là một cuộc huấn luyện rất đẹp mắt, Peter Walsh nghĩ, bắt đầu bước theo nhịp bước của họ. Nhưng trông họ không cường tráng. Hầu hết trong bọn đều gầy nhom, những cậu bé mười sáu tuổi; có thể ngày mai họ sẽ đứng sau những chén cơm, những bánh xà phòng trên mấy cái kệ. Hiện giờ họ khoác lên mình sự trang nghiêm không hề lẫn lộn với lạc thú xác thịt hay những mối bận tâm hàng ngày của những vòng hoa mà họ đã mang từ

phố Finsbury Pavement tới ngôi mộ trống. Họ đã nguyện thề. Dòng xe cộ lưu thông tôn trọng nó; những chiếc xe tải bị chặn lại.

Mình không thể theo kịp họ, Peter Walsh nghĩ, khi họ bước đều ngược lên phố Whitehall, và đúng là vậy, họ tiếp tục bước đều, vượt qua ông, vượt qua mọi người, với nhịp bước đều đặn, như thể người ta sẽ hoạt động những đôi chân và những cánh tay theo cùng một kiểu, và cuộc sống, với những trạng thái muôn màu muôn vẻ của nó, những sôi động ồn ào của nó, đã bị đặt bên dưới một con đường của những tượng đài và những vòng nguyệt quế và bị đánh thuốc tê thành một cái xác cứng đờ nhưng vẫn nhìn chòng chọc bởi tính kỷ luật. Người ta phải tôn trọng nó; người ta có thể cười phá lên; nhưng người ta phải tôn trọng nó, ông nghĩ. Họ đi, Peter Walsh nghĩ, dừng lại ở lề đường; và tất cả những pho tượng cao quý, Nelson^[20], Gordon^[21], Havelock^[22], những hình ảnh màu đen, hùng tráng của những người lính vĩ đại đứng nhìn về phía trước, như thể cả họ cũng đã thực hiện sự quên mình tương tự (Peter Walsh cảm thấy cả ông cũng đã thực hiện nó, sự quên mình vĩ đại đó), dậm chân dưới cùng một sức cảm dỗ, và cuối cùng đạt được một tia nhìn lãnh đạm. Nhưng chí ít, Peter Walsh không muốn có cái nhìn đó cho bản thân ông; dù ông có thể tôn trọng nó ở những người khác. Ông có thể tôn trọng nó ở những cậu bé. Họ chưa biết những rắc rối của xác thịt, ông nghĩ, trong lúc những cậu bé đang hành tiến biến mất về phía phố Strand – mình đã trải qua tất cả những thứ đó, ông nghĩ, băng qua đường, và đứng bên dưới pho tượng của Gordon, Gordon mà ông từng tôn thờ hồi còn là một cậu bé; Gordon đang đứng lẻ loi với một chân giơ lên và đôi tay khoanh lại – Gordon khốn khổ, ông nghĩ.

Và chỉ vì chưa có ai biết ông đang ở London, trừ Clarissa, và thế giới, sau chuyến du hành, vẫn dường như là một hòn đảo đối với ông, sự khác thường của việc đứng một mình, đang sống, không ai biết tới, vào lúc mười một giờ rưỡi trong quảng trường Trafalgar khiến ông mất hết tinh thần. Nó là gì? Mình đang ở đâu? Và rốt cuộc, vì sao người ta thực hiện nó? Ông nghĩ. Toàn bộ vụ ly hôn dường như là ảo mộng. Và xuôi theo tâm trí ông, trải ra bằng phẳng như một đầm lầy là ba cảm xúc lớn lao đang áp đảo ông;

sự thấu hiểu; một lòng nhân ái bao la; và cuối cùng, như là kết quả của hai cảm xúc kia, một niềm hân hoan tinh tế, không thể kèm chế; như thể những sợi dây trong bộ não của ông được kéo bởi một bàn tay khác, những con thoi di chuyển, và ông, không dính dáng gì tới nó, nhưng đứng ở đầu của những đại lộ vô tận, mà nếu chọn một con đường, ông sẽ xuôi theo nó. Suốt nhiều năm qua, ông chưa hề cảm thấy trẻ trung đến thế.

Ông đã trốn thoát! tuyệt đối tự do – như những diễn biến trong sự sa sút của thói quen khi tâm trí, như một ngọn lửa không người coi sóc, rùn thấp xuống, uốn cong và có vẻ như sắp sửa bùng ra khỏi vật đang cầm giữ nó. Mình chưa từng cảm thấy trẻ trung đến thế suốt nhiều năm! Peter nghĩ, thoát khỏi con người thật sự của ông hiện tại (tất nhiên chỉ độ một giờ), và cảm thấy giống như một đứa bé chạy vụt ra khỏi cửa, và nhìn thấy, trong lúc chạy, bà vú già đang vẫy tay về phía cánh cửa sổ không đúng. Nhưng cô ta hấp dẫn lạ lùng, ông nghĩ, vì đang băng qua Quảng trường Trafalgar, hướng về phố Haymarket là một thiếu nữ mà, khi nàng đi ngang qua pho tượng của Gordon, có vẻ như, Peter Walsh nghĩ (vẫn nhạy cảm như trước giờ), đã trút bỏ hết lớp voan này tới lớp voan khác, cho tới khi nàng trở thành chính người phụ nữ mà ông luôn có trong tâm trí; trẻ trung, nhưng nghiêm trang; vui tươi, nhưng dè dặt, ngăm đen, nhưng quyến rũ.

Vươn thẳng người lên và len lén sờ ngón tay lên con dao nhíp, ông bắt đầu đi theo người phụ nữ này, sự kích động này, mà thậm chí với cái lưng quay về phía ông cũng soi rọi lên ông một thứ ánh sáng nối kết hai người bọn họ, chọn lọc ra ông, như thể tiếng ồn ào ngẫu nhiên của xe cộ lưu thông đã thì thầm qua những bàn tay ụp lại tên ông, không phải Peter, mà là tên riêng mà ông đã tự gọi mình trong những ý nghĩ của chính ông. “Ông,” nàng nói, chỉ “ông,” nói từ đó với đôi găng tay trắng và đôi vai của mình. Rồi cái áo choàng mỏng mà cơn gió khuấy động khi nàng bước ngang qua cửa tiệm Dent’s trên phố Cockspur tung bay phất phới với một sự từ ái bao trùm, một sự dịu dàng buồn bã, như đôi cánh tay sẽ mở rộng và đón nhận kẻ đã mê muội...

Nhưng nàng chưa kết hôn; nàng còn trẻ; rất trẻ, Peter nghĩ, đóa hoa cầm chướng ông nhìn thấy nàng cài khi nàng băng qua quảng trường Trafalgar

lại bùng lên trong mắt ông và khiến đôi môi nàng đỏ mọng. Nhưng nàng chờ ở lề đường. Ở nàng có một phẩm cách. Nàng không từng trải như Clarissa; không giàu có như Clarissa. Nàng, ông tự hỏi trong lúc nàng di chuyển, có khả kính không? Hóm hỉnh, với cái lưỡi liếng thoảng của một con thằn lằn, ông nghĩ (dù người ta phải bịa đặt, phải tự cho phép bản thân một sự tiêu khiển nho nhỏ), một người dí dỏm bình thản đợi chờ, một người dí dỏm nhanh như tên bắn; không ồn ào.

Nàng di chuyển; nàng băng qua; ông đi theo nàng. Ông không hề muốn làm nàng bối rối. Tuy nhiên nếu nàng dừng lại ông sẽ nói “Hãy tới đây và dùng một que kem,” ông sẽ nói, và nàng sẽ trả lời, hoàn toàn đơn giản, “Ồ, vâng.”

Nhưng những người khác trên đường đã chặn ngang giữa họ, ngăn trở ông, che khuất mắt nàng. Ông đuổi theo; nàng đã thay đổi. Má nàng ửng đỏ; mắt nàng ánh lên sự chế giễu; ông là một kẻ phiêu lưu, khinh suất, ông nghĩ, nhanh nhẹn, liêu lĩnh, (đã đáp máy bay từ Ấn Độ về đêm qua) thật sự là một tay cướp biển lãng mạn, không quan tâm tới tất cả những thứ đúng mực này, những cái áo khoác ngoài của phụ nữ màu vàng, những ống tẩu, những cái cần câu, trong những cửa sổ tiệm buôn; và tư cách khả kính và những bữa tiệc tối và những người đàn ông lớn tuổi ăn mặc bánh bao mặc áo lót trắng bên dưới áo gi-lê. Ông là một tên cướp biển. Nàng tiếp tục đi, băng qua phố Piccadilly, ngược lên phố Regent, ở phía trước ông, tấm áo choàng của nàng, đôi găng tay của nàng, đôi vai của nàng kết hợp với những dải tua, những dải đăng ten và những cái khăn choàng bằng lông trong những cửa tiệm để tạo nên linh hồn của sự trang nhã và kỳ quặc đang thu nhỏ lại từ những cửa tiệm ra hè phố, như ánh sáng của một ngọn đèn đêm tỏa lung linh trên những bờ rào trong bóng tối.

Cười to và vui vẻ, nàng đã băng qua phố Oxford và phố Great Portland, queo xuống một trong những con đường nhỏ, và lúc này, và lúc này, cái khoảnh khắc lớn lao đang tới gần, vì lúc này nàng bước chậm lại, mở cái túi xách ra, và với một cái nhìn về phía ông, nhưng không hướng vào ông, một cái nhìn nói lên lời từ già, tổng kết toàn bộ hoàn cảnh và gạt bỏ nó một cách thẳng lợi, mãi mãi, đã tra chìa vào ổ khóa, mở cửa, và biến mất!

Giọng nói của Clarissa, Hãy nhớ tới bữa tiệc của tôi, Hãy nhớ tới bữa tiệc của tôi, vang lên trong tai ông. Ngôi nhà này là một trong những ngôi nhà đồ mái bằng với những giỏ hoa treo lủng lẳng không đúng chỗ. Nó đã kết thúc.

Vâng, mình đã vui vẻ; mình đã có nó, ông nghĩ, ngẩng lên nhìn những giỏ hoa phong lữ nhợt nhạt đang đong đưa. Và nó đã vỡ tan thành những nguyên tử – niềm vui của ông, vì nó chỉ được tạo nên một cách nửa vời, như ông biết rất rõ; đã được bịa đặt ra, cuộc phiêu lưu này với nàng thiếu nữ; được bịa đặt ra, như người tabia đặt ra phần tốt đẹp hơn của cuộc đời, ông nghĩ – bịa đặt ra chính mình, bịa đặt ra nàng; tạo nên một niềm vui mạnh mẽ, và một thứ gì hơn thế. Nhưng nó thật kỳ quặc, và hoàn toàn có thật; người ta không bao giờ có thể chia sẻ tất cả những điều này – nó đã vỡ tan thành những nguyên tử.

Ông quay lại; đi ngược lên phố, suy nghĩ tìm nơi nào đó để ngồi, cho đến giờ phải tới từ quán Lincohn's – để gặp các ông Hooper và Grateley. Ông nên đi đâu? Không quan trọng. Ngược lên phố, rồi đi về phía công viên Regent's. Đôi ủng của ông trên vệ đường thốt lên “không quan trọng”; vì giờ còn sớm, hãy còn rất sớm.

Đây cũng là một buổi sáng tuyệt diệu. Như nhịp đập của một quả tim hoàn hảo, sự sống tuôn trào thẳng qua những đường phố. Không chút dò dẫm – không chút ngần ngại. Quét qua và phình lên, một cách chính xác, một cách đúng giờ, không tiếng động, chính xác ngay giây phút đó có một chiếc xe hơi dừng lại ở cửa. Cô gái, mang vợ lụa, đội mũ lông, phù du, nhưng không đặc biệt hấp dẫn đối với ông (vì ông đã vui vẻ chán chê), rạng rỡ. Những tay quản gia đáng ngưỡng mộ, những con chó su nâu vàng, những đại sảnh lát cẩm thạch hình thoi đen và trắng với những tấm màn che trắng đang phấp phới, Peter nhìn thấy qua cánh cửa mở và tán thưởng. London, một thành tựu tuyệt vời theo cách riêng của nó, nói cho cùng; mùa này; nền văn minh. Xuất thân như ông, từ một gia đình Anh-Ấn mà trong suốt ít nhất ba thế hệ đã điều hành những sự vụ của một lục địa (thật lạ lùng, ông nghĩ, cái cảm xúc mà mình có về điều đó, không thích Ấn Độ, và đế quốc, và quân đội như ông đã), có những khoảnh khắc khi nền văn

minh, ngay cả loại này, dường như thân thiết với ông như một tài sản cá nhân; những khoảnh khắc của niềm tự hào về nước Anh; về những người quản gia; những con chó su; những cô gái trong sự an toàn. Tuy nhiên nó vẫn khá lố bịch, ông nghĩ. Và những tay bác sĩ và những doanh nhân và những người phụ nữ tài năng, tất cả đều lảng xảng với công việc của họ, đúng giờ giấc, nhanh nhạy, thiết thực, với ông dường như hoàn toàn đáng ngưỡng mộ, những người tốt, mà với họ người ta có thể giao trọn cả đời mình, những bạn đồng hành trong nghệ thuật sống, kẻ có thể nhìn thấu suốt một người. Với công việc bận bịu này khác, vở diễn này thật sự rất đáng khoan dung; và ông sẽ ngồi xuống dưới bóng râm, hút thuốc.

Có công viên Regent's. Phải. Hồi còn bé ông đã đi vào công viên Regent's – thật lạ, ông nghĩ, cái cách ý nghĩ về thời thơ ấu vẫn tiếp tục quay lại với mình – có lẽ đó là kết quả của chuyến thăm viếng Clarissa; vì những người phụ nữ sống trong quá khứ nhiều hơn chúng ta, ông nghĩ. Họ tự gắn mình vào những nơi chốn; và những ông bố của họ – một người phụ nữ luôn tự hào về bố của mình. Bourton là một địa điểm xinh đẹp, rất xinh đẹp, nhưng mình không bao giờ có thể hòa hợp với ông cụ đó, ông nghĩ. Một đêm nọ đã có một màn kịch hoàn toàn – một cuộc tranh cãi về điều này điều nọ, ông không thể nhớ đó là chuyện gì. Có lẽ là chính trị.

Phải, ông nhớ công viên Regent's; quãng đường dài, thẳng; ngôi nhà nhỏ nơi người ta mua những quả bóng bay ở bên trái; một pho tượng ngớ ngẩn với một câu khắc ở nơi này nơi khác. Ông tìm một chỗ ngồi. Ông không muốn bị quấy rầy (ông cảm thấy hơi buồn ngủ) bởi những người hỏi về giờ giấc. Một người vú em già mặc đồ xám, với một em bé nằm ngủ trong cái xe đẩy; ngồi ở một đầu ghế cạnh người vú em – đó là điều tốt nhất ông có thể làm cho mình.

Con bé là một cô gái có vẻ lạ lùng, ông nghĩ, sức nhớ tới Elizabeth khi cô bước vào phòng và đứng cạnh mẹ mình. Đã lớn phổng, hoàn toàn trưởng thành, không chính xác là xinh xắn, đẹp thì đúng hơn; và con bé không thể hơn mười tám tuổi. Có lẽ nó không hòa hợp với Clarissa. “Đây là Elizabeth của tôi”, đại loại thế – vì sao không nói đơn giản “Đây là Elizabeth?” – đang cố làm ra vẻ, như mọi bà mẹ, rằng mọi sự việc không phải là chính

bản thân chúng. Bà ấy quá tin vào sự quyến rũ của mình. Bà ấy quá cường điệu điều đó.

Làn khói thuốc thơm nhẹ nồng nàn bình thản cuộn xuống cổ họng ông; ông thổi nó ra thành những vòng tròn chống lại bầu không khí một cách quả cảm trong giây lát; xanh ngát, hình tròn – tối nay mình sẽ cố nói riêng một lời với Elizabeth – rồi bắt đầu giãn ra thành những hình đồng hồ cát và tan biến mất; chúng có những hình dáng lạ lùng, ông nghĩ. Đột nhiên ông nhắm mắt lại, giơ tay lên với một nỗ lực, và quăng đi đoạn cuối nặng nề của điếu xì gà. Một nhát cọ lớn êm ái quét qua tâm trí ông, quét ngang qua nó là những nhánh cây lay động, những giọng nói của trẻ con, tiếng lê bước của những bàn chân, và mọi người đi ngang qua, và tiếng xe cộ ồn ào, tiếng xe cộ cao lên rồi hạ thấp. Ông chìm ngày càng sâu vào những lông vũ và lông cánh của giấc ngủ, chìm xuống, và bị bao trùm.

Người vú em mặc đồ xám tiếp tục đan trong lúc Peter Walsh, ngồi trên cái ghế nóng cạnh bà ta, bắt đầu ngáy. Trong chiếc váy xám, di chuyển đôi tay một cách không biết mệt nhưng lặng lẽ, dường như bà ta giống một chiến sĩ bảo vệ cho quyền lợi của những người đang ngủ, giống một trong những hồn ma bóng quế hiện lên trong ánh chiều chạng vạng ở khu rừng tạo thành từ bầu trời và những nhánh cây. Người lữ khách cô đơn, kẻ hay lai vãng trên những con đường nhỏ, kẻ quấy rầy những lùm dương xỉ, và kẻ tàn phá những bụi độc cần to lớn, khi ngẩng lên, đột nhiên nhìn thấy nhân vật vĩ đại ở cuối con đường.

Có lẽ do niềm tin của một kẻ vô thần, ông ngạc nhiên với những khoảnh khắc phẫn chấn khác thường. Không có gì tồn tại bên ngoài chúng ta ngoại trừ một trạng thái tinh thần, ông nghĩ; một nỗi khát khao đối với sự an ủi, sự thư thái, đối với một cái gì đó ở bên ngoài những con người nhỏ bé bất hạnh này, những kẻ xấu xí, những người đàn ông và đàn bà hèn nhát này. Nhưng nếu ông có thể hình dung ra nàng, vậy là nàng tồn tại dưới một hình thức nào đó, ông nghĩ, và khi xuôi con đường với đôi mắt ngược lên bầu trời và những nhánh cây, ông nhanh chóng phú cho chúng một nữ tính; nhìn với sự kinh ngạc về việc chúng đã trở nên nghiêm nghị biết bao; đường bệ biết bao, khi làn gió nhẹ khuấy động chúng, với một nhịp vỗ kín

đáo của những chiếc lá, chúng phân phát lòng nhân ái, sự thấu hiểu, sự thứ tha, và rồi, chúng đột ngột quăng mình lên cao, phá vỡ lòng trung thành với vẻ ngoài của chúng bằng một cuộc vui hoang dại.

Những ảo tượng như thế dâng hiển những cái sừng dê chứa đầy hoa quả cho người lữ khách cô đơn, hoặc thì thầm trong tai ông như những mỹ nhân ngư đang lượn lờ trên những làn sóng xanh biển cả, hoặc bị ném mạnh vào mặt ông như những bó hoa hồng, hoặc trôi lên trên mặt nước như những gương mặt nhợt nhạt mà những người ngư phủ ngoi ngóp lội qua những dòng nước cuộn cuộn để ôm chầm lấy.

Những ảo tượng như thế không ngừng nổi lên, bước bên cạnh, đưa bộ mặt của chúng ra phía trước sự vật thật sự; thường khiến cho người lữ khách cô đơn mê mẩn và tước khỏi ông ý thức về quả đất, ước vọng quay về, và thay vào đó trao cho ông một sự an bình phổ quát, như thế (ông nghĩ thế trong lúc đi xuôi theo con đường rừng) tất cả những xô xao của sự sống này đang tự đơn giản hóa chúng; và vô số sự vật hợp nhất thành một sự vật; và nhân vật này, tạo thành từ bầu trời và những nhánh cây, đã trôi lên từ biển cả bồng chồn (giờ ông đã lớn tuổi, quá năm mươi rồi) như một nhân vật có thể bị hút ra từ những làn sóng để trút xuống từ đôi bàn tay cao quý của nàng lòng trắc ẩn, sự thấu hiểu, sự thứ tha. Vậy là, ông nghĩ, mình không bao giờ quay lại với ánh đèn; với căn phòng khách; không bao giờ hoàn thành cuốn sách của mình; không bao giờ gõ tẩu để trút bỏ cặn thuốc; không bao giờ gọi cho bà Turner để dọn dẹp; tốt hơn mình cứ bước thẳng tới nhân vật vĩ đại này, người sẽ, với một cái hất đầu, nâng mình lên trên những lá cờ đuôi nheo của nàng ta và để cho mình cuốn vào cõi hư vô cùng với số còn lại.

Có những ảo tượng như thế. Người lữ khách cô đơn sẽ sớm ra khỏi cánh rừng; và ở đó, đi tới cửa với đôi mắt bị che mờ, có thể đang mong đợi chuyển quay về của ông, với đôi bàn tay giơ cao, với cái tạp dề trắng tung bay, là một phụ nữ cao tuổi (sự yếu ớt này mạnh mẽ biết bao), kẻ dường như đang tìm kiếm trên một sa mạc một đứa con thất lạc; tìm kiếm một kỹ sĩ đã bỏ mình; là hình dáng của một bà mẹ có những đứa con trai đã bị giết trong những trận đánh trên thế giới. Cứ thế, trong lúc người lữ khách cô

đơn đi xuôi theo con đường làng nơi những người phụ nữ đứng đan và những người đàn ông đào xới trong vườn, buổi chiều hôm dường như báo điềm gỡ; những hình dáng bất động; như thể một định mệnh uy nghiêm nào đó, mà họ biết và chờ đợi không chút e sợ, đang sắp sửa cuốn họ tới sự hủy diệt hoàn toàn.

Trong nhà, giữa những đồ vật bình thường, cái tủ chạn, cái bàn, cái bệ cửa sổ với những cây phong lữ thảo, đột nhiên dường nét của một bà chủ nhà, đang khom xuống để dời tấm vải trải bàn, trở nên mềm đi dưới ánh sáng, một biểu tượng đáng yêu mà chỉ ký ức về những mối liên hệ lạnh lẽo của con người mới ngăn cấm chúng ta ôm chầm lấy. Bà lấy món mứt cam; bà cất nó vào tủ chạn.

“Đêm nay không có gì nữa, thưa ông?”

Nhưng người lữ khách cô đơn trả lời với ai đây?

Cứ thế, người vú em cao tuổi ngồi đan bên trên em bé đang ngủ trong công viên Regent's. Cứ thế Peter Walsh ngáy.

Ông choàng tỉnh, cực kỳ đột ngột, tự nhủ: “Cái chết của linh hồn.”

“Chúa ơi, Chúa ơi!” ông nói với chính mình, to thành tiếng, đuổi người ra và mở mắt. “Cái chết của linh hồn.” Những từ này tự gắn chúng vào một cảnh tượng nào đó, một căn phòng nào đó, một quá khứ nào đó mà ông từng mơ thấy. Nó trở nên rõ ràng hơn; cảnh tượng, căn phòng, quá khứ mà ông từng mơ thấy.

Đó là ở Bourton mùa hè năm ấy, hồi đầu thập niên 90, khi ông đang yêu Clarissa say đắm. Có rất nhiều người ở đó, cười nói râm ran, ngồi quanh một cái bàn sau bữa tiệc trà và căn phòng tắm trong một ánh sáng vàng vọt, đầy khói thuốc. Họ đang trò chuyện về một người đàn ông đã cưới nàng hầu của mình, một trong những địa chủ ở gần đó, ông đã quên tên của ông ta. Ông ta đã cưới nàng hầu của mình, và cô ta đã được đưa tới thăm Bourton – đó là một cuộc thăm viếng khó chịu. Cô ta ăn mặc trưng diện một cách lỗ bịch, giống như một con vẹt mào, Clarissa bảo, nhại theo cô ta, và cô ta nói không ngừng. Cô ta cứ nói liếng thoảng, huyền thuyên. Clarissa nhại theo cô ta. Thế rồi có ai đó lên tiếng – đó là Sally Seton – việc biết rằng trước khi kết hôn cô ta đã có một đứa con có tạo nên bất kỳ khác

biệt thật sự nào trong cảm giác của một người đàn ông hay không? (vào thời đó, trong một cuộc họp mặt lẫn lộn, nói thế là rất trơ trẽn.) Giờ đây ông có thể nhìn thấy Clarissa, mặt ửng hồng, hơi co người lại; và nói: “Ồ, tôi sẽ không bao giờ có thể nói chuyện với cô ta nữa!” Sau đó, toàn thể đám tiệc đang ngồi quanh bàn dường như rúng động. Điều đó rất khó chịu.

Ông không trách bà ấy về việc lưu tâm tới thực tế đó, vì vào thời ấy, một cô gái mới lớn như bà ấy không biết gì cả, nhưng chính cung cách của bà ấy khiến ông phiền lòng; bẽn lễn; nghiêm khắc; hơi ngạo mạn; thiếu đầu óc tưởng tượng; đoan trang vờ vịch. “Cái chết của linh hồn.” Ông đã nói câu đó theo bản năng, dán nhãn cho giây phút đó như ông thường làm – cái chết của linh hồn bà ấy.

Mọi người đều rúng động; mọi người dường như cúi chào, trong lúc bà ấy nói, và rồi đứng lên, khác hẳn. Ông có thể nhìn thấy Sally Seton, như một đứa trẻ con đang bực tức, nghiêng người tới trước, hơi đỏ mặt, muốn nói, nhưng lại sợ, và Clarissa đã làm cho mọi người hoảng sợ. (Cô là bạn thân nhất của Clarissa, luôn có mặt ở đó, hoàn toàn khác với bà ấy, một sinh vật hấp dẫn, xinh đẹp, da ngăm, nổi tiếng táo bạo hồi thời ấy, và ông đã cho cô những điều xì gà mà cô hút trong phòng ngủ. Cô đã hứa hôn với ai đó hoặc đã gây gỗ với gia đình mình và ông cụ Parry không ưa cả hai người bọn họ như nhau, đó là một mối liên kết lớn lao giữa họ.) Thế rồi Clarissa, vẫn trong một dáng vẻ bị xúc phạm, đứng lên, viện một lý do nào đó, và bước ra khỏi phòng. Khi bà ấy mở cửa, cái con chó chăn cừu lông xồm ấy chạy vào. Bà ấy ôm chầm lấy nó, rơi vào trạng thái mê ly. Như thế bà ấy nói với Peter – tất cả đều nhắm vào ông, ông biết – “Tôi biết ngay lúc này anh nghĩ rằng tôi vô lý về người phụ nữ này; nhưng hãy nhìn xem tôi cực kỳ thông cảm ra sao; hãy nhìn xem tôi yêu Rob của tôi ra sao!”

Họ luôn có cái khả năng giao tiếp không cần lời lẽ lạ lùng này. Bà ấy biết ngay ông đang chỉ trích mình. Thế là bà ấy sẽ làm một điều gì đó hoàn toàn hiển nhiên để tự vệ, như cái trò nhặng xỉ với con chó này – nhưng nó không bao giờ đánh lừa được ông, ông luôn nhìn thấu Clarissa. Không phải ông đã nói bất cứ điều gì, dĩ nhiên; chỉ ngồi cau mặt nhìn. Những cuộc cãi vã giữa họ thường bắt đầu theo cách đó.

Bà ấy đóng cửa. Ngay tức khắc ông trở nên cực kỳ phiền muộn. Tất cả dường như vô ích – tiếp tục yêu; tiếp tục cãi nhau; tiếp tục làm hòa, và ông rời phòng đi lang thang một mình, giữa những ngôi nhà phụ, những chuồng ngựa, nhìn những con ngựa. (Chốn này hoàn toàn là một nơi khiêm tốn, gia đình Parry chưa bao giờ rất giàu có; nhưng luôn có những người giữ ngựa và những cậu bé chăm sóc ngựa quanh đó – Clarissa thích cưỡi ngựa – và một người đánh xe già – tên ông ấy là gì nhỉ? – một bà vú già, cụ Moody, cụ Goody, họ gọi bà ta với cái tên đại loại như thế, ông đã được đưa tới thăm bà ta trong một căn phòng nhỏ có nhiều tấm ảnh, nhiều cái lồng chim.

Đó là một buổi tối kinh khủng! Càng lúc ông càng buồn chán, không chỉ về chuyện đó; về tất cả mọi chuyện. Và ông không thể nhìn thấy bà ấy; không thể giải thích với bà ấy; không thể tranh luận. Luôn có mọi người quanh đó – bà ấy cứ tiếp tục như thể không có gì xảy ra. Đó là cái phần quái quỷ của bà – sự lạnh lùng này, sự thô cứng này, một điều gì đó rất sâu sắc trong bà, mà ông đã cảm nhận lại lần nữa hồi sáng này khi trò chuyện với bà ấy; một tính chất bất khả xâm nhập. Thế nhưng trời đất biết ông yêu bà ấy. Bà ấy có một quyền năng lạ lùng nào đó trong việc kéo đàn trên những sợi dây thần kinh của người ta, biến những sợi thần kinh của người ta thành những sợi dây đàn vĩ cầm, vâng.

Sau đó ông đã vào ăn tối muộn, từ một ý tưởng ngu ngốc nào đó để cảm thấy dễ chịu hơn, và đã ngồi xuống cạnh bà cụ họ Parry – cô Helena – em của ông Parry, được xem là chủ trì bữa tiệc. Bà ngồi đó với chiếc khăn choàng Cashmere trắng toát, mái đầu nổi lên trên cửa sổ – một phu nhân già kinh khủng, nhưng tử tế với ông, vì ông đã tìm được cho bà một loại hoa hiếm có, và bà là một nhà thực vật học lớn, bước ra khỏi nhà với một đôi ủng dày và một cái thùng đựng mẫu vật treo giữa hai vai. Ông ngồi bên cạnh bà, và không thể nói năng gì. Mọi sự vật dường như đang chạy ào qua ông; ông chỉ ngồi đó, và ăn. Và vào giữa buổi tiệc, ông tự buộc mình nhìn sang Clarissa lần đầu tiên. Bà ấy đang nói chuyện với một thanh niên ngồi bên tay phải của mình. Ông có một phát hiện bất ngờ. “Cô ta sẽ lấy người đàn ông đó,” ông tự nhủ. Thậm chí ông còn chưa biết tên của anh ta.

Bởi tất nhiên trong buổi tối đó, chính cái buổi tối đó, Dalloway đã tới, và Clarissa đã gọi anh ta là “Wickham”; đó là sự khởi đầu của tất cả mọi chuyện. Một người nào đó đã đưa anh ta tới, và Clarissa đã nghe nhầm tên của anh ta. Bà ấy đã giới thiệu anh ta với mọi người là Wickham. Rốt cuộc anh ta nói: “Tôi tên là Dalloway!” – đó là lần đầu tiên ông gặp Richard – một thanh niên trắng trẻo, hơi ngượng nghịu, ngồi trên một cái ghế xếp, và bật thốt “Tôi tên là Dalloway!” Sally đã chớp ngay lấy nó; sau đó cô luôn gọi anh ta là “Tôi tên là Dalloway!”

Lúc ấy, ông là một nạn nhân của những phát hiện. Phát hiện này – rằng bà ấy sẽ cưới Dalloway – khiến mắt lòa đi – hoàn toàn áp đảo vào lúc đó. Có một kiểu – ông có thể nói sao nhỉ – một kiểu thoải mái trong cung cách của bà ấy đối với anh ta; một điều gì đó mang tính chất tình mẫu tử; một điều gì đó dịu dàng. Họ nói chuyện về chính trị. Suốt bữa ăn tối ông đã cố nghe xem họ đang nói gì.

Sau đó, ông có thể nhớ đã đứng cạnh ghế của bà cô già Parry trong phòng khách. Clarissa đi tới, với cung cách hoàn hảo, như một bà chủ nhà thật sự, và muốn giới thiệu ông với một ai đó – đã nói như thể họ chưa bao giờ gặp nhau trước đó, điều này khiến ông giận điên lên. Thế nhưng ngay cả lúc đó ông vẫn ngưỡng mộ bà ấy về chuyện đó. Ông ngưỡng mộ sự can đảm của bà, bản năng xã hội của bà; ông ngưỡng mộ khả năng hoàn tất thành công mọi sự của bà. “Vị chủ nhân hoàn hảo,” ông đã nói với bà, khiến mặt bà nhăn lại. Nhưng ông muốn bà cảm thấy điều đó. Ông sẽ làm bất kỳ điều gì để khiến cho bà ấy tổn thương sau khi nhìn thấy bà ấy với Dalloway. Vì thế bà ấy đã rời khỏi ông. Và ông có cảm giác rằng tất cả bọn họ tập hợp với nhau trong một âm mưu chống lại ông – cười cười nói nói sau lưng ông. Ông đứng đó cạnh cái ghế của bà cô Parry như thể ông đang nói với những loài hoa dại. Chưa bao giờ, chưa bao giờ ông đau khổ kinh khủng đến thế! Hẳn ông đã quên ngay cả việc giả vờ lắng nghe; cuối cùng ông tỉnh lại; ông thấy bà cô Parry trông có vẻ hơi bức dọc, phẫn nộ thì đúng hơn, với đôi mắt lồi dán vào ông. Ông suýt kêu lên rằng ông không thể tham gia vì ông đang ở trong địa ngục! Mọi người bắt đầu rời khỏi phòng. Ông nghe họ nói về việc lấy những cái áo choàng; và việc trời lạnh trên mặt

nước, vân vân. Họ sẽ đi thuyền trên hồ để ngắm trăng – đó là một trong những ý tưởng điên rồ của Sally. Ông có thể nghe cô mô tả mặt trăng. Và cả bọn kéo ra ngoài. Ông bị bỏ lại, hoàn toàn cô độc.

“Bạn không muốn đi với họ à?” Cô Helena hỏi – bà cô già Parry! – bà đã đoán ra. Ông quay người lại và Clarissa lại xuất hiện. Bà ấy đã quay lại đón ông. Ông bị áp đảo bởi sự rộng lượng của bà – lòng tốt của bà.

“Đi thôi.” Bà ấy nói. “Họ đang đợi.” Suốt cả đời mình, ông chưa bao giờ cảm thấy hạnh phúc đến thế! Họ đã làm hòa với nhau không cần nói một lời. Họ bước xuống hồ. Ông có hai mươi phút hoàn toàn hạnh phúc. Giọng nói của bà, tiếng cười của bà, chiếc váy của bà (một thứ gì đó bình bình, trắng tinh, đồ thẩm), tinh thần của bà, sự mạo hiểm của bà; bà đã khiến cho tất cả bọn họ phải lên thuyền và khám phá hòn đảo; bà đã làm cho một con gà mái giật mình; bà cười khanh khách; bà hát. Và trong suốt thời gian đó, ông biết rất rõ, Dalloway đã phải lòng bà; bà đã phải lòng Dalloway; nhưng điều đó dường như không quan trọng. Không có gì quan trọng. Họ ngồi trên mặt nước và trò chuyện – ông và Clarissa. Họ ra vào tâm trí của nhau không cần chút nỗ lực nào. Và rồi trong một giây tất cả kết thúc. Ông tự nhủ khi họ đi xuống thuyền: “Cô ấy sẽ lấy người đàn ông đó,” một cách ơ thờ, không chút oán giận; nhưng đó là một điều hiển nhiên. Dalloway sẽ cưới Clarissa.

Dalloway chèo thuyền đưa họ vào. Ông không nói lời nào. Nhưng vì lý do nào đó khi họ quan sát anh ta xuất phát, nhảy lên chiếc xe đạp của mình để đạp hai mươi dặm qua khu rừng, ngoài lại trên yên xe, vẫy tay và biến mất, rõ ràng ông đã cảm thấy, một cách bản năng, lớn lao, mạnh mẽ, tất cả những điều đó; đêm đó; mối tình lãng mạn; Clarissa. Anh ta xứng đáng có cô ấy.

Về phần mình, ông thật vô lý. Những đòi hỏi của ông đối với Clarissa (giờ ông có thể nhìn thấy nó) thật vô lý. Ông đã yêu cầu những điều bất khả. Ông đã tạo ra những màn kịch kinh khủng. Tuy nhiên, hẳn bà ấy sẽ chấp nhận ông, có lẽ, nếu ông ít vô lý hơn. Sally cũng nghĩ như vậy. Suốt mùa hè đó cô ta đã viết cho ông những lá thư dài; họ đã nói về ông ra sao; bà ấy đã ca ngợi ông thế nào, Clarissa đã khóc ra sao! Đó là một mùa hè

đặc biệt – tất cả những lá thư, những cảnh tượng, những bức điện tín – tới Bourton vào sáng sớm, đi lang thang vợ vẫn cho tới khi những người giúp việc xuất hiện; dọa dẫm nhau mặt đối mặt với ông cụ Parry vào bữa điếm tâm; bà cô Helena rất kinh khủng nhưng tốt bụng; Sally lôi ông ra vườn rau trò chuyện; Clarissa nằm trên giường vì bị nhức đầu.

Cảnh tượng cuối cùng, cái cảnh tượng mà ông tin rằng đáng kể hơn bất kỳ thứ gì trong suốt đời ông (có thể đó là một sự cường điệu – nhưng đến giờ dường như nó vẫn như vậy), đã xảy ra lúc ba giờ chiều của một ngày rất oi bức. Một chuyện nhỏ nhặt đã dẫn tới nó – trong bữa ăn trưa Sally đã nói gì đó về Dalloway, và gọi ông ta là “Tôi tên là Dalloway”; tiếp đó Clarissa đột nhiên cứng người lại, đỏ mặt lên, theo cách của bà ấy, và gay gắt thốt lên: “Chúng ta đã có đủ cái thứ chuyện đùa nhạt như nước ốc đó.” Chỉ có thế. Nhưng với ông, nó chính xác như thể bà ấy đã nói, “Tôi chỉ giải trí với anh thôi; tôi có một sự thấu hiểu với Richard Dalloway.” Ông hiểu nó như vậy. Ông đã mất ngủ nhiều đêm. “Bằng cách này hay cách khác phải kết thúc chuyện này,” ông tự nhủ. Ông nhờ Sally gửi cho bà một lá thư đề nghị bà gặp ông ở cạnh đài phun nước lúc ba giờ. “Có một điều rất quan trọng đã xảy ra,” ông viết ở cuối thư.

Cái đài phun nước nằm giữa một khu vực nhỏ nhiều bụi rậm, cách xa ngôi nhà, với những bụi rậm và cây cối xung quanh. Bà ấy tới đó, thậm chí trước giờ hẹn, và họ đứng đó, ở giữa là cái vòi phun nước, cái vòi (nó đã bị vỡ) không ngừng nhỏ giọt. Những cảnh tượng tự gắn chúng vào tâm trí lâu bền làm sao! Ví dụ, lớp rêu xanh rục rở.

Bà ấy không nhúc nhích. “Hãy nói với tôi sự thật, nói với tôi sự thật,” ông lặp đi lặp lại. Ông cảm thấy như thể trán mình sẽ nổ tung. Dường như bà ấy co rúm lại, điếng người. Bà ấy không nhúc nhích. “Hãy nói với tôi sự thật,” ông lặp lại, khi đột nhiên ông già Breitkopf ló đầu ra, mang theo tờ Times; nhìn họ chòng chọc; thở dốc, rồi bỏ đi. Không ai trong hai người bọn họ nhúc nhích. “Hãy nói với tôi sự thật,” ông lặp lại. Ông cảm thấy ông đang nghiên một thứ gì đó rất cứng về mặt vật lý; bà ấy cứng cõi. Bà ấy giống như sắt, giống như đá lửa, cứng rắn từ trong xương sống. Và khi bà ấy nói, “Việc đó chẳng ích gì. Việc đó chẳng ích gì. Đây là kết thúc” – sau

khi ông đã nói hàng giờ, dường như vậy, với những giọt nước mắt lăn trên má – như thể bà ấy đã tát vào mặt ông. Bà ấy quay lưng, rời khỏi ông, bỏ đi mất.

“Clarissa! Ông kêu lên. “Clarissa!” Nhưng bà ấy không bao giờ quay lại. Nó đã kết thúc. Đêm đó ông đi xa. Ông không bao giờ gặp lại bà ấy.

IV

Thật kinh khủng, ông kêu lên, kinh khủng, kinh khủng!

Tuy nhiên, mặt trời đang nóng. Tuy nhiên, người ta phải chấp nhận mọi sự đã qua. Tuy nhiên sự sống có một cung cách bổ sung thêm cho mỗi ngày. Tuy nhiên, ông nghĩ, ngáp dài và bắt đầu chú ý – công viên Regent's đã thay đổi rất ít từ khi ông còn là một cậu bé, ngoại trừ những con sóc – tuy nhiên, giả sử có những bù đắp – khi em bé Elise Mitchell, người đã nhặt những hòn cuội để bổ sung cho bộ sưu tập đá cuội mà nó và anh nó đang thực hiện trên cái bệ lò sưởi của phòng trẻ em, đã trút ào cả năm cuội lên đầu gối của người vú em và đã lao hết tốc lực vào đôi chân của một quý cô. Peter Walsh cười phá lên.

Nhưng Lucrezia Warren Smith đang tự nhủ; vì sao mình phải chịu khổ? Cô đang tự hỏi, khi bước dọc theo con đường rộng. Không; mình không thể chịu đựng thêm nữa, cô đang nói, sau khi rời khỏi Septimus, kẻ không còn là Septimus nữa, cứ nói ra những điều khó nghe, độc ác, xấu xa, tự nói với chính mình, nói với một người chết, trên cái ghế đẩu kia; khi một đứa bé chạy đâm sầm vào cô, ngã sóng soài và bật khóc.

Điều đó an ủi đôi chút. Cô đỡ nó đứng lên, phủi bụi trên váy nó, hôn nó.

Nhưng với chính mình cô chưa làm điều gì sai trái cả; cô đã yêu Septimus; cô đã hạnh phúc; cô đã có một ngôi nhà đẹp đẽ, và ở đó các chị em của cô sống lặng lẽ, làm những chiếc mũ. Vì sao cô phải chịu khổ?

Đứa bé chạy thẳng về chỗ người vú em của nó, và Rezia thấy nó nhăn nhó, được vỗ về, được người vú em của nó bế lên sau khi đặt món đồ đan xuống, và người đàn ông trông có vẻ tốt bụng đưa cho nó cái đồng hồ của mình để nó mở tung ra, để an ủi nó – nhưng vì sao cô lại bị phớt trần? Vì sao không bỏ đi ở Milan? Vì sao bị hành hạ? Vì sao?

Hơi lung liêng chao động bởi những giọt nước mắt, con đường rộng, người vú em, người đàn ông mặc đồ xám, cái xe đẩy, dâng lên rồi hạ xuống

trước đôi mắt của cô. Bị kẻ hành hạ hiểm ác này làm cho rúng động là số phận của cô. Nhưng vì sao? Cô giống như một con chim ẩn náu dưới lòng trứng mong manh của một chiếc lá, chớp mắt nhìn ánh mặt trời khi chiếc lá chuyển động; giật mình với một tiếng rạn lách tách của một nhánh cây khô. Cô bị phơi trần. Cô bị vây quanh bởi những cây cối to lớn, những đám mây thênh thang của một thế giới bàng quang, bị phơi trần; bị hành hạ; và vì sao cô phải chịu khổ đau? Vì sao?

Cô nhăn mặt; cô dậm chân. Cô phải quay lại với Septimus vì đã tới lúc họ phải tới nhà ngài William Bradshaw. Cô phải quay lại và nói với anh ta, quay lại với anh ta đang ngồi đó trên cái ghế xanh bên dưới cái cây, đang nói chuyện với chính mình, hay với người đàn ông đã chết Evans đó, người mà cô chỉ thoáng nhìn thấy một lần trong trong cửa tiệm. Có vẻ như anh ta là một người lặng lẽ tốt bụng; một người bạn thân của Septimus, và anh ta đã bị giết trong chiến tranh. Nhưng những điều như thế xảy ra với mọi người. Mọi người đều có những người bạn bị giết trong cuộc chiến. Mọi người đều từ bỏ một thứ gì đó khi họ kết hôn. Cô đã từ bỏ ngôi nhà của mình. Cô đã tới sống ở đây, trong cái thành phố dễ sợ này. Nhưng Septimus cứ cho phép bản thân suy nghĩ về những điều khủng khiếp, vì cả cô cũng có thể, nếu cô cố gắng. Anh ta ngày càng trở nên xa lạ. Bà Filmer nghĩ là điều đó thật kỳ quặc. Anh ta còn nhìn thấy nhiều điều nữa – anh ta đã nhìn thấy đầu của một bà già ở giữa một lùm dương xỉ. Nhưng anh ta có thể hạnh phúc nếu anh ta chọn. Họ đã tới điện Hampton trên tầng trên của một chiếc xe buýt, và họ đã hoàn toàn hạnh phúc. Tất cả những loài hoa nhỏ màu đỏ và màu trắng đều ở ngoài bãi cỏ, như những ngọn đèn trôi nổi bập bênh, anh ta đã nói, tán gẫu và cười lớn, bịa ra những câu chuyện. Đột nhiên anh ta nói, “Giờ chúng ta sẽ tự sát,” khi họ đang đứng cạnh dòng sông, và anh ta nhìn nó với một ánh mắt mà cô đã nhìn thấy trong mắt anh ta khi có một con tàu hỏa chạy ngang, hay một chiếc xe buýt hai tầng – một ánh mắt như thể có cái gì đó đang mê hoặc anh ta; cô cảm thấy anh ta sắp rời khỏi cô và cô chụp lấy cánh tay của anh ta. Nhưng khi về nhà anh ta hoàn toàn lặng lẽ – hoàn toàn hợp lý. Anh ta thường tranh cãi với cô về việc họ tự sát; và giải thích mọi người xấu xa như thế nào; anh ta có thể thấy họ bịa đặt những lời

dối trá thế nào khi họ đi ngang qua trên phố. Anh ta biết tất cả những ý nghĩ của họ, anh ta bảo; anh ta biết mọi thứ. Anh ta biết ý nghĩa của thế gian này, anh ta bảo.

Rồi khi họ đã về nhà anh ta hầu như không thể bước đi. Anh ta nằm trên cái trường kỷ và bảo cô nắm lấy bàn tay của mình để ngăn không cho anh ta rơi xuống, rơi xuống, vào những ngọn lửa! Anh ta khóc, và nhìn thấy những gương mặt đang cười nhạo anh ta, gọi anh ta bằng những cái tên kinh tởm khủng khiếp, từ những bức tường, và những bàn tay chỉ vòng qua bức bình phong. Thế nhưng họ hoàn toàn chỉ có một mình. Nhưng anh ta bắt đầu nói lớn tiếng, trả lời mọi người, tranh luận, cười, khóc, trở nên rất kích động và bắt cô phải viết lại các thứ. Điều đó thật phi lý; về cái chết; về cô Isabel Pole. Cô không thể chịu đựng được nữa. Cô sẽ quay lại.

Lúc này cô đã tới gần anh ta, có thể nhìn thấy anh ta đang nhìn chòng chọc lên bầu trời, lẩm bẩm, vỗ tay. Thế nhưng bác sĩ Holmes đã bảo không có gì nghiêm trọng với anh ta hết. Vậy chuyện gì đã xảy ra – vậy vì sao anh ta bỏ đi, khi cô ngồi cạnh anh ta, anh ta lại giật mình, cau mặt nhìn cô, nhích ra xa, và chỉ vào tay cô, cầm lấy tay cô, nhìn nó một cách kinh hoàng?

Có phải cô đã tháo chiếc nhẫn cưới ra không? “Tay em đã trở nên quá gầy,” cô ta nói. “Em phải cất nó vào ví,” cô ta nói với anh.

Anh buông tay cô ta xuống. Cuộc hôn nhân của họ đã kết thúc, anh nghĩ, với sự thống khổ, với sự nhẹ nhõm. Sợi thừng đã bị cắt đứt; anh đã trèo lên; anh tự do, như lệnh đã ban rằng anh, Septimus, chúa tể của những người đàn ông, sẽ được tự do; đơn độc (vì vợ anh đã vất bỏ chiếc nhẫn cưới của mình; vì cô ta đã bỏ mặc anh), anh, Septimus, chỉ có một mình, được kêu gọi tiến lên trước đám đàn ông để nghe sự thật, để biết ý nghĩa, mà cuối cùng giờ đây, sau tất cả những công việc nhọc nhằn của việc dân sự hóa – những người Hy Lạp, những người La Mã, Shakespeare, Darwin và giờ là bản thân anh – sẽ phải trao tất cả cho... “Cho ai?” Anh lớn tiếng hỏi. “Cho ngài thủ tướng,” những giọng nói lao xao bên trên đầu anh trả lời. Bí mật tối cao phải được báo cho nội các; đầu tiên là những cây cối đang sống; tiếp đến là không có tội ác; tiếp đến là tình yêu, tình yêu phổ quát, anh lẩm bẩm,

thở hổn hển, run rẩy, rút ra một cách đau đớn những chân lý sâu xa này, những chân lý rất sâu xa mà cần có một nỗ lực rất đổi khó khăn, to lớn để nói lên, nhưng thế gian đã bị chúng làm cho thay đổi hoàn toàn mãi mãi.

Không có tội ác; tình yêu; anh lặp lại, lần mò tìm tằm danh thiếp và cây bút chì, khi một con chó săn giống Skye đánh hơi cái quần của anh và anh giật mình hoảng hốt. Nó đang biến thành một người đàn ông! Anh không thể quan sát chuyện này diễn ra! Việc nhìn thấy một con chó biến thành một người đàn ông thật kinh hoàng, khủng khiếp! Con chó bỏ chạy ngay lập tức.

Trời đất khoan dung cực kỳ, nhân từ vô hạn. Nó đã tha cho anh sống, khoan thứ sự yếu đuối của anh. Nhưng đâu là lý giải theo khoa học? (Vì trên tất cả mọi thứ người ta phải có đầu óc khoa học.) Vì sao anh có thể nhìn thấu qua những thân thể, nhìn thấy tương lai, khi những con chó trở thành người? Có thể cho đó là làn sóng nhiệt, tác động lên một bộ não đã trở nên nhạy cảm bởi nhiều niên đại tiến hóa. Nói theo khoa học, thịt da đã tan chảy khỏi trần gian. Thân thể anh trở nên căn cỗi cho tới khi chỉ còn sót lại những sợi thần kinh. Nó trải ra như một tấm voan trên một tảng đá.

Anh nằm ngửa trên ghế, kiệt sức nhưng giữ vững tinh thần. Anh nằm ngời ngời, chờ đợi, trước khi một lần nữa anh diễn giải cho nhân loại, với nỗ lực, với niềm thống khổ. Anh nằm rất cao, trên lưng còi thế. Quả đất rùng mình bên dưới thân anh. Những cây hoa màu đỏ mọc qua da thịt anh; những chiếc lá cứng của chúng lao xao cạnh đầu anh. Tiếng nhạc bắt đầu lan lạnh vọng lên những tảng đá trên này. Đó là một tiếng còi xe ở dưới phố, anh lắng bẫm; nhưng ở trên này nó bắn từ tảng đá này sang tảng đá khác, tách ra, nhập lại trong những âm thanh chấn động; chúng cất cao thành những cây cột mịn màng (việc có thể nhìn thấy thứ âm nhạc đó là một phát hiện) và trở thành một bản thánh ca, một bản thánh ca lúc này bị cuộn tròn lại bởi tiếng sáo của một thằng bé chăn cừu (Đó là một ông già đang thổi một cái còi thiếc cạnh tiệm rượu, anh lắng bẫm); trong lúc thằng bé bất động, bản nhạc vẫn sôi sục thoát ra từ cái ống sáo, và rồi, khi anh trèo lên cao hơn, tiếng sáo trở nên cực kỳ ảo não trong lúc xe cộ lưu thông bên dưới. Khúc bi ca của thằng bé này được chơi giữa đám xe cộ lưu thông,

Septimus nghĩ. Lúc này anh rút lui vào lớp tuyết, và những bụi hoa hồng rũ nhánh quanh anh – những nhánh hoa hồng dày mọc trên vách phòng ngủ của mình, anh tự nhắc bản thân. Tiếng nhạc dừng lại. Thằng bé đã nhận được đồng xu của nó, nhận định về đồng xu, và đã đi sang tiệm rượu kế bên.

Nhưng bản thân anh vẫn còn ở trên tầng đá cao của mình, như một thủy thủ chết đắm trên một tảng đá. Tôi vờn người ra thành tàu và rơi xuống, anh nghĩ. Tôi chìm xuống biển. Tôi đã chết, thế nhưng lúc này còn sống, nhưng hãy để tôi nằm yên; anh cầu xin (anh lại đang nói với chính mình – nó thật kinh khủng, kinh khủng!); và trong lúc, trước khi thức tỉnh, giọng hát của lũ chim chóc và âm thanh của những bánh xe trộn lẫn vào nhau và lao xao trong một sự hài hòa kỳ lạ, ngày càng lớn dần và người nằm ngủ cảm thấy mình bị cuốn tới những bãi biển cuộc đời, anh cảm thấy mình bị cuốn về phía cuộc sống như thế, mặt trời ngày càng nóng hơn, những tiếng kêu nghe lớn hơn, một điều gì đó lớn lao sắp xảy ra.

Anh chỉ cần mở mắt ra; nhưng một sức nặng đè lên chúng; một nỗi sợ. Anh căng người; anh đẩy; anh nhìn; anh nhìn thấy công viên Regent's trước mặt. Những luồng ánh nắng vuốt ve đôi bàn chân của anh. Đám cây cối nghiêng ngả, vờn cành. Chúng tôi chào đón, dường như thế giới nói; chúng tôi chấp nhận; chúng tôi sáng tạo. Vẻ đẹp, dường như thế giới nói. Và như thế để chứng minh (một cách khoa học), bất cứ nơi nào anh nhìn tới, những ngôi nhà, những hàng rào, những con linh dương đang vờn cổ qua hàng rào, vẻ đẹp ngay lập tức bùng lên. Quan sát một chiếc lá run rẩy trong luồng không khí là một niềm vui tinh tế. Trên trời, những con chim nhạn sà xuống, lượn vòng, chao liệng vào ra giữa đàn, hết vòng này sang vòng khác, thế nhưng luôn luôn với sự kiểm soát hoàn hảo như thể có một sợi dây cao su giữ chúng lại; và những con ruồi vút lên hạ xuống; và mặt trời đáp xuống khi thì chiếc lá này, lúc thì chiếc lá nọ, với sự chế giễu, khiến nó sáng lóa lên một sắc vàng mềm mại trong sự an hòa thuần khiết; và thi thoảng có một tiếng chuông hòa âm (có thể đó là một tiếng còi xe) kêu leng keng đến tuyệt vời trên những nhánh cỏ – tất cả những thứ này, êm đềm và hợp lý như thường lệ, được tạo nên từ những sự vật bình thường

như thường lệ, giờ đây là chân lý; vẻ đẹp, giờ đây đó là chân lý. Vẻ đẹp ở khắp mọi nơi.

“Đã tới lúc rồi.” Rezia nói.

Cái từ “lúc”^[23] tách đôi cái vỏ của nó ra; trút những nội dung phong phú của nó lên anh; và từ đôi môi anh rơi xuống như những cái vỏ sò, như những dăm kim loại từ một chiếc máy bay, không hề do anh thốt ra, những từ cứng, trắng, bất diệt, và chúng bay lên, tự gắn vào vị trí của chúng trong một khúc tụng ca Thời gian. Anh hát. Evans đáp lại từ sau thân cây. Những người chết ở Thessaly, Evans hát, giữa những chùm phong lan. Họ ở đó chờ cho tới khi cuộc chiến tranh kết thúc, và giờ là những người chết, giờ là chính bản thân Evans...

“Vì Chúa, đừng tới!” Septimus kêu lên. Vì anh không thể nhìn vào những người chết.

Nhưng những nhánh cây tách ra. Một người đàn ông mặc đồ xám đang thực sự bước về phía chúng. Nhưng trên người anh ta không có bùn; không một vết thương; anh ta không thay đổi. Tôi phải nói với toàn thế giới, Septimus la lên, giơ cao tay (trong lúc người đàn ông mặc đồ xám tiến tới gần hơn), giơ cao tay như một nhân vật khổng lồ đã một mình than khóc trong sa mạc suốt nhiều niên đại cho định mệnh của con người, với đôi tay áp vào trán, những nếp nhăn tuyệt vọng hằn trên má, và lúc này nhìn thấy ánh sáng ở rìa sa mạc; nó mở rộng ra và tấn công vào nhân vật đen như sắt (và Septimus hơi nhồm lên trên ghế), và với những binh đoàn người nằm sóng soài phía sau ông ta, người than khóc khổng lồ, đón nhận trong khoảnh khắc trên mặt mình toàn bộ...

“Nhưng em rất đau khổ, Septimus ạ.” Rezia nói, cố kéo anh ngồi xuống.

Nhiều triệu người than khóc; họ đã đau buồn biết bao lâu nay. Anh sẽ quay người lại, anh sẽ nói với họ trong giây lát, chỉ thêm trong giây lát, về sự khuây khỏa này, về niềm vui này, về phát hiện đáng kinh ngạc này...

“Mấy giờ, Septimus?” Rezia lặp lại. “Mấy giờ rồi?”

Anh đang nói. Anh đang bắt đầu, người đàn ông này phải chú ý tới anh. Ông ta đang nhìn họ.

“Tôi sẽ nói cho anh biết giờ.” Septimus nói, rất chậm rãi, rất uể oải, mỉm cười bí ẩn. Trong lúc anh mỉm cười với người đàn ông đã chết mặc đồ xám, đồng hồ đồ chuông – mười hai giờ kém mười lăm.

Và đó là tuổi trẻ, Peter Walsh nghĩ khi ông đi ngang qua họ. Có một cảnh tượng đáng sợ – cô gái khốn khổ trông có vẻ hoàn toàn tuyệt vọng – vào giữa buổi sáng. Nhưng đó là về cái gì, ông tự hỏi, người thanh niên mặc áo khoác đó đã nói gì với cô ta để khiến cho cô ta trông như vậy; họ đã tự gắn mình vào sự việc đáng sợ nào, khiến cả hai trông tuyệt vọng đến thế trong một buổi sáng mùa hạ đẹp trời?

Điều thú vị về việc quay trở lại Anh, sau năm năm, là cái cách thức nó khiến cho, bất kể những ngày đầu tiên ra sao, những sự việc nổi bật lên như thể người ta chưa bao giờ nhìn thấy chúng trước đó; đôi tình nhân cãi nhau dưới một gốc cây; cuộc sống gia đình của những công viên. Ông chưa bao giờ thấy London có vẻ mê hoặc như thế – sự mềm mại của những khoảng xa; sự phong dật; sự xanh tươi; sự văn minh, sau Ấn Độ, ông nghĩ, lưng thừng băng qua bãi cỏ.

Không ngờ gì nữa, sự nhạy cảm đối với những ấn tượng này đã làm hại ông. Ở tuổi mình, ông vẫn có những tâm trạng đan xen này như một cậu bé hay thậm chí một cô bé; những ngày tốt đẹp, những ngày tệ hại, bất kể vì lý do gì, niềm hạnh phúc từ một gương mặt xinh xắn rơi tụt xuống nỗi khốn khổ khi nhìn thấy một người đàn bà ăn mặc lôi thôi. Sau Ấn Độ, dĩ nhiên người ta phải lòng mọi phụ nữ người ta gặp. Ở họ có một sự tươi tắn; ngay cả người ăn mặc tồi tàn nhất chắc chắn cũng đẹp hơn năm năm trước; và với đôi mắt của ông, các thứ thời trang chưa bao giờ thích hợp đến thế; những chiếc áo choàng đen dài; thanh mảnh; tao nhã; rồi tới thói quen thú vị và rõ ràng là phổ quát về mỹ phẩm. Mọi phụ nữ, ngay cả người khả kính nhất, đều như hoa hồng đang nở; những làn môi sắc sảo; những lọn tóc đen nhánh; có sự thiết kế, mỹ thuật ở mọi nơi; một thay đổi nào đó chắc chắn đã xảy ra. Những người trẻ tuổi nghĩ về cái gì? Peter Walsh tự hỏi.

Năm năm đó – 1918 tới 1923 – vì lý do nào đó là rất quan trọng, ông ngờ thế. Mọi người trông có vẻ khác hẳn. Những tờ nhật trình dường như khác hẳn. Chẳng hạn như hiện nay có một người đàn ông viết hoàn toàn cõi

mở trên một trong những tờ tuần báo khả kính về những nhà vệ sinh. Mười năm trước bạn không thể làm điều đó – viết hoàn toàn cởi mở về những cái nhà xí trên một tờ tuần báo khả kính. Rồi tới việc lấy ra một thỏi son môi hay một nùi bông thoa phấn và trang điểm trước đám đông này nữa. Trên boong con tàu về nhà có nhiều thanh niên nam nữ – cụ thể là Betty và Bertie, ông nhớ – xử sự hoàn toàn cởi mở; bà mẹ già ngồi quan sát với mớ đồ đan, thản nhiên như không. Cô gái đứng yên và thoa phấn lên môi trước mặt mọi người. Và họ chưa đính hôn với nhau, chỉ tận hưởng một thời gian vui vẻ; không bên nào có cảm giác tổn thương. Cô ta, Betty hay gì nhỉ, cứng như một cây đinh, nhưng là một người hoàn toàn tử tế. Cô ta sẽ trở thành một bà vợ rất tốt ở tuổi ba mươi – cô ta sẽ kết hôn khi tới thời điểm thích hợp; lấy một người đàn ông giàu có nào đó và sống trong một ngôi nhà lớn gần Manchester.

Người đã thực hiện điều đó là ai nhỉ? Peter Walsh tự hỏi, quẹo vào đường Broad Walk – đã lấy một người đàn ông giàu có và sống trong một ngôi nhà lớn gần Manchester? Một ai đó đã viết cho ông một lá thư dài lai láng hoàn toàn muộn màng về “những bông hoa tú cầu xanh”. Chính việc nhìn thấy những bông hoa tú cầu xanh đã khiến cho bà ấy nghĩ tới ông và những ngày xưa – Sally Seton, tất nhiên rồi! Chính là Sally Seton – người cuối cùng trên đời này mong đợi lấy được một người đàn ông giàu có và sống trong một ngôi nhà lớn gần Manchester, cái cô nàng Sally hoang dã, táo tợn, lãng mạn!

Nhưng trong cả đám bạn xưa của Clarissa – vợ chồng nhà Whitbread, Kinderley, Cunningham, Kinloch-Jones – có lẽ Sally là người tốt nhất. Bằng cách nào đó cô đã cố hiểu đúng được vấn đề. Bằng cách nào đó cô đã nhìn thấu Hugh Whitbreads – cái gã Hugh đáng ngưỡng mộ – khi Clarissa và số còn lại đều bị anh ta mê hoặc.

“Vợ chồng nhà Whitbread à?” Ông có thể nghe cô nói. “Vợ chồng nhà Whitbread là ai? Những thương gia ngành than. Những nhà buôn khả kính.”

Cô ghét cay ghét đắng Hugh vì một lý do nào đó. Anh ta không nghĩ tới thứ gì khác ngoài ngoại hình của chính mình, cô ta bảo. Lẽ ra anh ta nên là

một công tước. Chắc chắn là anh ta sẽ cưới một trong những công nương trong hoàng tộc. Và dĩ nhiên Hugh có một sự tôn kính đặc biệt, tự nhiên nhất, siêu phàm nhất, đối với giới quý tộc Anh trong số bất kỳ người nào anh ta từng gặp gỡ. Ngay cả Clarissa cũng phải thừa nhận điều đó. Chà, nhưng anh ta là một gã rất dễ thương, rất vị tha, đã từ bỏ việc săn bắn để làm vừa lòng bà mẹ già của mình, nhớ tới sinh nhật bà cô của mình, vân vân.

Sally, thật đáng ngưỡng mộ, đã nhìn thấu tất cả những điều đó. Một trong những điều mà ông nhớ nhất là một cuộc tranh cãi vào một sáng Chủ nhật ở Bourton về những quyền của phụ nữ (cái đề tài cũ rích đó), khi Sally đột nhiên mất bình tĩnh, nổi cáu lên, và nói với Hugh rằng anh ta đại diện cho tất cả những thứ đáng ghét nhất trong cuộc sống của tầng lớp trung lưu nước Anh. Cô bảo với anh ta rằng cô cho là anh ta phải chịu trách nhiệm về tình trạng của “những cô gái nghèo ở khu Piccadilly” – Hugh, quý ông hoàn hảo, Hugh khốn khổ! – chưa từng có người đàn ông nào trông hoảng kinh hồn vía hơn thế! Sau đó cô ta bảo rằng cô ta làm thế là có mục đích (vì họ thường tụ họp với nhau trong vườn rau và trao đổi ý kiến). “Anh ta không hề đọc thứ gì, suy nghĩ điều gì, cảm thấy điều gì,” ông có thể nghe cô ta nói với cái giọng nhấn mạnh đó, nó chuyên chở rất nhiều điều hơn mức cô ta biết. Trong những cậu bé chăm sóc ngựa còn có nhiều sức sống hơn là trong Hugh, cô ta nói. Anh ta là một mẫu vật hoàn hảo của kiểu trường công lập, cô ta nói. Không quốc gia nào ngoài nước Anh có thể sản sinh ra anh ta. Cô ta thật sự hãnh học, vì một lý do nào đó; có một mối hận nào đó đối với anh ta. Một chuyện gì đó đã xảy ra – ông quên mất là gì – trong phòng hút thuốc. Anh ta đã sỉ nhục cô ta – đã hôn cô ta? Không thể tin nổi! Tất nhiên là không ai tin vào một lời chống lại Hugh. Ai có thể tin chứ? Hôn Sally trong phòng hút thuốc! Nếu đó là một công nương Edith hay phu nhân Violet thì có lẽ; nhưng không phải là cô nàng Sally ăn mặc nhếch nhác không có một xu thừa kế với một ông bố hay bà mẹ chơi cờ bạc ở Monte Carlo đó. Bởi trong số tất cả những người ông từng gặp Hugh là một gã hợm mình ghê gớm nhất – một gã xun xoe nhất – không, chính xác thì anh ta không khúm núm. Anh ta quá khinh khỉnh ta đây đối với điều đó.

Một gã hầu phòng hạng nhất là một so sánh hiển nhiên – một ai đó đi theo sau mang những cái va li; có thể tin cậy để gửi những bức điện tín – tuyệt đối cần thiết đối với những bà chủ nhà. Và anh ta đã tìm được công việc của mình – kết hôn với cô nàng Evelyn danh giá; có một chức vụ nhỏ ở triều đình, chăm sóc cho những hầm rượu của đức vua, lau chùi những cái khóa giày của hoàng đế, đi lại với cái quần chèn gối và những ống tay áo viền đăng ten. Cuộc sống thật tàn nhẫn biết bao! Một công việc nhỏ ở triều đình!

Anh ta đã cưới tiểu thư này, cô nàng Evelyn danh giá, và họ sống gần đây đây, ông nghĩ thế (khi nhìn vào những ngôi nhà tráng lệ quay ra hướng công viên), vì ông đã có lần ăn trưa ở đó, trong một ngôi nhà mà, như tất cả các tài sản của Hugh, có một thứ gì đó mà không ngôi nhà khác có thể có được – có thể đó là những cái tủ chứa quần áo vải lanh. Bạn phải tới và nhìn thấy chúng – bạn luôn phải bỏ ra nhiều thì giờ để tán thưởng bất kể nó là gì – những cái tủ chứa đồ vải lanh, những cái áo gối, những đồ nội thất cổ bằng gỗ sồi, những bức tranh, mà Hugh đã chọn ra cho một bài hát cũ. Nhưng đôi khi bà Hugh để lòi cái dốt ra. Cô ta là một trong những phụ nữ nhỏ nhắn như chuột nhắt luôn hâm mộ những gã đàn ông to lớn. Cô ta hoàn toàn không đáng kể. Rồi đột nhiên cô ta nói một điều gì đó hoàn toàn bất ngờ – một điều gì đó sắc sảo. Có lẽ cô ta có tàn tích những lễ thói trưởng giả. Hơi than quá nồng đối với cô ta – nó khiến cho bầu không khí dày đặc. Và họ sống như thế, với những cái tủ đựng đồ vải lanh, những người chủ nhà đất già nua và những cái áo gối viền đăng ten thật với mức năm hoặc mười ngàn bảng mỗi năm, có lẽ, trong lúc ông, người lớn hơn Hugh hai tuổi, vẫn lang thang để tìm một việc làm.

Ở tuổi năm mươi ba ông phải tới và nhờ họ gửi gắm ông vào một văn phòng thư ký nào đó, tìm cho ông một công việc trợ giáo tiếng Latin cho những cậu bé, chịu sự sai khiến của một viên quan lại nào đó trong một văn phòng, một việc làm nào đó có thể mang lại năm trăm bảng một năm; vì nếu ông cưới Daisy, ngay cả với tiền lương hưu của ông, họ cũng không thể nào sống nổi.

Có lẽ Whitebread có thể làm được điều này; hoặc Dalloway. Ông không quan tâm tới điều ông đã yêu cầu Dalloway. Ông ta là một người hoàn toàn tốt; hơi hạn chế một chút; chậm hiểu một chút; phải, nhưng là một người hoàn toàn tốt. Bất kể bắt đầu một việc gì, ông ta đều thực hiện nó với cùng một cách thức thực tế; không có chút đầu óc tưởng tượng nào, không một tia sáng tài hoa, nhưng với sự tỉ mỉ bất khả lý giải theo cách của ông ta. Lẽ ra ông ta phải là một quý ông ở nông thôn – ông ta đã lãng phí cho chính trị. Ông ta có khả năng tốt nhất ở ngoài trời, với lũ ngựa và lũ chó – chẳng hạn, ông ta đã tài giỏi biết bao khi con chó lông xồm to lớn của Clarissa bị mắc bẫy và đứt mất bàn chân, Clarissa ngất xỉu và Dalloway đã làm mọi thứ: băng bó, buộc nẹp, bảo Clarissa đừng có ngốc nghếch. Có lẽ bà ấy thích ông ta ở điều đó. Đó là thứ bà ấy cần. “Nào, cô thân mến, đừng có ngốc thế. Giữ lấy cái này, đi lấy cái kia,” suốt thời gian đó nói chuyện với con chó như thể nó là một con người.

Nhưng làm sao bà ấy có thể nuốt trôi tất cả những thứ thơ thần đó nhỉ? Làm sao bà ấy có thể để cho ông ta nói tràng giang đại hải về Shakespeare thế nhỉ? Một cách nghiêm túc, trang trọng, Richard Dalloway tỏ ra tức giận và bảo rằng không người đàn ông lịch sự nào nên đọc những bài sonnet của Shakespeare vì nó giống như nghe lén qua lỗ khóa (ở ngoài những mối quan hệ không phải là một điều ông ta chấp nhận). Không người đàn ông lịch sự nào nên để cho vợ mình tới thăm một cô em gái đã chết. Thật không thể tin nổi! Điều duy nhất để làm là xối xả tấn công ông ta bằng món mứt quả hạnh – đó là vào bữa tối. Nhưng Clarissa đã bị che mắt hoàn toàn; nghĩ rằng ông ta rất chân thành; rất độc lập; có trời biết bà ấy có nghĩ rằng ông ta là người có đầu óc bình thường nhất mà bà ấy từng gặp hay không.

Đó là mối liên kết giữa Sally và ông. Có một khu vườn nơi họ thường đi dạo, một nơi có tường bao bọc, với những bụi hoa hồng và những cây cải bắp to lớn – ông có thể nhớ Sally đã hái một bông hồng, dừng lại để cảm thán về vẻ đẹp của những lá cải bắp dưới ánh trăng (thật lạ lùng, cách thức tất cả những chuyện mà ông không nghĩ tới suốt nhiều năm quay lại với ông), trong lúc cô ta van nài ông, dĩ nhiên là nửa đùa nửa thật, hãy chiếm lấy trái tim của Clarissa, để cứu bà ấy khỏi gia đình Hugh và Dalloway và

tất cả những quý ông hoàn hảo khác, những kẻ sẽ bóp nghẹt linh hồn của bà ấy (dạo đó bà ấy viết hàng tập thơ), biến bà ấy thành một bà chủ nhà đơn thuần, khuyến khích bà ấy trở nên phàm tục. Nhưng người ta ngưỡng mộ Clarissa. Dù sao đi nữa, bà ấy đã không lấy Hugh. Bà ấy có một nhận thức hoàn toàn rõ ràng về điều mình muốn. Tất cả mọi cảm xúc của bà ấy đều ở trên bề mặt. Bên dưới, bà ấy rất sắc sảo – chẳng hạn giỏi xét đoán về tính cách hơn Sally nhiều, và với tất cả những điều đó, bà hoàn toàn nữ tính; với khả năng thiên phú khác thường ấy, cái khả năng thiên phú của một người phụ nữ trong việc tạo ra một thế giới riêng ở bất cứ nơi đâu bà ấy có mặt. Bà ấy bước vào một căn phòng; bà ấy đứng, như ông thường nhìn thấy bà ấy, ở lối ra vào với nhiều người xung quanh. Nhưng thứ người ta nhớ chính là Clarissa. Không phải vì bà nổi bật; bà không xinh đẹp chút nào; ở bà không có gì ấn tượng; bà chưa bao giờ nói bất cứ điều gì đặc biệt thông minh; tuy nhiên, bà có mặt ở đó; bà có mặt ở đó.

Không, không, không! Ông không còn yêu bà ấy nữa! Ông chỉ cảm thấy, sau khi gặp bà hồi sáng, với cây kéo và những mảnh lụa, đang chuẩn bị cho bữa tiệc, không thể nào thoát khỏi ý nghĩ về bà ấy; bà ấy cứ quay lại, quay lại mãi, như một cái giường ngủ cứ xóc người ông lên trong một toa xe lửa; dĩ nhiên đó không phải là tình yêu; chỉ là việc suy nghĩ về bà ấy, phê phán bà ấy, bắt đầu lần nữa, sau ba mươi năm, cố lý giải về bà ấy. Điều hiển nhiên để nói về bà ấy là bà ấy thực tế; quan tâm quá nhiều tới giai tầng và xã hội và việc tiến thân trong đời – ở ý nghĩa nhất định điều này đúng; bà ấy đã thừa nhận với ông điều đó. (Bạn luôn có thể làm cho bà ấy thừa nhận nếu bạn gắng công; bà ấy trung thực.) Điều bà ấy sẽ nói là bà ấy ghét những phụ nữ ăn mặc lôi thôi, những kẻ thất bại, có lẽ giống như ông; nghĩ rằng mọi người không có quyền đi lại lừ đừ với hai bàn tay thọc trong túi; phải làm điều gì đó, phải là một thứ gì đó; và người ta gặp những nhân vật lớn ăn mặc bảnh bao này, những nữ công tước này, những nữ công tước già khụ trong phòng khách của bà ấy, xa rời vô tả như ông cảm thấy với bất cứ thứ gì quan trọng, đại diện cho một thứ gì đó có thật đối với bà ấy. Phu nhân Bexborough, có lần bà ấy nói, đã giữ người rất thẳng (bản thân Clarissa cũng thế; bà ấy không bao giờ ngồi với vẻ uể oải theo bất cứ ý

nghĩa nào của từ này; bà ấy thẳng như một chiếc lao, thật sự là hơi cứng nhắc). Bà ấy bảo họ có một kiểu can đảm mà càng lớn tuổi hơn bà ấy càng kính trọng hơn. Trong tất cả những điều này Dalloway chiếm một phần lớn, dĩ nhiên; một phần lớn của tinh thần vì mọi người, đế quốc Anh, sự cải cách thuế má, tinh thần của giai cấp thống trị, đã lớn lên trong bà như nó có xu hướng là thế. Với trí thông minh gấp đôi ông ta, bà ấy phải nhìn thấy mọi sự qua đôi mắt của ông ta, một trong những bi kịch của cuộc sống hôn nhân. Với trí tuệ của mình, bà ấy phải luôn trích dẫn lời của Richard – như thể người ta không thể biết chút gì về một cái tựa mà Richard nghĩ tới bằng cách đọc tờ Morning Post của một buổi sáng! Mấy bữa tiệc này chẳng hạn, là tất cả đối với ông ta, hoặc đối với ý nghĩ của bà ấy về ông ta (nói một cách chính xác, lẽ ra Richard sẽ hạnh phúc hơn nếu sống trong một nông trại ở Norfolk.) Bà ấy biến phòng khách của mình thành một nơi hội họp; bà ấy có một thiên tài về việc chuyện trò. Lần này sang lần khác, ông đã nhìn thấy bà ấy tóm lấy một thanh niên non nớt nào đó, vặn người anh ta, xoay anh ta lại, đánh thức anh ta, lèo lái anh ta. Tất nhiên có vô số người đàn độn xúm xít quanh bà. Nhưng có những người kỳ quặc bất ngờ xuất hiện; khi thì một diễn viên; khi thì một nhà văn; những con cá lạ trong bầu khí quyển đó. Và đằng sau tất cả những điều này là cái mạng lưới của sự thăm viếng, để lại những tờ danh thiếp, tỏ ra tử tế với mọi người; chạy lăng xăng với những bó hoa, những món quà nho nhỏ; một ai đó sẽ sang Pháp – phải có một cái gói hơi; một sự hút kiệt thật sự sức lực của bà ấy; tất cả những dòng lưu thông vô tận đó mà những người phụ nữ như kiểu bà ấy theo đuổi; nhưng bà ấy thực hiện nó một cách tài tình, từ một bản năng tự nhiên.

Thật lạ lùng, bà ấy là một trong những kẻ hoài nghi tuyệt đối nhất mà ông từng gặp, và có thể (đây là một lý thuyết mà ông thường bịa ra để lý giải về bà ấy, rất minh bạch theo một số cách nào đó, rất bí hiểm theo một số cách khác), có thể bà ấy đã tự nhủ: Vì chúng ta là một chủng tộc có định mệnh bi đát, bị xiềng vào một con tàu đắm (tác giả ưa thích của bà hồi còn con gái là Huxley và Tyndall, và họ ưa thích những phép ẩn dụ về biển này), vì toàn bộ sự việc là một trò đùa tệ hại, chúng ta hãy, ở bất cứ giá nào,

thực hiện phần việc của chúng ta; làm giảm bớt nỗi đau khổ của những người bạn tù của chúng ta (lại Huxley); trang trí căn ngục thất bằng những bông hoa và những cái gối hơi; cố hết sức tỏ ra lịch sự. Những tên vô lại đó, những thần linh, không thực hiện tất cả những điều đó theo cách riêng của họ – nhận thức của bà rằng những thần linh, những kẻ không bao giờ đánh mất một cơ hội để gây tổn hại, ngăn trở và làm băng hoại cuộc sống của loài người, sẽ bị cản trở ra trò nếu, dù sao đi nữa, bạn cư xử như một phu nhân. Giai đoạn đó đến ngay sau cái chết của Sylvia – sự kiện kinh khủng đó. Nhìn thấy em gái của mình bị giết chết bởi một thân cây đổ (tất cả là do lỗi của Justin Parry – tất cả do sự bất cẩn của ông ta) ngay trước mắt mình, một cô gái cũng đang ở bên rìa cuộc sống, người có tài năng nhất trong số họ, Clarissa luôn nói thế, là đã đủ để khiến cho một người trở nên cay đắng. Có lẽ sau đó bà không còn quá lạc quan nữa; bà nghĩ rằng không có các thần linh; không có ai để oán trách; và thế là bà đã phát triển thứ tín ngưỡng vô thần làm điều tốt vì sự tốt lành này.

Và dĩ nhiên bà ấy tận hưởng hết mức. Bản chất của bà ấy là hưởng thụ (vì chỉ có Chúa biết, bà ấy có những dè dặt của mình; đó là một phác thảo đơn giản, ông thường cảm thấy, mà thậm chí ông, sau tất cả ngần ấy năm, mới có thể vẽ nên về Clarissa). Dù sao, trong bà không có sự khắc nghiệt; không có cái ý thức về đức hạnh luân lý đáng kinh tởm ở những người đàn bà tốt. Bà ấy thật sự tận hưởng mọi thứ. Nếu bạn tán bộ với bà ấy trong công viên Hyde, khi thì một luống uất kim hương, khi thì một đứa bé trong chiếc xe đẩy, khi thì một vở kịch nhỏ ngớ ngẩn nào đó mà bà ấy nghĩ ra do sự kích thích của khoảnh khắc. (Rất có khả năng bà ấy sẽ nói chuyện với cặp tình nhân đó, nếu bà ấy nghĩ họ không hạnh phúc.) Bà ấy có một cảm quan về hài kịch thật sự tuyệt vời, nhưng bà ấy cần tới mọi người, luôn phải có mọi người, để trưng nó ra, với cái kết quả không thể tránh khỏi là bà phung phí thì giờ của mình, ăn trưa, ăn tối, tổ chức những bữa tiệc liên miên này, nói những điều phi lý, nói những điều bà ấy không định nói, làm cùn mòn trí tuệ của mình, đánh mất sự suy xét đúng đắn của mình. Bà ấy thường ngồi ở đầu bàn, cố gắng vô hạn để chịu đựng một lão già ngu ngốc có thể có ích cho Dalloway – họ biết những thứ đáng chán kinh khủng ở

châu Âu – hoặc Elizabeth bước vào và mọi thứ phải nhường bước trước con bé. Nó học ở một trường trung học, ở vào cái giai đoạn mơ hồ mà ông đã trải qua, một cô gái mặt tròn trĩnh, trắng trẻo, không có chút nét nào của mẹ mình, một sinh vật im lặng đứng đưng, xem mọi thứ là chuyện bình thường, mặc cho mẹ mình lảng xãng rồi rít lên vì mình, và rồi nói: “Giờ con có thể đi chưa?” như một em bé bốn tuổi; ra ngoài để chơi khúc côn cầu, Clarissa giải thích, với sự trộn lẫn giữa niềm vui và sự tự hào mà dường như chính Dalloway đã khơi dậy ở bà ấy. Và giờ đây Elizabeth đang “ra ngoài”, có lẽ; nghĩ ông là một ông già cổ hủ, cười nhạo những người bạn của mẹ mình. Chà, tốt, cứ vậy đi. Sự bù đắp của tuổi già đơn giản là điều này, Peter Walsh nghĩ, bước ra khỏi công viên Regent’s, tay cầm mũ; rằng niềm đam mê vẫn còn mạnh mẽ như trước giờ, nhưng rốt cuộc người ta đã có được cái khả năng này: nó bổ sung thêm hương vị quan trọng cho sự tồn tại – khả năng nắm giữ kinh nghiệm, xoay tròn nó một cách chậm rãi trong ánh sáng.

Đó là một lời tự thú kinh khủng (ông đội lại mũ lên đầu), nhưng giờ đây, ở tuổi năm mươi ba người ta hiếm khi cần tới mọi người nữa. Bản thân cuộc sống, từng phút giây của nó, từng giọt của nó, ở tại đây, vào khoảnh khắc này, ngay bây giờ, dưới ánh mặt trời, trong công viên Regent’s, đã đủ rồi. Thật sự là quá nhiều. Toàn bộ một cuộc đời là quá ngắn để đưa ra, khi giờ đây người ta đã thủ đắc được khả năng đó, hương vị trọn vẹn đó; để trích từng ao-xơ lạc thú, từng bóng dáng của ý nghĩa; cả hai thứ này đều đậm đặc hơn trước rất nhiều; ít tính chất cá nhân hơn rất nhiều. Việc ông sẽ lại đau khổ khi Clarissa làm cho ông đau khổ là điều không thể có. Suốt nhiều giờ liên tục (cầu Chúa để người ta có thể nói ra những điều này mà không bị nghe lén!), suốt nhiều giờ và nhiều ngày ông chưa bao giờ nghĩ tới Daisy.

Có lẽ nào khi đó ông yêu cô ấy, nhớ lại nỗi khổ, sự dẫn dắt, niềm say mê lạ thường của những ngày đó? Đây là một việc hoàn toàn khác hẳn – một việc thú vị hơn nhiều – sự thật là, dĩ nhiên, bây giờ cô ấy đang yêu ông. Và đó có lẽ là lý do vì sao, khi con tàu thật sự ra khơi, ông cảm thấy một sự nhẹ nhõm lạ thường, không muốn gì hơn là được ở một mình; bực

bộ khi phát hiện ra những quan tâm nho nhỏ của cô ấy – những điều xì gà, những cuốn sổ ghi chép, một tấm chăn cho chuyển đi – trong căn phòng trên tàu của ông. Mọi người, nếu họ trung thực, sẽ nói cùng một điều; người ta không cần tới mọi người sau tuổi năm mươi; người ta không muốn tiếp tục nói với những người phụ nữ rằng họ xinh đẹp; đó là điều mà hầu hết những người đàn ông ở lứa tuổi năm mươi sẽ nói, Peter Walsh nghĩ, nếu họ trung thực.

Nhưng rồi những cơn dâng trào cảm xúc đáng kinh ngạc này – việc rơi nước mắt lúc sáng nay, tất cả những thứ đó là nghĩa làm sao? Clarissa có thể nghĩ gì về ông? Có lẽ nghĩ ông là một gã ngốc, không phải là lần đầu. Ở dưới đáy của nó là sự ghen tức – sự ghen tức đã cứu sống mọi đam mê khác của loài người, Peter Walsh nghĩ, mở con dao nhíp ra. Cô ấy đã gặp Thị trưởng Orde, Daisy nói trong lá thư cuối của cô ấy, nói điều đó với một mục đích, ông biết; nói thế để làm cho ông ghen tức; ông có thể nhìn thấy cô ấy nhú trán lại trong lúc viết, tự hỏi có thể nói gì để làm tổn thương ông; thế nhưng nó đã không tạo được điều gì khác biệt; ông đã nổi giận! Tất cả những sự nhặng xị này về việc trở lại nước Anh và gặp những luật sư không phải là để cưới cô ta, mà để ngăn không cho cô ta kết hôn với bất kỳ ai khác. Đó là điều đã dẫn vật ông, đó là điều đã áp đảo ông khi ông thấy Clarissa bình thản đến thế, lạnh lùng đến thế, quan tâm đến thế tới chiếc váy của mình hay bất cứ thứ gì; nhận ra rằng bà ấy có thể không cần tới ông, cái mà bà ấy có thể giảm thiểu ông thành – một con lừa yếu đuối, than van. Nhưng những người phụ nữ, ông nghĩ, khép con dao nhíp lại, không biết sự đam mê là gì cả. Họ không biết ý nghĩa của nó đối với những người đàn ông. Clarissa lạnh lùng như một cột băng. Bà ấy ngồi đó cạnh ông trên chiếc trường kỷ, để cho ông nắm tay mình, tặng cho ông một nụ hôn... Ông đã tới ngã tư rồi.

Một âm thanh cắt ngang ý nghĩ của ông; một âm thanh run rẩy mong manh, một giọng nói trào lên vô phương hướng, vô sinh lực, đang bắt đầu hoặc kết thúc, chạy một cách yếu ớt và chói tai với một sự vắng mặt của toàn thể ý nghĩa loài người vào những từ: ee um fah um so, foo swee too eem oo... giọng nói không có tuổi hay giới tính, giọng nói của một dòng

suối cổ trào lên từ quả đất; nó phát ra ngay từ phía đối diện trạm xe điện ngầm của công viên Regent's từ một hình dáng cao run rẩy, giống như một cái máy bơm nước han rỉ, giống như một thân cây bị gió hoành hành mãi đến căn cả lá đang để cho cơn gió quăng quật những nhánh cây của nó trong lúc hát: ee um fah um so, foo swee too eem oo... và đung đưa, kêu cọt kẹt và rên rỉ trong trận gió thiên thu.

Xuyên qua mọi thời đại – khi mặt đường lát đá còn là cỏ, khi nó còn là đầm lầy, qua thời đại của ngà voi và khổng tượng, qua thời đại của bình minh lạng lẽ, người phụ nữ bị ngược đãi – vì bám một cái váy – với tay phải xòe ra, tay trái giữ chặt bên hông, đứng hát về tình yêu – tình yêu đã tồn tại một triệu năm, bà hát, tình yêu đã thắng thế, và hàng triệu năm trước, người yêu của bà, kẻ đã chết trong những thế kỷ này, đã bước đi, bà ngâm nga, với bà trong tháng Năm; nhưng trong quãng thời gian nhiều niên đại đó, dài như những ngày hè, và rục rờ, bà nhớ, chỉ với những hoa cúc đỏ, ông ta đã ra đi; lưỡi hái to lớn của tử thần đã quét qua những ngọn đồi mênh mênh, và cuối cùng khi bà đặt mái đầu bạc trắng già nua của mình lên mặt đất, lúc này đã trở thành một lớp xỉ băng, bà van nài các thần linh hãy đặt bên cạnh bà một bó hoa cúc tím, ở đó, trên ngôi mộ cao của bà, nơi những tia nắng cuối cùng của vầng thái dương cuối cùng ve vuốt; vì khi đó hoạt cảnh lịch sử của vũ trụ sẽ kết thúc.

Trong lúc bài hát cổ xưa trào lên ở phía đối diện trạm xe điện ngầm của công viên Regent's, dường như quả đất vẫn còn xanh mướt đầy hoa cỏ; vẫn còn, dù nó thoát ra từ một cái miệng rất thô lỗ, một cái lỗ trên mặt đất, đầy bùn, chẳng chịt rễ cây và cỏ rối, bài hát cổ xưa phun trào vẫn còn đó, ngấm qua những cọng rễ đầy máu đốt của vô vàn niên đại, những bộ xương và kho báu, chảy đi trong những dòng suối trên vệ đường và suốt dọc phố Marylebone, xuôi về hướng Euston, bồi bổ đất đai, để lại một vết âm ướm.

Vẫn còn nhớ có lần trong một tháng Năm ban sơ nào đó bà đã bước đi với người tình ra sao, cái máy bơm han rỉ này, người phụ nữ già tới tả này, với một bàn tay xòe ra để nhận những đồng xu và tay kia khép lại bên hông, sẽ còn ở đó suốt mười triệu năm, nhớ có lần bà đã bước đi thế nào trong tháng Năm, nơi hiện giờ biển khơi tuôn chảy, với ai không quan trọng

– ông ta là một người đàn ông, ồ, phải, một người đàn ông đã từng yêu bà. Nhưng sự lướt trôi của nhiều niên đại đã bôi mờ đi sự rõ ràng của cái ngày tháng Năm xa xưa đó; những cánh hoa rực rỡ đã bị sương muối phủ lên, xám và trắng bạc; và bà không còn nhìn thấy, khi bà van nài ông ta (như hiện giờ bà đang làm rất rõ ràng): “hãy chăm chú nhìn vào mắt em với đôi mắt dịu dàng của chàng”,^[24] bà không còn nhìn thấy đôi mắt nâu, bộ râu quai nón đen nhánh hay gương mặt rám nắng nữa mà chỉ một hình dáng lơ mờ, một bóng hình mà bà vẫn háo hức với sự tươi tắn như loài chim ở lứa tuổi già này, “hãy trao cho em bàn tay của chàng để em khẽ khàng áp tay lên” (Peter Walsh không thể không cho sinh vật khốn khổ này một đồng xu khi ông bước vào chiếc taxi), “và nếu có ai đó nhìn thấy thì có gì là quan trọng?” bà gặng hỏi; và bàn tay của bà khẹp chặt bên hông, và bà mỉm cười, bỏ đồng siling vào túi, và tất cả những đôi mắt tò mò đang nhìn dường như mờ đi, và những thế hệ lướt qua – vệ đường đông nghẹt những người trung lưu đang hối hả – biến mất, như những chiếc lá, để bị dẫm lên, bị nhúng và ngâm nước và làm cho mốc meo bởi mùa xuân vĩnh cửu đó...

«ee um fah um so

foo swee too eem oo»

“Bà cụ tội nghiệp.” Rezia Warren Smith nói trong lúc chờ băng qua đường.

Ôi bà cụ khốn khổ bất hạnh!

Giả sử đó là một đêm ẩm ướt? Giả sử cha của một người, hay ai đó từng biết một người trong những ngày tốt đẹp hơn đã trôi qua, và nhìn thấy người ấy đứng đó trong bùn lầy nước đọng? Và bà ấy ngủ ở đâu vào ban đêm?

Vui vẻ, hầu như hoan hỉ, âm thanh bất khả chiến bại mong manh như sợi chỉ đó cuộn vào bầu không như làn khói từ một ống khói nhà, cuộn lên trên những cây sồi thẳng tắp và tản mát thành một đám khói xanh giữa những chiếc lá trên cùng. “Và nếu có ai đó nhìn thấy thì họ có gì là quan trọng?”

Vì cô rất khốn khổ, suốt mấy tuần qua, Rezia đã gán ý nghĩa cho những sự việc xảy ra, đôi lúc hầu như cảm thấy cô có thể chặn mọi người trên phố

lại, nếu họ có vẻ là những người tốt bụng, tử tế, chỉ để nói với họ “Tôi thật bất hạnh”; và bà cụ đang hát “nếu có ai đó nhìn thấy, thì họ có gì là quan trọng?” giữa phố này khiến cô đột nhiên hoàn toàn chắc chắn rằng mọi thứ sẽ đi đúng hướng. Họ sắp tới nhà của ngài William Bradshaw; cô nghĩ tên của ông ta nghe có vẻ hay hay; ông ta sẽ chữa ngay cho Septimus. Và sau đó có một cỗ xe ngựa của người ủ rượu bia, và những con ngựa xám có gắn những túm rơm trắng vào đuôi; có những tấm áp phích quảng cáo nhật trình. Cảm thấy bất hạnh chỉ là một giấc mơ ngu xuẩn, ngu xuẩn.

Thế là họ băng qua đường, ông và bà Septimus Warren Smith, và nói cho cùng, có bất cứ thứ gì khiến họ bị chú ý, có bất cứ thứ gì khiến một khách qua đường ngờ rằng đây là một người đàn ông trẻ mang trong người một thông điệp lớn lao nhất trần đời, và hơn nữa, là người đàn ông hạnh phúc nhất trần đời, và bất hạnh nhất trần đời hay không? Có lẽ họ đi chậm hơn những người khác, và có gì đó do dự, dè dặt trong bước chân của người đàn ông, nhưng điều tự nhiên hơn đối với một viên thư ký, người chưa từng có mặt tại khu West End vào giờ này của một ngày trong tuần suốt nhiều năm, là cứ nhìn lên bầu trời, nhìn người này, kẻ nọ, người kia, như thể phố Portland Place là một căn phòng anh ta đã bước vào khi gia đình đi khỏi, những ngọn đèn chùm treo trong những túi vải lanh Hà Lan và người chăm sóc – khi cô ta để cho những luồng ánh sáng dài mờ bụi tràn lên những cái ghế bành không người, trông có vẻ kỳ quặc – nhắc một góc của tấm màn che lên, giải thích với những vị khách rằng nó là một nơi chốn tuyệt vời thế nào; thật tuyệt, anh ta nghĩ, khi anh ta nhìn những thứ bàn ghế, thật lạ lùng.

Thoạt trông, có thể anh ta là một viên thư ký, nhưng thuộc loại khá hơn; vì anh mang một đôi ủng nâu; hai bàn tay của anh có rên luyện; nét mặt nhìn nghiêng của anh – cái mũi to, đầy góc cạnh, nét nhìn nghiêng thông minh, nhạy cảm; nhưng đôi môi của anh thì hoàn toàn không, vì chúng mềm nhũn; và đôi mắt của anh (như những đôi mắt có xu hướng là thế) chỉ đơn giản là một đôi mắt; màu lục nhạt, to; anh là thế, nhìn chung, một trường hợp nửa vời, không phải loại này cũng không phải loại kia, có thể kết thúc với một ngôi nhà ở Purley và một chiếc xe hơi, hoặc tiếp tục thuê

những căn hộ ở các dãy phố mặt hậu suốt đời mình; một trong những người đàn ông có trình độ văn hóa nửa vời, tự học, mà toàn bộ học vấn của anh ta là từ những cuốn sách mượn ở những thư viện công cộng, đọc vào lúc chiều tối sau một ngày làm việc, làm theo lời khuyên của những tác giả nổi tiếng đã tư vấn qua thư.

Còn về phần những kinh nghiệm khác, những kinh nghiệm cô đơn mà mọi người trải qua một mình, trong phòng ngủ, trong văn phòng, khi bước trên những cánh đồng và những đường phố của London, anh có chúng; đã rời khỏi nhà, khi chỉ là một cậu bé, vì mẹ của anh; bà đã nói dối; vì anh đi xuống uống trà lần thứ năm mươi với đôi tay chưa rửa; vì anh không thể nhìn thấy tương lai cho một nhà thơ ở thị trấn Stroud; và thế là, sau khi thổ lộ tâm tình với cô em gái nhỏ, anh đã tìm tới London, bỏ lại một lá thư ngắn, như kiểu những người vĩ đại từng viết, mà sau đó thế giới sẽ đọc khi câu chuyện về những cuộc đấu tranh của họ đã trở nên nổi tiếng.

London đã nuốt sống nhiều triệu thanh niên có tên là Smith; dù không có gì kỳ lạ ở những cái tên thánh như Septimus mà cha mẹ của họ đã nghĩ ra để phân biệt họ. Ở trọ trên phố Euston, có những kinh nghiệm, lại những kinh nghiệm, như thời gian hai năm đã biến đổi một gương mặt, từ trái soan hồng hào ngây thơ trở thành một gương mặt gầy guộc, teo tóp, đầy thù địch. Nhưng trong số tất cả những điều này, một người bạn giỏi quan sát nhất có thể nói gì ngoại trừ điều một người làm vườn nói khi sáng ra ông ta mở cánh cửa vào nhà kính và phát hiện ra có một cây vừa mới nở hoa: Nó đã nở hoa; nở hoa từ sự phù phiếm, tham vọng, lý tưởng chủ nghĩa, niềm đam mê, sự cô độc, lòng can đảm, sự lười nhát, tất cả những hạt giống bình thường đã rớt tung lên (trong một căn phòng ở phố Euston) khiến cho anh hổ thẹn và nói cà lăm, khiến anh nôn nóng muốn tự cải thiện bản thân, khiến anh phải lòng cô Isabel Pole, đang giảng dạy về Shakespeare ở phố Waterloo.

Ông ấy không giống Keats sao? Cô ta hỏi; và nhớ lại cô ta có thể cho anh nếm thử cảm giác về Antony và Cleopatra và số còn lại ra sao; cho anh mượn những cuốn sách; viết cho anh những lá thư; và thắp lên trong anh một ngọn lửa chỉ bùng lên một lần trong suốt một đời người, không sức

nóng, lấp lóe một ngọn lửa đỏ vàng vô cùng thoát tục và không có thật đối với cô Pole; Anthony và Cleopatra; và phố Waterloo. Anh nghĩ cô ta xinh đẹp, tin vào sự khôn ngoan hoàn hảo của cô ta; mơ về cô ta; viết cho cô ta những bài thơ, mà, làm thơ không thêm chú ý tới chủ đề, cô ta sửa lại chúng bằng mực đỏ; anh nhìn thấy cô ta đang đi trong một quảng trường, mặc một cái váy xanh lá. “Nó đã nở hoa,” người làm vườn có thể nói, nếu ông ta mở cửa ra; nghĩa là nếu ông ta bước vào, vào giờ này của bất kỳ đêm nào, và nhìn thấy anh đang xé nát những gì mình viết; tìm thấy anh đang hoàn thành một kiệt tác vào lúc ba giờ sáng và chạy ra ngoài để thả bước trên những con đường, viếng thăm các nhà thờ, hôm này nhịn ăn, hôm khác say sưa chè chén, ngẫu nhiên đọc Shakerpeare, Darwin, Lịch sử của nền văn minh và Bernard Shaw.

Có điều gì đó đang xảy ra, ông Brewer biết; ông Brewer, chánh văn phòng hãng Sibleys và Arrowsmiths, người điều khiển các cuộc bán đấu giá, định giá viên, đại diện chủ đất và bất động sản; điều gì đó đang xảy ra, ông nghĩ, và, quan tâm tới những chàng trai giúp việc của mình như một người cha, và đánh giá rất cao các khả năng của Smith, tiên đoán rằng cậu ta, trong vòng mười hoặc mười lăm năm, sẽ ngồi vào cái ghế bành bọc da ở phòng trong bên dưới cửa sổ mái nhà với những cái hộp kim loại đựng hồ sơ xung quanh, “nếu cậu ta giữ gìn sức khỏe của mình,” ông Brewer nói, và nguy hiểm là chỗ đó – trông anh ta yếu ớt quá; ông đã khuyên anh ta chơi bóng đá, mời anh ta tới ăn tối và đang theo dõi cách thức của anh ta để xét tới việc đề nghị tăng lương thì một chuyện đã xảy ra, xóa đi nhiều tính toán của ông, tước mất những chàng trai có năng lực nhất của ông, và cuối cùng, những ngón tay của cuộc chiến châu Âu thật quá tọc mạch và xảo quyệt, đã phá tan một cái khuôn đúc tượng Ceres^[25], xới một cái hố trong những luống cây phong lữ, và phá hỏng hoàn toàn những sợi dây thần kinh của người đầu bếp tại cơ sở kinh doanh của ông Brewer ở Muswell Hill.

Septimus là một trong những tình nguyện viên đầu tiên. Anh sang Pháp để cứu một nước Anh bao gồm hầu như toàn bộ những vở kịch của

Shakespeare và cô Isabel Pole mặc chiếc váy xanh đi dạo trong một quảng trường.

Ở đó, trong những chiến hào, sự thay đổi mà ông Brewer ao ước khi ông khuyên về bóng đá đã xuất hiện ngay lập tức; anh đã phát triển tính cách đàn ông; anh được đề bạt; anh thu hút sự chú ý, thật ra là cảm tình của viên sĩ quan chỉ huy anh, Evans. Đó là trường hợp hai con chó đang chơi đùa trên một tấm thảm trước lò sưởi; một con nhá nhá một con đình ốc đóng giầy, gầm gừ, táp, thỉnh thoảng lại nhá nhá tai của con chó già; con kia nằm ngủ lơ mơ, hấp háy mắt trước ngọn lửa, giơ một bàn chân lên, quay lại và gầm gừ một cách hiền hậu. Họ phải ở bên nhau, chia sẻ với nhau, đánh nhau, cãi cọ nhau. Nhưng khi Evans (Rezia, chỉ gặp anh ta một lần, gọi anh ta là một “con người lạnh lẽ”, một gã đàn ông tóc đỏ, cường tráng, kín đáo khi có mặt những người phụ nữ), khi Evans bị giết ở Ý, ngay trước Ngày đình chiến, Septimus, không hề biểu lộ chút cảm xúc hay ghi nhận nào, rằng đây là sự kết thúc của một tình bạn, đã tự chúc mừng mình vì đã cảm xúc rất ít và rất hợp lý. Cuộc chiến đã dạy anh. Nó thật phi thường. Anh đã trải qua toàn bộ vở kịch, tình bạn, cuộc chiến châu Âu, cái chết, đã được thăng cấp, vẫn chưa tới ba mươi và nhất định phải sống sót. Anh đã ở ngay tại đó. Những quả đạn pháo cuối cùng đã sượt qua anh. Anh quan sát chúng nổ tung với sự dừng dừng. Khi hòa bình lập lại, anh đang ở Milan, tạm trú trong nhà của một ông chủ nhà trọ; ngôi nhà có một mảnh sân nhỏ, những chậu hoa, những cái bàn nhỏ đặt ngoài trời, các cô con gái hành nghề làm mũ, và một tối nọ anh đã hứa hôn với Lucrezia, cô con gái nhỏ hơn, trong lúc đang hoang mang – rằng anh không thể cảm nhận được.

Vì bây giờ tất cả đã kết thúc, thỏa ước ngừng bắn đã được ký kết, và những người chết đã được chôn cất, anh chợt có những cơn sợ hãi đến đột ngột như sét đánh này, nhất là vào chiều tối. Anh không thể cảm thấy. Khi mở cửa căn phòng nơi những cô gái Ý đang ngồi làm mũ, anh có thể nhìn thấy họ; có thể nghe thấy họ; họ đang chà những sợi dây giữa những hạt nhiều màu trong những cái đĩa nông; họ đang tạo dáng cho những mảnh vải hồ cứng; cái bàn vương vải những chiếc lông chim, trang kim, lụa, ruy băng; những cây kéo đang nhấp trên bàn; nhưng có gì đó đã hỏng trong

anh; anh không thể cảm thấy. Tuy nhiên, những cây kéo vẫn nhấp, các cô gái cười lớn tiếng, những cái nón đang được làm ra bảo vệ anh; anh yên tâm về sự an toàn; anh có một nơi ẩn náu. Nhưng anh không thể ngồi đó suốt đêm. Có những khoảnh khắc thức giấc vào sáng sớm. Cái giường đang rơi; anh đang rơi. Ôi chao, vì những cây kéo, ánh đèn và những mảnh vải hồ tào đáng! Anh đã đề nghị Lucrezia cưới mình; cô là người trẻ hơn trong hai cô gái, có tính tình vui vẻ, nhẹ dạ, với những ngón tay nhỏ nhắn của một nghệ nhân. Cô thường giơ mấy ngón tay lên và bảo: “Tất cả đều ở trong chúng.” Lụa, những cái lông chim, và những thứ khác đều sống động đối với chúng.

“Chính cái mũ là thứ quan trọng nhất.” Cô thường nói, khi họ cùng đi dạo. Cô thường khảo sát từng cái mũ đi ngang qua; cả chiếc áo choàng, váy và cách thức người phụ nữ đó đi đứng. Cô chê bai: ăn mặc tệ, ăn mặc quá lòe loẹt, không hề có ác ý, mà đúng hơn với những cử động nôn nóng của đôi bàn tay, như đôi bàn tay của một họa sĩ gạt bỏ đi một sự lạm dụng rõ ràng sắc màu lòe loẹt dù là với thiện chí; và rồi, một cách khoan dung, nhưng luôn mang tính chỉ trích, cô sẽ hoan nghênh một cô gái bán hàng đã thay đổi cách phục trang một cách gan dạ, hoặc ca ngợi hết mình, với sự thấu hiểu nồng nhiệt và đầy tính chuyên nghiệp, một quý bà người Pháp đang bước ra khỏi cỗ xe ngựa, trong chiếc áo choàng lông sóc, cái váy ngắn và chuỗi ngọc trai.

“Đẹp quá!” Cô sẽ lẩm bẩm, thúc cùi chỏ vào Septimus để anh có thể nhìn thấy. Nhưng vẻ đẹp nằm phía sau một tấm kính. Ngay cả chuyện ăn uống (cô thích kem, sô-cô-la, những món ăn ngọt) cũng chẳng có mùi vị gì đối với anh. Anh đặt cái cốc lên cái bàn đá hoa nhỏ. Anh nhìn những người ở bên ngoài, họ có vẻ hạnh phúc, đang tụ họp giữa phố, la hét, cười đùa, cãi cọ những chuyện không đâu. Nhưng anh không thể thưởng thức, anh không thể cảm nhận. Trong tiệm trà, giữa những cái bàn và những người bồi bàn đang tán gẫu, nỗi sợ kinh khủng lại chế ngự anh – anh không thể cảm nhận. Anh có thể suy luận; anh có thể đọc, Dante chẳng hạn, một cách hoàn toàn dễ dàng (“Septimus, hãy đặt cuốn sách xuống đi nào,” Rezia nói, nhẹ nhàng

khép cuốn Inferno^[26] lại), anh có thể cộng tờ hóa đơn của mình; bộ não của anh hoàn hảo; hẳn đây là lỗi của thế giới – rằng anh không thể cảm nhận.

“Người Anh thật lặng lẽ.” Rezia nói. Cô thích điều đó, cô bảo. Cô tôn trọng những người Anh này, muốn tham quan London, những con ngựa Anh, những bộ com-lê may tiệm, và có thể nhớ đã từng nghe nói những cửa tiệm tuyệt vời như thế nào, từ một bà cô đã lấy chồng và sống ở Soho.

Rất có khả năng, Septimus nghĩ, nhìn nước Anh từ cửa sổ toa tàu, khi họ rời Newhaven; rất có khả năng rằng chính bản thân thế giới không có ý nghĩa gì cả.

Ở văn phòng, họ bổ nhiệm anh vào một chức vụ có trách nhiệm đáng kể. Họ tự hào về anh; anh đã được thưởng những chiếc bội tinh. “Cậu đã thực hiện xong bốn phần; việc của chúng tôi là...” ông Brewer mở đầu, và không thể nói hết câu, rất vui sướng là cảm xúc của ông ta. Họ đã có chỗ cư ngụ đáng ngưỡng mộ ở phố Tottenham Court.

Tối đây anh lại mở cuốn kịch Shakespeare ra. Niềm say mê ngôn ngữ của một chàng trai – Antony và Cleopatra – đã hoàn toàn co rúm lại. Shakespeare kinh tởm con người biết bao – việc mặc quần áo vào, việc sinh con đẻ cái, sự bẩn thỉu của cái mồm và cái bụng! Điều này giờ đã hé lộ với Septimus; cái thông điệp ẩn nấp trong vẻ đẹp của ngôn từ. Cái dấu hiệu bí mật mà một thế hệ đã đi ngang qua, nằm dưới lớp ngụy trang, đối với thế hệ kế tiếp là sự kinh tởm, căm ghét, tuyệt vọng. Dante cũng vậy. Aeschylus^[27] (đã được dịch) cũng vậy. Rezia ngồi bên bàn tô điểm những cái nón. Cô tô điểm chúng cho những người bạn của bà Filmer; cô đã tô điểm chúng cả tiếng đồng hồ. Trông cô có vẻ nhợt nhạt, bí ẩn, như một đóa hoa huệ chết đắm trong lòng nước, anh nghĩ.

“Người Anh rất nghiêm túc.” Cô thường nói khi vòng đôi tay quanh người Septimus, má áp vào má của anh.

Đối với Shakespeare, tình yêu giữa nam và nữ thật đáng tởm. Công việc giao hợp trước khi kết thúc với ông là sự bẩn thỉu. Nhưng Rezia bảo cô phải có con. Họ đã lấy nhau năm năm.

Họ đã cùng nhau tới tháp Big Ben; tới nhà hát Victoria và viện bảo tàng Albert; đứng trong đám đông để xem nhà vua khai mạc Quốc hội. Và có những cửa tiệm – những tiệm nón, tiệm quần áo, những cửa tiệm với những cái túi xách bằng da ở cửa sổ, nơi cô thường đứng nhìn chăm chú. Nhưng cô phải có một đứa con trai.

Cô phải có một đứa con trai giống Septimus, cô bảo. Nhưng không ai có thể giống như Septimus; rất dịu dàng, rất nghiêm túc; rất thông minh. Phải chăng cô cũng không thể đọc Shakespeare? Phải chăng Shakespeare là một tác giả khó đọc? Cô hỏi.

Người ta không thể đưa trẻ con vào một thế giới như thế này. Người ta không thể duy trì sự khổ đau, hay gia tăng nỗi giống của những con vật đầy dục vọng này, những kẻ không có những cảm xúc lâu dài mà chỉ có những ý thích bất chợt và những thứ hão huyền phù phiếm, cuốn xoay họ trong vòng xoáy khi theo hướng này, khi theo hướng khác.

Anh quan sát cô cắt, tạo hình, như một người quan sát một con chim nhảy nhót, di chuyển nhẹ nhàng trên bãi cỏ, không dám nhúc nhích một ngón tay. Bởi sự thật là (cứ mặc cho cô ta làm ngơ nó) con người không có lòng tốt, hay sự trung thành hay lòng nhân ái ngoài những thứ phục vụ cho việc gia tăng lạc thú của khoảnh khắc. Họ đi săn theo đàn. Những bầy đàn của họ lùng sục khắp sa mạc và thét lên biến mất vào chốn hoang vu. Họ bỏ rơi những ai gục ngã. Họ trát đầy bộ mặt của mình với những nụ cười nhả nhở. Có Brewer ở văn phòng, với bộ ria vuốt sáp, cái kẹp cà vạt màu san hô, cái áo lót trắng, và những cảm xúc thú vị – bên trong toàn là sự lạnh lùng và lãnh đạm – những chậu phong lữ của ông ta đã bị hủy hoại trong cuộc chiến – những sợi dây thần kinh của đầu bếp của ông ta đã bị hủy hoại; hoặc Amelia, tên cô ta là gì nhỉ, đã phân phát những tách trà vào đúng năm giờ – một nữ yêu tinh bé nhỏ tục tĩu hay liếc mắt đưa tình và cười khẩy; và các gã Tom và Bertie mà mặt trước áo sơ mi của họ rỉ ra những giọt đôi bại đậm đặc. Họ chưa bao giờ thấy anh đang vẽ những bức tranh về họ, trần truồng với những trò hề của họ, trong cuốn vở của anh. Trên đường phố, những chiếc xe tải gầm rú chạy qua anh; sự thô bạo gào rú om xòm trên những bức tranh cố động; những người đàn ông mặc kẹp trong những

cái mỏ; những phụ nữ bị thiêu sống; và có lần một hàng người điên, đang tập thể dục hay biểu diễn để giúp vui cho một đám đông (họ cười rất lớn), bước thong thả, gật đầu và nhe răng cười khi đi ngang qua anh trên phố Tottenham Court, mỗi người đâm thọc với vẻ hối lỗi nhưng đặc thẳng vào vết thương vô vọng của anh. Và anh có sẽ nổi điên không?

Vào giờ uống trà, Rezia nói với anh rằng con gái của bà Filmer đang mang thai một em bé. Cô không thể già đi và không có đứa con nào! Cô rất cô đơn, cô rất bất hạnh! Cô khóc, lần đầu tiên từ khi họ cưới nhau. Từ xa, anh nghe thấy tiếng nước nở của cô; anh nghe thấy nó một cách chính xác, anh nhận ra nó một cách bản năng; anh so sánh nó với một tiếng nổ pít-tông. Nhưng anh không cảm thấy gì cả.

Vợ anh đang khóc, và anh không cảm thấy gì cả; chỉ có điều mỗi lần cô ta nước nở theo cách thức sâu sắc, im lặng, vô vọng này, anh lại dần thêm một bước xuống cái hố sâu.

Cuối cùng, với một cử chỉ thống thiết, mà anh giả định một cách máy móc và hoàn toàn có ý thức về sự không chân thành của nó, anh gục đầu vào đôi bàn tay. Giờ anh đã đầu hàng; giờ những người khác phải giúp anh. Mọi người phải được cử tới. Anh đã chịu thua.

Không gì có thể đánh thức anh. Rezia đặt anh lên giường. Cô mời một bác sĩ tới – bác sĩ Holmes của bà Filmer. Bác sĩ Holmes khám cho anh. Không có bất cứ điều gì quan trọng, ông nói. Ôi thật nhẹ nhõm biết bao! Một người tử tế biết bao, một người tốt biết bao! Rezia nghĩ. Khi ông cảm thấy giống như thế ông sẽ tới Nhà hát lớn, bác sĩ Holmes nói. Ông sẽ nghỉ việc một hôm ở với vợ và chơi gôn. Vì sao không thử hai viên thuốc an thần hòa tan trong một ly nước vào giờ đi ngủ? Những ngôi nhà Bloomsbury cổ lỗ này, bác sĩ Holmes nói, gõ lên tường, thường đây những giấy dán rất đẹp, mà những người chủ nhà đã đủ điên rồ để dán nên. Chỉ có điều một hôm khác, khi đi thăm một bệnh nhân, Ngài gì đó Chức vụ gì đó ở quảng trường Bedford...

Vậy là không có gì để biện minh; không có gì bất kể vấn đề thế nào, trừ tội lỗi mà vì nó bản chất con người đã tuyên án tử hình anh; rằng anh không cảm nhận được. Anh đã không quan tâm khi Evans bị giết; điều đó

tệ hại nhất; nhưng tất cả những tội ác khác bên trên cái chấn song giường vào những giờ đầu buổi sáng cũng ngóc đầu lên, búng ngón tay, cười nhạo và châm chọc cái thân thể sồng soà đang nằm nhận thức về sự thoái hóa của nó; anh đã cưới vợ mình mà không yêu cô ta ra sao; đã nói dối cô ta; đã quyến rũ cô ta ra sao; đã sỉ nhục cô Isabel Pole, và bị đánh dấu, đây những vết rỗ đời bại đến nỗi những người phụ nữ phải rùng mình khi họ nhìn thấy anh trên phố ra sao. Phán quyết của bản chất con người đối với một kẻ xấu xa đến thế là cái chết.

Bác sĩ Holmes lại tới. To cao, mặt mũi hồng hào tươi tắn, đẹp mã, vừa lật nhanh cuốn sách của ông, vừa nhìn vào cái ly, ông gạt tất cả các thứ sang một bên – chứng nhức đầu, mất ngủ, những nỗi sợ, những giấc mơ – những triệu chứng thần kinh và không có gì khác, ông nói. Nếu bác sĩ Holmes phát hiện ra chính mình bị giảm chỉ cần nửa cân Anh dưới 160 cân, ông sẽ bảo vợ mình thêm một đĩa cháo đặc nữa vào bữa điểm tâm. (Rezia sẽ học cách nấu cháo đặc.) Nhưng, ông ta nói tiếp, sức khỏe nói chung là một vấn đề nằm trong tầm kiểm soát của chính chúng ta. Hãy lao vào những mối quan tâm bên ngoài, tìm một thú tiêu khiển nào đó. Ông mở quyển kịch Shakespeare ra – Anthony và Cleopatra; hãy gạt Shakespeare sang một bên. Một thú tiêu khiển nào đó, bác sĩ Holmes nói, vì không phải ông đã thừa nhận rằng sức khỏe tuyệt vời của chính ông (và ông đã làm việc vất vả ngang với bất kỳ người đàn ông nào ở London) bắt nguồn từ thực tế rằng ông luôn có thể chuyển từ những bệnh nhân của mình sang những món đồ nội thất cũ hay sao? Và bà Warren Smith, nếu ông có thể nói, đang cài một cái kẹp tóc thật xinh xắn!

Khi gã ngu ngốc chết tiệt đó đến lần nữa, Septimus từ chối gặp ông ta. Anh ta thật sự từ chối hả? Bác sĩ Holmes hỏi, mỉm cười dễ chịu. Thật sự ông phải thân mật đầy quý bà nhỏ nhắn dễ thương đó một cái trước khi ông có thể đi ngang qua cô để vào phòng ngủ của ông chồng.

“Vậy là anh đang khiếp sợ.” Ông ta nói với vẻ dễ chịu, ngồi xuống bên cạnh người bệnh. Anh đã thật sự nói về việc tự sát với vợ mình, một cô gái cực kỳ, một người ngoại quốc, phải không nhỉ? Điều đó có khiến cô ta có một ý tưởng rất kỳ quặc về ông chồng người Anh hay không? Người ta có

mang ơn, có lẽ là một bốn phận, đối với vợ của mình hay không? Có tốt hơn khi làm một điều gì đó thay vì nằm trên giường hay không? Bởi ông ta có bốn mươi năm kinh nghiệm ở sau lưng; và Septimus có thể tin lời của bác sĩ Holmes về điều đó – không có bất kỳ vấn đề gì với anh cả. Và lần sau khi bác sĩ Holmes tới ông hy vọng sẽ tìm thấy Smith rời khỏi giường và không làm cho quý bà nhỏ bé đáng yêu vợ của anh phải lo lắng về anh.

Bản chất con người, nói tóm lại, đang đè nặng lên anh – gã vũ phu kinh tởm đó, với hai lỗ mũi đỏ lỏm máu. Holmes đang đè nặng lên anh. Bác sĩ Holmes đến rất đều đặn mỗi ngày. Một khi bạn say chân, Septimus đã ghi vào mặt sau một tấm bưu thiếp, bản chất con người đè nặng lên bạn. Holmes đang đè nặng lên bạn. Cơ may duy nhất của họ là tàu thoát, không để cho Holmes biết; sang Ý – bất cứ nơi nào, bất cứ nơi nào, tránh xa bác sĩ Holmes.

Nhưng Rezia không hiểu anh. Bác sĩ Holmes là một người tử tế đến thế. Ông ta rất quan tâm tới Septimus. Ông ta chỉ muốn giúp đỡ, ông ta nói. Ông ta có bốn đứa con nhỏ và đã mời cô dùng trà, cô nói với Septimus.

Vậy là anh đã bị bỏ rơi. Toàn thế giới đang gào thét: Hãy tự sát, hãy tự sát đi, vì chúng tôi. Nhưng tại sao anh phải tự sát vì họ chứ? Thức ăn là một lạc thú; mặt trời nóng ấm; và việc tự sát này, người ta thực hiện nó bằng cách nào, với một con dao ăn, một cách xấu xí, với những vòi máu – bằng cách hít một cái ống dẫn khí đốt chẳng? Anh quá yếu ớt; anh hầu như không giơ tay lên nổi. Ngoài ra, hiện giờ khi anh hoàn toàn cô độc, bị kết án, bị bỏ rơi, như những người sắp chết luôn cô độc, có một sự xa hoa trong việc đó, một sự lẻ loi đầy tính siêu phàm; một sự tự do mà thân quyến không bao giờ có thể biết được. Holmes đã thắng, dĩ nhiên; gã cục súc với đôi lỗ mũi đỏ máu đã thắng. Nhưng ngay cả bản thân Holmes cũng không thể chạm vào thánh tích duy nhất đang lang thang ở rìa cõi thế này, kẻ bơ vợ này, kẻ ngoái nhìn lại những miền có cư dân, kẻ nằm, như một thủy thủ chết chìm, trên bờ của cõi trần gian.

Chính cái khoảnh khắc ấy (Rezia đã đi mua đồ), phát hiện lớn lao đã xảy ra. Một giọng nói từ phía sau tấm bình phong. Evans đang nói. Những người chết đang đi với anh ta.

“Evans, Evans!” Anh kêu lên.

Ông Smith đang nói với chính mình, cô người hầu Agnes gọi bà Filmer đang ở trong bếp. “Evans, Evans,” ông ta đã nói khi cô ta mang cái khay vào. Cô đã nhảy nhồm lên, cô đã làm thế. Cô hấp tấp chạy xuống thang.

Và Rezia vào nhà, cùng với bó hoa, băng ngang qua căn phòng, cầm những bông hồng vào lọ; mặt trời rơi thẳng vào cái lọ và nó cười phá lên, nhảy nhót quanh căn phòng.

Cô phải mua hoa hồng, Rezia nói, từ một người đàn ông nghèo trên phố. Nhưng chúng gần như đã chết héo rồi, cô nói, sửa sang lại những nhánh hoa.

Vậy là có một người đàn ông ở bên ngoài; có lẽ là Evans; và những nhánh hoa hồng, mà Rezia bảo là đã chết nửa phần, đã được anh ta hái ở những cánh đồng của Hy Lạp. “Giao tiếp là sức khỏe; Giao tiếp là hạnh phúc, giao tiếp....” anh lẩm bẩm.

“Anh đang nói gì vậy, Septimus?” Rezia hỏi, phát điên lên vì kinh hoàng, vì anh ta đang nói với chính mình.

Cô nhờ Agnes chạy tới mời bác sĩ Holmes. Chồng cô, cô bảo, đã nổi điên. Anh ta hầu như không biết cô.

“Đồ cục súc! Đồ cục súc!” Septimus kêu lên, nhìn thấy bản chất con người, đó là bác sĩ Holmes, đang bước vào phòng.

“Nào, tất cả những vụ này là sao đây?” Bác sĩ Holmes nói với vẻ hòa nhã nhất trần đời. “Đang nói vợ vẫn để hù dọa vợ của anh hả?” Nhưng ông sẽ cho anh thứ gì đó để làm cho anh ngủ. Và nếu họ là những người giàu có, bác sĩ Holmes nói, nhìn một cách mỉa mai quanh căn phòng, tất nhiên họ có thể tới phố Harley; nếu họ không tin vào ông, bác sĩ Holmes nói, trông có vẻ hoàn toàn tử tế.

V

Lúc đó chính xác là mười hai giờ; mười hai giờ theo chuông Big Ben; tiếng chuông đổ bao trùm khắp khu vực phía bắc London; hòa với tiếng chuông của những cái đồng hồ khác, trộn lẫn trong một cách thức mong manh siêu thoát với những đám mây và những làn khói, và lịm tắt giữa đàn chim hải âu – tiếng chuông báo mười hai giờ khi Clarissa đặt chiếc váy xanh của mình lên giường, và vợ chồng Warren Smith bước xuống phố Harley. Mười hai giờ là giờ hẹn của họ. Có lẽ, Rezia nghĩ, đó là nhà của ngài William Bradshaw với chiếc xe hơi xám ở phía trước. Những vòng tròn xám màu chì tan loãng giữa không trung.

Thật sự là vậy – đó là chiếc xe hơi của ngài William Bradshaw; thấp, đầy uy thế, màu xám với những chữ viết tắt tên họ rõ ràng cài vào nhau trên tấm biển số, như thể những sự phô phang của thuật vẽ huy hiệu là không thích hợp, người đàn ông này là kẻ trợ giúp tinh thần, giáo sĩ của khoa học; và, vì chiếc xe màu xám, thế nên để hòa hợp với sự ngọt ngào đúng mực của nó, bên trong nó chất đóng những tấm lông thú xám, những tấm chăn màu xám bạc, để giữ ấm cho vị phu nhân trong lúc bà chờ đợi. Vì ngài William thường đi khoảng sáu mươi dặm hoặc hơn về miền quê để viếng thăm những người giàu có, đau buồn, những kẻ có đủ tiền trả cho khoản phí rất lớn mà ngài William đã tính rất đúng đắn cho sự tư vấn của mình. Vợ ông chờ với những tấm chăn đắp quanh gối khoảng một giờ, ngả lưng ra sau, đôi khi suy nghĩ về những bệnh nhân, đôi khi, một cách đáng tha thứ, về bức tường bằng vàng, đang cao lên từng phút trong lúc bà chờ đợi; bức tường bằng vàng đang cao lên giữa họ và tất cả những thăng trầm lo lắng (bà đã chịu đựng nó một cách quả cảm; họ đã có những cuộc đấu tranh) cho tới khi bà cảm thấy bị lèn chặt trên một đại dương yên tĩnh, nơi chỉ có những cơn gió gia vị thổi qua; được kính trọng, được ngưỡng mộ, bị ganh ghét, hầu như không còn bất cứ điều gì để ước ao nữa, dù bà thấy tiếc sự

rắn chắc của mình; thi thoảng mở một cửa hàng phúc thiện; đón mừng hoàng gia; ôi chao, có quá ít thì giờ với chồng bà, khi công việc của ông ngày càng nhiều; một đứa con trai học hành tấn tới ở Eton, bà cũng thích có một cô con gái; tuy nhiên, bà có nhiều mối quan tâm; phúc lợi thiếu nhi; việc chăm sóc những người động kinh sau điều trị, và nghệ thuật nhiếp ảnh, để nếu có một nhà thờ đang xây dựng, hoặc một nhà thờ bị đổ nát, bà sẽ hối lộ người trông coi nhà thờ, nhận chìa khóa và vào chụp ảnh; những tấm ảnh hầu như không thể phân biệt với tác phẩm của những tay chuyên nghiệp, trong lúc bà chờ đợi.

Bản thân ngài William không còn trẻ nữa. Ông đã làm việc rất vất vả; ông đạt được địa vị của mình hoàn toàn nhờ vào năng lực (là con của một người chủ hiệu); yêu mến nghề của mình; trở thành một kẻ bù nhìn tốt ở những buổi lễ và nói năng hoạt bát – tất cả những thứ đã đạt được vào lúc ông được phong tước hiệp sĩ mang tới cho ông một dáng vẻ nặng nề, một dáng vẻ mệt mỏi (dòng bệnh nhân cứ chảy liên miên, những trách nhiệm và đặc quyền của nghề nghiệp của ông quá nặng nề); sự mệt mỏi, cùng với mái tóc bạc của ông, đã tăng thêm vẻ nổi bật khác thường ở sự hiện diện của ông và khiến ông nổi tiếng (điều quan trọng nhất khi xử lý những ca thần kinh) không chỉ về kỹ năng thần tốc, và sự chính xác hầu như không sai sót trong chẩn đoán mà còn là sự cảm thông; tài ứng biến; sự thấu hiểu tâm hồn con người. Ông có thể nhìn thấy ngay khoảnh khắc đầu tiên họ bước vào phòng (họ được gọi là vợ chồng Warren Smith); ông chắc chắn ngay lập tức khi ông nhìn thấy người đàn ông; đây là một ca cực kỳ nghiêm trọng. Đây là một ca sụp đổ hoàn toàn – sụp đổ hoàn toàn về mặt thể chất và thần kinh, với mọi triệu chứng ở một giai đoạn tiến triển, ông xác định ngay trong vòng một hai phút (viết những câu trả lời cho những câu hỏi trên một tấm thẻ màu hồng, lẩm bẫm những từ rời rạc).

Bác sĩ Holmes đã điều trị cho anh được bao lâu rồi?

Sáu tuần.

Đã kê đơn chút ít thuốc an thần? Bảo rằng không có gì nghiêm trọng? À phải, (những tay bác sĩ đa khoa đó! Ngài William nghĩ. Ông phải mất phân

nửa thời gian của mình để tháo gỡ sai lầm của họ. Một số không thể khắc phục được.)

“Anh đã phục vụ với cấp bậc cao trong Cuộc chiến?”

Người bệnh lặp lại từ “Cuộc chiến” với vẻ dò hỏi.

Anh ta đang gắn liền ý nghĩa của những từ với một dạng biểu tượng. Một triệu chứng trầm trọng, được ghi chú trên tấm thẻ.

“Cuộc chiến à?” Người bệnh hỏi. Cuộc chiến tranh châu Âu – sự rắc rối nho nhỏ của những cậu học trò với thuốc súng đó à? Anh đã phục vụ với cấp bậc cao? Anh thật sự quên mất. Anh đã thất bại trong chính cuộc chiến tranh đó.

“Vâng, anh ấy đã phục vụ với cấp bậc cao.” Rezia bảo đảm với vị bác sĩ; “Anh ấy đã được thăng cấp.”

“Và họ đã đánh giá rất cao về anh ở văn phòng của anh?” Ngài William lẩm bẩm, liếc nhìn lá thư giới thiệu với lời lẽ rất rộng lượng của ông Brewer. “Vậy là anh không có gì phải lo lắng, không có những lo âu về tài chính, không có gì?”

Anh đã thực hiện một tội ác kinh khủng và bị kết án tử hình bởi bản chất con người.

“Tôi đã... tôi đã,” anh bắt đầu, “thực hiện một tội ác...”

“Anh ấy không hề làm bất cứ điều gì sai cả.” Rezia bảo đảm với vị bác sĩ. Nếu anh Smith có thể chờ, ngài William nói, ông sẽ nói chuyện với chị Smith ở phòng bên cạnh. Chồng của cô bị ốm rất nghiêm trọng, ngài William nói. Anh ta có đe dọa tự sát không?

Ồ, anh ta đã, cô khóc. Nhưng anh ấy không có ý đó, cô nói. Dĩ nhiên là không. Đây chỉ đơn giản là vấn đề nghỉ ngơi, ngài William nói; về sự nghỉ ngơi, nghỉ ngơi, nghỉ ngơi; một đợt nghỉ ngơi dài trên giường. Có một ngôi nhà vui tươi ở miền quê nơi chồng cô sẽ được chăm sóc chu đáo. Rời xa khỏi cô à? Cô hỏi. Không may là đúng vậy; những người chúng ta quan tâm nhất không tốt cho chúng ta khi chúng ta bị ốm. Nhưng anh ấy không bị điên, đúng không? Ngài William bảo ông chưa hề nói từ “điên”; ông gọi nó là việc không có một ý thức về sự tương quan. Nhưng chồng cô không ưa những vị bác sĩ. Anh ta sẽ từ chối tới đó. Ngài William giải thích một

cách ngăn gọn và tử tế cho cô biết tình trạng của ca bệnh. Anh ta đã đe dọa sẽ tự sát. Không có chọn lựa thay thế nào cả. Đây là vấn đề luật pháp. Anh ta sẽ nằm dưỡng bệnh trong một ngôi nhà xinh đẹp ở nông thôn. Những người y tá rất tuyệt vời. Ngài William sẽ tới thăm bệnh anh ta mỗi tuần một lần. Nếu chị Warren Smith hoàn toàn chắc chắn chị không còn câu hỏi nào khác – ông không bao giờ thúc hối các bệnh nhân của mình – họ nên quay lại với chồng chị. Cô không còn điều gì phải hỏi nữa – không, với ngài William.

Thế là họ quay trở lại với kẻ cao quý nhất trong loài người; tên tội phạm đã đối mặt với những phán quan của hãn; nạn nhân đã bị phơi trần trên những đỉnh cao; kẻ chạy trốn; người thủy thủ bị chết đuối; nhà thơ của khúc tụng ca bất tử; vị chúa tể đã đi từ sự sống sang cái chết; trở lại với Septimus Warren Smith, đang ngồi trong cái ghế bành dưới cửa sổ mái nhà, nhìn đăm đăm vào một tấm ảnh chụp phu nhân Bradshaw mặc triều phục, lăm lăm những thông điệp về vẻ đẹp.

“Chúng tôi đã chuyện trò đôi chút.” Ngài William nói.

“Ông ấy bảo anh bị ốm, ốm rất nặng.” Rezia khóc.

“Chúng tôi đã sắp xếp rằng anh nên tới ở tại một ngôi nhà.” Ngài William nói.

“Một trong những ngôi nhà của Holmes?” Septimus cười khẩy.

Anh chàng này đã tạo một ấn tượng khó chịu. Vì trong lòng ngài William, kẻ có cha là một thương nhân, có một sự kính trọng tự nhiên đối với việc ăn mặc đàng hoàng; sự luộm thuộm khiến ông bực dọc; thêm nữa, sâu xa hơn, trong lòng ngài William, kẻ chưa bao giờ có thì giờ để đọc, có một sự căm ghét, được chôn giấu rất sâu, đối với những người có học thức bước vào phòng của ông và thể hiện ra rằng những vị bác sĩ, mà nghề nghiệp của họ là một sự căng thẳng thường xuyên hơn tất cả những phân khoa cao nhất, không phải là những người có giáo dục.

“Một trong những ngôi nhà của tôi, anh Warren Smith ạ,” ông nói, “nơi chúng tôi sẽ dạy cho anh cách nghỉ ngơi.”

Và chỉ còn một điều nữa.

Ông hoàn toàn chắc chắn rằng khi Warren Smith đã khỏe mạnh, anh sẽ là người cuối cùng trên đời này làm cho vợ mình sợ hãi. Nhưng anh đã nói tới việc tự sát.

“Tất cả chúng ta đều có những lúc nản lòng.” Ngài William nói.

Một khi bạn ngã xuống, Septimus lặp lại với chính mình, bản chất con người đè lên bạn. Holmes và Bradshaw đang đè lên bạn. Họ đang lũng sục trong sa mạc. Họ thét gào, bay vào chốn hoang dã. Sự tra tấn hành hạ được áp dụng. Bản chất con người rất nhẫn tâm.

“Thỉnh thoảng anh lại lên cơn bốc đồng?” Ngài William hỏi, với cây bút chì đặt trên tấm thẻ màu hồng.

Đó là việc riêng của anh, Septimus nói.

“Không ai sống chỉ cho bản thân mình.” Ngài William nói, liếc nhìn tấm ảnh chụp vợ mình trong bộ triều phục.

“Và anh có một sự nghiệp rực rỡ ở trước mặt.” Ngài William nói. Có lá thư của ông Brewer trên bàn. “Một sự nghiệp cực kỳ rực rỡ.”

Nhưng nếu anh đã thú tội? Nếu anh đã thông báo? Vậy họ có miễn cho anh những cuộc tra tấn hay không?

“Tôi... tôi...” anh nói lắp bắp.

Nhưng tội ác của anh là gì? Anh không thể nhớ ra.

“Thế nào?” Ngài William động viên anh. (Nhưng nó đang ngày càng chậm trễ.)

Tình yêu, những cây cối, không có tội ác – thông điệp của anh là gì?

Anh không thể nhớ ra nó.

“Tôi... tôi...” Septimus lắp bắp.

“Hãy cố suy nghĩ về bản thân anh càng ít càng tốt.” Ngài William nói với lòng tốt. Thật sự ông không khỏe mấy để dông dài thêm.

Họ còn muốn hỏi ông về bất cứ điều gì khác không? Ngài William sẽ tiến hành mọi việc chuẩn bị (ông lăm bắm với Rezia) và ông sẽ cho cô biết giữa năm và sáu giờ chiều hôm đó, ông lăm bắm.

“Hãy tin cậy ở tôi về mọi thứ.” Ông nói, và tiễn họ ra.

Chưa bao giờ, chưa bao giờ Rezia cảm thấy đau khổ đến thế trong đời mình! Cô đã yêu cầu sự giúp đỡ và đã bị bỏ rơi! Ông ta đã phụ lòng cô!

Ngài William Bradshaw không phải là một người tốt.

Chỉ riêng chi phí bảo dưỡng cho chiếc xe hơi đó đã khiến ông ấy tốn bộ tiền, Septimus nói, khi họ bước ra đường.

Cô bám vào tay anh. Họ đã bị bỏ rơi.

Nhưng cô còn muốn gì hơn nữa?

Ông cho các bệnh nhân của mình bốn mươi lăm phút; và nếu trong bộ môn khoa học chính xác này, môn khoa học phải xử lý, nói cho cùng, thứ mà chúng ta không biết gì về chúng hết – hệ thần kinh, bộ não của con người – một bác sĩ đánh mất ý thức về sự tương quan, ông ta sẽ thất bại với tư cách một bác sĩ. Chúng ta phải có sức khỏe; và sức khỏe là sự tương quan; để khi một người đàn ông bước vào phòng của bạn và và bảo anh ta là đấng Ky-tô (một ảo tưởng phổ quát), và có một thông điệp, như đa số bọn họ thường có, và đe dọa, như họ thường làm, sẽ tự sát, bạn cầu viện tới sự tương quan; ra lệnh phải nghỉ ngơi trên giường; nghỉ ngơi trong trạng thái cô đơn; im lặng và nghỉ ngơi; nghỉ ngơi không có bạn hữu, không có sách vở, không có những thông điệp; nghỉ ngơi trong sáu tháng; cho tới khi một người đàn ông cân nặng 114 cân Anh khi bước vào sẽ cân nặng 168 cân Anh khi bước ra.

Sự tương quan, sự tương quan thiêng liêng, nữ thần của ngài William, mà ngài William đã thủ đắc được khi tới những bệnh viện, khi câu cá hồi, khi trở thành cha của một đứa con trai nhờ vào phu nhân Bradshaw, kẻ tự mình cũng câu cá hồi và chụp những tấm ảnh hầu như không thể phân biệt với tác phẩm của những tay chuyên nghiệp. Khi tôn thờ sự tương quan, ngài William không chỉ làm cho bản thân mình được thịnh vượng mà còn giúp cho nước Anh thịnh vượng, tách riêng những người điên của Người ra, ngăn cấm việc sinh sản, trừng phạt sự tuyệt vọng, buộc những kẻ thiếu năng không thể phổ biến những quan điểm của họ cho tới khi cả họ cũng chia sẻ ý thức của ông về sự tương quan – của ông, nếu họ là đàn ông; của phu nhân Bradshaw, nếu họ là phụ nữ (bà ấy thêu, đan, dành ra bốn trong số bảy đêm để ở nhà với con trai), để không chỉ những đồng nghiệp của ông tôn trọng ông, mà cả những bạn hữu và bà con của các bệnh nhân của ông cũng dành cho ông lòng biết ơn nồng nhiệt nhất vì đã dứt khoát rằng

những đấng Ky-tô nam và nữ có tài tiên tri này, những kẻ tiên đoán sự kết thúc của thế giới, hay sự ra đời của Thượng đế này, nên uống sữa ở trên giường, như ngài William đã ra lệnh; ngài William với kinh nghiệm ba mươi năm về những ca bệnh dạng này và bản năng không thể sai lầm của mình, đây là sự điên rồ, nhận thức này; thật sự, nhận thức của ông về sự tương quan.

Nhưng sự tương quan có một người chị em, ít tươi cười hơn, kinh khủng hơn, một nữ thần ngay lúc này đang hòa mình vào cái nóng và cát ở Ấn Độ, bùn và đầm lầy ở châu Phi, những vùng phụ cận của London, tóm lại, ở bất cứ nơi nào xu thế của ma quỷ quyến rũ những người đàn ông rơi ra khỏi niềm tin chân xác, cũng là chính bản thân họ; ngay lúc này đang tham gia vào việc lao sầm xuống những thánh tích, đập nát những thần tượng, và dựng lên ở vị trí của chúng bộ mặt nghiêm khắc của chính họ. Sự hoán chuyển là tên của họ và họ ăn tiệc trên ý chí của kẻ nhu nhược; thích gây ấn tượng, áp đặt, tôn sùng những đặc điểm của chính họ in dấu trên gương mặt của đám đông. Ở góc phố Hyde Park, họ đứng trên một cái chậu, đang giảng đạo; tự quán mình trong vải liệm trắng và bước đi dưới vẻ ăn năn nguy tạo với tư cách tình huynh đệ qua những nhà máy và những nghị viện; đưa ra sự trợ giúp, nhưng khao khát quyền lực; thô bạo hất khỏi đường đi của mình những kẻ không tán đồng, hay không hài lòng; ban lời chúc phúc cho những kẻ đang ngẩng lên, ngoan ngoãn đón nhận từ mắt họ ánh sáng của chính họ. Cả quý bà này (Rezia Smith đã đoán biết về nó) cũng có nơi cư ngụ trong tim của ngài William, dù được che đậy, như thường lệ, bên dưới lớp nguy trang hợp lý nào đó; một cái tên khả kính nào đó; tình yêu, bốn phận, sự tự hy sinh. Ông ta làm việc mới hăng hái làm sao – cực khổ biết bao để kêu gọi những khoản tài trợ, tuyên truyền cho những cuộc cải cách, khởi xướng ra những thể chế! Nhưng sự hoán chuyển, nữ thần khó tính, yêu thích máu hơn gạch, và ăn tiệc một cách tinh tế nhất trên ý chí của con người. Chẳng hạn, phu nhân Bradshaw. Mười lăm năm trước bà đã khuất phục. Bạn không thể làm gì để can thiệp; không có một cảnh tượng, một tiếng vang đột ngột nào; chỉ có sự chìm đắm chậm chạp, ngập sũng nước, của ý chí của bà vào ý chí của ông ta. Nụ cười của bà thật ngọt

ngào, sự phục tùng của bà thật nhanh chóng; ăn tối ở phố Harley, việc dọn lên tám hay chín món, đãi mười hay mười lăm vị khách thuộc tầng lớp chuyên môn, diễn ra êm ả và lịch sự. Chỉ khi buổi chiều đã khoác lên một vẻ ảm đạm rất nhẹ nhàng, hay có lẽ là sự khó chịu, một dây thần kinh co giật, sự lẩn mò, sự vấp ngã và bối rối đã chỉ ra, một điều thật đau đớn để tin vào – rằng quý bà khốn khổ đó đã nói dối. Một lần, lâu rồi, bà đã câu cá hồi một cách thoải mái: giờ đây, để nhanh chóng chăm lo cho lòng khao khát quyền thế, sức mạnh khiến cho đôi mắt của ông chồng lóng lánh như có dầu, bà bị câu thúc, co rút lại, bị tia gọt, cắt xén, nhìn qua; khiến dù không biết chính xác điều gì làm cho buổi tối trở nên không vừa ý, và tạo nên áp lực này trên đỉnh đầu (có thể đổ lỗi cho cuộc trò chuyện mang tính chuyên môn, hay sự mệt mỏi của một bác sĩ lớn mà cuộc đời của ông, phu nhân Bardshaw nói, “không là của chính ông mà là của những bệnh nhân của ông”), nó vẫn không vừa ý: khiến những vị khách, khi đồng hồ điểm mười giờ, hít một hơi không khí của phố Harley thậm chí với sự sung sướng vô ngần; tuy nhiên, sự nhẹ nhõm đó không dành cho những bệnh nhân của ông ta.

Ở đó, trong căn phòng xám xịt, với những bức ảnh trên tường, và những đồ nội thất quý giá, dưới lớp kính của cửa sổ mái nhà, họ đã học cách nhận biết mức độ phạm tội của họ; có người trong những cái ghế bành, họ quan sát ông ta đi qua, vì lợi ích của họ, một bài tập lạ lùng với đôi cánh tay, mà ông ta vung ra rồi đặt mạnh trở lại hông, để chứng minh (nếu người bệnh ngoan cố) rằng ngài William là chủ của những hành động của ông ta chứ không phải người bệnh. Có một số người sụp đổ một cách yếu ớt; khóc nức nở, phục tùng; một số khác, được gọi hứng bởi sự điên loạn quá độ mà chỉ có Trời mới biết, gọi thẳng vào mặt ngài William rằng ông là một tên bịp bợm đáng nguyên rủa; chất vấn, thậm chí một cách bất kính hơn, chính bản thân cuộc sống. Vì sao sống? Họ thắc mắc. Ngài William đáp rằng cuộc sống vẫn tốt đẹp. Tất nhiên bức ảnh phu nhân Bradshaw trong bộ lông đà điểu được treo bên trên bệ lò sưởi, còn về phần thu nhập của ông, nó đúng là mười hai ngàn bảng mỗi năm. Nhưng, họ phản đối, cuộc sống không cho chúng tôi hào phóng như thế. Ông ta thừa nhận. Họ thiếu một ý thức về sự

tương quan. Và có lẽ, nói cho cùng, không có Thượng đế? Ông ta nhún vai. Nói tóm lại, việc sống hay không sống này là việc riêng của chúng tôi. Nhưng họ đã phạm sai lầm. Ngài William có một người bạn ở Surrey, nơi họ dạy thứ mà ngài William đã thăng thấn thừa nhận là một nghệ thuật khó khăn – một ý thức về sự tương quan. Ngoài ra còn có tình cảm gia đình, danh dự; lòng quả cảm; và một sự nghiệp rực rỡ. Tất cả những thứ này tạo nên bên trong ngài William một chiến sĩ kiên cường. Nếu họ làm ông thất vọng, ông phải hỗ trợ cảnh sát và những người tốt của xã hội, mà, ông ta nhận xét rất lạnh lẽ, sẽ chăm sóc [cho họ] ở mạn Surrey, rằng những thói thúc phi xã hội này, được nuôi dưỡng hơn bất cứ thứ gì khác bởi sự thiếu hụt máu tốt, sẽ được duy trì trong vòng kiểm soát. Rồi sau đó lén lút bước ra từ chỗ ẩn nấp của ông ta và trèo lên cái ngai của Nữ thần đó, kẻ có tham vọng giày xéo sự chống đối, in hình ảnh không thể tẩy xóa của chính mụ ta lên những nơi tôn nghiêm của những người khác. Trần truồng, vô phương tự vệ, kẻ kiệt sức, kẻ không có bạn hữu phải đón nhận cái dấu ấn ý chí của ngài William. Ông ta sà xuống; ông ta ngã nghiêng. Ông ta buộc mọi người câm lặng. Chính sự kết hợp giữa tính quả quyết và tính nhân bản này đã khiến cho ngài William cực kỳ ưa chuộng các phát hiện của những nạn nhân của ông ta.

Nhưng Rezia Smith kêu lên, trong lúc đi xuống phố Harley, rằng cô không thích người đàn ông đó.

VI

Xé vụn ra, chia nhỏ và tiếp tục chia nhỏ nữa, những cái đồng hồ của phố Harley gặm nhấm dần cái ngày tháng Sáu này, khuyên người ta nên khuất phục, giữ vững thẩm quyền, và đồng thanh chỉ ra những lợi thế lớn nhất của một ý thức về sự tương quan, cho tới khi cái ụ thời gian đã thu nhỏ lại đến độ một cái đồng hồ trưng bày để bán, treo trên một cửa hiệu ở phố Oxford, thông báo một cách ân cần, thân thiện, như thể việc cung cấp thông tin miễn phí là một niềm vui đối với các ông Rigby và Lowdes, rằng bây giờ là một giờ rưỡi.

Khi ngẩng nhìn lên, có vẻ như mỗi mẫu tự trong tên của họ đại diện cho một trong những giờ; theo tiềm thức, người ta biết ơn Rigby và Lowdes về việc cung cấp cho người ta thời giờ đã được Greenwich phê chuẩn; và lòng biết ơn này (Hugh Whitbread nghĩ thế trong lúc lượn lơ ở trước cửa sổ tiệm) sau đó, theo lẽ tự nhiên, nằm dưới hình thức mua những đôi vớ hay giày từ Rigbey và Lowdes. Ông nghĩ thế. Đó là thói quen của ông. Ông không đi sâu. Ông chỉ lướt qua các bề mặt; những tử ngữ, những sinh ngữ, cuộc sống ở Constantinople, Paris, Romes; cưỡi ngựa, săn bắn, quần vợt, nó từng như thế. Những kẻ ác tâm quả quyết rằng hiện giờ ông đang canh gác thứ mà không ai biết được ở điện Buckingham, mang những chiếc vớ lụa và mặc quần ống chèn. Nhưng ông đã làm điều đó cực kỳ hiệu quả. Ông đã trôi nổi trên tầng lớp tinh hoa của xã hội suốt năm mươi lăm năm. Ông đã quen biết Thủ tướng. Người ta hiểu rằng những tình cảm của ông là sâu sắc. Và nếu đúng là ông không tham gia vào bất kỳ phong trào lớn nào của thời đại hay nắm giữ một chức vụ quan trọng, ông cũng đã thực hiện được một hai cải cách khiêm tốn; một trong số đó là việc cải tiến các chỗ nường thân công cộng, một việc khác là bảo vệ loài cú ở Norfolk; những cô người hầu có lý do để biết ơn ông; và tên của ông, nằm bên dưới những lá thư gửi tới tờ Times, yêu cầu những quỹ tài trợ, yêu cầu công chúng bảo vệ,

bảo quản, dọn sạch rác rến, giảm hút thuốc, và dập tắt sự phi đạo đức trong các công viên, xứng đáng được tôn trọng.

Ông còn tỏ ra là một nhân vật cao quý, khi dừng lại giây lát (khi tiếng chuông điểm nửa giờ lắng lại) để nhìn với vẻ phê phán, hách dịch, vào những đôi giày và vớ; với vẻ không thể sai lầm, hệ trọng, như thể ông đang ngắm nhìn thế giới từ một mô đất cụ thể, và ăn mặc để đi điều hành; nhưng nhận ra những nghĩa vụ mà tầm vóc, sự giàu sang, sức khỏe, tài sản thừa kế mang lại, và quan sát một cách tỉ mỉ ngay cả khi không cần thiết những cử chỉ lịch sự nho nhỏ, những nghi thức lỗi thời vốn mang tới một phẩm chất cho cung cách xử sự của ông một điều gì đó để noi theo, một điều gì đó để nhớ tới ông, vì ông sẽ không bao giờ ăn trưa, chẳng hạn, với phu nhân Bruton, kẻ ông đã quen biết hai mươi năm qua, nếu không mang tới cho bà một bó hoa cẩm chướng và hỏi thăm cô Brush, thư ký của phu nhân Bruton, về anh trai của bà ta ở Nam Phi, mà vì lý do nào đó khiến cô Brush, suy nghĩ một cách nông cạn rằng mình có mọi thuộc tính của vẻ quyến rũ nữ tính, bực tức đến nỗi cô ta bảo “Cám ơn ông, ông ta đang sống ổn ở Nam Phi,” trong khi suốt sáu năm qua ông ta sống rất tệ ở Portsmouth.

Bản thân phu nhân Bruton thích Richard Dalloway hơn, kẻ vừa tới ngay sau đó. Thật sự, họ đã gặp nhau ở thêm nhà.

Dĩ nhiên là phu nhân Bruton thích Richard Dalloway hơn. Ông được tạo thành từ một chất liệu tốt đẹp hơn nhiều. Nhưng bà sẽ không để cho họ bêu xấu Hugh thân mến tội nghiệp của bà. Bà không bao giờ quên được lòng tử tế của anh ta – thật sự anh ta rất tốt. Dù sao đi nữa, sự khác biệt giữa hai người đàn ông không đáng kể mấy. Bà chưa bao giờ nhìn ra ý nghĩa của việc chia rẽ mọi người như Clarissa Dalloway đã làm – chia rẽ họ và làm cho họ gẫn bó trở lại; không, với bất cứ giá nào khi người ta ở tuổi sáu mươi hai. Bà nhận bó hoa cẩm chướng của Hugh với nụ cười cứng đờ khe khắt. Không có ai khác tới, bà nói. Bà đã mời họ tới đó với lý do vờ vịch, để giúp bà gỡ rối một việc khó khăn...

“Nhưng chúng ta hãy ăn trước đã,” bà nói.

Và thế là bắt đầu một sự di chuyển tới lui êm ru và khéo léo qua những cánh cửa xoay của những người hầu đội mũ trắng, những cô hầu gái không

cần thiết, nhưng rất lão luyện về vẻ bí ẩn hay sự đối trá được thực hành bởi những bà chủ nhà ở khu Mayfair từ số 130 tới số 132, khi mà, với một cái vẫy tay, sự lưu thông ngừng lại, và thay vào đó nổi lên ngay từ đầu cái ảo tưởng sâu sắc về thức ăn – không phải trả tiền; và sau đó cái bàn trải ra một cách tự nguyện với những ly cốc, dao nĩa, những miếng vải lót nhỏ, những đĩa trái cây chín đỏ; những con cá bơn phủ những lớp kem nâu; những con gà bị chặt bơi trong những cái nồi; ngọn lửa bùng lên rực rỡ sắc màu, hoang dã; và với rượu vang và cà phê (không tính tiền) những ảo tượng vui tươi mọc lên trước những đôi mắt mơ màng; những đôi mắt trầm tư; những đôi mắt mà với chúng cuộc sống hiện ra đầy chất nhạc, bí ẩn; những đôi mắt lúc này ngời lên để quan sát một cách thân ái vẻ đẹp của những bông cẩm chướng đỏ mà phu nhân Bruton (những cử động của bà luôn cứng đờ) đã đặt bên cạnh đĩa của mình, khiến cho Hugh Whitebread, cảm thấy an bình với toàn vũ trụ đồng thời hoàn toàn chắc chắn về vị trí của mình, vừa nói vừa đặt nĩa xuống:

“Không phải trông chúng thật đáng yêu trên tấm vải dăng ten của bà hay sao?”

Cô Brush cực kỳ phẫn nộ với sự suồng sã này. Cô nghĩ ông ta là một gã thô lỗ. Cô khiến cho phu nhân Bruton cười phá lên.

Phu nhân Bruton giơ những đóa hoa cẩm chướng lên, cầm chúng khá cứng nhắc với cung cách hết như cung cách cầm cuộn giấy của vị tướng trong bức tranh sau lưng bà; bà duy trì trạng thái bất động, xuất thần. Bà là ai, cháu nội của vị tướng? Cháu cố? Richard Dalloway tự hỏi. Ngài Roderick, ngài Miles, ngài Talbot – đó là bức tranh. Trong gia đình đó, vẻ giống nhau tồn tại ở những người phụ nữ là một điều nổi bật. Lẽ ra bản thân bà nên là một vị tướng kỳ binh. Và Richard sẽ phục vụ dưới quyền của bà, một cách hân hoan; ông rất kính trọng bà; ông yêu thích những cảnh tượng lãng mạn về những người phụ nữ có huyết thống cao quý, và thích, theo cách thức vui vẻ của mình, đưa một số chàng trẻ tuổi bốc đồng mà ông quen biết tới ăn trưa với bà; như thế một kiểu người như bà có thể là dòng dõi của những người hòa nhã ưa thích uống trà! Ông biết quê hương của bà. Ông biết những người thân của bà. Có một dây nho, vẫn đang sinh trưởng,

mà Lovelace^[28] hoặc Herrick^[29] – bản thân bà không hề đọc một câu thơ nào, nhưng câu chuyện kể như thế – đã ngồi dưới gốc nó. Tốt hơn nên đợi trước khi đưa ra với họ vấn đề đã khiến bà phiền lòng (về việc đưa ra cho công chúng một yêu cầu; nếu thế thì theo những điều kiện nào, vân vân), tốt hơn nên đợi cho tới khi họ dùng xong cà phê, phu nhân Bruton nghĩ; và do đó đặt những nhánh hoa cắm chướng xuống cạnh cái đĩa của mình.

“Clarissa thế nào?” Bà đột ngột hỏi.

Clarissa luôn nói rằng phu nhân Bruton không thích mình. Thật ra, phu nhân Bruton nổi tiếng về việc quan tâm tới chính trị hơn là mọi người; về việc nói năng như một người đàn ông; về việc có dáng dấp tới một mưu đồ khét tiếng trong thập niên tám mươi, mà hiện đang bắt đầu được nhắc tới trong những cuốn hồi ký. Chắc chắn là trong phòng khách của bà có một cái hốc tường, và trong đó có một cái bàn, trên cái bàn đó là một bức ảnh của Tướng Talbot Moore, giờ đã quá cố, kẻ đã ngồi viết ở đó (vào một buổi tối trong thập niên tám mươi) với sự hiện diện của phu nhân Bruton, với sự chứng kiến, có lẽ cố vấn, của bà, một bức điện tín ra lệnh cho quân lính Anh tiến hành một sự kiện lịch sử. (Bà cầm cây bút máy và kể câu chuyện.) Do vậy, khi bà hỏi theo cách thức ửng khẩu của mình “Clarissa thế nào?” những ông chồng gặp khó khăn trong việc thuyết phục các bà vợ của mình và thật ra, bất kể tận tụy tới đâu, vẫn kín đáo ngờ vực chính mình, về sự quan tâm của bà đối với những người phụ nữ vốn thường hay cản đường đấng phu quân của họ, ngăn họ nhận những chức vụ ở nước ngoài, và phải được đưa tới bờ biển vào giữa phiên họp để phục hồi sức khỏe sau một cơn cảm cúm. Dù sao, câu hỏi “Clarissa thế nào?” của bà, mà những người phụ nữ hoàn toàn biết rõ là một dấu hiệu của một người mong muốn điều tốt, từ một người bạn hầu như im lặng, kẻ mà những phát biểu của bà ta (khoảng sáu lần trong quãng thời gian một đời người) biểu thị sự thừa nhận về một tình đồng chí của phái nữ diễn ra bên dưới những bữa ăn trưa của phái nam và hợp nhất phu nhân Bruton với bà Dalloway – kẻ mà bà ít khi gặp mặt, và khi họ gặp nhau lại có vẻ lãnh đạm, thậm chí thù địch – trong một mối ràng buộc đặc biệt.

“Hồi sáng này tôi gặp Clarissa trong công viên.” Hugh Whitbread nói, lặn vào cái nồi thịt hầm, nôn nao muốn tự mình bày tỏ lòng ngưỡng mộ nhỏ nhoi này, vì ông chỉ cần tới London và đã gặp mọi người ngay lập tức; nhưng tham lam, một trong những người đàn ông tham lam nhất mà cô từng biết, Milly Brush nghĩ; cô quan sát những người đàn ông với thái độ chính trực không hề nao núng, và có khả năng tận tụy mãi mãi, với giới tính riêng của mình nói riêng, với gương mặt đầy góc cạnh, u nần, vết xây xát, và hoàn toàn không có vẻ quyến rũ của phái nữ.

“Anh có biết ai đang ở trong thị trấn không?” Phu nhân Bruton đột nhiên sực nhớ. “Anh bạn cũ Peter Walsh của chúng ta.”

Cả bọn mỉm cười. Peter Walsh! Và ông Dalloway thật sự vui mừng, Milly Brush nghĩ; còn ông Whitbread thì chỉ nghĩ tới món thịt gà của mình.

Peter Walsh! Cả ba người, phu nhân Bruton, Hugh Whitbread và Richard Dalloway, đều cùng nhớ về một chuyện – Peter đã yêu say đắm ra sao; đã bị khước từ; sang Ấn Độ; gặp chuyện không may; làm hỏng mọi thứ; và Richard Dalloway cũng rất mến ông bạn cũ thân mến này. Milly Brush nhìn thấy điều đó; nhìn thấy một vết hằn sâu trên mày của ông; nhìn thấy ông ta do dự; tự hỏi; điều khiến bà thích thú, vì ông Dalloway luôn khiến cô thấy thích thú, vậy ông ta đang nghĩ gì về Peter Walsh, cô tự hỏi.

Rằng Peter Walsh đã từng yêu Clarissa; rằng ông sẽ trở về ngay sau bữa ăn và tìm Clarissa; rằng ông sẽ nói với bà ấy, với thật nhiều từ, rằng ông yêu bà ấy. Phải, ông sẽ nói điều đó.

Có lần Milly Brush đã suýt phải lòng với những sự im lặng đó; và ông Dalloway luôn rất đáng tin cậy; còn là một quý ông tuyệt vời nữa. Hiện giờ, với tuổi bốn mươi của mình, phu nhân Bruton chỉ cần gạt đầu hoặc xoay đầu hơi bất ngờ một chút là Milly đã nắm bắt được ám hiệu, bất kể cô có thể chìm sâu tới đâu vào những hồi ức về một tinh thần tách biệt, một linh hồn liêm chính mà cuộc sống không thể đánh lừa, vì cuộc sống không hề cho cô một vật nữ trang có giá trị nhỏ nhất nào; không một lọn tóc xoắn, nụ cười, môi, má, mũi; không bất cứ thứ gì; phu nhân Bruton chỉ cần gạt đầu, và Perkins nhận được chỉ thị nhanh nhanh đưa cà phê lên.

“Phải, Peter Walsh đã trở về.” Phu nhân Bruton nói. Điều này đã mơ hồ tôn giá trị của tất cả bọn họ lên. Ông ta đã trở về những bờ biển an toàn của họ, hao mòn, thất bại. Nhưng không thể nào giúp ông ta, họ ngẫm nghĩ; có một sai sót trong tính cách của ông ta. Có lần Hugh Whitbread đã nói, dĩ nhiên chỉ nhắc tới tên ông ta là gì gì đó. Ông nhìn mặt một cách sâu thẳm, tự đắc, với ý nghĩ về những lá thư ông sẽ viết cho lãnh đạo các văn phòng của chính phủ về “ông bạn cũ Peter Walsh của tôi,” vân vân. Nhưng điều đó sẽ không đưa tới đâu cả – không đưa tới bất cứ thứ gì có tính chất lâu dài, do tính cách của ông ta.

“Đang gặp rắc rối với một người đàn bà nào đó.” phu nhân Bruton nói. Cả bọn đều đoán rằng điều đó nằm ở đáy của vấn đề.

“Tuy nhiên,” phu nhân Bruton nói, nôn nóng muốn rời khỏi chủ đề này, “chúng ta sẽ nghe toàn bộ câu chuyện từ chính bản thân Peter.”

(Cà phê tới chậm quá.)

“Địa chỉ?” Hugh Whitbread lẩm bẫm; và ngay tức khắc có một gợn sóng lăn tăn trong đợt thủy triều phục vụ cuốn quanh phu nhân Bruton hết ngày này sang ngày khác, tập trung, chặn đứng, bao phủ bà trong một tấm vải mỏng; đập tan những chấn động, giảm thiểu những gián đoạn và trải quanh ngôi nhà trên phố Brook một tấm lưới bền chắc nơi mọi thứ được đặt để và chọn ra một cách chính xác, tức thì, bởi Perkins tóc bạc, kẻ đã sống với phu nhân Bruton suốt ba mươi năm qua và lúc này đang viết cái địa chỉ; trao nó cho Whitbread. Ông móc cuốn sổ bỏ túi của mình ra, nhướng mày, rồi nhét nó vào giữa những thứ hồ sơ có tầm quan trọng cao nhất, nói rằng ông sẽ bảo Evelyn mời ông ta tới ăn trưa.

(Họ đang chờ Whitbread xong việc để mang cà phê tới.)

Hugh quá chậm chạp, phu nhân Bruton nghĩ. Anh ta đang ngày càng béo ra, bà nhận thấy. Richard luôn duy trì bản thân trong điều kiện hoàn hảo nhất. Bà đang trở nên nóng nảy; toàn bộ bản thể của bà đều mang tính tích cực, dứt khoát, gạt sang bên một cách độc đoán tất cả những điều vặt vãnh, không cần thiết (Peter Walsh và những vấn đề của anh ta) trùm lên cái chủ đề thu hút sự chú ý của bà, và không chỉ sự chú ý, mà cả cái thớ sợi vốn là cái que thông nòng súng của tinh hồn bà, cái phần tinh túy đó mà nếu thiếu

nó hẳn Millicent Bruton sẽ không còn là Millicent Bruton; cái dự án về việc đưa những người trẻ tuổi ở cả hai giới tính là con cái của những bậc phụ huynh khả kính đi di cư và thiết lập một tương lai xán lạn thịnh vượng ở Canada. Có lẽ bà đã đánh mất ý thức về sự tương quan của mình. Đối với những người khác di cư không phải là một biện pháp hiển nhiên, ý niệm cao nhất. Đối với họ (đối với Hugh, hay Richard, hay thậm chí cô Brush tận tâm) nó không phải là kẻ giải phóng cho tính tự cao tự đại bị đè nén của một phụ nữ thượng võ mạnh mẽ, được nuôi dạy tốt, được kế thừa tốt, có những thôi thúc trực tiếp, những cảm xúc thẳng thừng, và ít khả năng nội quan (rộng rãi và đơn giản – vì sao mọi người không thể rộng rãi và đơn giản? Bà hỏi), những cảm giác nổi lên trong lòng bà, một khi tuổi trẻ đã là quá khứ, và phải nảy ra từ một đối tượng nào đó – đó có thể là Sự di cư, đó có thể là Sự giải phóng; nhưng bất kể nó là gì, đối tượng vốn là bản chất của linh hồn bị giấu kín hàng ngày này của bà, đã trở thành nửa phần là tấm gương soi sáng rực, tựa như lăng kính, nửa phần là đá quý; lúc thì được cẩn thận che đậy để tránh bị mọi người chế nhạo; lúc thì được phô bày một cách tự hào. Nói tóm lại, ở một mức độ lớn, Sự di cư đã trở thành phu nhân Bruton.

Nhưng bà phải viết. Và một lá thư gửi tới tờ Times, bà thường nói với cô Brush, khiến bà tốn kém nhiều hơn tổ chức một đoàn thám hiểm tới Nam Phi (mà bà đã tiến hành trong cuộc chiến). Sau khi một trận đánh của buổi sáng bắt đầu, loang ra, bắt đầu lại, bà thường cảm thấy sự vô hiệu quả của nữ tính của chính bà mà bà không cảm thấy trong những trường hợp khác, và thường quay một cách biết ơn sang ý nghĩ về Hugh Whitbread, kẻ sở hữu – không ai có thể nghi ngờ điều đó – nghệ thuật viết những lá thư cho tờ Times.

Một con người được cấu tạo hoàn toàn khác với bà, với một khả năng tinh thông về ngôn ngữ đến thế; có thể sắp đặt mọi thứ giống như những biên tập viên; có những đam mê mà người ta không thể gọi một cách đơn giản là lòng tham. Phu nhân Bruton thường đình chỉ sự phán xét đối với những người đàn ông thể theo hiệp ước bí ẩn mà trong đó họ, chứ không phải phụ nữ, đại diện cho những quy luật của vũ trụ; biết cách sắp đặt các

thứ; biết cần phải nói gì; để nếu Richard góp ý cho bà, và Hugh viết cho bà, vì lý do nào đó bà chắc chắn về sự đúng đắn. Vì thế bà để cho Hugh ăn xong món trứng rán phồng; hỏi thăm về Evelyn tội nghiệp; chờ cho tới khi họ hút thuốc, và rồi cất tiếng:

“Milly, cô đi lấy giấy giùm được không?”

Và cô Brush đi ra, quay lại; đặt những tờ giấy lên bàn; và Hugh móc cây bút máy ra; cây bút máy bằng bạc của ông, đã phục vụ suốt hai mươi năm qua, vụn nắp bút. Nó vẫn còn trong tình trạng hoàn hảo; ông đã đưa nó cho những nhà sản xuất xem; không có lý do gì, họ bảo, để nó bị mòn đi; theo cách nào đó điều này mang lại uy tín cho Hugh, và uy tín cho những tình cảm mà cây bút của ông thể hiện (Richard Dalloway cảm thấy như thế) trong lúc Hugh bắt đầu cẩn thận viết những chữ hoa với những vòng tròn quanh chúng ở lề giấy, và do vậy đã giảm thiểu một cách kỳ diệu những ý tưởng rối rắm của phu nhân thành thứ ý nghĩa, thứ ngữ pháp mà tay biên tập viên của tờ Times phải tôn trọng, phu nhân Bruton nghĩ, trong lúc quan sát sự chuyển hóa kỳ diệu đó. Hugh chậm chạp. Hugh cố chấp. Richard bảo người ta phải đánh liều. Hugh đề nghị những bổ sung chiếu theo những cảm nghĩ của mọi người, mà, ông nói với vẻ khá chua chát khi Richard bật cười, “phải được cân nhắc tới,” và đọc to lên “do đó, chúng tôi có ý kiến rằng thời điểm đã chín muồi ra sao... giới trẻ thừa thãi của dân số không ngừng gia tăng của chúng ta... điều mà chúng ta mang ơn những người chết...” mà Richard nghĩ toàn là những lời lẽ ba hoa rỗng tuếch, nhưng không có hại gì trong chuyện đó, dĩ nhiên, và Hugh tiếp tục phác thảo những cảm nghĩ theo trật tự abc của tầng lớp cao quý nhất, phải tro xì gà khỏi cái áo gi-lê, và thỉnh thoảng tóm tắt lại quá trình đã viết cho tới khi, rốt cuộc, ông đọc lớn bản nháp của một lá thư mà phu nhân Bruton cảm thấy chắc chắn là một kiệt tác. Bà có thể tự mình viết nghe kêu đến thế hay không?

Hugh không thể bảo đảm việc biên tập viên sẽ đệ trình nó lên; nhưng ông sẽ gặp ai đó vào bữa ăn trưa.

Tới đây, phu nhân Bruton, kẻ hiếm khi tỏ ra biết ơn, nhét tất cả những nhánh hoa cắm chướng của Hugh vào phía trước váy của bà, và chìa tay ra,

gọi ông là “ngài Thủ tướng của tôi!” Hân bà sẽ không biết phải làm gì nếu không có hai người bọn họ. Họ đứng lên. Và Richard Dalloway chậm chậm bước ra ngoài như thường lệ để nhìn một cái vào bức chân dung vị tướng, vì ông có ý định, khi có thời gian rảnh rỗi, sẽ viết một tiểu sử về gia đình của phu nhân Bruton.

Và Millicent Bruton rất tự hào về gia đình của bà. Nhưng họ có thể chờ, họ có thể chờ, bà nói, nhìn bức ảnh; có ý nói rằng gia đình bà, những người đàn ông trong giới quân sự, những nhà lãnh đạo, những vị đô đốc, là những con người của hành động, đã thực hiện bốn phận của họ; và bốn phận đầu tiên của Richard là đất nước của ông, nhưng đó là một gương mặt đẹp, bà nói; và tất cả giấy tờ đã sẵn sàng để Richard mang xuống Aldmixton khi tới thời điểm; ý bà là chính quyền của đảng Lao động. “Chà, tin tức từ Ấn Độ!” Bà kêu lên.

Thế rồi, trong lúc họ đứng trong đại sảnh lấy những đôi găng tay vàng từ cái bát trên cái bàn malachite và Hugh đang trao cho cô Brush, với sự nhã nhặn hoàn toàn không cần thiết, một tấm vé bị loại nào đó hay một lời khen ngợi khác, mà cô ghét cay ghét đắng từ tận đáy tim và khiến cô đỏ ửng lên như gạch nung, Richard quay sang phu nhân Bruton, với cái mũ trên tay, và bảo:

“Chúng tôi sẽ gặp phu nhân ở bữa tiệc tối nay của chúng tôi chứ?” Nghe thế phu nhân Bruton khôi phục lại vẻ cao quý mà việc viết thư đã làm cho tan tác. Bà có thể tới mà cũng có thể không. Clarissa có một năng lượng tuyệt vời. Những bữa tiệc khiến phu nhân Bruton kinh hãi. Nhưng bà đang ngày càng già đi. Bà thổ lộ thế, đứng ở lối ra vào; xinh đẹp; người rất thẳng; trong lúc con chó su của bà đuổi người ra sau lưng bà, và cô Brush biến mất vào phía sau với hai tay đầy những tờ giấy.

Và phu nhân Bruton đi một cách đường bệ, chậm rãi lên phòng mình, nắm duỗi một cánh tay trên chiếc trường kỷ. Bà thở dài, bà ngáy, không phải vì đang ngủ, chỉ hơi lơ mơ và nặng nề, lơ mơ và nặng nề, như một cánh đồng cỏ ba lá dưới ánh mặt trời trong cái ngày tháng Sáu nóng bức này, với lũ ong lượn vòng quanh và những con bướm vàng. Bà luôn trở lại những cánh đồng ở mạn Devonshire đó, nơi bà đã phóng qua những con

suối trên lưng Patty, con ngựa nhỏ của bà, với Mortimer và Tom, các anh của bà. Và còn có đàn chó; có những con chuột đồng; có cha mẹ bà trên bãi cỏ dưới những hàng cây, với những bộ đồ uống trà bày ngoài trời và những luống hoa thực dứa, hoa thực quỳ, cỏ bông bạc; và họ, những đứa ranh con nhỏ xíu, luôn dự tính một trò tai quái nào đó! len lén quay lại qua khu bụi rậm để không bị nhìn thấy, cả bọn áo quần lấm láp vì một trò nghịch ngợm. Bà vú già thường ca cẩm nhiều biết bao về cái váy yếm của bà!

Ái chà, bà nhớ – đó là một ngày thứ Tư ở phố Brook. Những anh chàng tốt bụng dễ thương đó, Richard Dalloway, Hugh Whitbread, trong cái ngày nóng nực này, đã đi qua những đường phố mà tiếng ồn ào của nó vọng lên tới nơi bà đang nằm trên chiếc trường kỷ. Quyền lực thuộc về bà, địa vị, thu nhập. Bà đã sống ở tuyến đầu của thời đại mình. Bà đã có những người bạn tốt; quen biết những người đàn ông có khả năng nhất vào thời của mình. London đang thì thầm cuốn lên chỗ bà, và bàn tay bà, đang gác trên lưng trường kỷ, cong lại trên một chiếc gậy tưởng tượng mà những người ông của bà đã cầm, như thể bà đang cầm nó, ngủ lơ mơ và nặng nề, chỉ huy những tiểu đoàn hành quân tới Canada, và những chàng trai tử tế đó bước ngang qua London, cái lãnh địa đó của họ, tấm thảm bé nhỏ đó, Mayfair.

Và họ đi ngày càng xa bà, bị gắn vào bà bởi một sợi chỉ mỏng (vì họ đã ăn trưa với bà) cứ trải dài, trải dài, ngày càng trở nên mỏng manh hơn khi họ bước ngang qua London; như thể bạn hữu của một người được gắn vào thân thể của người đó, sau khi ăn trưa với họ, bởi một sợi chỉ mỏng (trong lúc bà ngủ mơ màng ở đó); nó trở nên mơ hồ với âm thanh của những cái chuông, đang điểm giờ hay gọi phục vụ, như một sợi tơ nhện duy nhất lấm tấm những giọt mưa, và, trở nên nặng trĩu, vông xuống. Cứ thế bà ngủ.

Richard Dalloway và Hugh Whitbread ngần ngừ ở góc phố Conduit vào đúng giây phút mà Millicent Bruton, đang nằm trên trường kỷ, bỏ mặc cho sợi chỉ đứt phụt; ngáy pho pho. Những cơn gió ngược chiều xô vào nhau ở góc phố. Họ nhìn vào một cửa tiệm; họ không muốn mua hay trò chuyện mà chỉ muốn tách khỏi những cơn gió ngược chiều đang xô vào nhau ở góc phố, với một dạng dòng chảy nào đó trong những đợt thủy triều của thân thể, hai lực lượng gặp nhau trong một cơn lốc xoáy, buổi sáng và buổi

chiều, họ dừng lại. Một tấm áp phích quảng cáo nhật trình bay vút lên không trung, một cách quả cảm, thoát tiên như một con diều giấy, rồi dừng lại, nhào xuống, vẫy cánh; và một tấm voan che mặt của một phu nhân treo lơ lửng. Những tấm vải bạt màu vàng run rẩy. Tốc độ lưu thông của buổi sáng chậm lại, và những cỗ xe một ngựa lóc cóc chạy một cách bất cần dọc những đường phố nửa phần vắng vẻ. Ở Norfolk, mà Richard đang lơ mơ nghĩ tới, một cơn gió nhẹ ấm áp thổi ngược những cánh hoa; khuấy động những mặt nước; làm những đám cỏ đang ra hoa gợn lên như sóng. Trước đó những người thợ phơi cỏ đã dựng lều bên dưới những hàng rào để ngủ trưa sau buổi sáng cực nhọc; giờ họ tách những tấm màn lá cỏ xanh ra; gạt sang bên những chùm hoa ngò tây hình cầu đang rung động để nhìn thấy bầu trời; bầu trời xanh, kiên định, sáng chói của mùa hè.

Ý thức rằng mình đang nhìn vào một cái ca bạc có hai quai, và Hugh Whitbread đang thưởng thức một cách nhún nhường với dáng vẻ của một người am hiểu một chuỗi hạt Tây Ban Nha và nghĩ tới việc hỏi giá để nhờ khi Evelyn có thể ưa thích nó – tuy nhiên Richard vẫn còn mù mịt; không thể suy nghĩ hay cử động. Cuộc sống đã nôn ra sự đổ nát này; cửa sổ của các tiệm đầy những hạt đá giả nhiều màu và người ta đứng thừ ra với trạng thái hôn mê của người già, cứng người lại với sự cứng đờ của người già, nhìn vào. Evelyn Whitbread có thể thích mua cái xâu chuỗi hạt Tây Ban Nha này – rất có thể. Ông phải ngáp. Hugh đang bước vào tiệm.

“Anh đúng đấy!” Richard nói, đi theo.

Có trời biết là ông không muốn đi mua những xâu chuỗi với Hugh. Nhưng có những đợt thủy triều trong cơ thể. Buổi sáng gặp buổi chiều. Chịu đựng như một chiếc xuồng máy mong manh trên những dòng nước lũ sâu, rất sâu, ông cố của phu nhân Bruton và cuốn hồi ký và những chiến dịch của ông ta ở Bắc Mỹ bị chìm xuống và chìm đắm. Cả Millicent nữa. Bà chìm xuống. Richard không hề quan tâm tới việc Sự di cư sẽ trở thành thứ gì; về lá thư đó, về việc tay biên tập viên có đệ trình nó lên hay không. Xâu chuỗi treo lủng lẳng giữa những ngón tay hăm mộ của Hugh. Cứ mặc ông ta tặng nó cho một cô gái, nếu ông ta phải mua đồ trang sức bằng đá quý – bất cứ cô gái nào, bất cứ cô gái nào trên đường. Vì sự vô giá trị của cuộc

đời này đã giáng cho Richard một đòn mạnh mẽ – việc mua những xâu chuỗi cho Evelyn. Giá như ông có một cậu con trai ông sẽ bảo, Làm việc, làm việc. Nhưng ông có Elizabeth; ông yêu quý Elizabeth của mình.

“Tôi muốn gặp ông Dubonnet.” Hugh nói với giọng cộc lốc thường ngày. Có vẻ như gã Dubonnet này có những số đo vòng cổ của bà Whitbread, hoặc, còn lạ lùng hơn, biết các quan điểm của bà ta về đồ trang sức bằng đá quý Tây Ban Nha và mức độ tài sản của bà ta ở phạm vi này (điều mà Hugh không thể nhớ). Với Richard Dalloway, dường như tất cả những điều này vô cùng kỳ quặc. Vì ông không bao giờ tặng quà cho Clarissa, trừ một cái vòng đeo tay cách nay hai ba năm và đó không phải là một thành công. Bà ấy chả bao giờ đeo nó. Ông đau lòng khi nhớ ra bà ấy không bao giờ đeo nó. Và như một sợi tơ nhện độc nhất sau khi dao động qua lại tự gắn mình vào một chòm lá, tâm hồn của Richard cũng thế, hồi phục lại từ trạng thái mơ màng, lúc này đặt vào vợ của ông, Clarissa mà Peter Walsh đã từng yêu say đắm; và ông đã có một ảo tượng đột ngột về bà ấy trong bữa ăn trưa; về chính ông và Clarissa, về cuộc sống chung của họ; và ông kéo cái khay đựng những món trang sức cũ về phía mình, cầm lên đầu tiên là cái trâm cài tóc này rồi tới chiếc nhẫn kia, “Cái đó giá bao nhiêu?” Ông hỏi, nhưng nghi ngờ thị hiếu của chính mình. Ông muốn mở cánh cửa phòng khách ra và bước vào, đưa ra vật gì đó; một món quà cho Clarissa. Chỉ có điều đó là gì? Nhưng Hugh lại cất bước. Ông ta vênh vang không thể tả. Thật sự, sau khi qua lại ở đây suốt ba mươi lăm năm, ông ta sẽ không để cho một cậu bé không biết việc trì hoãn mình lại. Vì dường như Dubonnet đã ra ngoài, và Hugh sẽ không mua bất cứ món gì cho tới khi ông Dubonnet chọn cách ở trong tiệm; nghe vậy chàng thanh niên đỏ mặt lên và khẽ cúi đầu chào ông ta theo đúng thể thức. Tất cả đều đúng một cách hoàn hảo. Thế nhưng Richard không thể nói điều đó sẽ cứu vớt cuộc đời ông! Vì sao những người này chịu đựng được sự xấc láo đáng nguyên rủa đó ông không thể hiểu. Hugh đang trở thành một con lừa khó mà khoan thứ nổi. Richard Dalloway không thể chịu được một giờ đi cùng với ông ta. Và, khẽ vỗ vào cái mũ quả dưa thay cho lời từ giã, Richard quẹo ở góc phố

Conduit, nôn nóng hơn, phải, rất nôn nóng, để đi theo sợi tơ nhện của sự gắn bó giữa ông và Clarissa; ông sẽ đi thẳng tới chỗ bà ấy, ở Westminster.

Nhưng ông muốn bước vào, tay cầm thứ gì đó. Hoa chảnh? Phải, hoa, vì ông không tin vào thị hiếu về vàng của mình; bất kỳ số lượng hoa nào, hồng, phong lan, để chúc mừng cái, mà khi bạn sẵn lòng xét tới các thứ, đúng là một sự kiện; cái cảm giác về bà ấy khi họ nói về Peter Walsh trong bữa ăn trưa; và họ chưa bao giờ nói về nó; họ không hề nói về suốt bao năm nay; điều đó, ông nghĩ, ôm những nhánh hoa hồng đỏ và trắng bó chung lại (cả một bó lớn bọc trong giấy lụa), là sai lầm lớn nhất trên đời. Thời điểm đến khi người ta không thể nói nên lời; người ta quá ngượng ngùng không nói được, ông nghĩ, cất bước với bó hoa lớn ôm sát vào người tới Westminster để vừa nói thẳng ra bằng rất nhiều lời lẽ (bất kể bà ấy có thể nghĩ gì về ông), vừa giơ bó hoa ra, “Tôi yêu em.” Sao không chứ? Đây thật sự là một phép màu khi nghĩ tới cuộc chiến tranh, và nhiều ngàn chàng trai tội nghiệp, với cả cuộc đời phía trước, đã bị vùi lấp cùng nhau, và đã bị nửa phần quên lãng; đây là một phép màu. Tại đây, ông đang băng qua London để nói với Clarissa bằng rất nhiều lời lẽ rằng ông yêu bà ấy. Điều mà người ta chưa bao giờ nói, ông nghĩ. Phần vì người ta lười lỉnh; phần vì người ta ngượng. Và Clarissa – nghĩ tới bà ấy thật khó khăn; trừ những lúc bắt đầu, như ở bữa ăn trưa, khi ông thấy bà ấy hoàn toàn khác biệt; toàn bộ cuộc đời của họ. Ông dừng lại ở ngã tư; và lặp lại – vốn đơn giản do bản chất, và chưa hề trở nên hư hỏng, vì ông đã đi bộ và săn bắn; vốn cố chấp và kiên trì, từng đấu tranh để bảo vệ những kẻ bị áp bức và làm theo những bản năng của mình ở Hạ viện; vẫn duy trì tính mộc mạc của mình nhưng đồng thời trở nên khá ít lời, hay đúng hơn là cứng nhắc – ông lặp lại rằng việc ông lấy Clarissa thật là một phép màu; một phép màu – cuộc đời ông đã là một phép màu, ông nghĩ; do dự chưa băng qua đường. Nhưng việc nhìn thấy những đứa bé năm sáu tuổi băng qua ngã tư Piccadilly một mình khiến máu ông sôi lên. Cảnh sát nên dừng lưu thông lại ngay lập tức. Ông không có ảo tưởng nào về cảnh sát London. Thật ra ông đang thu thập chứng cứ về những việc làm phi pháp của họ; và những người bán hàng rong đó, không được phép dừng xe ba gác của họ trên đường phố; và những

cô gái điếm, Trời ạ, lỗi không phải ở họ, cũng không phải ở những gã thanh niên, mà ở hệ thống xã hội đáng tởm của chúng ta, vân vân; ông cân nhắc tất cả những điều đó, người ta có thể thấy là ông đang cân nhắc, tóc bạc, bẽn lẽn, nhanh nhẹn, sạch sẽ, khi ông bước ngang qua công viên để nói với vợ ông rằng ông yêu bà ấy.

Vì ông sẽ nói điều đó với rất nhiều lời lẽ, khi bước vào phòng. Vì thật là ngàn lần đáng tiếc nếu không bao giờ nói ra điều mà người ta cảm thấy, ông nghĩ, vừa băng qua công viên Green vừa thích thú quan sát cái cách toàn bộ những gia đình, những gia đình nghèo, đang nằm ườn ra dưới bóng râm của cây cối; lũ trẻ vung chân lên, bú sữa; những cái túi giấy vút xung quanh, có thể dễ dàng được thu nhặt (nếu mọi người phản đối) bởi một trong những quý ông béo ị mặc chế phục; vì ông ta có ý kiến rằng mọi công viên, mọi quảng trường, trong những tháng hè, nên được mở ra cho trẻ em (cỏ trong công viên đỏ ửng và héo úa, soi sáng những bà mẹ nghèo của khu Westminster và những em bé mới biết bò, như thể có một ngọn đèn vàng đang di chuyển bên dưới). Nhưng người ta có thể làm gì cho những người phụ nữ lang thang như sinh vật khốn khổ đó, đang đuổi người trên khuỷu tay (như thể cô ta tự treo mình lên trái đất, cởi bỏ mọi ràng buộc, để quan sát một cách tò mò, để suy xét một cách táo tợn, để cân nhắc những lý do và nguyên cớ, trơ tráo, môi thừ ra, hóm hỉnh), ông không biết. Mang bó hoa của mình như thể một thứ vũ khí, Richard Dalloway tới gần cô ta; ông phăm phăm bước ngang qua cô ta; tuy nhiên có đủ thì giờ cho một cái chạm mắt giữa họ với nhau – cô ta cười to khi nhìn thấy ông, ông mỉm cười vui vẻ, xét tới nan đề về những phụ nữ lang thang; không phải là họ sẽ nói tới việc đó. Nhưng ông sẽ bảo với Clarissa rằng ông yêu bà ấy, với rất nhiều lời lẽ. Lâu lắm rồi, ông từng ghen với Peter Walsh; ghen với ông ta và Clarissa. Nhưng bà ấy thường nói với ông rằng bà đã đúng khi không lấy Peter Walsh; rõ ràng đúng là thế, nếu biết Clarissa; bà ấy muốn có sự hỗ trợ. Không phải bà ấy nhu nhược; nhưng bà ấy muốn có sự hỗ trợ.

Còn về phần điện Buckingham (như một nữ diễn viên chính đối mặt với khán giả trong bộ đồ toàn trắng), bạn không thể chối rằng nó có một phẩm cách nhất định, ông cân nhắc, cũng không coi thường cái, nói cho cùng, đại

diện cho một biểu tượng, dù nó phi lý, đối với hàng triệu người (một đám đông nhỏ đang đợi để nhìn thấy đức vua lái xe ra); hẳn một đứa bé với một thùng gạch có thể làm tốt hơn, ông nghĩ; nhìn vào đài kỷ niệm Nữ hoàng Victoria (ông có thể nhớ bà mang đôi kính gọng sừng ngồi xe qua khu Kensington), cái mô đất cao của nó, tính chất người mẹ dâng trào của nó; nhưng ông thích được cai quản bởi hậu duệ của Horsa^[30]; ông thích sự tiếp nối; và cảm giác về việc lưu truyền những truyền thống của quá khứ. Đây là một thời đại vĩ đại để sống. Thật sự, cuộc đời của chính ông là một phép màu; đừng để ông phạm sai lầm gì về nó; ông ở đây, trong giai đoạn tươi đẹp của cuộc đời, đi bộ về nhà mình ở Westminster để nói với Clarissa rằng ông yêu bà ấy. Hạnh phúc là điều này, ông nghĩ.

Nó là điều này, ông nói, khi ông bước vào Dean's Yard^[31]. Tháp Big Ben bắt đầu đổ chuông, trước tiên là tiếng nhạc báo hiệu, rồi tới giờ khắc, bất khả vãn hồi. Những bữa tiệc trưa làm phí mất cả buổi chiều, ông nghĩ, đi tới gần cửa nhà mình.

Tiếng chuông Big Ben tràn ngập căn phòng khách của Clarissa, nơi bà ngồi cạnh bàn viết, đang khá bức mình; lo âu, bức mình. Hoàn toàn đúng là bà không mời Ellie Henderson tới dự tiệc; nhưng bà làm điều đó là có mục đích. Bây giờ bà Marsham viết: Bà ta đã nói với Ellie Henderson rằng bà ta sẽ đề nghị với Clarissa – Ellie rất muốn tới dự.

Nhưng vì sao bà phải mời tất cả những phụ nữ tẻ ngắt ở London tới dự những bữa tiệc của mình? Vì sao bà Marsham can thiệp? Và còn chuyện Elizabeth cứ to nhỏ với Doris Kilman suốt buổi trong buồng. Bà không thể tưởng tượng ra chuyện gì đáng tởm hơn thế. Cầu nguyện với người đàn bà đó vào giờ này. Và tiếng chuông Big Ben tràn ngập căn phòng với làn sóng u hoài của nó; làn sóng này rút lui, rồi tự tập hợp lại để hạ xuống một lần nữa, khi bà nghe thấy, một cách lơ đãng, có thứ gì đó đang sờ soạng, thứ gì đó đang cào vào cửa. Ai đến vào giờ này? Ba giờ, ôi Trời. Đã là ba giờ! Vì với sự trực tiếp đầy áp đảo và phẩm giá, đồng hồ điểm ba giờ; và bà không nghe thấy gì khác; nhưng cái tay nắm cửa xoay đi và Richard bước vào! Thật kinh ngạc biết bao! Richard bước vào, giơ bó hoa ra. Có lần bà đã phụ

lòng ông, ở Constantinople; và phu nhân Bruton, người mà những bữa tiệc của bà ta được cho là cực kỳ thú vị, đã không mời bà. Ông ấy đang giơ bó hoa ra – hoa hồng, những đóa hồng đỏ và trắng. (Nhưng ông không thể đủ can đảm thốt lên rằng ông yêu bà ấy; với rất nhiều lời lẽ, không.)

Nhưng đáng yêu làm sao, bà nói, cầm lấy bó hoa của ông. Bà hiểu; bà hiểu mà không cần ông nói ra; Clarissa của ông. Bà cắm chúng vào cái lọ trên bệ lò sưởi. Trông chúng đáng yêu làm sao! Bà nói. Và bữa tiệc có vui không? Bà hỏi. Phu nhân Bruton có hỏi thăm bà không? Peter Walsh đã trở lại. Bà Marsham đã viết. Bà có phải mời Ellie Henderson không? Người đàn bà Kilman đó đang ở trên gác.

“Nhưng chúng ta hãy ngồi xuống năm phút đã.” Richard nói.

Tất cả trông có vẻ quá trống vắng. Toàn bộ những cái ghế xếp sát tường. Họ đã làm gì? Ồ, đó là dành cho bữa tiệc; không ông không quên, bữa tiệc. Peter Walsh đã trở lại. Ồ, phải; bà ấy đã có ông. Và ông ta sắp sửa ly dị; và ông ta đã yêu một người phụ nữ nào đó ở ngoài kia. Và ông ta không hề thay đổi chút nào. Bà ấy ở đó, đang chữa lại cái váy của mình...

“Đang nghĩ tới Bourton.” Bà nói.

“Hugh đã tới ăn trưa.” Richard nói. Bà cũng đã gặp ông ta! Chà, ông ấy đang ngày càng quá quắt. Mua những xô chuối cho Evelyn; béo hơn bao giờ hết; một con lừa không thể chịu nổi.

“Và đột nhiên tôi nghĩ ‘Lẽ ra tôi đã lấy ông.’” bà nói, nghĩ tới Peter đang ngồi đó với cái nơ con bướm nhỏ xíu của mình; với con dao nhíp đó, mở nó ra, đóng nó lại. “Giống như ông ta luôn là vậy, ông biết đó.”

Họ đã nói chuyện về ông ta trong bữa trưa, Richard nói. (Nhưng ông không thể nói với bà ấy rằng ông yêu bà ấy. Ông cầm lấy tay của bà ấy. Hạnh phúc là điều này, ông nghĩ.) Họ đã viết một lá thư cho tờ Times giùm Millicent Bruton. Đó là tất cả những gì phù hợp với Hugh.

“Và cô Kilman thân mến của chúng ta?” Ông hỏi. Clarissa nghĩ những đóa hồng hoàn toàn đáng yêu; đầu tiên được bó chung với nhau; giờ sự hòa hợp của chính họ bắt đầu tách rời nhau.

“Kilman tới ngay khi chúng tôi ăn trưa xong.” Bà nói. “Elizabeth có vẻ bối rối. Họ tự nhốt mình trong phòng. Tôi cho là họ đang cầu nguyện.”

Chúa ơi! Ông không thích điều này; nhưng những vụ này sẽ đi quá trớn nếu bạn để mặc chúng.

“Mặc một cái áo khoác đi mưa và mang một cái dù.” Clarissa nói.

Ông không nói “Tôi yêu em”; nhưng ông cầm tay bà. Hạnh phúc là điều này, là điều này, ông nghĩ.

“Nhưng vì sao tôi phải mời tất cả những phụ nữ trẻ ngất ở London tới dự tiệc của tôi?” Clarissa nói. Và nếu bà Marsham tổ chức một bữa tiệc, bà ta có mời khách của bà không?

“Ellie Henderson tội nghiệp.” Richard nói – thật rất lạ lùng khi Clarissa quan tâm tới những bữa tiệc của bà ấy nhiều đến thế, ông nghĩ.

Nhưng Richard không để ý gì tới dáng vẻ của một căn phòng. Tuy nhiên – ông sẽ nói gì đây?

Nếu bà ấy lo lắng về những bữa tiệc này, ông sẽ không cho bà ấy tổ chức chúng. Bà ấy có ao ước rằng giá mà đã lấy Peter không? Nhưng ông phải đi.

Ông phải đi, ông nói, đứng lên. Nhưng ông đứng giây lát như thể sắp nói điều gì đó; và bà tự hỏi đó là gì? Vì sao? Có những đóa hồng.

“Một cuộc họp ủy ban nào đó hở?” Bà hỏi khi ông mở cửa.

“Những người Armenia.” Ông nói; hoặc có lẽ đó là “Những người Albania.”

Và ở mọi người có một phẩm chất; một sự lẻ loi; thậm chí giữa vợ chồng cũng có một cái vịnh; và người ta phải tôn trọng điều đó, Clarissa nghĩ, quan sát ông mở cửa; vì người ta sẽ không tự tách nó khỏi chồng mình, hay đón nhận nó, trái với ý muốn của ông ta, mà không đánh mất sự độc lập, lòng tự trọng của mình – một điều gì đó, nói cho cùng, là vô giá.

Ông quay lại với một cái gối và một tấm chăn.

“Một giờ nghỉ ngơi trọn vẹn sau bữa trưa.” Ông nói. Và ông đi.

Đúng là tính cách của ông! Ông sẽ tiếp tục nói “Một giờ nghỉ ngơi trọn vẹn sau bữa trưa” cho tới phút tận cùng của thời gian, vì có lần một bác sĩ đã ra lệnh như thế.

Tính cách của ông là nghiêm chỉnh tuân theo những gì các bác sĩ nói; một phần của sự đơn giản đáng mến, tuyệt vời của ông, mà không ai có

cùng mức độ; nó khiến cho ông đi và làm điều đó trong lúc bà và Peter phung phí thì giờ để cãi cọ không đâu. Ông đã đi được nửa đường tới Hạ viện, tới những người Armenia, những người Albania của mình, sau khi bố trí bà trên chiếc trường kỷ, nhìn những bông hồng. Và mọi người sẽ nói: “Clarissa Dalloway hỏng rồi.” Bà quan tâm tới những bông hồng của mình hơn những người Armenia nhiều. Bị săn đuổi khỏi sự hiện hữu, bị làm cho trở nên tật nguyên, bị đóng băng, những nạn nhân của sự độc ác và bất công (bà đã từng nghe Richard nói đi nói lại mãi như thế) – không, bà không thể cảm nhận gì về những người Albania, hay đó là những người Armenia? Nhưng bà yêu những bông hồng của mình (điều đó có giúp gì cho những người Armenia không?) – những bông hoa duy nhất mà bà có thể chịu đựng được việc nhìn chúng bị cắt. Nhưng Richard đã ở Hạ viện; ở Ủy ban của ông, sau khi giải quyết tất cả những khó khăn của bà. Nhưng không; ôi trời, điều đó không đúng. Ông không nhìn thấy những lý do chống lại việc mời Ellie Henderson. Bà sẽ làm điều đó, dĩ nhiên, như ông muốn. Vì ông đã mang cái gối tới, bà sẽ nằm xuống. Nhưng... nhưng... vì sao bà đột nhiên cảm thấy, bà không thể khám phá là vì lý do gì, bất hạnh một cách tuyệt vọng? Như một người đã đánh rơi một hạt ngọc hay hạt kim cương xuống cỏ và rất thận trọng tách những lá cỏ ra, theo hướng này hướng khác, tìm kiếm chỗ này chỗ khác một cách vô hiệu quả, rồi cuối cùng phát hiện ra nó ở đó, trên lớp rế, thế là bà đi từ việc này sang việc khác; không, không phải việc Sally Seton bảo rằng Richard sẽ không bao giờ vào nội các vì ông có một bộ não của tầng lớp thứ hai (nó quay lại với bà); không, bà không quan tâm tới điều đó; cũng không dính dáng gì tới Elizabeth và Doris Kilman; đó là những thực tế. Nó là một cảm giác, một cảm giác không vui nào đó, có lẽ là hồi đầu ngày; một điều gì đó mà Peter đã nói, cộng với một sự phiền muộn nào đó của chính bà, trong phòng ngủ của bà, khi bà gỡ mũ ra; và những gì Richard nói đã bổ sung vào đó, nhưng ông đã nói gì? Có những bông hồng của ông ấy. Những bữa tiệc của bà! Đúng là nó rồi! Những bữa tiệc của bà! Cả hai người bọn họ đã chỉ trích bà rất bất công, chế nhạo bà rất bất công, vì những bữa tiệc của bà. Đúng là nó rồi! Đúng là nó rồi!

Chà, bà sẽ tự vệ như thế nào đây? Giờ bà đã biết nó là gì, bà cảm thấy hoàn toàn hạnh phúc. Họ nghĩ, hay ở bất kỳ giá nào Peter nghĩ, rằng bà vui sướng khi tự ép buộc mình; thích có những người nổi tiếng xung quanh mình; những tên tuổi lớn; nói tóm, chỉ là một sự hợm hĩnh. Vâng, Peter có thể nghĩ như thế. Richard chỉ nghĩ bà thật ngốc khi thích sự kích động trong lúc bà biết nó có hại cho trái tim của mình. Nó trẻ con, ông ấy nghĩ. Và cả hai đều sai hoàn toàn. Cái bà thích chỉ đơn giản là cuộc sống.

“Tôi làm là vì điều đó.” Bà nói, lớn tiếng, với cuộc sống.

Vì bà đang nằm trên trường kỷ, ăn dật, vô nghĩa vụ, sự hiện diện của điều mà bà cảm thấy rất hiển nhiên này trở nên sự hiện hữu về mặt vật chất; với những chuỗi âm thanh từ đường phố, ánh mặt trời, với hơi thở ấm nồng, đang thì thầm, thổi tung những tấm màn che. Nhưng giả sử Peter nói với bà “Phải, phải, nhưng những bữa tiệc của bà – ý nghĩa của chúng là gì?” tất cả những gì bà có thể nói là (và bà không thể mong ai thấu hiểu): Chúng là một sự trao tặng; điều đó nghe mơ hồ kinh khủng. Nhưng Peter là ai để cho rằng toàn bộ cuộc sống chỉ là việc ra khơi? – lúc nào Peter cũng yêu, lúc nào cũng yêu một người phụ nữ không phù hợp? Tình yêu của ông là gì? Bà có thể nói với ông ta. Và bà biết câu trả lời của ông ta; rằng nó là điều quan trọng nhất trên đời và không người phụ nữ nào có thể hiểu nó. Rất hay. Nhưng liệu có bất kỳ người đàn ông nào hiểu ý định của bà không? Về cuộc đời? Bà không thể hình dung rằng Peter hay Richard chuốc lấy sự phiền phức của việc tổ chức một bữa tiệc không vì bất cứ lý do gì.

Nhưng nếu đi sâu hơn, bên dưới những gì mọi người nói (và những phán xét này thật nông cạn, thật chấp vá biết bao!) trong tâm trí của bà lúc này, nó có ý nghĩa gì với bà, cái điều mà bà gọi là cuộc đời này? Ôi, nó thật lạ lùng. Đây là Ngài nào đó ở South Kensington; một ai đó ở Bayswater; và một ai đó khác, chẳng hạn, ở Mayfair. Và bà cảm thấy một ý thức liên tục về sự tồn tại của họ; bà cảm thấy thật lãng phí biết bao; bà cảm thấy thật đáng tiếc biết bao; bà cảm thấy giá như bà có thể đưa họ tới gần nhau; thế là bà làm điều đó. Và đó là một sự trao tặng; để kết hợp, để sáng tạo; nhưng cho ai?

Một sự trao tặng vì chính sự trao tặng, có lẽ. Dù sao, đó là khả năng thiên phú của bà. Bà không còn thứ gì khác với tầm quan trọng nhỏ nhất; không thể tư duy, viết lách, thậm chí chơi dương cầm; bà lẫn lộn giữa người Armenia và người Thổ; yêu sự thành công; ghét sự thiếu tiện nghi; phải được người khác ưa thích; nói vô số những điều phi lý; và tới tận hôm nay, nếu hỏi bà đường xích đạo là gì, bà không biết. Tuy nhiên, ngày này tiếp theo ngày khác; Thứ tư, Thứ năm, Thứ sáu, Thứ bảy; người ta phải thức dậy vào buổi sáng; nhìn thấy bầu trời; thả bộ trong công viên; gặp Hugh Whitbread; rồi đột nhiên Peter bước vào; rồi những bông hồng này; thế là đủ. Sau đó, cái chết thật khó tin biết bao! Rằng nó phải kết thúc; và không ai trên toàn thế giới biết bà đã yêu tất cả những điều này như thế nào; như thế nào, trong từng khoảnh khắc...

VII

Cửa mở. Elizabeth biết mẹ mình đang nằm nghỉ. Cô lặng lẽ bước vào. Cô đứng bất động hoàn toàn. Phải chăng một người Mông Cổ nào đó đã bị đắm tàu ở bờ biển Norfolk (như bà Hilbery nói), đã pha lẫn dòng máu với những quý bà dòng họ Dalloway, có lẽ, cách đây một trăm năm? Vì nói chung những người mang họ Dalloway có mái tóc sáng; mắt xanh; Elizabeth, trái lại, có mái tóc đen; có đôi mắt Trung Hoa trên một gương mặt trắng trẻo; một bí ẩn phương Đông; hòa nhã, thận trọng, lặng lẽ. Khi còn bé, cô có một đầu óc hài hước tuyệt vời; nhưng giờ đây, ở tuổi mười bảy, cô đã trở nên rất nghiêm trang, vì sao, Clarissa không thể hiểu được chút nào; như một cây lan dạ hương được bao bọc trong màu xanh bóng loáng, với những chồi non mới ửng màu, một cây dạ lan hương thiếu ánh mặt trời.

Cô đứng bất động hoàn toàn và nhìn mẹ mình; nhưng cánh cửa để mở hé, và bên ngoài cửa là cô Kilman, như Clarissa biết; cô Kilman trong chiếc áo khoác đi mưa, đang lắng nghe bất cứ điều gì họ nói.

Phải, cô Kilman đứng ở đầu cầu thang, và mặc một cái áo khoác đi mưa; nhưng có những lý do của cô. Trước hết, nó rẻ tiền; thứ hai, cô đã quá bốn mươi; và, nói cho cùng, cô không mặc để làm hài lòng người khác. Ngoài ra cô nghèo; nghèo đến mức trở nên hèn hạ. Không thì cô sẽ không nhận những công việc từ những người như gia đình Dalloway; từ những kẻ giàu có, thích tỏ ra tử tế. Ông Dalloway tốt bụng, nếu xét một cách công bằng. Nhưng bà Daloway thì không. Bà ấy chỉ đơn giản tỏ ra hạ cố. Bà ấy xuất thân từ tầng lớp vô giá trị nhất trong mọi tầng lớp – những kẻ giàu có, với chút ít văn hóa. Họ có những thứ đắt tiền ở khắp nơi; những bức tranh, những tấm thảm, nhiều người hầu. Cô cho rằng cô có hoàn toàn có quyền đón nhận bất cứ điều gì gia đình Dalloway đã làm cho cô.

Cô đã bị lừa. Phải, từ này không hề cường điệu, vì chắc chắn là một cô gái phải có một quyền được hạnh phúc nào đó chứ? Và cô chưa bao giờ hạnh phúc, do quá vụng về và quá nghèo. Và rồi, ngay khi cô có thể có một cơ may ở trường trung học của cô Dolby thì cuộc chiến nổ ra; và cô không bao giờ có thể nói dối. Cô Dolby nghĩ cô có thể hạnh phúc hơn với những người chia sẻ các quan điểm của cô về người Đức. Cô phải ra đi. Đúng là gia đình cô có nguồn gốc người Đức; mang cái tên viết theo chính tả là Kiehlman hồi thế kỷ mười tám; nhưng anh trai cô đã bị giết. Họ từ chối cô vì cô không thể giả vờ rằng tất cả những người Đức đều là những kẻ hung đồ – khi cô có những người bạn Đức, khi những ngày hạnh phúc duy nhất trong đời cô đã trải qua ở Đức! Và nói cho cùng, cô có thể đọc lịch sử. Cô phải nắm lấy bất cứ thứ gì có thể nắm được. Ông Dalloway đã tình cờ gặp cô khi cô đang làm việc cho hội Những người bạn. Ông đã cho phép cô (và ông thật rộng lượng về điều đó) được dạy con gái mình môn lịch sử. Cô cũng đã thực hiện chút ít bài giảng mở rộng, vân vân. Thế rồi Thượng đế đã đến với cô (nghĩ tới đây cô cúi đầu chào). Cô đã nhìn ra ánh sáng cách nay hai năm ba tháng. Giờ đây cô không còn ghen ghét với những người phụ nữ như Clarissa Dalloway; cô thương hại họ.

Cô thương hại và coi thường họ từ đáy lòng mình, khi đang đứng trên tấm thảm mềm, nhìn bức tranh điêu khắc cũ về một cô gái với một cái bao tay. Với mọi thứ xa hoa triền miên này, còn có hy vọng nào cho một tình trạng tốt đẹp hơn của mọi sự vật? Thay vì nằm trên trường kỷ – “Mẹ tôi đang nằm nghỉ,” Elizabeth nói –lẽ ra bà ấy nên ở trong một nhà máy; đứng sau một cái quầy tính tiền; bà Dalloway và tất cả những quý phu nhân xinh đẹp khác!

Cay đắng và tràn đầy nhiệt huyết, hai năm ba tháng trước cô Kilman đã quay sang một nhà thờ. Cô đã nghe đức cha Edward Whittaker giảng đạo; những cậu bé ca hát; đã trông thấy những ánh sáng trang nghiêm tỏa xuống, và dù nó là âm nhạc hay những giọng hát (bản thân cô tìm sự an ủi ở một chiếc vĩ cầm khi ở một mình vào chiều tối; nhưng tiếng đàn của cô rất khó nghe; cô không có lỗi tai âm nhạc), những cảm giác nóng bỏng và náo loạn vốn từng sôi lên và trào dâng trong lòng cô đã nguôi khuây khi cô ngồi đó,

và cô đã khóc như mưa, và đã tới thăm cha Whittaker ở ngôi nhà riêng của ông tại Kensington. Đó là bàn tay của Chúa, ông nói. Chúa đã chỉ cho cô con đường đi. Vì thế bây giờ, bất cứ lúc nào những cảm giác nóng bỏng và đau đớn sôi lên trong lòng cô, niềm căm ghét bà Dalloway này, sự hận thù đối với thế giới này, cô lại nghĩ tới Chúa. Cô nghĩ tới cha Whittaker. Sự giận dữ được tiếp nối bởi sự bình thản. Một hương vị ngọt ngào tràn ngập những huyết mạch của cô, môi cô hé mở, và, đứng đó trên đầu cầu thang trong chiếc áo khoác đi mưa, cô nhìn bà Dalloway, người vừa bước ra cùng cô con gái, với sự trầm lặng kiên định và nham hiểm.

Elizabeth bảo cô đã quên lấy đôi găng tay. Đó là vì cô Kilman và mẹ cô ghét nhau. Cô không thể chịu nổi việc nhìn thấy họ bên cạnh nhau. Cô chạy lên gác để tìm đôi găng tay.

Nhưng cô Kilman không ghét bà Dalloway. Hướng đôi mắt to màu lý gai sang Clarissa, quan sát gương mặt hồng hào, thân hình thanh tú, vẻ tươi tắn và hợp thời trang của bà, cô Kilman cảm thấy, Ngốc nghếch! Cả quỳnh! Bà ấy không biết gì về nỗi u buồn lẫn lộn thú; những thứ này đã làm lãng phí đời bà ấy! Và trong lòng cô dâng lên một khát khao muốn chinh phục bà ấy; lột trần bà ấy. Nếu cô có thể hạ bệ bà ấy, cô sẽ thấy dễ chịu. Nhưng không phải là thân thể; mà chính linh hồn và sự nhạo báng của nó là thứ mà cô muốn chinh phục; muốn biến cô thành chủ nhân. Giá cô có thể làm cho bà ấy khóc; có thể hủy hoại bà ấy; sỉ nhục bà ấy; khiến bà ấy sụp xuống gối cô và kêu lên, Cô đúng! Nhưng đây là ý chí của Chúa, không phải của cô Kilman. Đây là một thắng lợi tôn giáo. Thế là cô nhìn trừng trừng; thế là cô quắc mắt lên.

Clarissa thật sự bị sốc. Đây là một tén đồ Cơ đốc – người phụ nữ này! Người phụ nữ đã tước đoạt con gái bà khỏi bà này! Cô ta tiếp xúc với những sự hiện diện vô hình! Nặng nề, xấu xa, tầm thường, không có chút lòng tốt hay vẻ duyên dáng, cô ta biết ý nghĩa của cuộc đời!

“Cô sẽ đưa Elizabeth tới các cửa hàng hả?” Bà Dalloway hỏi.

Cô Kilman đáp cô sẽ. Họ đứng đó, Cô Kilman sẽ không cố tự làm cho mình hài lòng. Cô đã luôn tự kiếm sống. Kiến thức của cô về lịch sử hiện đại cực kỳ thông suốt. Cô trích ra rất nhiều từ khoản thu nhập nhỏ nhoi của

mình cho những chính nghĩa mà cô tin tưởng; trong lúc người đàn bà này không làm gì cả; không tin gì cả; chỉ nuôi cô con gái của bà ta – nhưng Elizabeth đây rồi, đang gần như hụt hơi, một cô gái xinh đẹp.

Vậy là họ sẽ tới những cửa tiệm. Thật kỳ lạ biết bao, khi cô Kilman đứng đó (và cô đứng, với sức mạnh và sự làm lì của một con quái vật tiền sử được vũ trang cho chiến tranh trong thời đại nguyên sinh), từng giây một, ý tưởng về bà thu nhỏ lại, lòng căm ghét (đối với các ý tưởng chứ không phải mọi người) tan vỡ, cô ta đánh mất ác tâm của mình, kích thước của mình, trở thành sau từng giây một đơn thuần là cô Kilman, trong một chiếc áo khoác đi mưa, kẻ mà có trời biết Clarissa sẽ muốn giúp đỡ.

Clarissa bật cười với ý nghĩ về sự thu nhỏ của con quái vật. Vừa nói tạm biệt, bà vừa cười khanh khách.

Họ cùng nhau rời khỏi, cô Kilman và Elizabeth, đi xuống gác.

Với một thôi thúc thật đột ngột, với một nỗi thống khổ mạnh mẽ, vì người đàn bà này đang tước đoạt con gái của bà khỏi bà, Clarissa tựa người vào lan can cầu thang và kêu lớn, “Hãy nhớ tới bữa tiệc! Hãy nhớ tới bữa tiệc tối nay của chúng ta!”

Nhưng Elizabeth đã mở cửa trước; có một chiếc xe tải chạy qua; cô không trả lời.

Tình yêu và tôn giáo! Clarissa nghĩ, quay trở vào phòng khách, ngứa ran khắp cả người. Họ thật đáng ghét, thật đáng ghét biết bao! Vì lúc này thân thể của cô Kilman không còn ở trước mặt bà, nó chế ngự bà – cái ý tưởng. Những điều độc ác nhất trên đời, bà nghĩ, nhìn thấy chúng lóng ngóng, độc đoán, đạo đức giả, thích nghe trộm, ganh tị, độc ác và vô liêm sỉ cùng cực, mặc một cái áo khoác đi mưa, đứng ở đầu cầu thang; tình yêu và tôn giáo. Cô ta có từng tự mình cải đạo bất kỳ người nào chưa nhỉ? Cô ta không muốn mọi người đơn giản chỉ là chính họ thôi sao? Và bà nhìn ra cửa sổ quan sát vị phu nhân già ở nhà đối diện đang đi lên cầu thang. Cứ để cho bà ấy đi lên cầu thang nếu bà ấy muốn; để cho bà ấy dừng lại; rồi để cho bà ấy, như Clarissa thường nhìn thấy, đi tới phòng ngủ của mình, tách hai tấm màn che ra, và lại biến mất vào phía sau. Vì một lý do nào đó người ta kính trọng điều này – việc bà cụ đang nhìn ra cửa sổ đó hoàn toàn ý thức được

rằng mình đang bị quan sát. Trong việc này có cái gì đó nghiêm trang – nhưng tình yêu và tôn giáo sẽ hủy diệt điều đó, bất kể nó là gì, sự riêng tư của linh hồn. Kilman đáng ghét sẽ hủy diệt nó. Thế nhưng nó là một cảnh tượng khiến bà muốn khóc.

Tình yêu cũng hủy diệt. Mọi thứ đẹp đẽ, mọi thứ đã thật sự xảy ra. Cứ đơn cử Peter Walsh. Một người đàn ông, dễ thương, thông minh, với những ý tưởng về mọi thứ. Nếu bạn muốn biết về Pope, chẳng hạn, hay Addison, hay chỉ nói những chuyện vớ vẩn, điều mà mọi người thích, các sự vật có ý nghĩa gì, Peter biết rõ hơn bất cứ người nào. Chính Peter là người đã giúp bà; Peter là người cho bà mượn những cuốn sách. Nhưng cứ nhìn những người đàn bà ông ta yêu xem – thiếu đầu óc thẩm mỹ, nhỏ nhặt, tầm thường. Cứ nghĩ tới Peter trong tình yêu – ông ấy tới thăm bà sau ngần ấy năm, và ông ấy đã nói về cái gì? Bản thân ông ấy. Sự đam mê khủng khiếp! Bà nghĩ. Sự đam mê làm người ta giảm đi giá trị! Bà nghĩ, liên tưởng tới Kilman và Elizabeth của bà đang đi tới các cửa hàng Quân đội và Hải quân.

Tháp Big Ben đổ chuông nửa giờ.

Thật khác thường biết bao, lạ lùng, cảm động, vâng, khi nhìn một phu nhân già (họ đã là láng giềng suốt bao năm qua) rời khỏi cửa sổ, như thể bà ấy đang gắn liền với âm thanh đó, sợi dây đó. Lớn lao là thế, nó có liên hệ nào đó với bà ấy. Ngón tay hạ xuống, xuống nữa, vào giữa những sự vật bình thường, biến khoảnh khắc này trở nên nghiêm trang. Bà ấy bị ép buộc phải di chuyển, phải đi, bởi âm thanh đó, Clarissa tưởng tượng thế, nhưng đi đâu? Clarissa cố đi theo bà ấy khi bà ấy quay lại và biến mất, tuy nhiên vẫn có thể thấy cái mũ trắng của bà ấy di động ở cuối căn phòng ngủ. Bà ấy vẫn ở đó, chuyển động ở đầu kia căn phòng. Vì sao phải có những tín ngưỡng, những lời cầu nguyện và những chiếc áo mưa? khi, Clarissa nghĩ, đó chính là sự nhiệm mầu, cái bí mật đó; ý của bà là vị phu nhân già đó, người mà bà có thể nhìn thấy đang di chuyển từ cái rương sang cái tủ ngăn rồi sang cái bàn trang điểm. Bà vẫn có thể nhìn thấy bà ấy. Và sự bí ẩn tối cao mà Kilman có thể nói cô ta đã tìm ra lời giải đáp, hay Peter có thể nói ông ta đã tìm ra, nhưng Clarissa không tin bất cứ ai trong số hai người bọn họ có một ý tưởng mong manh nhất nào để tìm ra, chỉ đơn giản là điều này:

đây là một căn phòng; kia là căn phòng khác. Tôn giáo, hoặc tình yêu, đã tìm ra lời giải đáp đó chưa?

Tình yêu – nhưng đây là một cái đồng hồ khác, cái đồng hồ luôn luôn điểm giờ sau Big Ben hai phút, lê bước vào cái vòng đua đầy những thứ lật vạt của nó, mà nó trút ào xuống như thể Big Ben hoàn toàn ổn thỏa với vẻ uy nghi của mình, đang đặt ra luật pháp, rất trang nghiêm, rất công chính, nhưng bà phải nhớ tất cả những sự vật bé nhỏ bên ngoài – bà Marsham, Ellie Henderson, những cái ly đựng đá lạnh – tất cả mọi sự vật bé nhỏ lũ lượt kéo tới, xoay vòng và nhảy múa ngay sau tiếng chuông đồng hồ trang nghiêm đang trải ra bằng phẳng như một cồn cát vàng trên mặt biển đó. Bà Marsham, Ellie Henderson, những ly đá lạnh. Bà phải gọi điện thoại ngay tức khắc.

Liếng thoảng, hỗn loạn, cái đồng hồ chạy trễ đồng hồ chuông, ngay sau tiếng chuông Big Ben, với cái vòng đua đầy những thứ vật vãnh của nó. Bị đập tan, phá vỡ bởi sự tấn công của những cỗ xe ngựa, sự thô bạo của những chiếc xe tải, sự nôn nao tiến tới của vô số những đàn ông gầy guộc, hay những phụ nữ diêm dúa, những mái vòm và chóp nhọn của những văn phòng và bệnh viện, những tàn tích cuối cùng của cái vòng đua đầy những thứ vật vãnh này dường như vỡ toang ra, như bọt nước của một lượn sóng kiệt sức, bên trên thân hình của cô Kilman đang đứng bất động trên đường trong một thoáng giây để lẩm bẫm: “Đó là xác thịt.”

Chính xác thịt là cái mà cô phải kiểm soát. Clarissa đã si nhục cô. Cô mong đợi điều đó. Nhưng bà ấy không chiến thắng; bà ấy không làm chủ được xác thịt. Xấu xí, vụng về, Clarissa đã chế nhạo cô về điểm ấy; và đã làm sống lại những khát khao xác thịt, vì cô quan tâm tới vẻ ngoài như cô đã quan tâm lúc ở bên cạnh Clarissa. Cô cũng không thể nói như cô đã nói. Nhưng vì sao muốn giống với bà ấy? Vì sao? Cô khinh thường bà Dalloway từ tận đáy lòng mình. Bà ta không nghiêm túc. Bà ta không tốt. Cuộc đời bà ta là một chuỗi phù hoa và dối trá. Thế nhưng Doris Kilman đã bị khuất phục. Cô đã, thật thế, hầu như bật khóc khi Clarissa cười nhạo cô. “Đó là xác thịt, đó là xác thịt,” cô lẩm bẫm (thói quen của cô là hay nói lớn tiếng) cố trấn áp cảm giác xao động và đau đớn này trong lúc cô bước xuôi

xuống phố Victoria. Cô nguyện cầu Chúa. Cô không thể không xấu xí; cô không thể mua những thứ quần áo đẹp. Clarissa đã cười rộ lên – nhưng cô phải tập trung tâm trí vào một điều khác cho tới khi cô tới cái trụ thư công cộng. Với bất cứ giá nào, cô đã có được Elizabeth. Nhưng cô sẽ nghĩ tới một điều khác; cô sẽ nghĩ tới nước Nga; cho tới khi cô tới cái trụ đựng thư.

Nó phải đẹp biết bao, cô nói, ở đất nước đó, việc đấu tranh, như ông Whittaker đã nói với cô, với sự căm thù mãnh liệt đó nhằm chống lại cái thế giới đã khinh rẻ cô, chế nhạo cô, vứt bỏ cô, bắt đầu với sự sỉ nhục này – buộc cô mang cái thân thể không chút hấp dẫn mà mọi người không thể chịu nổi khi nhìn thấy. Dù cô có chải tóc kiểu nào, trán cô vẫn giống hệt một quả trứng, nhẵn thín, trắng nhợt. Không thứ trang phục nào thích hợp với cô. Dù cô có mua thứ gì thì cũng thế. Và đối với một phụ nữ, dĩ nhiên, điều đó có nghĩa là không bao giờ gặp gỡ người khác giới. Cô sẽ không bao giờ tới trước với bất cứ người nào. Với cô, gần đây có vẻ là như thế, ngoại trừ Elizabeth, thức ăn là tất cả những gì cô có; những niềm an ủi của cô; bữa tối của cô, trà của cô; chai nước nóng vào buổi tối của cô. Nhưng người ta phải chiến đấu; chiến thắng; có niềm tin nơi Thượng đế. Ông Whittaker đã nói cô hiện diện ở đó là vì một mục đích. Nhưng không ai biết được nổi thống khổ! Ông ta nói, chỉ vào cây thập giá, rằng Thượng đế biết. Nhưng vì sao cô phải đau khổ khi những người đàn bà khác, như Clarissa Daloway, trốn thoát được? Tri thức đến thông qua sự đau khổ, ông Whittaker nói.

Cô đã đi qua cái trụ đựng thư, và Elizabeth đã queo vào khu bán thuốc lá nâu của các cửa hàng Quân đội và Hải quân trong lúc cô vẫn lăm bẫm với chính mình những điều ông Whittaker đã nói về việc tri thức đến thông qua đau khổ và xác thịt. “Xác thịt,” cô lăm bẫm.

Cô muốn tới khu nào? Elizabeth cắt đứt ý nghĩ của cô.

“Váy lót dài,” cô nói cộc lốc, và nghênh ngang bước lên thang máy.

Họ đi lên. Elizabeth hướng dẫn cô đi chỗ này chỗ khác; hướng dẫn cô trong lúc cô vẫn lơ đãng như thể cô là một đứa bé lớn con, một con tàu chiến công kênh. Có những cái váy lót dài, nâu, đoan trang, có sọc, phù

phiếm, một màu, mỏng manh; và cô chọn, trong sự lơ đãng, vênh vác, và cô gái bán hàng nghĩ là cô điên.

Elizabeth tự hỏi, trong lúc họ gói hàng, cô Kilman đang nghĩ gì. Họ phải uống trà, cô Kilman nói, bình tĩnh, có lại sự kiểm soát. Họ đi uống trà.

Elizabeth tự hỏi cô Kilman có đói bụng không. Cách cô ta ăn là vậy, ăn ào ào, rồi nhìn đi nhìn lại vào cái đĩa bánh rắc đường ở bàn bên cạnh; sau đó, khi một quý bà và một đứa bé ngồi xuống và đứa bé cầm cái bánh, cô Kilman có thật sự quan tâm tới nó hay không? Có, cô Kilman có quan tâm tới nó. Cô đã muốn cái bánh đó – cái màu hồng. Lạc thú của việc ăn hầu như là một lạc thú đơn thuần duy nhất còn lại của cô, và rồi nó bị phá hỏng ngay cả trong chuyện đó!

Khi mọi người hạnh phúc, họ có một vật dự trữ, cô ta từng nói với Elizabeth, để rút ra từ đó, trong khi cô ta giống như một cái bánh xe thiếu lốp (cô ta thích những phép ẩn dụ như thế), bị xóc lên bởi từng hòn sỏi, vì thế cô thường nói như thế khi nán lại sau bài học, đứng cạnh lò sưởi với cái túi đựng sách, cô ta gọi nó là “cái cặp táp”, vào một sáng thứ Sáu, sau khi bài học kết thúc. Và cô ta cũng nói về cuộc chiến. Nói cho cùng, có những người không nghĩ là nước Anh lúc nào cũng đúng. Có những cuốn sách. Có những cuộc biểu tình. Có những quan điểm khác. Elizabeth có muốn đi cùng cô ta tới nghe vị Nào đó (một ông già trông rất khác thường) không? Sau đó, cô Kilman đưa cô tới một nhà thờ ở Kensington và họ dùng trà với một mục sư. Cô ta đã cho mượn những cuốn sách của mình. Luật, y học, chính trị, mọi nghề nghiệp đều mở rộng đối với những người phụ nữ ở thế hệ của em, cô Kilman nói. Nhưng đối với cô ta, sự nghiệp của cô ta hoàn toàn bị hủy hoại và đó có phải là lỗi của cô ta không? Ôi trời, không đâu, Elizabeth đáp.

Và mẹ của cô sẽ ghé qua để nói rằng một cái thùng mây đã được gửi tới từ Bourton và cô Kilman có thích một ít hoa hay không? Bà luôn rất, rất tử tế với cô Kilman, nhưng cô Kilman ép tất cả hoa thành một bó và không nói lời nào, và những gì cô Kilman thích thú lại làm cho mẹ cô phát chán, và cô Kilman và bà thật kinh khủng khi ở cạnh nhau; và cô Kilman sừng sĩa, trông có vẻ rất thô lỗ. Nhưng cô Kilman thông minh một cách đáng sợ.

Elizabeth chưa bao giờ nghĩ tới người nghèo. Họ sống với mọi thứ họ muốn – mẹ cô ăn điểm tâm trên giường hàng ngày; Lucy mang nó lên; và bà thích những phụ nữ lớn tuổi vì họ là những nữ công tước, và là dòng dõi của một lãnh chúa nào đó. Nhưng cô Kilman bảo (vào một trong những buổi sáng Thứ ba khi giờ học kết thúc), “Ông của tôi có một cửa hiệu bán sơn dầu ở Kensington.” Cô Kilman khiến cho người ta cảm thấy rất nhỏ bé.

Cô Kilman rót một tách trà khác. Elizabeth với ngoại hình đông phương, vẻ bí ẩn khôn dò của mình, ngồi thật thẳng người; không, cô không muốn thêm bất cứ thứ gì nữa. Cô tìm đôi găng tay – đôi găng tay trắng của cô. Chúng đang ở dưới bàn. Chà, nhưng cô phải đi! Cô Kilman không thể để cho cô đi! Sự trẻ trung rất xinh đẹp này, cô gái này, người cô thật sự mến yêu! Bàn tay to lớn của cô mở ra và khép lại trên bàn.

Nhưng vì lẽ nào đó Elizabeth cảm thấy bữa trà hơi tẻ nhạt. Và cô thật sự muốn đi.

Nhưng cô Kilman bảo: “Tôi chưa hoàn toàn kết thúc bữa trà.”

Vậy thì Elizabeth sẽ đợi, dĩ nhiên. Nhưng ở đây khá ngọt ngào.

“Tối nay em có dự tiệc không?” Cô Kilman hỏi. Elizabeth cho rằng cô sẽ tới; mẹ cô muốn cô tới. Cô không được để cho những bữa tiệc thu hút mình, cô Kilman nói, nhón lấy cái bánh éclair chocolate dài hai in-sơ cuối cùng.

Cô không thích mấy bữa tiệc cho lắm, Elizabeth nói. Cô Kilman há miệng ra, hơi hất cằm lên, và nuốt trôi hai in-sơ bánh cuối cùng, rồi lau mấy ngón tay, và tráng trà quanh cái tách của mình.

Cô cảm thấy cô sắp bị tách ra làm đôi. Nỗi thống khổ thật kinh khủng. Nếu cô có thể tóm lấy cô bé, nếu cô có thể xiết chặt lấy cô bé, nếu cô có thể làm cho cô ta trở thành của cô hoàn toàn và mãi mãi và sau đó chết đi; đó là tất cả những gì cô muốn. Nhưng việc ngồi đây, không thể nghĩ ra bất cứ điều gì để nói; nhìn thấy Elizabeth quay sang chống lại cô; cảm thấy bị kính tởm thậm chí bởi cô bé – là quá nhiều; cô không thể chịu nổi. Những ngón tay to co quắp vào bên trong.

“Tôi không bao giờ tới những bữa tiệc,” cô Kilman nói, chỉ để ngăn không cho Elizabeth đi. “Mọi người không mời tôi tới dự những bữa tiệc” –

và cô biết ngay trong lúc nói rằng chính cái tính tự cao tự đại này là thứ khiến cô bị hủy hoại; ông Whittaker đã cảnh báo cô; nhưng cô không thể kèm chế nó. Cô đã đau khổ kinh khủng. “Vì sao họ phải mời tôi?” cô hỏi. “Tôi thô kệch, tôi bất hạnh.” Cô biết nói thế thật ngu ngốc. Nhưng chính những người đang đi qua đó – những người với những gói đồ đã khinh miệt cô, đã khiến cô nói ra điều đó. Tuy nhiên, cô là Doris Kilman. Cô có học vị. Cô là một phụ nữ đã tạo ra con đường đi của mình trong cõi đời này. Kiến thức của cô về lịch sử hiện đại còn hơn cả mức đáng kính.

“Tôi không tự thương hại bản thân,” cô nói. “Tôi thương hại” – ý cô định nói là “mẹ của em” nhưng không, cô không thể, không thể với Elizabeth. “Tôi thương hại những người khác hơn,” cô nói.

Như một sinh vật khờ khạo nào đó, đã được đưa tới một cánh cổng vì một mục đích không rõ, và đứng đó mong muốn được chuồn đi. Elizabeth Dalloway ngồi im lặng. Cô Kilman sẽ nói thêm gì nữa?

“Đừng hoàn toàn quên tôi,” Doris Kilman nói; giọng cô run rẩy. Ngay lập tức, con vật khờ khạo cất vó phi tới cuối cánh đồng trong niềm kinh hãi.

Bàn tay to lớn mở ra khép lại.

Elizabeth quay đầu đi. Người nữ hầu bàn tới. Người ta phải thanh toán ở quầy, Elizabeth nói, và bỏ đi, rút bộ ruột trong người của cô ra, cô Kilman cảm thấy như thế, trải chúng ra trong lúc cô ta băng qua căn phòng, và rồi, với một cú xoắn cuối cùng, cúi đầu mình rất nhã nhặn, cô ta đi.

Cô ta đã đi khỏi. Cô Kilman ngồi ở cái bàn đá hoa giữa những cái bánh éclair, bị tấn công một lần, hai lần, ba lần, bởi những cơn chấn động khổ đau. Cô ta đã đi khỏi. Bà Dalloway đã chiến thắng. Elizabeth đã đi khỏi.

Vẻ đẹp đã ra đi, tuổi trẻ đã ra đi.

Cô ngồi đó. Cô đứng lên, loạng choạng bước giữa những cái bàn nhỏ, hơi đu đưa người từ bên này sang bên kia, và có ai đó đi theo cô với chiếc áo khoác đi mưa của cô, và cô lạc đường, bị vây quanh bởi những cái rương được đặc biệt chuẩn bị để đưa tới Ấn Độ; kể đến bước vào giữa những bộ đồ dành cho bà bầu, những bộ quần áo em bé bằng vải lanh; cô lão đảo đi qua tất cả những thứ hàng hóa vật dụng vô thường và vĩnh cửu trên đời, những cái đùi lợn sấy, thuốc men, hoa, văn phòng phẩm, tỏa ra

những thứ mùi khác nhau, khi ngọt, khi chua; tự nhìn thấy toàn thân của mình đang lao đảo như vậy với cái mũ lệch sang một bên, mặt đỏ bừng, trong một tấm gương; và cuối cùng bước ra đường phố.

Tháp chuông của Giáo đường Westminster nổi lên trước mặt cô, nơi cư ngụ của đức Chúa Trời. Cô kiên trì cất bước với gói đồ của mình tới cái nơi trú ẩn khác đó, Tu viện, nơi mà, giờ cao đôi bàn tay chắp lại trước mặt, cô ngồi bên cạnh những người cũng bị đưa đẩy tới nơi trú ẩn; những người tín ngưỡng đủ loại, lúc này lột bỏ đi giai tầng xã hội, hầu như cả giới tính, khi họ chắp tay trước mặt, nhưng khi họ bỏ tay xuống, ngay lập tức hiện ra những người đàn ông và phụ nữ Anh khả kính, thuộc giai cấp trung lưu, một số trong bọn họ khao khát được nhìn thấy những tác phẩm làm bằng nến.

Nhưng cô Kilman vẫn chắp hai tay trước mặt mình. Lúc cô bị bỏ rơi; lúc có người tham gia. Những người sùng bái bước vào từ đường phố để thế chỗ cho những kẻ dạo chơi, tuy nhiên, khi mọi người nhìn quanh và lê bước qua ngôi mộ của Người chiến binh Vô danh, cô đưa những ngón tay che mắt và cố gắng mong muốn vượt lên trên những thứ phù hoa, những khao khát, những vật dụng, để rũ bỏ khỏi bản thân cả lòng căm ghét lẫn tình yêu, trong bóng tối gấp đôi này, vì ánh sáng trong tu viện là vô hình. Hai bàn tay cô co giật. Dường như cô đang đấu tranh. Thế nhưng với những người khác Thượng đế có thể tiếp cận được và con đường đến với Người phẳng lặng. Ông Fletcher, đã nghỉ hưu, của Bộ Tài chính, bà Gorham, vợ góa của ngài K.C.^[32] nổi tiếng, đến gần Người một cách đơn giản, và đã cầu nguyện xong, ngả người ra, thưởng thức âm nhạc (cây đàn organ ngân lên ngọt ngào), và nhìn thấy cô Kilman ở cuối hàng, đang cầu nguyện, cầu nguyện mãi, và, đang bất động trên bậc thềm của âm ty, suy nghĩ một cách đồng cảm về cô như một linh hồn đang ngụ cư trong cùng lãnh thổ; một linh hồn bị cắt khỏi vật chất vô hình; không phải một người phụ nữ, mà là một linh hồn.

Nhưng ông Fletcher phải đi. Ông phải đi ngang qua cô, và vì bản thân mình sạch sẽ tinh tươm như một cái kẹp cà vạt mới toanh, ông không thể

không cảm thấy hơi đau buồn vì tình trạng bê bối của người phụ nữ nghèo; tóc cô xõa xuống; cái gói của cô nằm trên sàn. Cô không để cho ông bước qua ngay. Mà, trong lúc ông đứng nhìn quanh, vào cái bàn đá hoa trắng, những ô cửa sổ xám, và những bảo vật tích lũy (vì ông cực kỳ tự hào về Tu viện), sự vĩ đại, sự thô kệch và sức mạnh của cô, trong lúc cô ngồi đó, thỉnh thoảng lại di chuyển hai đầu gối(đường đến gần Thượng đế của cô quá gian nan – những ước ao của cô quá kiên định) khiến cho ông xúc động, như chúng đã khiến cho bà Dalloway (chiều hôm đó bà không thể xua đuổi ý nghĩ về cô ra khỏi tâm trí mình), đức cha Edward Whittaker và cả Elizabeth, phải xúc động.

Elizabeth đợi xe buýt trên phố Victoria. Ra khỏi nhà thật là dễ chịu. Cô nghĩ có lẽ cô chưa cần phải về nhà ngay. Ở ngoài trời thật dễ chịu. Vì thế cô sẽ đón một chuyến xe buýt. Và ngay khi cô đứng đó, trong bộ quần áo cắt may rất khéo, nó đã bắt đầu xảy ra... Mọi người bắt đầu so sánh cô với những cây dương, buổi ban mai, những đóa dạ lan hương, những con hươu non, nước chảy, và hoa huệ trong vườn; và điều này biến cuộc sống của cô thành một gánh nặng đối với cô, vì cô thích được ở một mình để làm những gì cô thích ở miền quê hơn, nhưng họ cứ so sánh cô với những bông hoa huệ, và cô phải tới dự những bữa tiệc, và London quá đáng sợ so với việc được ở một mình ở miền quê với cha cô và đàn chó.

Những chiếc xe buýt nhào tới, đậu lại, lao đi – những cỗ xe sặc sỡ, lấp lánh lớp va ni đỏ và vàng. Nhưng cô sẽ lên chiếc nào? Cô không có sở thích nào hết. Tất nhiên, cô sẽ không chen lấn. Cô có khuynh hướng thụ động. Cái cô cần là sự thể hiện, nhưng đôi mắt cô đẹp, giống mắt của người Trung Hoa, mang nét đông phương, và, như mẹ cô nói, với đôi vai đẹp và thân người thật thẳng như thế, cô luôn trông thật đáng yêu; và vào lúc muộn hơn, đặc biệt là khi chiều tối, khi cô thích thú, vì dường như cô không bao giờ kích động, trông cô hầu như xinh đẹp, rất trang nghiêm, rất thanh thản. Cô đang suy nghĩ điều gì? Mọi người đàn ông đều phải lòng cô, và cô thật sự chán vô cùng. Vì chuyện đó đang bắt đầu. Mẹ cô có thể nhìn thấy điều đó – nhưng lời khen ngợi đang bắt đầu. Việc cô không quan tâm gì tới nó – chẳng hạn đối với trang phục của cô – đôi khi khiến Clarissa

thấy lo âu, nhưng có lẽ điều này cũng tốt như với tất cả những con chó con và chuột lang đang khó ở, và nó mang tới cho cô một vẻ quyến rũ. Và còn có cái tình bạn kỳ quặc với cô Kilman. Tốt, nó chứng tỏ con bé có một trái tim, Clarissa đã nghĩ thế vào lúc khoảng ba giờ sáng, khi đang đọc hồi ký của Nam tước Marbot vì bà không ngủ được.

Đột nhiên Elizabeth bước tới trước và phóng lên chiếc xe buýt hai tầng một cách thành thạo, ngay trước mắt mọi người. Cô chọn một chỗ ngồi ở tầng trên. Con vật mạnh mẽ – một tên cướp biển – vọt tới trước, lao đi; cô phải nắm lấy thanh chắn song để giữ thăng bằng, vì nó là một tên cướp biển, liều mạng, khinh suất, liên tục phóng tới, quẹo cua một cách nguy hiểm, táo bạo vồ lấy một hành khách, hay làm ngơ một hành khách, cuộn xiết như một con lươn và hống hách giữa hai chặng dừng, rồi lao tới một cách xác xược trong suốt quãng đường qua phố Whitehall. Và Elizabeth có dành một ý nghĩ nào cho cô Kilman tội nghiệp, người yêu mến cô không chút ghen tị, người mà đối với cô ta cô là một chú hươu non ở giữa đồng, một vàng trắng trên trắng trắng, hay không? Cô vui mừng vì được tự do. Bầu không khí trong lành thật tuyệt. Ở trong Các cửa hàng Quân đội và Hải quân quá tù túng. Và lúc này cô cứ như đang phi ngựa, vọt lên phố Whitehall; và với mỗi chuyển động của chiếc xe buýt cái thân hình xinh đẹp trong chiếc áo khoác màu nâu đáp lại một cách thoải mái như một kỹ sĩ, như một thuyền trưởng của một con tàu, vì cơn gió đang khẽ vuốt ve cô; sức nóng mang tới cho đôi má cô vẻ xanh xao của gỗ sơn trắng; và đôi mắt đẹp của cô, không có mắt ai để gặp, nhìn đăm đăm về phía trước, trắng vắng, sáng rực, với vẻ ngây thơ lạ thường của một bức tượng.

Chính việc luôn nói về những đau khổ của chính mình khiến cho cô Kilman trở nên rất khó chịu. Và cô ta có đúng không? Nếu việc tham gia vào những ủy ban và bỏ ra giờ này sang giờ khác mỗi ngày (cô hầu như không bao giờ thấy cha mình ở London) để giúp ích cho người nghèo, cha cô đã làm điều đó, có trời đất biết – nếu đó là điều mà cô Kilman muốn nói về việc trở thành một người Cơ đốc giáo; nhưng rất khó nói ra điều đó. Chà, cô muốn đi xa hơn một chút. Có phải thêm một xu nữa là tới phố Strand không? Vậy đây là một xu nữa. Cô sẽ lên phố Strand.

Cô thích những người đau ốm. Và mọi nghề nghiệp đều mở rộng đối với những người phụ nữ ở thế hệ của em, cô Kilman nói. Vì thế cô có thể là một bác sĩ. Cô có thể là một chủ nông trại. Lũ súc vật thường bị bệnh. Cô có thể làm chủ một ngàn mẫu Anh và có những người dưới quyền. Cô sẽ tới thăm họ trong những ngôi nhà thôn dã. Đây là Tòa nhà Somerset. Người ta có thể trở thành một chủ nông trại rất tốt – và điều đó, khá lạ lùng dù cô Kilman có phần trong đó, hầu như hoàn toàn là vì Tòa nhà Somerset. Trông nó thật tuyệt diệu, thật trang nghiêm, cái tòa nhà to lớn màu xám ấy. Và cô thích cảm giác về những người đang làm việc. Cô thích những giáo đường đó, như những hình dáng làm bằng giấy xám, ưỡn ngực về phía dòng chảy của phố Strand. Ở đây hoàn toàn khác với khu Westminster, cô nghĩ, xuống xe ở phố Chancery Lane. Nó rất nghiêm trang; nó rất bận rộn. Nói tóm lại, cô muốn có một nghề nghiệp chuyên môn. Cô sẽ trở thành một bác sĩ, một chủ nông trại, có khả năng sẽ vào Quốc hội, nếu cô thấy điều đó cần thiết, tất cả là vì phố Strand.

Đôi chân của những người đó bận rộn với các hoạt động của họ, những bàn tay đặt đá lên đá, những trí tuệ vĩnh viễn bị xâm chiếm không phải bởi những câu tán gẫu vặt vãnh (so sánh những người phụ nữ với những cây dương – điều đó khá thú vị, dĩ nhiên, nhưng rất ngốc nghếch), mà bởi ý nghĩ về những con tàu, công việc kinh doanh, luật pháp, sự điều hành, và bởi tất cả những thứ rất trang nghiêm (cô đang ở trong Thánh đường), vui tươi (có một con sông), sùng đạo (có Nhà thờ), khiến cô hoàn toàn quyết tâm trở thành một chủ nông trại hay một bác sĩ, bất chấp mẹ cô có thể nói gì. Nhưng dĩ nhiên là cô khá lười biếng.

Và tốt hơn là không nói gì về việc đó. Dường như nó rất ngốc nghếch. Đó là loại sự việc thỉnh thoảng xảy ra, khi người ta đơn độc – những tòa nhà không có tên của các kiến trúc sư, những đám đông đang quay về từ thành phố có nhiều khả năng hơn những vị mục sư độc thân ở Kensington, hơn bất kỳ cuốn sách nào trong số mà cô Kilman đã cho cô mượn, để khuấy động cái đang nằm mơ màng, lóng ngóng và thẹn thùng trên nền cát của tâm trí trôi lên bề mặt, như một đứa trẻ con đột nhiên đuổi đôi cánh tay ra; nó chính là điều đó, có lẽ, một tiếng thở dài, một cử động đuổi đôi cánh tay,

một sự thôi thúc, một sự phát hiện, mãi mãi tạo nên các ảnh hưởng, và rồi nó lại chìm xuống nền cát. Cô phải về nhà. Cô phải thay đồ cho bữa ăn tối. Nhưng giờ là mấy giờ rồi? – Ở đâu có một cái đồng hồ?

Cô nhìn lên phố Fleet. Cô đi một đoạn ngắn về phía phố St. Paul, bên lễn, như một người đang rón rén xâm nhập, thám hiểm một ngôi nhà xa lạ vào ban đêm với một cây nến, nép người kéo chủ nhà có thể đột nhiên mở rộng cánh cửa phòng ngủ và hỏi cô tới có việc gì, cô cũng không dám đi lang thang vào những con hẻm lạ, những đường phố quyến rũ, bất kỳ thứ gì nhiều hơn là một ngôi nhà lạ mở những cánh cửa mà có thể là cửa phòng ngủ, hay cửa phòng khách, hay dẫn thẳng tới cầu thang. Vì không có người nhà Dalloway nào đi xuống phố Strand hàng ngày; cô là một người tiên phong, một người đi lạc, mạo hiểm, tin tưởng.

Theo nhiều cách, mẹ cô cảm thấy, cô cực kỳ non nớt, vẫn còn như một đứa trẻ con, gấn bó với những con búp bê, những đôi dép cũ; một em bé hoàn hảo; và điều đó đáng yêu. Nhưng, dĩ nhiên, trong gia đình Dalloway có truyền thống phục vụ công cộng. Những nữ tu viện trưởng, những hiệu trưởng, những nữ lãnh đạo, những người quyền cao chức trọng, trong nền cộng hòa của những người phụ nữ – không xuất chúng mấy, bất kỳ người nào trong số họ, họ là thế. Cô xâm nhập thêm chút nữa về hướng phố St. Paul. Cô thích sự ân cần, tình chị em, tình mẫu tử, tình huynh đệ của tiếng ồn ào náo động này. Với cô nó có vẻ tốt đẹp. Tiếng ồn thật lớn; và đột nhiên có những tiếng kèn (những người thất nghiệp) đang nổi lên, gây huyền náo trong tiếng ồn ào; tiếng quân nhạc; như thể mọi người đang diễu hành; thế nhưng họ đang hấp hối – nếu một phụ nữ nào đó hít hơi thở cuối cùng và một người nào đó bất kỳ đang quan sát mở một cánh cửa sổ của căn phòng nơi bà ta vừa thực hiện hành động mang phẩm giá tối cao đó, nhìn xuống phố Fleet, cái tiếng ồn ào đó, tiếng quân nhạc đó sẽ vọng lên chỗ ông ta, đặc thẳng, an ủi, dừng dừng.

Đây không phải là ý thức. Trong nó không có nhận thức nào về một tương lai hay định mệnh, và chính vì lý do đó, về sự an ủi, thậm chí với những ai choáng váng với việc quan sát những rung động cuối cùng của ý thức trên những gương mặt của kẻ hấp hối. Tính hay quên trong mọi người

có thể gây thương tổn, sự vô ơn của họ có thể ăn mòn, nhưng giọng nói này, đang tuôn ra vô tận, từ năm này sang năm khác, sẽ thực hiện bất cứ điều gì nó có thể; lời nguyện này; đội quân tiên phong này; cuộc sống này; tiến trình này, sẽ bao bọc tất cả bọn họ và mang họ đi, như trong một dòng nước xiết của con sông băng, một tảng băng giữ lại một mảnh xương, một cánh hoa màu xanh, một vài thân cây sồi, và lặn chúng đi.

Nhưng đã muộn hơn mức cô nghĩ. Mẹ cô sẽ không thích cô lang thang một mình như thế này. Cô quay lại, xuôi xuống phố Strand.

Một luồng gió (bất chấp sức nóng, đó hoàn toàn là một cơn gió) thổi một tấm voan đen mỏng qua mặt trời và qua phố Strand. Những gương mặt nhòa đi; những chiếc xe buýt hai tầng đột nhiên mất đi vẻ rực rỡ. Vì dù những đám mây trắng to như núi khiến người ta có thể tưởng tượng tới việc đẻo ra từ đó những mảnh cứng với một cái rìu, với những sườn dốc rộng vàng óng, những bãi cỏ của những khu vườn địa đàng đầy lạc thú ở hai bên sườn của chúng, và có mọi dáng vẻ của những ngôi nhà tập hợp lại cho cuộc hội nghị của những thần linh ở cõi trên, có một chuyển động không ngừng giữa chúng. Những dấu hiệu thay đổi, khi, như thể để hoàn thành một kế hoạch nào đó đã chuẩn bị sẵn, khi thì chóp núi thu nhỏ lại, khi thì toàn một khối to có kích thước của một kim tự tháp trước đó duy trì vị trí của nó một cách bất biến tiến vào chính giữa hoặc nghiêm trang dẫn dắt đám diễu hành tới một chỗ buông neo mới. Dù có vẻ như chúng được cố định tại vị trí của mình, đang nghỉ ngơi trong một trạng thái thống nhất hoàn hảo, không gì có thể tươi mới hơn, tự do hơn, dễ bị phá hủy ở bề ngoài hơn cái bề mặt trắng như tuyết hay vàng óng đó; việc thay đổi, bay đi, triệt phá sự tập hợp trang nghiêm là điều có khả năng xảy ra ngay lập tức; và bất chấp sự bất động trang nghiêm, sự vững chắc và dày đặc, khi thì chúng buông ánh sáng xuống trái đất, khi thì buông bóng tối.

Bình thản và thành thạo, Elizabeth trèo lên chiếc xe buýt Westminster.

VIII

Với Septimus Warren Smith, đang ngồi trên chiếc trường kỷ trong phòng khách, dường như ánh sáng và bóng tối cứ đến rồi đi, vẫy tay, ra dấu, khi khiến cho bức tường xám đi, khi khiến cho những quả chuối trở nên vàng rực, khi khiến cho phố Strand xám đi, khi khiến cho những chiếc xe buýt trở nên vàng rực; quan sát màu vàng long lanh như nước bùng lên và nhòa đi với sự nhạy cảm lạ lùng của một sinh vật nào đó trên những bông hồng, trên lớp giấy dán tường. Ngoài đường, những cây cối kéo những chùm lá của chúng như kéo những tấm lưới qua những độ sâu của bầu không khí; trong phòng có âm thanh của nước và xuyên qua những làn sóng vang lên tiếng hót của lũ chim. Mọi sức mạnh trút những báu vật của chúng lên đầu anh, và bàn tay nằm đó, trên lưng trường kỷ, như anh đã nhìn thấy bàn tay của anh nằm trong lúc anh đang tắm, nổi lênh bênh, trên đỉnh những làn sóng, trong lúc từ bờ biển xa xa anh nghe thấy tiếng lũ chó sủa, ngày càng xa hơn. Đừng sợ nữa, quả tim trong cơ thể cất tiếng; đừng sợ nữa.

Anh không sợ. Ở mỗi khoảnh khắc, Tự nhiên biểu lộ, thông qua một ám hiệu vui tươi như cái chấm vàng di chuyển vòng quanh bức tường đó – đó, đó, đó – quyết tâm thể hiện của nàng, bằng cách vung những chiếc lông chim của nàng lên, lắc lư bím tóc của nàng, vung vẩy chiếc áo choàng của nàng sang bên này bên khác một cách đẹp mắt, luôn một cách đẹp mắt, và đứng sát lại gần để thì thào qua đôi bàn tay chụm lại những từ ngữ của Shakespeare, ý nghĩa của nàng.

Rezia, đang ngồi ở bàn, hai tay vắn vẹo một cái mũ, quan sát anh; thấy anh mỉm cười. Vậy là anh hạnh phúc. Nhưng cô không chịu nổi việc nhìn thấy anh mỉm cười. Đó không phải là hôn nhân; làm chồng của một người không phải là để trông lạ lùng như thế, lúc nào cũng giật mình, cười phá lên, ngồi lặng thinh hết giờ này sang giờ khác, hoặc vồ lấy cô và bảo cô

viết. Cái ngăn bàn đầy những bài viết đó; về cuộc chiến; về Shakespeare; về những khám phá lớn lao; việc không có cái chết ra sao. Gần đây anh đã trở nên kích động một cách bất ngờ không vì lý do gì cả (và cả bác sĩ Holmes lẫn ngài William Bradshaw đều bảo sự kích động là điều tệ hại nhất đối với anh), và vung vẩy đôi tay, hét lên rằng anh biết sự thật! Anh biết mọi thứ! Người đàn ông đó, người bạn đã bị giết của anh, Evans, đã tới, anh nói. Anh ta đang hát sau bức bình phong. Cô đã viết lại nó ngay trong lúc anh nói. Có những điều rất đẹp; những điều khác hoàn toàn vô ý nghĩa. Và anh luôn dừng lại giữa chừng, đổi ý; muốn bổ sung thêm điều gì đó; đang nghe thấy điều gì đó mới; lắng nghe với bàn tay giơ lên.

Nhưng cô không nghe thấy gì cả.

Có lần họ phát hiện ra cô gái dọn phòng đang đọc một trong những tờ giấy đó và cười sảng sặc. Đó là một điều đáng tiếc kinh khủng. Vì điều đó khiến cho Septimus kêu lên về sự tàn ác của con người – họ đã xé nhau ra thành từng mảnh ra sao. Họ xé những người ngã xuống thành từng mảnh, anh nói. “Holmes đang tấn công chúng ta,” anh thường nói, và anh thường bịa ra những câu chuyện về Holmes; Holmes ăn cháo đặc; Holmes đang đọc Shakespeare – khiến anh phải cười to hoặc gầm lên giận dữ, vì dường như bác sĩ Holmes đại diện cho một điều gì đó kinh khủng đối với anh. “Bản chất con người,” anh gọi ông ta như vậy. Rồi còn có những ảo ảnh. Anh bị chết đuối, anh thường nói, và đang nằm trên một vách đá với những con chim hải âu đang gào thét bên trên người anh. Anh thường nhìn qua mép trường kỷ xuống biển. Hoặc anh đang nghe nhạc. Thật ra đó chỉ là một tiếng đàn thùng hay tiếng người đàn ông nào đó đang la lối dưới phố. Nhưng anh thường kêu lên “Thật tuyệt vời!” và đôi dòng lệ lăn xuống má anh, điều đáng sợ nhất đối với cô: nhìn thấy một người đàn ông như Septimus, kẻ đã từng chiến đấu, kẻ quá cảm, đang khóc. Và anh thường nằm lắng nghe cho tới khi đột nhiên anh la lên rằng anh đang rơi xuống, rơi vào những ngọn lửa! Thật ra cô đã tìm kiếm những ngọn lửa, hình ảnh đó quá sống động. Nhưng không có gì cả. Họ đang ở một mình trong phòng. Đó là một giấc mơ, cô thường nói với anh và cuối cùng giúp anh bình lặng lại, nhưng đôi khi cô cũng khiếp sợ. Cô thở dài trong lúc ngời may.

Tiếng thở dài của cô dịu nhẹ đầy mê hoặc, như gió thổi ngoài một cánh rừng lúc ban chiều. Khi cô đặt cây kéo xuống; khi cô quay sang để lấy món gì đó trên bàn. Một chuyển động nho nhỏ, một nét lướt thoáng qua, một tiếng vỗ khe khẽ, đã tạo nên thứ gì đó trên cái bàn, nơi cô đang ngồi may. Qua đôi hàng mi anh có thể nhìn thấy đường nét nhòa nhòa của cô, thân hình màu đen của cô; gương mặt và đôi bàn tay của cô; những cử động xoay người của cô ở bàn, khi cô cầm lấy một ống chỉ, hay tìm kiếm (cô có khuynh hướng hay để thất lạc các thứ) miếng lụa. Cô đang may một cái nón cho cô con gái đã lấy chồng của bà Filmer, tên là – anh đã quên mất tên của cô ta.

“Tên của cô con gái đã lấy chồng của bà Filmer là gì nhỉ?” Anh hỏi.

“Peters.” Cô đáp. Cô e là nó quá nhỏ, cô nói, giơ nó ra trước mặt. Peters là một phụ nữ to lớn; nhưng cô không ưa cô ta. Chỉ vì bà Filmer cư xử rất tốt với họ. “Hồi sáng này bà ấy cho em nhỏ,” cô nói – Rezia muốn làm gì đó để tỏ ra rằng họ biết ơn. Một chiều nọ cô bước vào phòng mình và thấy cô Peters, do tưởng là họ đã đi ra ngoài, đang mở cái máy hát.

“Thật thế à?” Anh hỏi. Cô ta đang mở cái máy hát sao? Phải; cô đã kể với anh suốt buổi về chuyện đó; cô đã phát hiện ra cô Peters đang mở cái máy hát.

Anh bắt đầu, rất thận trọng, mở mắt ra, để nhìn xem cái máy hát có thật sự ở đó không. Nhưng những đồ vật thật sự – những đồ vật thật sự quá kích thích. Anh phải cảnh giác. Anh sẽ không phát điên. Thoạt tiên anh nhìn những tờ giấy vẽ kiểu nón ở cái kệ thấp, rồi dần dà nhìn vào cái máy hát với cái loa màu xanh. Không gì có thể xác thực hơn. Và thế là, gom hết can đảm, anh nhìn cái tủ ngăn, đĩa chuối; bức tranh chạm hình Nữ hoàng Victoria và Hoàng tử Consort; nhìn cái bệ lò sưởi, với lọ hoa hồng. Không thứ nào trong số các vật này chuyển động. Tất cả đều bất động; tất cả đều có thật.

“Cô ta là một người đàn bà có cái lưỡi đầy ác ý.” Rezia nói.

“Ông Peters làm nghề gì?” Septimus hỏi.

“Ờ,” Eezia nói, cố nhớ lại. Cô nghĩ bà Filmer đã bảo rằng anh ta đi lại giao dịch cho một công ty nào đó. “Ngay lúc này anh ta ở Hull,” cô nói.

“Ngay lúc này!” Cô nói câu đó với giọng Ý của mình. Cô tự nói câu đó. Anh che mắt lại để có thể nhìn thấy chỉ một phần nhỏ trên gương mặt cô mỗi lần, trước tiên là cằm, rồi tới mũi, rồi tới trán, phòng khi nó bị biến dạng, hay trên đó có một dấu vết kinh khủng nào đó. Nhưng không, cô ngồi đó, hoàn toàn tự nhiên, đang may, với đôi môi mím lại mà những người phụ nữ có, hình thể đó, biểu hiện buồn bã đó, khi đang may. Nhưng ở nó không có gì kinh khủng cả, anh tự trấn an mình, tìm kiếm lần thứ hai, lần thứ ba ở gương mặt của cô, đôi bàn tay của cô, một thứ đáng sợ hay có tính chất nguy trang ở cô trong lúc cô ngồi dưới ánh ngày thoáng đãng, đang may? Cô Peters có một cái lưỡi đầy ác ý. Ông Peters đang ở Hull. Vậy thịnh nộ và tiên đoán là sao? Bị hành hạ và ruồng bỏ là sao? Bị những đám mây khiến cho run lên và khóc nức nở là sao? Vì sao phải tìm kiếm sự thật và đem tới những thông điệp khi Rezia ngồi đính những cây kim gút vào phía trước cái váy của mình và ông Peters đang ở Hull? Những phép màu, những phát hiện, những nổi thống khổ, sự lẻ loi, đang rơi qua biển, rơi mãi, vào những ngọn lửa, tất cả cháy tan tành, vì anh có một ý thức, trong lúc quan sát Rezia tô điểm cho cái mũ rơm của cô Peters, về một tấm khăn trải giường in hoa.

“Nó quá bé đối với cô Peters.” Septimus nói.

Lần đầu tiên trong suốt nhiều ngày anh đang nói như dạo trước! Dĩ nhiên là thế – nhỏ một cách phi lý, cô nói. Nhưng cô Peters đã chọn nó.

Anh nhắc nó khỏi tay cô. Anh nói nó là mũ của con khi của người quay đàn hộp.

Câu nói đó khiến cô vui dạ biết bao! Đã nhiều tuần họ không cười với nhau như thế này, chọc ghẹo nhau một cách kín đáo riêng tư như những người đã kết hôn. Ý của cô là nếu bà Filmer có bước vào, hoặc cô Peters hoặc bất kỳ người nào, họ sẽ không hiểu cô và Septimus đang cười cái gì.

“Kìa,” cô nói, ghim một bông hồng vào một phía của cái nón. Cô chưa bao giờ sung sướng đến thế! Chưa bao giờ trong cuộc đời cô!

Nhưng việc đó chỉ thêm lỗ bịch, Septimus nói. Giờ đây người đàn bà tội nghiệp đó giống như một con lợn trong một buổi hội chợ. (Chưa hề có ai làm cho cô cười lẫn lóc như Septimus.)

Cô có thứ gì trong hộp đồ nghề của mình? Cô có những dải ruy băng và hạt cườm, những nút tua, những đóa hoa giả. Cô đổ ào chúng lên bàn. Anh bắt đầu xếp những màu sắc kỳ quặc lại với nhau— vì dù anh không có những ngón tay khéo léo, thậm chí không thể gói một gói đồ, anh có một con mắt tuyệt vời, và thường là anh đúng, đôi khi phi lý, tất nhiên, nhưng đôi khi đúng một cách tuyệt vời.

“Cô ta sẽ có một cái nón đẹp!” Anh lẩm bẩm, cầm thứ này thứ kia lên. Rezia quỳ gối cạnh anh, nhìn qua vai anh. Giờ nó đã hoàn tất – đó là nói về thiết kế; cô phải đính các thứ lại với nhau. Nhưng cô phải rất, rất cẩn thận, anh nói, để giữ cho nó nguyên vẹn như anh đã sắp xếp.

Thế rồi cô may. Khi cô may, anh nghĩ, cô tạo ra một âm thanh giống như tiếng một cái ấm nước trên bếp ủ ấm; sôi lục đục, rì rầm, luôn bận bịu, những ngón tay búp măng nhỏ nhắn kéo và đẩy, cây kim chuyển động vun vút. Mặt trời có thể vào và ra, trên những cái nút tua, trên lớp giấy dán tường, nhưng anh sẽ đợi, anh nghĩ, duỗi hai bàn chân ra, nhìn chiếc vớ ngắn có viền ở đầu cái trường kỷ, anh sẽ đợi trong nơi chốn ấm áp này, cái hốc chứa đựng không khí yên tĩnh này, mà đôi khi người ta bắt gặp ở một bìa rừng vào lúc chiều hôm, khi mà, vì một cú ngã lăn ra đất, hoặc vì một sự sắp xếp nào đó của những cây cối (người ta phải có đầu óc khoa học trên hết, có đầu óc khoa học), hơi ấm còn vương vất, và không khí quật vào gò má như cánh của một con chim.

“Đây này,” Rezia nói, xoay tròn cái nón của cô Peters trên những đầu ngón tay. “Nó sẽ xong trong giây lát. Sau đó...” câu nói của cô sủi tăm lên, nhỏ giọt, nhỏ giọt, nhỏ giọt, như một cái vòi nước mãi nguyện được để mặc cho chảy tí tách.

Nó thật tuyệt diệu. Anh chưa bao giờ làm bất cứ điều gì khiến anh thấy tự hào đến vậy. Nó rất thật, nó rất cụ thể, cái mũ của cô Peters.

“Cứ nhìn nó mà xem.” Anh nói.

Phải, việc nhìn cái nón đó sẽ luôn khiến cho cô hạnh phúc. Vậy là anh đã trở lại là chính mình, vậy là anh đã cười. Họ chỉ có một mình với nhau. Cô sẽ luôn luôn thích cái mũ đó.

Anh bảo cô thử đội nó lên.

“Nhưng chắc trông em phải rất kỳ cục!” Cô la lên, chạy tới chỗ tấm gương và nhìn, đầu tiên phía này, rồi tới phía kia. Rồi cô lại lật nó xuống, vì có tiếng gõ cửa. Đó phải chăng là ngài William Bradshaw? Ông ta đã tới rồi sao?

Không! Chỉ là con bé gái với tờ báo buổi chiều.

Điều luôn xảy ra, lúc đó đã xảy ra – điều xảy ra mỗi tối trong đời họ. Con bé ấn ngón cái vào cửa; Rezia quỳ sụp xuống; Rezia nói thủ thỉ và hôn nó; Rezia lấy ra từ trong ngăn bàn một túi kẹo. Vì nó luôn xảy ra như vậy. Đầu tiên là điều này, rồi tới điều khác. Cứ thế cô dựng nó lên, đầu tiên là một thứ, rồi tới thứ khác. Họ múa may, nhảy tung tăng vòng quanh căn phòng. Anh cầm lấy tờ báo. Toàn hạt Surrey đều ra khỏi nhà, anh đọc. Có một đợt nắng nóng. Rezia lặp lại: Toàn hạt Surrey đều ra khỏi nhà; có một đợt nắng nóng; biến nó thành một phần của trò chơi mà cô đang chơi với cháu ngoại của bà Filmer. Anh rất mệt mỏi. Anh rất hạnh phúc. Anh sẽ ngủ. Anh nhắm mắt lại. Nhưng ngay tức khắc anh không thấy gì nữa, những âm thanh của cuộc chơi trở nên nhạt nhòa đi đến lạ và nghe như tiếng kêu của những người đang tìm kiếm và không tìm thấy, và đi ngày càng xa dần. Họ đã lạc khỏi anh!

Anh giật mình nhồm dậy trong nỗi kinh hoàng. Anh đã nhìn thấy điều gì? Cái đĩa chuối trên cái tủ ngăn. Không có ai ở đó (Rezia đã đưa con bé tới chỗ mẹ nó. Đã tới giờ ngủ). Là thế đó: cô đơn mãi mãi. Đó là số phận bất hạnh đã được công bố ở Milan khi anh bước vào phòng và nhìn thấy họ đang cắt những mảnh vải hồ với mấy cây kéo của họ; sống cô đơn mãi mãi.

Anh lẻ loi một mình với cái tủ ngăn và nải chuối. Anh cô đơn, phơi trần ra trên mô đất hoang vu này, duỗi dài ra – nhưng không phải trên một ngọn đồi – trên đỉnh; không phải trên một vách đá cheo leo; mà trên cái trường kỷ trong phòng khách của bà Filmer. Còn về phần những ảo ảnh, những gương mặt, những giọng nói của những người chết, chúng đâu rồi? Ở trước mặt anh có một bức bình phong, với những cây cỏ chỉ đen và những con chim nhạt màu xanh. Ở nơi trước đó anh đã nhìn thấy những ngọn núi, ở nơi anh đã nhìn thấy những gương mặt, ở nơi anh đã nhìn thấy vẻ đẹp, có một bức bình phong.

‘Evans!’ Anh kêu lên. Không có lời đáp. Một con chuột nhắt ré lên, hoặc một tấm màn che kêu sột soạt. Đó là những giọng nói của những người chết. Bức bình phong, cái thùng đựng than, cái tủ ngăn ở lại với anh. Vậy anh cứ để cho đối mặt với bức bình phong, cái thùng đựng than và cái tủ ngăn... nhưng Rezia vừa lao vào phòng vừa nói líu lo.

Có một lá thư đã đến. Các kế hoạch của mọi người đã thay đổi. Rốt cuộc bà Filmer sẽ không thể tới Brighton được. Không có thì giờ để cho bà William biết, và thật sự Rezia nghĩ thật rất, rất bức mình, khi cô bắt gặp cái mũ và nghĩ... có lẽ... cô... có thể làm một chút... Giọng của cô tắt lịm trong giai điệu mãi nguyên.

“Ôi, chết tiệt!” Cô kêu lên (đó là một cách đùa của họ, tiếng chửi thề của cô), cây kim đã gãy. Mũ, trẻ con, Brighton, cây kim. Cô xây đắp nó; trước tiên là thứ này, rồi tới thứ kia, cô xây đắp nó, trong lúc may.

Cô muốn anh nói rằng bằng cách dời chỗ cái bông hồng cô đã cải thiện cho cái mũ. Cô ngồi ở đầu cái trường kỷ.

Giờ thì họ hoàn toàn hạnh phúc, cô nói, đột ngột, đặt cái mũ xuống. Vì lúc này cô có thể nói với anh bất cứ điều gì. Cô có thể nói bất cứ thứ gì nảy ra trong đầu mình. Đó hầu như là điều đầu tiên cô đã cảm thấy về anh, đêm hôm đó trong quán cà phê khi anh tới với những người bạn Anh của mình. Anh đã bước vào, khá bẽn lễn. nhìn quanh mình, và cái mũ của anh đã rơi xuống khi anh treo nó lên. Cô có thể nhớ chuyện đó. Cô biết anh là người Anh, dù không nằm trong số những người Anh to lớn mà chị gái cô ngưỡng mộ, vì anh luôn gầy gò; nhưng anh có một màu da tươi tắn đẹp đẽ; và với cái mũi to, đôi mắt sáng, cách thức anh ngồi hơi khòm xuống một chút khiến cho cô suy nghĩ, cô đã thường nói với anh, tới một con chim ửng non, cái buổi tối đầu tiên cô gặp anh đó, khi họ đang chơi cờ đô mi nô, và anh bước vào – một con chim ửng non; nhưng với cô anh luôn rất dịu dàng. Cô chưa bao giờ trông thấy anh nổi điên lên hay say rượu, chỉ đôi khi chịu đau khổ trong cuộc chiến khủng khiếp này, nhưng ngay cả như vậy, khi cô bước vào, anh sẽ gạt bỏ nó đi. Bất cứ thứ gì, bất cứ thứ gì trên toàn cõi thế này, bất cứ phiền muộn nhỏ nhoi nào với công việc của mình, bất cứ thứ gì buộc cô phải nói ra cô sẽ nói với anh, và anh hiểu ngay lập tức. Ngay cả

chính gia đình cô vẫn không giống như vậy. Lớn tuổi hơn cô và thông minh đến thế – anh thật là nghiêm túc, muốn cô đọc Shakespeare thậm chí trước khi cô có thể đọc một câu chuyện thiếu nhi bằng tiếng Anh! – vì có nhiều kinh nghiệm hơn, anh có thể giúp cô. Và cô cũng có thể giúp anh.

Nhưng giờ là cái mũ này. Và sau đó (đêm đã khuya) là ngài William Bradshaw.

Cô áp hai tay vào đầu, chờ anh nói xem anh có thích cái mũ hay không, và trong lúc cô ngồi đó, chờ đợi, nhìn xuống, anh có thể cảm nhận được tâm trí cô, như một con chim, rơi từ nhánh này sang nhánh khác, và luôn luôn tỏa sáng, một cách hoàn toàn chính đáng; anh có thể dõi theo tâm trí của cô, trong lúc cô ngồi đó, trong một tư thế uể oải đến với cô một cách tự nhiên và, nếu anh nói bất cứ điều gì, cô sẽ mỉm cười ngay lập tức, như một con chim tỏa sáng với mọi móng vuốt của nó cắm chặt vào cành cây.

Nhưng anh nhớ Bradshaw nói, “Những người chúng ta yêu quý nhất không tốt đối với chúng ta khi chúng ta bị ốm.” Bradshaw nói anh phải được dạy cho cách nghỉ ngơi. Bradshaw nói họ phải cách ly nhau.

“Phải,” “phải,” vì sao lại “phải”? Bradshaw có quyền gì đối anh? “Bradshaw có quyền gì để nói ‘phải’ với tôi?” Anh vặn hỏi.

“Đó là vì anh đã nói tới việc tự sát.” Rezia đáp. (Trời đất thương tình, giờ cô không thể nói gì với Septimus.)

Vậy là anh đang nằm trong vòng quyền lực của họ! Holmes và Bradshaw đang áp chế anh! Tên cục súc với hai lỗ mũi đỏ đang đánh hơi sục sạo vào mọi nơi chốn bí mật! Nó có thể nói “phải”! Những tờ giấy của anh đâu rồi? Những thứ anh đã viết ra đâu?

Cô mang tới cho anh những tờ giấy, những thứ anh đã viết, những thứ mà cô đã viết giùm anh. Cô quăng nó lên cái trường kỷ. Họ cùng nhìn vào chúng. Những sơ đồ, những thiết kế, những người đàn ông và phụ nữ nhỏ bé đang vung những cái que thay cho vũ khí; họ có cánh – phải không? – ở sau lưng; những vòng tròn phồng theo những đồng siling và đồng sáu su – những vàng thái dương và những vì sao; những vách núi ngoằn ngoèo khúc khuỷu với những người leo núi đang cùng trèo lên, giống hệt những con dao và nĩa ăn; những mảnh biển khơi với những bộ mặt cười lộ ra từ

cái có lẽ là những lượn sóng: tấm bản đồ thế giới. Đốt chúng đi! Anh kêu lên. Còn giờ là những ghi chép của anh; những người chết ca hát ra sao đằng sau những bụi đỗ quyên; những bài tụng ca Thời gian; những cuộc đối thoại với Shakespeare; Evans, Evans, Evans – những thông điệp từ những người chết của anh ta; đừng đốn hạ cây cối; hãy nói với Thủ tướng. Tình yêu phổ quát: ý nghĩa của thế giới. Đốt chúng đi! Anh kêu lên.

Nhưng Rezia đặt hai tay lên chúng. Một số rất đẹp, cô nghĩ. Cô sẽ cột chúng lại (vì cô không có phong bì) bằng một dải lụa.

Ngay cả khi họ đưa anh đi, cô nói, cô sẽ đi với anh. Họ không thể phân ly cô và anh ngược với ý muốn của hai người, cô nói.

Cô xếp lại cho các mép giấy ngay hàng thẳng lối, và cột chõng giấy lại, hầu như không cần nhìn, đang ngồi cạnh anh, anh nghĩ, như thể toàn bộ những cánh hoa của cô đang vây quanh cô. Cô là một cây trở hoa; và xuyên qua những cành lá của cô lộ ra gương mặt của một người làm ra luật, kẻ đã tới một chốn trú ẩn, nơi cô không còn sợ một ai; không sợ Holmes; không sợ Bradshaw; một phép màu, một thắng lợi, cuối cùng và vĩ đại nhất. Anh thấy cô lão đảo leo lên cái cầu thang đáng sợ, cõng trên lưng Holmes và Bradshaw, những kẻ chưa bao giờ nặng dưới một trăm sáu mươi cân Anh, những kẻ đã đưa vợ họ tới triều đình, những kẻ kiếm được mười ngàn bảng mỗi năm và nói về sự tương quan; những kẻ có phán quyết khác nhau (vì Holmes nói một đằng, Bradshaw nói đằng khác), thế nhưng họ là quan tòa; những kẻ trợn lẫn ảo ảnh với cái tủ ngăn; không thấy gì rõ ràng, thế nhưng lại thống trị, thế nhưng lại có thẩm quyền. “Phải,” họ nói. Cô đã chiến thắng họ.

“Đó!” Cô nói. Chõng giấy đã được cột lại. Sẽ không ai chạm vào chúng. Cô sẽ cất chúng đi.

Và, cô nói, không gì có thể phân cách họ. Cô ngồi xuống cạnh anh và gọi anh bằng cái tên của con chim ưng hoặc con quạ đó, cũng ác độc và là một kẻ phá hoại mùa màng vĩ đại giống hệt như anh. Không ai có thể phân cách họ, cô nói.

Rồi cô đứng lên, định đi vào phòng ngủ để gói ghém đồ đạc của họ, nhưng nghe thấy những giọng nói bên dưới cầu thang và nghĩ rằng có lẽ

bác sĩ Holmes đã ghé tới, cô chạy xuống để ngăn không cho ông ta đi lên.

Septimus có thể nghe tiếng cô nói chuyện với Holmes ở đầu cầu thang.

“Quý bà thân mến của tôi, tôi tới với tư cách một người bạn.” Holmes đang nói.

“Không. Tôi sẽ không cho phép ông gặp chồng tôi.” Cô nói.

Anh có thể trông thấy cô, giống như một con gà mái, với đôi cánh dang ra để cản đường ông ta. Nhưng Holmes rất kiên trì.

“Quý bà thân mến của tôi, hãy cho phép tôi...” Holmes nói, đẩy cô sang một bên (Holmes là một gã to lớn cường tráng).

Holmes đang đi lên gác. Holmes sẽ mở toang cửa. Holmes sẽ nói “Đang hoảng sợ, hử?” Holmes sẽ tóm được anh. Nhưng không; Holmes thì không; Bradshaw thì không. Đứng lên một cách khá loạn choạng, thật sự là đang nhảy lò cò, anh xem xét con dao cắt bánh mì sạch đẹp của bà Filmer với chữ “Bánh mì” khắc trên cán. Chà, nhưng người ta không được làm hỏng thứ đó. Lửa bếp ga chẳng? Nhưng giờ đã quá muộn. Holmes đang tới. Anh có thể lấy những con dao cạo, nhưng Rezia, kẻ luôn làm loại công việc đó, đã gói chúng lại. Chỉ còn cái cửa sổ, cái cửa sổ nhà trọ rộng lớn của khu Bloomsbury, chỉ còn cái công việc mệt mỏi, rắc rối và khá bi thảm là mở cánh cửa sổ và tự quăng mình ra ngoài. Đó là ý tưởng của họ về tấn bi kịch chứ không phải của anh hay của Rezia (vì cô đứng về phía anh). Holmes và Bradshaw khoái kiểu đó. (Anh ngồi lên bệ cửa sổ.) Nhưng anh sẽ chờ cho tới giây phút cuối. Anh không muốn chết. Cuộc sống thật tốt đẹp. Mặt trời nóng ấm. Chỉ có con người – họ muốn gì nhỉ? Đi xuống thang đối mặt với một người đàn ông lớn tuổi ngăn anh lại và nhìn anh chòng chọc. Holmes đã tới cửa. “Tôi sẽ cho ông điều đó!” Anh kêu lên, và hùng hổ, mạnh bạo, quăng mình xuống khu vực hàng rào của bà Filmer.

“Ồ hèn.” Bác sĩ Holmes la lên, mở tung cánh cửa. Rezia chạy tới cửa sổ, cô nhìn thấy; cô hiểu. Bác sĩ Holmes và bà Filmer va vào nhau. Bà Filmer đập vào tấm tạp dề của mình và đứng che mắt trong phòng ngủ. Có nhiều cuộc chạy lên chạy xuống cầu thang. Bác sĩ Holmes bước vào – trắng như một tờ giấy, cả người run lẩy bẩy, tay cầm một cái ly. Cô phải dứng cảm lên và uống chút gì đó, ông ta nói (Thứ gì nhỉ? Một thứ gì đó ngọt), vì

chồng cô đã bị xé rách cả người một cách khủng khiếp, sẽ không tỉnh lại, cô không được nhìn thấy anh ta, phải tránh đi càng nhiều càng tốt, sẽ có một cuộc điều tra tỉ mỉ, người thiếu phụ tội nghiệp ạ. Ai có thể nói trước được điều đó? Một cơn bốc đồng đột ngột, không thể đổ lỗi cho ai hết (ông nói với bà Filmer). Và anh ta làm thế vì cái quái gì chứ, bác sĩ Holmes không thể hiểu.

Với cô, trong lúc uống thứ nước ngọt đó, dường như cô đang mở những cánh cửa sổ dài ra, bước vào một khu vườn nào đó. Nhưng ở đâu? Đồng hồ đang điểm giờ – một, hai, ba: âm thanh nghe thật rõ rệt; so với tất cả những thứ thành thị và thì thầm này; như chính bản thân Septimus. Cô đang ngủ thiếp đi. Nhưng cái đồng hồ tiếp tục đổ chuông, bốn, năm, sáu, và bà Filmer đang vẩy tấm tạp dề (họ sẽ không đưa cái xác vào đây chứ, phải không?) dường như là một phần của khu vườn đó; hoặc một lá cờ. Có lần cô đã nhìn thấy một lá cờ chậm chạp bung ra từ một cột cờ khi cô ở Venice với cô của mình. Những người đàn ông tử trận được chào như thế, và Septimus đã trải qua cuộc chiến. Hầu hết những hồi ức của cô đều hạnh phúc.

Cô đội mũ lên, và chạy qua những đồng lúa mạch – nó có thể ở đâu? – trên một ngọn đồi nào đó, ở đâu đó gần biển, vì có những con tàu, những con chim hải âu, những con bướm; họ ngồi trên một vách đá. Cả ở London, họ ngồi đó, và trong lúc mơ mơ màng màng, đến với cô qua cánh cửa phòng ngủ, mưa đang rơi, những tiếng lao xao thì thầm giữa những bụi lúa khô, sự mơn trớn của biển – dường như nó đang ve vuốt cô – úp họ vào trong cái vỏ cong của nó và thì thầm với cô đang nằm trên bờ biển, cô cảm thấy đang bị rải tung ra, như những bông hoa bay lá tả bên trên một nắm mộ nào đó.

“Anh ấy đã chết.” Cô nói, mỉm cười với bà cụ già tội nghiệp, kẻ đang canh chừng cô với đôi mắt xanh nhạt trung thực dán vào cánh cửa. (Họ sẽ không đưa anh ta vào đây, có phải không?) Nhưng bà Filmer bác bỏ. Ồ không, ồ không! Lúc này họ đang mang anh ta đi. Có nên nói cho cô ta biết hay không? Những cặp vợ chồng nên ở cạnh nhau, bà Filmer nghĩ. Nhưng họ phải làm như ông bác sĩ đã nói.

“Cứ để cho cô ấy ngủ.” Bác sĩ Holmes nói, sờ vào cái ví của cô. Cô nhìn thấy đường viền tối to lớn của thân hình đang đứng ngược với hướng cửa sổ của ông ta. Vậy ra đó là bác sĩ Holmes.

IX

Một trong những thắng lợi của nền văn minh, Peter Walsh nghĩ. Đây là một trong những thắng lợi của nền văn minh, khi tiếng còi báo động của chiếc xe cấp cứu vang vang. Chiếc xe cấp cứu vọt tới bệnh viện một cách nhanh chóng, gọn gàng, sau khi đã thu nhặt một cách tức thì, đầy lòng nhân đạo, một kẻ vô phúc tội nghiệp nào đó; một ai đó bị đập vào đầu, ngất xỉu vì bệnh, bị xe đung có lẽ trước đó khoảng một phút tại một trong những ngã tư này, như chuyện có thể xảy ra với bất kỳ người nào. Đó là nền văn minh. Nó gây ấn tượng cho ông, kẻ quay trở về từ phương Đông – tính hiệu quả, tính tổ chức, tinh thần công cộng ở London. Mọi cỗ xe ngựa hay xe hơi tự nguyện nép sang một bên để cho chiếc xe cấp cứu chạy qua. Có lẽ nó không lạnh mạnh; hoặc đúng hơn là nó không gợi lòng thương cảm, sự tôn trọng mà họ bày tỏ trước chiếc xe cấp cứu với nạn nhân bên trong này – những người đàn ông bận rộn đang hối hả về nhà thế nhưng lập tức bị nhắc nhớ tới một bà vợ nào đó khi chiếc xe chạy ngang qua; hoặc có thể giả sử một cách dễ dàng rằng họ đang ở trong đó, duỗi người trên một cái băng ca với một viên bác sĩ và một người y tá... Chà, nhưng suy nghĩ ngay lập tức trở nên bệnh hoạn, ủy mị khi người ta bắt đầu hình dung tới những tay bác sĩ, những tử thi; một niềm vui nho nhỏ, cả một dạng khao khát với cái ấn tượng hiển hiện cảnh báo người ta đừng tiếp tục với điều đó nữa – tính chất tiền định đối với nghệ thuật, tính chất tiền định đối với tình bằng hữu. Đúng. Thế nhưng, Peter Walsh nghĩ, khi chiếc xe cấp cứu quẹo ở góc phố dù vẫn có thể nghe thấy tiếng còi xe ở con đường kế tiếp và xa hơn khi nó băng qua phố Tottenham Court, tiếp tục hụ lên inh ỏi, đó là đặc quyền của sự cô đơn; trong sự riêng tư, người ta có thể làm theo ý thích. Người ta có thể khóc nếu không có ai nhìn thấy. Đây là thứ đã tàn phá ông – sự nhạy cảm này – trong một xã hội Anh-Ấn; không khóc hay cười vào thời điểm đúng. Mình có điều đó trong tâm hồn, ông nghĩ khi đứng cạnh trụ thư công

cộng mà giờ có thể tan biến trong những dòng nước mắt. Vì sao, chỉ có trời mới biết. Có lẽ một loại vẻ đẹp nào đó, và sức nặng của ngày hôm nay, bắt đầu với cuộc viếng thăm Clarissa, đã làm cho ông kiệt sức vì độ nóng của nó, sự căng thẳng của nó, và sự nhỏ giọt, nhỏ giọt, của hết ấn tượng này sang ấn tượng khác xuống cái tầng hầm nơi họ đứng, sâu thẳm, tối tăm, và chưa ai từng biết. Một phần vì lý do đó, sự bí ẩn của nó, trọn vẹn và bất khả xâm phạm, đã khiến ông phát hiện ra cuộc sống giống như một khu vườn chưa ai biết tới, đầy những chỗ ngoặt, những góc quanh, bất ngờ, phải; thật sự nó đã khiến cho người ta bị hụt hơi, những khoảnh khắc ấy; chiếc xe cấp cứu này; sự sống và cái chết. Như thế ông đang bị hút lên một cái mái nhà rất cao bởi dòng cảm xúc dạt dào và phần còn lại của ông, như một bờ biển trắng rải rác vỏ sò, bị bỏ trống không. Đây là thứ đã tàn phá ông trong xã hội Anh-Ấn – sự nhạy cảm này.

Có lần, Clarissa đã lên tầng trên của một chiếc xe buýt hai tầng với ông ở đầu đó, Clarissa rất dễ xúc động, ít ra ở vẻ ngoài, khi thì thất vọng, khi thì hưng phấn, hoàn toàn run rẩy trong những ngày đó và là một người bạn đồng hành tuyệt vời, nhìn những cảnh tượng nho nhỏ lạ lùng, những cái tên, mọi con người, từ tầng trên của một chiếc xe buýt, vì họ thường thám hiểm London và mang về những túi xách đầy các thứ quý báu từ chợ Caledonian – hồi đó Clarissa có một lý thuyết, như mọi người trẻ tuổi. Đó là giải thích cảm giác của họ về sự bất mãn; không hiểu biết mọi người; không được mọi người hiểu biết. Vì làm sao họ có thể hiểu biết về nhau? Bạn gặp nhau hàng ngày; rồi không gặp suốt sáu tháng, hay nhiều năm trời. Đó là sự bất mãn, họ đồng ý, người ta biết mọi người thật ít ỏi biết bao. Nhưng bà ấy nói, khi ngồi trên chiếc xe buýt đang chạy trên đại lộ Shaftesbury, bà ấy cảm thấy mình ở khắp mọi nơi; không phải “ở đây, ở đây, ở đây” mà khắp mọi nơi; và bà ấy vỗ vào lưng ghế; Bà ấy vẫy tay, ngồi xe ngược đại lộ Shaftesbury. Bà ấy là tất cả những thứ đó. Vì thế để hiểu biết bà ấy, hay bất cứ một ai, người ta phải tìm ra những người giúp cho họ trở nên trọn vẹn; ngay cả những địa điểm. Bà có những quan hệ kỳ lạ với những người chưa từng nói chuyện, một phụ nữ nào đó trên phố, một người đàn ông nào đó sau một quầy tính tiền – thậm chí cả những cây cối hay

những kho thóc. Nó kết thúc trong một lý thuyết tiên nghiệm mà, với sự khiếp sợ cái chết của bà ấy, cho phép bà ấy tin tưởng hoặc nói rằng bà ấy tin (bất chấp mọi hoài nghi của bà ấy) rằng từ khi chúng ta xuất hiện, cái phần xuất hiện của chúng ta rất ngắn ngủi nhất thời so với phần khác, phần không nhìn thấy của chúng ta; nó trải rộng ra, có thể sống sót, có thể khôi phục lại, vì lý do nào đó gắn liền với người này hay người nọ, hay thậm chí vẫn ngụ lại ở những nơi chốn nhất định sau cái chết... có lẽ – có lẽ.

Khi nhìn lại tình bạn lâu dài gần ba mươi năm đó, lý thuyết của bà ấy đã có hiệu quả tới mức độ này. Văn tắt, đồ vỡ, thường là đau khổ như những cuộc gặp gỡ thực sự của họ với sự lơ đãng của ông và những sự xen ngang (ví dụ hồi sáng này, Elizabeth bước vào, như một chú ngựa non chân dài, xinh đẹp, lẫm lì, vừa đúng lúc ông bắt đầu nói với Clarissa), tác động của chúng lên cuộc đời ông là không thể đo lường. Ở nó có một sự bí ẩn. Bạn được trao cho một thứ hạt sắc nhọn, khó chịu – cuộc gặp gỡ thật sự; thường xuyên là đau khủng khiếp; thế nhưng trong sự vắng mặt, ở những địa điểm ít có khả năng nhất, nó sẽ trào ra, mở rộng, tỏa mùi, để cho bạn chạm vào, nếm trái, nhìn quanh bạn, có toàn bộ cảm nhận về nó và thấu hiểu, sau nhiều năm thất tung tăm tích. Bà ấy đã tới với ông thế đó; trên boong tàu; trên đỉnh Hy Mã Lạp Sơn; được gọi ra từ những điều kỳ quặc nhất (Sally Seton cũng thế, một cô nàng gốc nghềch hào phóng, nhiệt tình! Nghĩ tới ông khi cô ta nhìn thấy những bông hoa tú cầu). Bà ấy có ảnh hưởng tới ông nhiều hơn bất kỳ người nào mà ông từng biết. Và luôn đến trước ông theo cách thức mà ông không hề mong muốn này, lãnh đạm, ra vẻ tiểu thư, hay chỉ trích; hoặc tỏ ra say đắm, lãng mạn, nhắc tới một cánh đồng hay một mùa gặt nào đó ở nước Anh. Ông thường gặp bà nhiều nhất là ở vùng quê chứ không phải ở London. Hết cảnh tượng này tới cảnh tượng khác ở Bourton...

Ông đã tới khách sạn của mình. Ông băng qua đại sảnh, với những hàng ghế và trường kỷ đỏ, những cây cỏ có lá như mũi giáo, trông khô héo. Ông gỡ chìa khóa của mình khỏi móc. Người thiếu nữ trao cho ông vài lá thư. Ông lên lầu – ông thường gặp bà ấy nhất ở Bourton, vào cuối mùa hè, khi ông ở lại đó một tuần hay thậm chí nửa tháng, như mọi người vẫn làm hồi

đó. Đầu tiên là trên một đỉnh đồi nào đó, bà đứng, đôi bàn tay vỗ nhẹ vào mái tóc, tấm áo choàng bay phấp phới, vừa chỉ trỏ vừa kêu to với họ – bà ấy nhìn thấy thung lũng Severn ở bên dưới. Hay trong một cánh rừng, đang cố đun một ấm nước – rất không hiệu quả với những ngón tay của bà; khói uốn éo tỏa lên, thổi vào mặt họ; gương mặt nhỏ nhắn ửng hồng của bà bộc lộ hết những cảm xúc bên trong; xin nước của một bà cụ trong một ngôi nhà thôn dã, người đã ra tới cửa để quan sát họ đi. Họ luôn đi bộ; những người khác đi xe ngựa. Bà chán ngồi xe, không thích tất cả mọi con thú, trừ con chó đó. Họ lê bước nhiều dặm dọc những con đường. Bà thường dừng lại đột ngột để chỉnh trang y phục, dẫn ông quay về băng qua vùng quê; và suốt thời gian đó họ cãi nhau, thảo luận về thơ ca, về mọi người và chính trị (hồi đó bà ấy là một người cấp tiến); không bao giờ chú ý tới thứ gì ngoại trừ khi bà ấy dừng lại, kêu lên với một cảnh vật hay một loài cây, và buộc ông phải nhìn với mình; và cứ tiếp tục như thế, qua những cánh đồng đầy gốc rạ, bà ấy đi trước, với một cây hoa cho bà cô của mình, không bao giờ mệt mỏi vì đi bộ dù dáng vẻ rất mảnh khảnh; để về tới Bourton lúc trời sập tối. Rồi sau bữa ăn tối, ông cụ Breikopf sẽ mở nắp cây đàn dương cầm ra và hát mà không có chút hơi nào, và họ sẽ nằm sâu trong những cái ghế bành, cố không bật cười, nhưng luôn luôn không nén được và cười phá lên, cười thỏa thích – cười không vì cái gì cả. Họ cho là Breikopf không nhìn thấy. Và rồi vào buổi sáng, lượn qua lượn lại trước nhà như một chú chim chìa vôi...

Ồ, đó là một lá thư của bà ấy! Cái phong thư màu xanh trời này; đó là nét chữ của bà ấy. Và ông sẽ phải đọc nó, Đây là một dạng khác trong những cuộc gặp gỡ đó, buộc phải chịu khổ đau! Đọc thư của bà ấy cần một nỗ lực khôn khổ. “Thật tuyệt vời khi gặp ông. Bà phải nói với ông điều đó.” Chỉ có thế.

Nhưng nó khiến ông phiền muộn. Nó khiến ông bực mình. Ông ước gì bà ấy đã không viết nó. Trên đỉnh của những ý nghĩ của ông, nó giống như một cú thúc cùi chỏ vào những cái xương sườn. Vì sao bà ấy không để cho ông yên? Nói cho cùng, bà ấy đã cưới Dalloway, và sống với ông ta trong hạnh phúc trọn vẹn suốt gần ấy năm trời.

Những khách sạn này không phải là những nơi giúp người ta khuây khỏa. Còn lâu mới thế. Bất cứ số người nào cũng đều móc mũi của mình trên những cái móc đó. Thậm chí cả những con ruồi, nếu bạn nghĩ tới chúng, cũng đậu lên mũi của những người khác. Còn về sự vệ sinh vốn đập thẳng vào mắt của ông, nó không sạch sẽ chút nào, quá nhiều thứ trơ trụi, lạnh giá; một điều tất phải diễn ra. Một mệnh phụ phu nhân khô khan nào đó rảo vài vòng buổi sáng, đánh hơi, dòm ngó, sai phái những cô người hầu khắt khe đi thám thính khắp thế giới như thế người khách tiếp theo là một súc thịt được phục vụ trên một cái đĩa hoàn toàn sạch sẽ. Để ngủ, có một cái giường, để ngồi, có một cái ghế bành; để làm sạch bộ răng và cạo sạch râu cằm, có một cái cốc, một tấm gương. Sách vở, thư từ, áo choàng nằm ngổn ngang ở những vị trí không thích hợp. Và chính lá thư của Clarissa đã khiến cho ông nhìn thấy tất cả những điều này. “Thật tuyệt vời khi gặp ông. Bà phải nói thế!” Ông gấp tờ giấy lại; gạt nó sang một bên; không gì có thể dẫn dụ ông đọc nó thêm lần nữa!

Để gửi lá thư đó cho ông trước sáu giờ, bà ấy phải ngồi xuống và viết nó ngay lập tức sau khi ông đi khỏi; dán tem; cử ai đó mang tới bưu điện. Việc đó, như mọi người nói, rất giống với tính cách của bà ấy. Bà ấy không vui vì cuộc thăm viếng của ông. Bà ấy đã cảm nhận nhiều điều; trong một khoảnh khắc, khi hôn tay ông, bà ấy đã cảm thấy tiếc nuối, thậm chí ghen tị với ông, có lẽ nhớ lại (vì ông đã thấy bà nhìn nó) một điều gì đó ông từng nói – có lẽ là họ sẽ thay đổi thế giới như thế nào nếu họ cưới nhau; nhưng ngược lại, nó là việc này; nó là tuổi trung tuần; nó là sự tầm thường; sau đó tự ép bản thân với sức sống bất khuất của mình để gạt tất cả sang bên, chỉ còn lại trong bà ấy một sợi chỉ cuộc đời dành cho sự cứng rắn, bền bỉ, sức mạnh để khắc phục những chướng ngại, và đưa bà vượt qua một cách thẳng lợi những thứ mà ông chưa bao giờ biết. Phải; nhưng sẽ có một phản ứng ngay sau khi ông rời khỏi căn phòng. Bà ấy sẽ hối tiếc cho ông kinh khủng; bà ấy sẽ nghĩ tới điều mà bà ấy có thể thực hiện trên cõi đời này để trao cho ông niềm vui (luôn thiếu chính điều đó) và ông có thể nhìn thấy bà ấy bước tới bàn viết với những giọt lệ lăn xuống má và thảo nhanh dòng chữ mà ông

muốn nghĩ là chào mừng ông.... “Thật tuyệt khi gặp ông!” Và ý bà ấy là thế.

Lúc này Peter Walsh cời dây ủng ra.

Nhưng nó sẽ không là một thành công, cuộc hôn nhân của họ. Nói cho cùng, điều khác đã đến một cách tự nhiên hơn nhiều.

Nó thật kỳ lạ; nó có thật; nhiều người cảm nhận được nó. Peter Walsh, kẻ đã thực hiện bốn phận một cách đáng tôn trọng, đã đảm nhiệm các vị trí thông thường một cách thích đáng, được ưa thích, nhưng cũng bị cho rằng hơi gàn dở chút chút, hay bộ tịch ta đây – thật lạ lùng vì lẽ ra ông phải có, nhất là vào lúc này khi tóc ông đã bạc, một vẻ hài lòng mãn nguyện; một dáng vẻ của người dư dật. Chính điều này khiến ông trở nên hấp dẫn với những người phụ nữ thích cái cảm giác rằng ông không hoàn toàn nam tính. Có một cái gì đó bất thường ở ông, hay một cái gì đó ở phía sau ông. Có thể là ông là một con mọt sách – không bao giờ tới thăm bạn mà không cầm cuốn sách ở trên bàn lên (lúc này ông đang đọc, với mấy sợi dây cột ủng kéo lê trên sàn nhà); hoặc việc ông là một quý ông, tự nó biểu lộ ra trong cách ông gõ tro thuốc ra khỏi ống tẩu, và trong những cung cách xử sự với phụ nữ của ông. Vì thật là hấp dẫn và hoàn toàn buồn cười khi một cô gái không có chút xíu đầu óc nào đó có thể dễ dàng quay ông quanh ngón tay của mình. Nhưng cô ta phải dè chừng. Nghĩa là, dù ông có thể rất dễ dãi và thật sự quyến rũ để kết giao với tính tình vui vẻ và thái độ lịch sự, điều đó chỉ tới một mức nào đó. Cô ta nói gì đó – không, không ; ông nhìn thấu qua điều đó. Ông sẽ không chịu nổi điều đó – không, không. Khi đó ông có thể hét lên, lắc lư người và ôm bụng cười lăn lóc vì một câu chuyện đùa nào đó với cánh đàn ông. Ông là một giám khảo về nấu ăn giỏi nhất ở Ấn Độ. Ông là một người đàn ông. Nhưng không phải loại đàn ông người ta phải kính trọng – đó là một điều vạn hạnh. Thí dụ, không giống như Thị trưởng Simons; không giống chút nào, Daisy đã nghĩ thế, khi, bất chấp hai đứa con nhỏ của mình, cô thường so sánh họ với nhau.

Ông lột đôi ủng ra. Ông trút ra mọi thứ trong các túi. Cùng rơi ra với con dao nhíp là một hình ảnh thoáng nhanh về Daisy ở trước hiên nhà; Daisy mặc toàn màu trắng, với một con chó phốc trên đầu gối; rất đáng yêu; rất

nâu bánh mật; vẻ đẹp hoàn hảo nhất mà ông từng nhìn thấy ở cô. Nó đã đến, nói cho cùng rất tự nhiên; tự nhiên hơn đối với Clarissa nhiều. Không chút ồn ào. Không chút bận tâm. Không có sự kiêu cách và sự bồng chồn. Tất cả đều đơn giản lướt đi. Và cô gái da bánh mật xinh xắn đáng yêu ở dưới mái hiên cảm thán (ông có thể nghe thấy cô ta). Dĩ nhiên, dĩ nhiên cô sẽ trao cho anh ta mọi thứ! cô ta kêu lên (cô ta không có đầu óc chính chắn), mọi thứ anh ta muốn! cô ta kêu lên, chạy tới để gặp ông, bất kể có thể ai đó đang nhìn. Và cô ta chỉ mới hai mươi bốn tuổi. Và cô ta có hai đứa con. Tốt, tốt!

Thật sự tốt khi ông đã tự chuốc lấy phiền hà vào tuổi của mình. Và nó xâm chiếm ông một cách khá mạnh mẽ khi ông thức giấc trong đêm. Giả sử họ lấy nhau thì sao? Với ông tất cả sẽ rất tốt đẹp, nhưng còn cô ta thì sao? Bà Burgess, một kẻ tốt bụng và không phải loại ba hoa, người mà ông đã tâm sự, nghĩ rằng sự vắng mặt của ông để về Anh, bề ngoài là để gặp các luật sư có thể giúp cho Daisy suy nghĩ cân nhắc lại ý nghĩa của vụ này. Đó là vấn đề về địa vị của cô ta, bà Burgess nói; cái rào chắn xã hội; việc từ bỏ hai đứa con của cô ta. Cô ta là một bà góa với một quá khứ vừa mới xảy ra, sống lê la ở vùng ngoại ô, hoặc, có khả năng hơn, sống chung chạ bừa bãi (anh biết những người phụ nữ như thế trông như thế nào với quá nhiều mỹ phẩm, bà ta nói). Nhưng Peter Walsh bác bỏ tất cả những điều đó. Ông chưa có ý định chết. Dù sao đi nữa, cô ta phải tự sắp xếp cho mình; tự mình phán xét, ông nghĩ, đi lại quanh phòng trong đôi tất ngắn, vuốt phẳng lại cái áo sơ mi, vì có thể ông sẽ tới dự bữa tiệc của Clarissa, hoặc có thể tới một trong những đại sảnh, hoặc có thể ở nhà và đọc một cuốn sách hấp dẫn do một người ông từng quen biết ở Oxford viết ra. Và nếu ông nghỉ hưu, đó là điều ông sẽ làm – viết sách. Ông sẽ tới Oxford và sục sạo trong thư viện Bodleian. Cô gái da ngăm xinh xắn đáng yêu chạy tới đầu sân hiên một cách vô ích; vẫy tay một cách vô ích; kêu lên một cách vô ích rằng cô không quan tâm chút nào tới những gì mọi người nói. Ông ở đó, người đàn ông mà cô ta nghĩ là cả thế giới, quý ông hoàn hảo, hấp dẫn, nổi bật (và tuổi tác của ông không tạo ra chút khác biệt nào đối với cô), đang đi lại quanh quần trong một căn phòng của một khách sạn ở khu Bloomsbury,

cạo râu, rửa mặt, tiếp tục, trong lúc cầm những cái bình lên, đặt những con dao cạo xuống, sục sạo trong thư viện Bodleian, và tìm ra chân lý về một hoặc hai vấn đề nho nhỏ khiến ông quan tâm. Và ông sẽ có một cuộc chuyện gẫu với bất cứ người nào có thể, và cứ thế ngày càng ít quan tâm tới những giờ giấc chính xác để ăn trưa, bỏ lỡ những lời cam kết, và khi Daisy yêu cầu ông một nụ hôn, một màn kịch, như thường lệ, ông không thể tỏ ra tốt đẹp như cô ta mong muốn (dù ông chân thành dâng hiến cho cô) – nói tóm lại có thể sẽ hạnh phúc hơn, như bà Burgess nói, nếu cô ta quên ông đi hay chỉ nhớ ông như ông từng là hồi tháng 8, 1922, giống như một hình dáng đứng ở ngã tư đường lúc trời chạng vạng, ngày càng trở nên xa xôi hơn khi chiếc xe chó kéo lướt đi, mang theo cô ta được cột một cách an toàn vào cái ghế sau, dù hai tay cô ta duỗi ra, và trong lúc nhìn thấy hình dáng đó thu nhỏ lại và biến mất, cô ta vẫn kêu lên cô ta sẽ làm bất cứ điều gì trên đời này, bất cứ điều gì, bất cứ điều gì, bất cứ điều gì...

Ông không bao giờ biết mọi người nghĩ gì. Ông ngày càng thấy khó tập trung hơn. Ông trở nên chăm chú; ông trở nên bận rộn với những quan tâm của chính mình; khi cáu gắt, khi vui vẻ; tùy thuộc vào những người phụ nữ, đấng trí, ủ rũ, ngày càng ít có khả năng (ông nghĩ thế trong lúc cạo râu) để thấu hiểu vì sao Clarissa không thể đơn giản tìm cho họ một nơi ở tạm thời và tỏ ra tử tế với Daisy; giới thiệu cô ta. Và sau đó ông chỉ có thể – chỉ có thể làm gì? chỉ lui tới la cà (lúc này ông đang thật sự thực hiện việc phân loại những chiếc chìa khóa, giấy tờ khác nhau), xông tới và hưởng thụ, một mình, nói ngắn gọn, thấy đầy đủ với bản thân; thế nhưng dĩ nhiên là không có ai phụ thuộc vào những người khác hơn (ông cài nút cái áo gi-lê); đó là cái đã tàn phá ông. Ông không thể tránh khỏi những phòng hút thuốc, thích những viên đại tá, thích đánh gôn, thích chơi bài brit, và trên hết là xã hội của những người phụ nữ, và sự tuyệt vời khi bầu bạn với họ, và sự trung thực, táo bạo và vĩ đại của họ trong tình yêu dù dường như với ông nó có những mặt hạn chế (và gương mặt ngăm ngăm xinh xắn đáng yêu đang ở trên cùng của những phong bì), một đóa hoa rất đáng ngưỡng mộ, rất tuyệt vời, mọc trên đỉnh đời người, thế nhưng ông không thể đáp ứng được những kỳ vọng, luôn có khuynh hướng nhìn thấy những điều hoàn mỹ

(Clarissa đã làm hao mòn vĩnh viễn trong ông một điều gì đó), và dễ dàng phát mệt với sự dửng dưng cam lạng, muốn có nhiều điều khác nhau trong tình yêu dù ông sẽ nổi cơn thịnh nộ nếu Daisy yêu bất cứ người nào khác, thịnh nộ! vì ông rất ghen, ghen không thể kiểm soát được do tính cách. Ông gánh chịu những dằn vặt khổ đau! Nhưng con dao của ông đâu rồi; cái đồng hồ của ông; những con dấu của ông, cái ví của ông, và lá thư của Clarissa mà ông sẽ không đọc lại nữa nhưng thích nghĩ tới, và tấm ảnh của Daisy? Và giờ là lúc ăn tối.

Họ đang ăn.

Họ ngồi ở những cái bàn nhỏ quanh những chậu hoa, mặc đồ sang trọng hoặc không sang trọng, với những cái khăn choàng, và túi xách nằm bên cạnh, với dáng vẻ giả vờ điềm tĩnh, vì họ không quen với việc có quá nhiều món ăn trong bữa tối, và tự tin, vì họ có thể thanh toán nó, và căng thẳng, vì họ đã chạy khắp London suốt cả ngày để mua sắm, tham quan; với sự hiếu kỳ tự nhiên của họ, vì họ nhìn quanh và ngẩng lên khi quý ông dễ nhìn đeo đôi kính gọng sừng bước vào, và với bản chất tốt đẹp của họ, vì họ sẽ vui sướng thực hiện bất cứ sự phục vụ nhỏ nhoi nào, như cho mượn một tờ thời gian biểu hay chia sẻ một thông tin hữu ích, và nỗi khao khát của họ, đang ngấm ngấm thôi thúc bên trong họ, lôi kéo họ, bằng cách nào đó tạo lập những kết nối dù chỉ là việc cùng chào đời ở một địa điểm (chẳng hạn Liverpool) hay có những người bạn cùng tên; với những thoáng nhìn lén lút, những phút lặng im kỳ lạ, và đột ngột rút lui vào hoạt động vui đùa và sự riêng biệt của gia đình; họ ngồi đó ăn bữa tối khi Walsh bước vào và ngồi xuống cái bàn nhỏ cạnh màn cửa.

Không phải do ông đã nói bất cứ điều gì, vì ngồi một mình, ông chỉ có thể nói với người bồi bàn; mà do cách ông nhìn vào cuốn thực đơn, cách ông chỉ ngón trỏ vào một loại rượu vang cụ thể, cách ông thẳng người lên để gọi món ăn một cách nghiêm túc chứ không thêm khát, ông đã chiếm được sự kính trọng của họ; sau khi vẫn không biểu lộ gì suốt phần lớn bữa ăn, nó chợt lóe lên ở cái bàn nơi gia đình Morris ngồi khi họ nghe ông Walsh nói vào cuối bữa ăn, “Lê Barlett.” Vì sao ông ta nói một cách rất khiêm tốn thế nhưng lại dứt khoát, với dáng vẻ của một người chấp hành kỷ

luật tốt trong phạm vi các quyền hạn được xác lập dựa trên sự công chính của mình, cả cậu thanh niên Charles Morris lẫn ông Charles, cả cô Elaine lẫn bà Morris đều không biết được. Nhưng khi ông nói, “Lê Barlett,” ngồi một mình ở bàn của mình, họ cảm thấy rằng ông trông mong sự ủng hộ của họ trong một yêu cầu luật pháp nào đó; là chiến sĩ của một chính nghĩa mà ngay lập tức trở thành chính nghĩa của chính họ, khiến ánh mắt họ gặp ánh mắt của ông với sự đồng cảm, và khi tất cả bọn họ cùng đồng thời tới phòng hút thuốc, một cuộc trò chuyện nhỏ giữa họ trở thành điều không thể tránh khỏi.

Nó không sâu sắc lắm – chỉ tới mức độ rằng London quá đông đúc; đã thay đổi trong vòng ba mươi năm qua; rằng ông Morris thích Liverpool hơn; rằng bà Morris đã tới dự cuộc triển lãm hoa Westminster và rằng cả tất cả bọn họ đã nhìn thấy Hoàng tử xứ Wales. Phải, Peter Walsh nghĩ, không có gia đình nào trên đời này có thể so với gia đình Morris; không, bất kể là gia đình nào; và mối quan hệ giữa mỗi người bọn họ với nhau thật hoàn hảo, và họ không đếm xỉa tới các tầng lớp trên, họ thích thứ họ thích, và Elaine đang được đào tạo cho công việc kinh doanh của gia đình, còn cậu con trai đã chiếm được một học bổng ở Leeds, và quý phu nhân lớn tuổi (trạc tuổi của ông) còn có ba đứa con khác ở nhà; và họ có hai chiếc xe hơi, nhưng ông Morris vẫn chữa lại những đôi ủng vào ngày Chủ nhật: điều này thật tuyệt vời, rất đổi tuyệt vời, Peter Walsh nghĩ, hơi xoay người ra phía sau rồi phía trước một chút với ly rượu vang cầm trên tay, giữa những cái ghế lông đỏ và những cái gạt tàn, cảm thấy rất hài lòng với bản thân, vì gia đình Morris thích ông. Phải, họ thích một người đàn ông nói “Lê Barlett.” Họ ưa thích ông, ông cảm thấy.

Ông sẽ tới dự bữa tiệc của Clarissa. (Gia đình Morris lên đường; nhưng họ sẽ gặp lại.) Ông sẽ tới dự bữa tiệc của Clarissa, vì ông muốn hỏi Richard họ đang làm gì ở Ấn Độ – những tên gốc bảo thủ ấy. Và điều gì đang được tiến hành? Và âm nhạc... Ồ, vâng, và chuyện tầm phào đơn thuần.

Vì đây là sự thật về linh hồn của chúng ta, ông nghĩ, bản ngã của chúng ta, giống như loài cá sống dưới những biển sâu và lặn lội trong những nơi chốn tối tăm, len lỏi qua giữa những thân rêu khổng lồ, qua những không

gian lung linh ánh mặt trời và đi tiếp, đi tiếp vào chốn âm u, lạnh giá, sâu thăm khôn dò; đột nhiên bà ấy lao lên bề mặt và đùa giỡn tung tăng trên những lượn sóng dập dềnh; nghĩa là, có một nhu cầu xác thực để chải chuốt, chà rửa, đánh bóng bản thân, tán chuyện tầm phào. Chính phủ định làm gì ở Ấn Độ? Richard Dalloway sẽ biết điều đó.

Vì đó là một đêm rất nóng bức và những cậu bé bán báo đi ngang qua với những tờ áp phích thông báo bằng những mẫu tự to màu đỏ rằng có một đợt nắng nóng, những cái ghế đan bằng cành liễu gai được đặt trên những bậc thềm khách sạn và những quý ông ngồi tách riêng ra, nhấm nháp rượu hay trà, hút thuốc. Peter Walsh ngồi ở đó. Người ta có thể tưởng tượng rằng ánh ngày, ánh ngày của London, vừa mới bắt đầu. Như một phụ nữ đã lột bỏ cái váy in hoa và tắm tạt dề trắng để diện một bộ váy áo xanh trời và những chuỗi ngọc trai, ngày cũng thay đổi, tháo bỏ mọi thứ, khoác lên một màn sương mỏng, chuyển sang chiều tối, và cùng với tiếng thở dài vui sướng của một người phụ nữ vừa quẳng chiếc váy dài lên sàn nhà, cả nó cũng buông bỏ lớp bụi mù, hơi nóng, sắc màu; xe cộ lưu thông thưa đi; những chiếc xe hơi kêu leng keng, phóng ào ào, nối theo những đoàn xe tải; và đó đây, giữa tán lá dày của những quảng trường, tỏa ra một ánh sáng chói chang. Dường như buổi xế chiều nói rằng Ta rút lui đây, vì nó nhạt nhòa và tan biến đi bên trên những bức tường có lỗ châu mai và chỗ nhô cao, những đường gờ, chớp nhọn của khách sạn, dây phòng và khối cửa hiệu, Ta tan đi, Nàng ta đang bắt đầu, ta biến mất, nhưng London không chấp thuận, và phóng những lưỡi lê của mình lên bầu trời, chặt đứt đôi cánh của buổi chiều, cưỡng ép nó trở thành một phần trong cuộc truy hoan náo nhiệt của mình.

Cuộc cách mạng lớn lao về thời gian mùa hè của ông Willett^[33] đã diễn ra từ sau chuyến về thăm nước Anh lần trước của Peter Walsh. Buổi chiều kéo dài là một điều mới mẻ đối với ông. Nói đúng hơn, nó gây hưng phấn. Vì trong lúc những người trẻ tuổi đi ngang qua với những hộp đựng hồ sơ, cực kỳ vui sướng vì được tự do, cả tự hào một cách câm lặng nữa, bước trên cái vỉa hè nổi tiếng này, một dạng hân hoan rẻ tiền, hào nhoáng, nếu

bạn thích, nhưng đồng thời cũng thật mê ly, làm đỏ ửng gương mặt họ. Họ cũng ăn mặc rất lịch sự; những đôi tất màu hồng; những đôi giày đẹp. Hiện giờ họ sẽ có hai giờ trong cảnh tượng đẹp đẽ này. Nó làm cho họ trở nên sâu sắc, tinh tế hơn, cái ánh sáng xé chiều màu lam ấy; và những chiếc lá trong quảng trường tỏa ánh sáng xanh nhạt, tím bầm – trông như thể chúng được nhúng trong nước biển – tán lá của một thành phố chìm dưới biển. Ông kinh ngạc vì vẻ đẹp; nó còn có tính chất cổ vũ nữa, vì trong khi những người Anh-Ấn hồi hương (ông biết nhiều đám đông trong số họ) được quyền ngồi ở Câu lạc bộ Đông Phương tóm tắt một cách gắt gỏng về sự đổ vỡ của thế giới, ông ở đây, trẻ trung như ngày nào; đang ganh tị với những người tuổi trẻ về thời gian mùa hè của họ và phần còn lại của nó, và còn hơn cả mong đợi từ những lời nói của một cô gái, từ tiếng cười của một cô giúp việc – những thứ mơ hồ mà bạn không thể đặt tay lên – sự chuyển biến đó trong toàn bộ khối tích lũy mang hình kim tự tháp mà trong thời trẻ tuổi của ông dường như bất động. Nó đã áp lên trên họ, đè họ xuống, nhất là những người phụ nữ, như những bông hoa mà cô Helena của Clarissa đã từng ép giữa những tờ giấy thấm màu xám với cuốn tiểu tự điển tiếng Pháp ở trên cùng, khi bà ngồi dưới ánh đèn dầu sau bữa ăn tối. Giờ thì bà cụ đã tạ thế. Ông có nghe nói về bà, từ Clarissa, rằng bà đã mất đi thị lực một bên mắt. Điều đó có vẻ rất phù hợp – một con mắt trong những kiệt tác của tự nhiên – khi bà cô già Parry đó chuyển sang đeo kính. Bà thuộc vào một lứa tuổi khác, nhưng rất hoàn hảo, rất toàn diện, luôn đứng thẳng ở phía chân trời, trắng như đá, kiệt xuất, như một ngọn hải đăng đánh dấu một giai đoạn quá vắng nào đó trên hành trình mạo hiểm dài dằng dặc này (ông sờ soạng tìm một đồng xu để mua một tờ báo và đọc về Surrey và Yorkshire – ông đã gior cái đồng xu đó ra hàng triệu lần. Một lần nữa, toàn hạt Surrey đều ra khỏi nhà) – cuộc sống triền miên vô tận này. Nhưng crickê không chỉ là một trò chơi. Crickê rất quan trọng. Ông không bao giờ có thể dẫn lòng không đọc về crickê. Ông đọc các tỷ số của tin giờ chót trước, rồi tới việc ngày hôm đó nóng như thế nào; rồi về một vụ giết người. Việc đã thực hiện mọi điều hàng ngàn lần làm cho chúng trở nên phong phú, dù có thể nói rằng nó đã cởi bỏ đi lớp bề mặt. Quá khứ trở nên phong phú, và kinh

nghiệm, và việc đã quan tâm tới một hai người, và do đó đã thủ đắc cái sức mạnh cắt gọn đi mà một cậu thanh niên có để thực hiện điều cậu ta thích, không quan tâm chút xíu nào tới những gì mọi người nói, đến và đi không có bất cứ kỳ vọng rất lớn lao nào (ông bỏ lại tờ báo trên bàn và cất bước), mà dù sao (và ông tìm cái mũ và chiếc áo khoác của mình) cũng không hoàn toàn có thật đối với ông, đêm nay thì không, vì ở đây ông đang cất bước tới dự một bữa tiệc, ở lứa tuổi của ông, với niềm tin rằng ông sẽ có một cuộc trải nghiệm. Nhưng trải nghiệm điều gì?

Vẻ đẹp, dù sao đi nữa. Không phải là vẻ đẹp thô kệch của con mắt. Đó không phải là vẻ đẹp đơn thuần và giản dị – phố Bedford Place dẫn tới quảng trường Russel. Tất nhiên là nó thẳng và trống vắng; sự đối xứng của một hành lang; nhưng nó cũng có những khung cửa sổ sáng đèn, văng vẳng tiếng dương cầm, tiếng máy hát; một cảm giác kín đáo về việc tạo ra lạc thú, nhưng thỉnh thoảng nó lại nổi lên khi, qua khung cửa sổ không màn che, cánh cửa để mở, người ta nhìn thấy những đám đông dự tiệc đang ngồi quanh những cái bàn, những người trẻ tuổi chậm chạp xoay tròn, những cuộc trò chuyện giữa đàn ông và phụ nữ, những nàng hầu lười nhát nhìn ra (một người lạ đang phê bình về công việc của họ, khi công việc đã xong xuôi), những chiếc tất đang phơi trên đầu tường, một con vẹt, một vài thứ cây cỏ. Cuộc sống này thật quyến rũ, bí ẩn, phong phú vô cùng tận. Và trong quảng trường rộng lớn nơi những chiếc xe vọt đi và queo cua rất nhanh, có những cặp tình nhân đang dạo gót, tán tỉnh nhau, ôm nhau, co rút người dưới một bóng cây; điều đó thật xúc động; im lìm say đắm đến nỗi người ta phải đi qua một cách dè dặt, ngượng ngùng, như thể khi đang hiện diện trong một nghi thức thiêng liêng nào đó, sự gián đoạn sẽ là điều bất kính. Điều đó thật thú vị. Và cứ thế tiến vào vùng sáng lóa, chói chang.

Chiếc áo khoác nhẹ của ông bị thổi bung ra, ông bước với một phong thái riêng biệt không thể mô tả, hơi nghiêng về trước, nhẹ nhàng lướt tới, với hai bàn tay đặt sau lưng và đôi mắt bất động hơi giống như mắt của một con chim ưng, ông vừa nhẹ nhàng bước qua London, hướng về phía Westminster, vừa quan sát.

Phải chăng mọi người đang ăn tối ngoài trời? Những cánh cửa ở đây đang được mở rộng bởi một người hầu để một quý bà lớn tuổi nhấc cao chân bước ra, bà ta mang một đôi giày có khóa, tóc cài ba chiếc lông đà điểu tím. Những cánh cửa đang được mở rộng cho những quý bà quần trong những tấm khăn choàng như những xác ướp, bên trên đính những bông hoa rực rỡ, những phu nhân với những cái đầu hói. Và ở những khu vực khá kính với những chiếc cột trát vữa, những người phụ nữ băng qua những khu vườn nhỏ mặt tiền, mái tóc chải rẽ cài những chiếc lược (phải chạy lên để nhìn thấy con của họ); những người đàn ông đứng chờ họ, với những chiếc áo khoác bị gió thổi mở tung, và những chiếc xe hơi đã khởi động máy. Mọi người đang đổ ra ngoài. Với những cánh cửa đang mở này, với việc xuống thang và xuất phát, như thể toàn bộ London đang bước xuống những con tàu nhỏ bỏ neo sát bờ, nhấp nhô trên mặt nước, như thể toàn bộ nơi này đang bình bồng trôi đi trong một ngày hội. Và phố Whitehall, với vỉa hè lát gỗ đã bị đâm đến trở thành bạc phếch, bị những con nhện trượt qua, trượt qua, và có một cảm giác về lũ muỗi vằn lượn quanh những bóng đèn hồ quang^[34]; trời nóng đến nỗi mọi người đứng gần nhau trò chuyện. Và ở phố Westminster này có một vị thẩm phán về hưu, có lẽ đang ngồi vũng chãi ở cửa nhà mình, mặc toàn đồ trắng. Có lẽ là một người Anh - Ấn.

Và chỗ này một cuộc cãi cọ om xòm của những người đàn bà âm ỉ, say rượu; chỗ này chỉ có một viên cảnh sát và những ngôi nhà lù lù, những ngôi nhà cao, những ngôi nhà có mái vòm, những nhà thờ, những tòa nhà quốc hội, và tiếng còi của một con tàu hơi nước trên sông, một tiếng kêu mơ hồ trống rỗng. Nhưng đó là con phố của bà ấy, con phố này, của Clarissa; những chiếc taxi đang hồi hải vòng quanh góc phố, như dòng nước uốn quanh những cái trụ của một chiếc cầu, với ông dường như chúng hút vào nhau vì chúng khiến cho những người tới dự bữa tiệc của bà ấy, bữa tiệc của Clarissa, phát chán.

Dòng ấn tượng thị giác lạnh lẽo lúc này đánh lừa ông như thể con mắt là một cái cốc tràn ngập và để mặc cho số còn lại chảy xuống quanh cái thành

bằng sứ của nó mà không ghi chép lại. Hẳn bây giờ bộ não đã thức tỉnh. Bây giờ thân thể phải thu nhỏ lại, bước vào ngôi nhà, ngôi nhà sáng ánh đèn, nơi cánh cửa mở rộng, nơi những chiếc xe hơi đang đậu, và những người phụ nữ rục rờ đang đi xuống: linh hồn phải gắng thu hết lòng can đảm để chịu đựng. Ông mở lưỡi dao đen của con dao nhíp ra.

PHẦN KẾT

Lucy chạy ào xuống thang sau khi ghé nhanh vào phòng khách để vuốt phẳng một tấm khăn trải bàn, chỉnh lại một cái ghế, dừng lại một chút và cảm thấy bất cứ ai bước vào phải nghĩ thật là sạch sẽ, thật là rục rỡ, thật là xinh đẹp, khi họ nhìn thấy bộ dao nĩa đẹp, bộ đồ lò bằng đồng thau, những tấm vải phủ ghế mới, và những bức màn vải hoa màu vàng; cô đánh giá từng thứ một; nghe thấy một loạt giọng nói ồn ào; mọi người đã đi lên sau bữa ăn; cô phải chuồn thôi!

Thủ tướng đang tới, Agnes nói: cô đã nghe họ bảo thế ở phòng ăn, cô nói, bước vào với một khay đựng ly. Việc đó có quan trọng không, có quan trọng chút xíu nào không, khi thêm hay bớt một ông Thủ tướng? Điều đó không tạo nên chút khác biệt nào vào giờ này đối với bà Walker, đang ngồi giữa những cái đĩa, những cái nồi đựng súp, những cái chao, những cái chảo rán, món thịt gà nấu đông, những cái máy làm kem, những mẫu vỏ bánh đã gọt ra, những quả chanh, những liễn đựng súp, và những chậu đựng thức ăn tráng miệng, việc rửa chúng trong phòng rửa bát dù có vất vả tới đâu dường như là điều quan trọng tối cao đối với bà, với cái bàn nhà bếp, với những cái ghế, trong lúc ngọn lửa rú rít ồn ào, những bóng đèn điện tỏa sáng, và vẫn còn bữa ăn tối phải bày ra. Tất cả những gì bà cảm thấy là: việc thêm hay bớt một ông thủ tướng chẳng hề tạo ra chút khác biệt nào đối với bà Walker.

Các vị phu nhân đang lên gác, Lucy nói; các vị phu nhân đang đi lên, từng người một, bà Dalloway đi sau chót và hầu như luôn luôn gửi lại một tin nhắn nào đó cho nhà bếp, “Tình yêu của tôi dành cho bà Walker,” một đêm nọ là câu đó. Sáng mai họ sẽ kiểm tra lại các món ăn – món súp, món cá hồi; bà Walker biết, như thường lệ, món cá hồi chưa chín tới, vì bà luôn lo lắng về món tráng miệng và giao nó lại cho Jenny; và việc xảy ra là thế, món cá hồi luôn chưa chín tới. Nhưng một phu nhân nào đó với mái tóc

vàng và những đồ trang sức bằng bạc đã nói, Lucy kể, về món ăn đầu tiên, có thật là nó được làm tại nhà? Nhưng chính món cá hồi khiến bà Walker phải bận tâm, khi bà xoay tròn những cái đĩa và đút vào, kéo ra những cái bánh nướng dưới tro; một tràng cười rộ vọng lên từ phòng ăn; một giọng nói cất lên; rồi lại một tràng cười rộ khác – những quý ông tự tìm vui khi các phu nhân đã đi khỏi. Rượu tôkê, Lucy chạy vào nói. Bà Dalloway đã cử người đi lấy rượu tôkê, từ những hầm rượu của Hoàng đế, loại rượu tôkê của Hoàng đế.

Nó được mang ngang qua nhà bếp. Lucy thường thuật lại qua vai bà trông cô Elizabeth hoàn toàn xinh xắn ra sao; cô không thể dời mắt khỏi cô bé; mặc một cái váy hồng, đeo cái chuỗi hạt mà bà Dalloway đã cho cô ta. Hẳn Jenny phải nhớ tới con chó, con chó phốc của cô Elizabeth, mà, từ khi nó cắn, phải bó mõm nó lại và có thể, Elizabeth nghĩ, muốn điều gì đó. Jenny phải nhớ con chó đó. Nhưng Jenny sẽ không lên gác với cả bọn người ở đó. Đã có một chiếc xe hơi đậu trước cửa. Có tiếng chuông reo – và những quý ông vẫn đang ở trong phòng ăn, đang uống rượu tôkê!

Kia, họ đang đi lên gác; đó là người đầu tiên tới, và lúc này họ sẽ tới ngày càng nhanh hơn, khiến bà Parkinson (được thuê cho những bữa tiệc) phải để cánh cửa đại sảnh luôn mở hé, và đại sảnh sẽ đầy những quý ông chờ đợi (họ đứng chờ, vuốt cho tóc thêm mượt) trong lúc các quý bà cởi áo choàng ra trong căn phòng dọc hành lang; ở đó có bà Barnet giúp họ, bà cụ Ellen Barnet, người đã làm việc cho gia đình này suốt bốn mươi năm, và tới vào mỗi mùa hè để giúp đỡ các quý bà, và nhớ những người mẹ khi họ còn là những nàng thiếu nữ, và dù rất khiêm tốn cũng bắt tay; nói “chào phu nhân” một cách rất tôn trọng, thế nhưng bà có một cách nhìn rất nghịch ngợm vào những vị tiểu thư, và luôn khéo léo giúp phu nhân Lovejoy, người đã gặp chút ít rắc rối ở cái vạt áo dưới. Và họ, phu nhân Lovejoy và tiểu thư Alice, không thể không cảm thấy rằng họ đã được ban thưởng một đặc quyền nho nhỏ nào đó trong vấn đề bút lông và lược chải khi quen biết bà Barnet – “ba mươi năm rồi, phu nhân,” bà Barnet bổ sung. Các tiểu thư trẻ tuổi không quen dùng phấn hồng, phu nhân Lovejoy từng nói, khi họ ở Bourton vào những ngày xưa. Và tiểu thư Alice không cần tới phấn hồng,

bà Barnet nói, nhìn cô với vẻ yêu thích. Bà Barnet sẽ ngồi đó, trong phòng giữ áo choàng, vỗ nhẹ vào những lớp lông, vuốt phẳng những cái khăn choàng Tân Ban Nha, dọn dẹp bàn trang điểm, và hoàn toàn biết rõ, bắt chắp những thứ áo lông và đồ thêu, ai là những phu nhân tốt, ai thì không phải. Bà cụ già thân mến, phu nhân Lovejoy nói, bước lên cầu thang, người vú già cũ của Clarissa.

Thế rồi phu nhân Lovejoy cứng người lại. “Phu nhân và tiểu thư Lovejoy,” bà nói với ông Wilkins (được thuê cho những bữa tiệc). Ông ta có một cung cách đáng ngưỡng mộ, khi ông ta nghiêng người và đứng thẳng lại, nghiêng người và đứng thẳng lại và thông báo với sự vô tư hoàn hảo ““Phu nhân và tiểu thư Lovejoy... Ngài John và phu nhân Needham... Tiểu thư Weld... Ông Walsh.” Cung cách của ông ta thật đáng ngưỡng mộ; hẳn cuộc sống gia đình của ông ta không thể chê vào đâu được, ngoại trừ rằng dường như không thể có chuyện một kẻ với đôi môi xanh tái và đôi má cạo nhẵn có thể mắc phải sai lầm là chuốc lấy sự phiền toái về con cái.

“Rất vui được gặp ông/bà!” Clarissa nói. Bà ấy nói câu đó với mọi người. Rất vui được gặp ông/bà! Bà ấy đang trong tình trạng tệ hại nhất – tỏ ra dạt dào tình cảm, không chân thành. Việc tới đây là một sai lầm lớn. Lẽ ra ông nên ở nhà và đọc cuốn sách của mình, Peter Walsh nghĩ; lẽ ra nên tới một phòng hòa nhạc; lẽ ra ông nên ở nhà, vì ông không quen biết ai cả.

Chao ôi, nó sẽ là một thất bại; một thất bại hoàn toàn, Clarissa cảm thấy trong từng cái xương của mình khi ngài Lexham già thân mến đứng đó xin thứ lỗi cho vợ ông, người đã bị cảm lạnh trong bữa tiệc ở điện Buckingham. Bà có thể trông thấy Peter từ đuôi mắt của mình, đang phê phán bà, ở đó, trong góc đó. Sao chứ, nói cho cùng, không phải bà đã làm những chuyện này hay sao? Vì sao lại tìm những đỉnh cao và đứng ướm sừng trong ngọn lửa? Dù sao thì nó cũng có thể thiêu rụi bà! Đốt cháy bà thành than! Bất cứ chuyện gì cũng tốt hơn, vung một ngọn đuốc và ném nó vào quả đất vẫn tốt hơn là dần dần teo lại như một Ellie Henderson nào đó! Thật lạ lùng biết bao khi Peter đặt bà vào những trạng thái này chỉ bằng cách tới đây và đứng trong một góc. Ông ấy khiến cho bà nhìn thấy bản thân mình; cường điệu nó lên. Thật là ngu xuẩn. Nhưng vậy thì vì sao ông

ấy đến, chỉ để phê phán? Vì sao luôn luôn lấy đi, không bao giờ cho? Vì sao không thử đánh liều vứt bỏ đi một quan điểm nhỏ bé của mình? Ông ấy đang đi lang thang ra đó, và bà phải nói chuyện với ông ấy. Nhưng bà sẽ không nắm lấy cơ hội đó. Cuộc sống là thế – sự bị sỉ nhục, sự quên mình. Điều ngài Lexham đang nói là vợ ông ta sẽ không mặc áo lông của bà ấy trong bữa tiệc vì “bà bạn thân mến của tôi, tất cả các vị phu nhân của bà đều giống hệt như nhau” – ít nhất phu nhân Lexham đã bảy mươi lăm tuổi! Thật tuyệt vời, cái cách họ cứng chiều nhau, đôi vợ chồng già đó. Bà không thích ngài Lexham. Bà nghĩ nó quan trọng, bữa tiệc của bà, và bà hoàn toàn muốn bệnh khi biết rằng tất cả đang đi chệch hướng, tất cả đang rơi vào sự tẻ nhạt. Bất cứ điều gì, bất cứ sự bùng nổ nào, bất cứ nỗi kinh hoàng nào cũng còn tốt hơn việc mọi người đi lại lang thang vô mục đích, đứng thành nhóm ở một góc như Ellie Henderson, thậm chí không quan tâm tới việc giữ cho thẳng thân hình của họ.

Tấm màn màu vàng với tất cả những con chim của chốn Thiên đường nhẹ nhàng cuốn ra ngoài và dường như thể có một đàn chim với những đôi cánh bay vào phòng, bay ra, rồi bị hút trở lại. (Vinhững cánh cửa sổ đang mở.) Có phải đó là gió lừa không, Ellie Henderson tự hỏi? Bà đang gánh chịu những cơn rùng mình ớn lạnh. Nhưng việc bà sẽ bị sổ mũi vào hôm sau không quan trọng; chính những cô gái với những đôi vai trần là điều bà nghĩ tới, vì đã được huấn luyện để nghĩ về những người khác bởi một ông bố lớn tuổi, một vị cựu cha sở bệnh tật của xứ đạo Bourton, nhưng giờ ông đã chết; và những cơn ớn lạnh của bà không bao giờ lên tới lồng ngực của bà, không bao giờ. Chính những cô gái là điều bà nghĩ tới, những cô gái trẻ với những đôi vai trần, bản thân bà luôn là một người nhỏ thó, với một mái tóc thưa và nét nhìn nghiêng gầy guộc; dù bây giờ, đã quá tuổi năm mươi, nó đang bắt đầu bừng lên qua một tia sáng dịu êm nào đó, một cái gì đó được tinh lọc thành sự khác biệt bởi những năm tháng xả thân quên mình nhưng rồi lại mờ đi vĩnh viễn bởi vẻ quý phái đầy khổ sở của bà, sự sợ hãi hoang mang của bà, vốn nảy sinh từ khoản thu nhập ba trăm bảng Anh, và tình trạng vô vũ khí của bà (bà không thể kiếm được một xu) và nó khiến cho bà trở nên rụt rè, và theo từng năm trôi qua ngày càng thiếu tư cách để

gặp gỡ những người ăn mặc sang trọng, những kẻ thực hiện loại công việc này hằng đêm trong mùa, chỉ đơn giản nói với người hầu của họ: “Tôi sẽ mặc như thế như thế...” trong lúc Ellie Henderson chạy ra ngoài một cách lo lắng và mua những bông hoa màu hồng rẻ tiền, nửa chục bông, sau đó ném một chiếc khăn choàng lên cái váy đen cũ kỹ của mình. Vì thiệp mời dự tiệc của Clarissa đã tới vào phút cuối cùng. Bà không hoàn toàn vui vẻ về chuyện đó. Bà có một cảm giác rằng năm nay Clarissa không có ý định mời bà.

Vì sao bà ta phải làm thế? Thật sự không có lý do nào cả, ngoại trừ rằng họ luôn luôn biết nhau. Thật ra họ là hai chị em họ. Nhưng họ đã dạt ra khỏi nhau khá xa, một cách tự nhiên, về sau này Clarissa trở nên quá theo đuổi danh vọng. Việc tới dự một bữa tiệc đối với bà là một sự kiện. Chỉ nhìn thấy những bộ quần áo xinh xinh thôi đã hoàn toàn là một niềm vui sướng. Có phải đó là Elizabeth, đã trưởng thành, với mái tóc cắt theo kiểu thời trang, trong cái váy hồng không? Thế nhưng nó không thể quá mười bảy tuổi. Nó rất, rất xinh đẹp. Nhưng dường như những cô gái không mặc toàn trắng khi xuất hiện lần đầu như thời trước nữa. (Bà phải nhớ mọi thứ để kể lại với Edith.) Các cô gái mặc những cái váy yếm trắng, rất chặt, với những cái váy khá cao bên trên đầu gối. Nó không thích hợp, bà nghĩ.

Thế là, với thị lực yếu của mình, Ellie Henderson nghển cổ về phía trước, và bà không quan tâm mấy tới việc có bất kỳ ai đó để chuyện trò (bà hầu như không quen ai ở đó), vì bà cảm thấy tất cả bọn họ đều là những người rất thú vị để quan sát; có lẽ là những chính khách; những người bạn của Richard Dalloway; nhưng chính bản thân Richard cảm thấy ông không thể để cho con người tội nghiệp này đứng đó một mình suốt buổi tối.

“Chà, Ellie, thế giới đối xử với chị thế nào rồi?” Ông nói với cái kiểu cách ân cần của mình, và Ellie Henderson, trở nên hồi hộp và đỏ mặt, cảm thấy ông cực kỳ tốt bụng khi bước tới và nói chuyện với mình, bảo rằng có nhiều người thật sự cảm thấy nóng hơn là lạnh.

“Phải, đúng thế.” Richard Dalloway nói. “Phải.”

Nhưng người ta sẽ nói gì thêm nữa?

“Xin chào, Richard.” Ai đó nói, nắm lấy khuỷu tay của ông, và, ôi trời, đó là già Peter, già Peter Walsh. Ông rất vui mừng khi gặp ông ta – rất đổi hài lòng khi gặp ông ta! Ông ta chẳng thay đổi chút xíu nào. Và họ cùng bước ra ngoài, đi thẳng qua căn phòng, cho nhau những cái vỗ vai nhẹ nhẹ, như thể họ đã không gặp nhau một thời gian dài, Ellie Henderson nghĩ, quan sát họ đi, chắc chắn rằng bà biết gương mặt của người đàn ông đó. Một người cao lớn, tuổi trung tuần, đôi mắt khá đẹp, thâm màu, đeo kính, với dáng vẻ của John Burrows. Chắc chắn Edith sẽ biết.

Tấm màn với đàn chim của chốn Thiên đường lại bay ra. Và Clarissa nhìn thấy – bà nhìn thấy Ralph Lyon đẩy nó trở lại, và tiếp tục nói chuyện. Vậy ra nói cho cùng đây không phải là một thất bại! Lúc này mọi sự sẽ diễn ra tốt đẹp – bữa tiệc của bà. Nó đã bắt đầu. Nó đã khởi động. Nhưng nó vẫn còn đầy rẫy nguy cơ. Bà phải đứng đó để nhận quà. Mọi người dường như trở nên hối hả.

Đại tá và bà Garrod... ông Hugh Whitbread... ông Bowley... bà Hilbery... phu nhân Mary Maddox... ông Quin... Wilkin xướng lên với giọng ngâm nga. Bà nói với mỗi người sáu hoặc bảy từ, và họ đi tiếp, họ đi vào phòng; đi vào một thứ gì đó lúc này, chứ không phải vào chốn hư không, vì Ralph Lyn đã đẩy tấm màn trở lại.

Thế nhưng về phần của chính bà, đó là một nỗ lực quá nhiều. Bà không thấy thích thú gì. Nó quá giống sự hiện hữu – chỉ bất kỳ ai đó, đứng đó; bất kỳ ai đó có thể thực hiện nó; thế nhưng bà hơi ngưỡng mộ kẻ bất kỳ ai đó này, không thể không cảm thấy rằng bà đã, theo cách nào đó, khiến cho điều này xảy ra, rằng nó đã đánh dấu cho một giai đoạn, cái vị trí mà bà cảm thấy bản thân đang trở thành này, vì khá là lạ lùng khi bà hoàn toàn quên mất trông bà như thế nào, mà cảm thấy bản thân là một cái cọc được cắm ở trên đầu cầu thang. Mỗi lần tổ chức một bữa tiệc bà lại có cái cảm giác là một thứ gì đó không phải chính bản thân mình này, và rằng mọi người không có thật theo một cách thức nào đó; có thật hơn theo một cách thức khác. Không thể nào, bà nghĩ, phần vì quần áo của họ, phần vì việc bị tước khỏi những cung cách bình thường của họ, phần vì tầng lớp xã hội, không thể nào nói những điều mà bạn không thể nói theo bất cứ cách nào

khác, những điều cần tới một nỗ lực; khả năng để đi sâu hơn nữa. Nhưng không phải đối với bà; dù sao thì cũng chưa.

“Rất vui được gặp ông!” Bà nói. Ngài Harry già thân mến! Ông ấy biết hết mọi người.

Và điều thật lạ lùng về chuyện đó là cảm giác mà người ta có khi họ lần lượt đi lên cầu thang, bà Mount và Celia, Herbert Ainsty, bà Dakers – và, ồ, phu nhân Bruton!

“Bà thật tốt kinh khủng khi tới dự!” Bà nói, và ý của bà là thế – thật lạ lùng biết bao khi người ta đứng đó cảm thấy họ đi tiếp, đi tiếp, một số hoàn toàn già nua, một số...

Tên gì nhỉ? Phu nhân Rosseter? Nhưng phu nhân Rosseter là ai?

“Clarissa!” Giọng nói đó! Chính là Sally Seton! Sally Seton! Sau tất cả ngần ấy năm trời! Cô ta lù lù hiện ra qua một màn sương. Vì trông cô ấy không giống như thế, khi Clarissa cầm lấy bình nước nóng, để nghĩ về cô ta dưới mái nhà này, dưới mái nhà này! Không giống thế!

Họ ôm chầm nhau, bối rối, bật cười, những từ tuôn ra – đang đi ngang qua London; nghe tin từ Clara Haydon; thật là một cơ hội tuyệt vời để gặp bà! Thế là tôi chạy ào tới – không có lấy một tấm thiệp mời...

Người ta có thể đặt cái bình nước nóng xuống một cách hoàn toàn điềm tĩnh. Vẻ lộng lẫy đã rời khỏi cô ấy. Thế nhưng thật đặc biệt khi gặp lại cô ấy, già hơn, hạnh phúc hơn, ít đáng yêu hơn. Họ hôn nhau, trước tiên là má bên này, rồi má bên kia, cạnh cửa phòng khách, và Clarissa quay lại, với đôi tay của Sally trong tay mình, và nhìn thấy những căn phòng đầy người của mình, nghe thấy tiếng ồn của những giọng nói, nhìn thấy những cái giá nến, những tấm màn đang bay phấp phới, và những bông hồng mà Richard đã tặng bà.

“Tôi có năm cậu con trai to tướng.” Sally nói.

Bà ta có thứ tính ích kỷ đơn giản nhất, niềm khao khát cởi mở nhất là luôn được nghĩ tới đầu tiên, và Clarissa yêu bà ta vì vẫn còn như thế. “Tôi không thể tin nổi điều đó!” Bà kêu lên, cả người bừng sáng với niềm hoan khi nghĩ tới quá khứ.

Nhưng trời ạ, Wilkins, Wilkins cần tới bà; Wilkin đang xướng lên, bằng một giọng đầy thẩm quyền chỉ huy như thể toàn bộ nhóm người này phải bị khiển trách và nữ chủ nhân phải ngưng ngay hành vi phù phiếm, một cái tên:

“Thủ tướng.” Peter Walsh nói.

Thủ tướng? Có thật thế không? Ellie Henderson kinh ngạc.

Một điều thật tuyệt để kể cho Edith!

Người ta không thể chế nhạo ông ta. Trông ông ta rất bình thường. Bạn có thể đứng cạnh ông ta sau một cái quầy và mua bánh quy – anh chàng khốn khổ, quần áo dính đầy những đấng ten vàng. Và nói cho công bằng, khi ông ta đi một vòng chào mọi người, đầu tiên với Clarissa rồi với Richard đi theo hộ tống ông ta, ông ta đã làm rất tốt. Ông ta cố nhìn một ai đó. Quan sát điều đó thật thú vị. Không ai nhìn ông ta. Họ cứ tiếp tục trò chuyện, thế nhưng hoàn toàn rõ ràng rằng tất cả bọn họ đều biết, đều cảm thấy cho tới tận tủy xương mình, nhân vật oai vệ này đang bước ngang qua; biểu tượng của cái mà tất cả bọn họ đại diện này, xã hội Anh. Phu nhân già Bruton ló ra, và trông bà cũng rất đẹp, rất khỏe mạnh trong bộ váy đấng ten, và họ rút lui vào một căn phòng nhỏ mà ngay tức khắc có người lui tới dò xét, canh gác, và một sự khuấy động lao xao như sóng gợn lướt qua mọi người, một cách công khai: Thủ tướng!

Ngài này, tướng công nọ, sự hợm hĩnh của người Anh! Peter Walsh nghĩ, đứng ở góc phòng. Họ ưa thích việc ăn mặc những thứ đấng ten vàng và đang bày tỏ lòng tôn kính! Kìa! Bên cạnh Jove, phải là Hugh Whitbread, đang đánh hơi quanh khu vực dành riêng của nhân vật lớn, đã trở nên béo tốt hơn, trắng trẻo hơn, Hugh đáng ngưỡng mộ!

Ông ta luôn luôn trông như thể đang làm bốn phận, Peter nghĩ, một con người được ban đặc quyền nhưng bí ẩn, cất giữ những bí mật mà ông ta sẽ chết để bảo vệ, dù đó chỉ là một mẩu tin tức tí tẹo nào đó, được tung ra bởi một người hầu trong triều đình, và ngày mai sẽ có trên tất cả các tờ báo. Đó là những cái lúc lắc của ông ta, những đồ trang sức rẻ tiền của ông ta, trong lúc chơi đùa với chúng, ông ta đã trở nên trắng trẻo, tiến gần tới tuổi già, thụ hưởng sự tôn trọng và cảm tình của tất cả những ai có đặc quyền biết

tới kiêu người của trường tư thục nước Anh này. Không thể tránh khỏi việc người ta bịa đặt những điều như thế về Hugh; đó là phong cách của ông ta; thứ phong cách của những lá thư đáng ngưỡng mộ đó mà Peter đã đọc trong tờ Times từ phía bên kia biển cách đó hàng ngàn dặm, và tạ ơn Trời vì ông đã thoát khỏi cái ống dọc tẩu độc hại đó nếu đúng là thế chỉ để nghe những con khỉ đầu chó tán gẫu và những anh cu li đánh vợ họ. Một chàng thanh niên da màu ô-liu từ một trong những trường đại học đứng bên cạnh ông ta với vẻ khúm núm. Ông ta sẽ chiếu cố, khai tâm, dạy bảo cho anh ta cách tiến thân. Vì ông ta không thích gì hơn là làm những việc tốt, khiến cho quả tim của những phu nhân lớn tuổi đập rộn lên với niềm vui vì được nghĩ tới ở tuổi của họ, nỗi ưu phiền của họ khi nghĩ rằng bản thân họ đã hoàn toàn bị lãng quên, thế nhưng Hugh thân mến đã chạy xe tới đây và bỏ ra một giờ để nói về quá khứ, nhớ lại những điều vật vãnh, khen ngợi món bánh làm tại nhà, dù Hugh có thể ăn bánh với một bà công tước vào bất cứ ngày nào trong đời mình, và trôngông ta xem, chắc chắn ông ta đã dành ra khá nhiều thời gian cho công việc dễ chịu đó. Đấng Phán xét, Đấng Từ bi, có thể thứ tha. Peter Walsh không có lòng thương hại. Phải có những tên vô lại, và Thượng đế biết những kẻ bất lương bị treo cổ vì đập vỡ sọ của một cô gái trong một chiếc tàu hỏa nói chung vẫn ít tai hại hơn Hugh Whitbread và lòng tốt của ông ta. Cứ nhìn ông ta lúc này, đang nhón chân lên, nhún nhảy tiến tới, cúi chào và kéo một chân về phía sau, khi Thủ tướng và phu nhân Bruton xuất hiện, kín đáo báo cho toàn thế giới thấy rằng ông ta có đặc quyền nói một điều gì đó, một điều riêng tư, với phu nhân Bruton khi bà ta đi ngang qua. Bà ta dừng lại. Bà ta lắc mái đầu già nua xinh đẹp của mình. Có thể đoán bà đang cảm ơn ông ta về một việc làm mang tính chất nô lệ nào đó. Bà ta có những tay nịnh bợ, những quan chức cấp thấp trong những văn phòng của nhà nước chạy đôn chạy đáo để thực hiện những công việc nho nhỏ với tư cách của bà ta, để đáp lại, bà ta mời họ ăn trưa. Nhưng bà ta bắt nguồn từ thế kỷ mười tám. Bà ta tầm thường.

Và lúc này Clarissa hộ tống ngài Thủ tướng của bà ấy xuống phòng, có vẻ vênh váo, rạng rỡ, với sự oai nghiêm của mái tóc bạc của mình. Bà ấy đeo hoa tai và mặc một chiếc váy đuôi cá màu xanh ánh bạc. Có vẻ như bà

ấy đang vừa lê chân trên những lượn sóng vừa bện bím tóc của mình, vẫn còn cái khả năng thiên phú đó, để sống, để tồn tại; để tổng kết tất cả trong cái khoảnh khắc khi bà ấy bước qua; quay lại, vương cái khăn choàng cổ vàoáo của một phụ nữ khác, gỡ nó ra, bật cười, tất cả với sự dễ dàng tuyệt hảo nhất và dáng vẻ của một sinh vật đang nổi bênh bồng trong môi trường của nó. Nhưng tuổi tác đã lướt qua bà ấy; ngay cả với tư cách của một mỹ nhân ngư cũng có thể nhìn thấy trong tấm gương của bà vầng mặt trời đang lặn trên những lượn sóng vào một chiều tối rất trong trẻo. Có một hơi thở dịu dàng; sự nghiêm nghị của bà ấy, sự đoan trang kiểu cách của bà ấy, sự thô cứng vụng về của bà ấy, tất cả bấy giờ đều trở nên ấm áp, và bà ấy có nó quanh người khi chào từ biệt người đàn ông trên người đẩy những đấng ten vàng đã cố làm hết sức mình, và chúc ông ta thượng lộ bình an, trông có vẻ quan trọng, một phẩm cách không thể nào mô tả; một sự thân ái tinh tế; như thể bà ấy chúc toàn thế giới bình an, và giờ đây, vì đang ở mép rìa của mọi sự vật, phải rời khỏi đó. Bà ấy khiến cho ông nghĩ như thế. (Nhưng ông không yêu.)

Thật ra, Clarissa cảm thấy, ông Thủ tướng rất tốt khi tới. Và khi bước xuống phòng với ông ta, với Sally ở đó và Peter ở đó và Richard rất hài lòng, với tất cả những người khá sẵn sàng ganh tị đó, có lẽ, bà đã cảm thấy sự nhiễm độc của khoảnh khắc đó, sự giãn nở của những dây thần kinh của chính quả tim cho tới khi dường như nó run rẩy, đắm chìm, vờn thẳng; ... phải, nhưng nói cho cùng đó là điều bà cảm thấy, cảm giác đó; vì, dù bà yêu thích nó và cảm thấy nó râm ran và nhoi nhoi, những vẻ bề ngoài này, những thặng lợi này (ông bạn già Peter thân mến, chẳng hạn, nghĩ rằng bà rất xuất sắc) có một sự trống rỗng; chúng ở bên ngoài, chứ không phải trong tim; và có thể là bà đang trở về già nhưng họ không còn làm cho bà hài lòng như trước nữa; và đột nhiên, trong lúc bà nhìn thấy ông Thủ tướng đi xuống thang, cái mép mạ vàng của bức tranh do ngài Joshua^[35] vẽ cô bé với cái bao tay chột hồi hải đưa Kilman quay lại. Kilman, kẻ thù của bà. Điều đó đem lại sự thỏa mãn, điều đó có thật. Chà, bà ghét cô ta biết bao – nóng nảy, đạo đức giả, bẩn thỉu; với tất cả sức mạnh đó; kẻ quyền rũ

Elizabeth; người phụ nữ đã bỏ vào để đánh cắp và làm ô uế (Richard thường nói, Thật vô lý!). Bà ghét cô ta: bà yêu cô ta. Chính những kẻ thù là thứ người ta muốn chứ không phải những người bạn – không phải ông Durrant và Clara, ngài William và phu nhân Bradshaw, cô Truelock và Eleanor Gibson (những người bà thấy đang đi lên gác). Họ phải tìm bà nếu họ muốn gặp bà. Bà dành cho bữa tiệc!

Có ông bạn già Harry của bà.

“Ngài Harry thân mến!” Bà nói, đi lên chỗ ông bạn già tốt bụng, người đã vẽ ra nhiều bức tranh tệ hơn bất kỳ người nào khác trong số hai viện sĩ hàn lâm ở phố St. John’s Wood (chúng luôn luôn là những con gia súc, đang đứng trong những ao hoàng hôn hấp thu hơi ẩm, hoặc đang biểu thị gì đó, vì ông có một chuỗi dáng điệu nhất định, bằng cách nhắc chân trước của một con vật lên vàngữa những cặp sừng, “Sự tiếp cận của kẻ xa lạ” – tất cả những hoạt động của ông ta, ăn tối ở ngoài, xem đua ngựa, đều đặt trên nền tảng lũ gia súc đang đứng hấp thu hơi ẩm trong những cái ao hoàng hôn).

“Ông đang cười gì vậy?” Bà hỏi ông ta. Vì cả nhóm, Willie Titcomb và ngài Harry và Herbert Ainsty đều đang cười ha hả. Nhưng không. Ngài Harry không thể nói với Clarissa Dalloway (dù ông rất thích bà, ông nghĩ bà hoàn hảo ở típ người như bà, và đã dọa sẽ vẽ bà) những câu chuyện về sân khấu nhà hát. Ông huyền thuyên với bà về bữa tiệc. Ông nhớ loại rượu mạnh của ông. Những giới này, ông nói, ở bên trên ông. Nhưng ông yêu mến bà; tôn trọng bà, bất chấp sự tao nhã khó khăn chết tiệt của tầng lớp thượng lưu của bà, điều khiến ông không thể mời Clarissa Dalloway ngồi lên đầu gối của ông. Và con ma trời lang thang đó, cái ánh lân tinh mơ hồ đó, bà cụ Hilbery, đang chìa hai tay ra để cổ vũ cho tràng cười của ông (về ông Công tước và phu nhân), mà, khi bà nghe thấy nó ở mé bên kia căn phòng, dường như trấn an bà về một điểm vốn vẫn thỉnh thoảng quấy rầy bà nếu bà thức giấc sớm vào buổi sáng và không thích gọi người hầu mang tới một tách trà; chúng ta phải chết, điều đó chắc chắn biết bao.

“Họ sẽ không kể cho chúng ta nghe những câu chuyện của họ.” Clarissa nói.

“Clarissa thân mến!” Bà Hilbery cảm thán. Đêm nay trông bà rất giống mẹ mình, bà ta nói, khi bà ta nhìn thấy mẹ bà lần đầu tiên, đang bước đi trong một khu vườn, đội một cái mũ màu xám,

Và đôi mắt của Clarissa thật sự tràn ngập lệ. Mẹ bà, đang bước trong một khu vườn! Nhưng, chao ôi, bà phải đi.

Vì có giáo sư Bierly, người giảng dạy về Milton^[36], đang nói chuyện với Jim Hutton nhỏ bé (kẻ không có khả năng hoàn chỉnh cả cà vạt lẫn áo gilê hay chải cho mái tóc của mình rạp xuống, ngay cả cho một bữa tiệc như thế này), và thậm chí ở khoảng cách này bà có thể thấy họ đang cãi nhau. Vì giáo sư Brierly là một con cá rất kỳ quặc. Với tất cả những bằng cấp, vinh dự, chức vị giảng dạy đó giữa ông và nhà thơ tồi này, ngay lập tức ông thấy hoài nghi một bầu không khí không thuận lợi cho sự phức hợp lạ lùng của mình; kiến thức đồ sộ và tính rụt rè của ông; sức mê hoặc lạnh lùng không chút thân mật của ông; sự ngây thơ trộn lẫn với tính hợm hĩnh của ông; ông run rẩy nếu bị đánh thức bởi mái tóc rối bù của một phụ nữ, đôi ủng của một thanh niên, về một thế giới ngầm, chắc chắn rất đáng ca ngợi, về những kẻ nổi loạn, về những người trẻ tuổi nhiệt tình; về những thiên tài tương lai, và gián tiếp nói ra điều đó với một cái hắt đầu nhẹ nhàng, với một cái khịt mũi – Hừm! – giá trị của sự tiết chế; về một khóa sơ giảng văn học cổ điển để đánh giá đúng Milton. Giáo sư Brierly (Clarissa có thể thấy) không nhất trí với Jim Hutton nhỏ bé (kẻ mang tất đỏ, đôi tất đen của anh ta đang ở hiệu giặt ủi) về Milton. Bà can thiệp.

Bà bảo bà yêu Bach. Hutton cũng thế. Đó là sự liên kết giữa họ, và Hutton (một nhà thơ rất tồi) luôn luôn cảm thấy rằng bà Dalloway giỏi nhất trong số những vị đại phu nhân quan tâm tới nghệ thuật. Thật lạ lùng khi bà thật quá khắt khe. Bà hoàn toàn vô cảm về âm nhạc. Bà khá là ta đây. Nhưng trông thật đáng yêu! Bà bố trí nhà mình rất đẹp nếu đó không phải là vì những ông giáo sư của bà. Clarissa cân nhắc tới khả năng lôi ông ta đi và ấn ông ta ngồi xuống chiếc đàn dương cầm ở phòng sau. Vì ông ta chơi rất tuyệt.

“Nhưng tiếng ồn!” Bà nói. “Tiếng ồn!”

“Dấu hiệu của một bữa tiệc thành công.” Nhã nhặn gật đầu, vị giáo sư cất bước ra ngoài một cách thanh lịch.

“Ông ta biết mọi thứ trên đời về Milton.” Clarissa nói.

“Thật vậy ư?” Hutton nói, kẻ sẽ noi gương theo ông giáo sư khắp khu Hampstead; vị giáo sư về Milton; vị giáo sư về sự tiết chế; vị giáo sư đã cất bước ra ngoài một cách thanh lịch.

Nhưng bà phải nói chuyện với hai người đó, Clarissa nói, ngài Gayton và Nancy Blow.

Không phải vì họ bổ sung thêm cho tiếng ồn của bữa tiệc một cách dễ nhận ra. Họ không nói chuyện (có thể nhận thấy) trong lúc đứng bên nhau cạnh những bức màn cửa màu vàng. Họ sẽ sớm di chuyển tới một chỗ khác, cùng nhau; và không bao giờ có rất nhiều điều để nói trong bất cứ hoàn cảnh nào. Họ nhìn; chỉ thế thôi. Thế là đủ. Trông họ rất đẹp đẽ, khỏe mạnh, bà ta cài một bông mai làm bằng bột và sơn, nhưng ông ta phui, giũ, với đôi mắt của một con chim, để không một viên bột nào có thể lan qua ông ta hay khiến cho ông ta ngạc nhiên. Ông ta đập, ông ta nhảy lên, nói một cách chính xác, ngay tại chỗ. Mồm của những con ngựa pony run lên ở đầu dây cương của ông ta. Ông ta có những vinh dự của mình, những tấm bia kỷ niệm các vị tổ tiên, những lá cờ treo trong ngôi nhà thờ tại nhà. Ông ta có những bốn phận của mình; những người thuê đất của mình; một người mẹ và các chị em gái; có mặt suốt ngày ở sân Lord's, và đó là thứ mà họ đang nói về – môn cricket, những người anh em họ, những cuốn phim – khi bà Dalloway tới gần. Ngài Gayton vô cùng thích bà. Tiểu thư Blow cũng vậy. Bà có những cung cách thật đáng yêu.

“Thật thần tiên, thật tuyệt vời khi các vị đã tới!” Bà nói. Bà yêu những đức ông; bà yêu sự trẻ trung, và Nancy, mặc y phục rất đỗi tiên may bởi những nghệ nhân lớn nhất ở Paris, đứng đó trông như thể thân hình của cô đã đơn giản tạo nên, bởi sự chọn lựa của chính nó, một nếp diềm màu xanh lá.

“Tôi đã định là có khiêu vũ.” Clarissa nói.

Vì những người trẻ tuổi không thể nói chuyện. Và sao họ lại phải nói chứ? La hét, ôm nhau, nhún nhảy, thức giấc lúc bình minh; mang đường

cho mấy con ngựa pony; hôn và vuốt ve mũi của những con chó su đáng yêu; và rồi tất cả rộn lên, tuôn chảy, lao ra và bơi. Nhưng những nguồn lực lớn lao của tiếng Anh, sức mạnh mà nó ban tặng, nói cho cùng, của những cảm giác giao tiếp (ở lứa tuổi của họ, bà và Peter sẽ tranh cãi suốt buổi tối), không phải dành cho họ. Họ sẽ cùng cố tuổi trẻ. Họ sẽ tốt ngoài mức đo lường đối với mọi người trong điền trang, nhưng cô đơn, có lẽ, khá buồn nản.

“Thật đáng tiếc!” Bà nói. “Tôi đã hy vọng có khiêu vũ.”

Họ cực kỳ tốt bụng khi đã tới! Nhưng nói về vụ khiêu vũ! Căn phòng đã chật ních.

Có bà cô già Helene choàng tấm khăn. Ôi chao, bà phải rời khỏi họ – ngài Gayton và Nancy Blow. Kia là cô Parry già, cô của bà.

Vì cô Parry già chưa chết: cô Parry già còn sống. Bà đã quá tám mươi. Bà chậm chạp xuống thang với một cây gậy. Bà được đặt vào một cái ghế (Richard đã lo chuyện đó). Những người đã từng biết Miến Điện hồi thời thập niên bảy mươi luôn được dẫn tới gặp bà. Peter đã đi đâu rồi nhỉ? Họ từng là những người bạn tuyệt vời. Vì khi nhắc tới Ấn Độ, hay thậm chí Ceylon^[37], đôi mắt của bà (chỉ có một là mắt thủy tinh) dần lắng sâu xuống, trở nên xanh biếc, nhìn thấy, không phải là những con người – bà không có những hồi ức êm đềm, không có những ảo tượng tự hào về những vị tổng trấn, những vị tướng lĩnh, những cuộc binh biến – thứ mà bà nhìn thấy là những chùm phong lan, những con đèo và chính bà được công trên lưng của những người cu li thời thập niên sáu mươi qua những chòm núi quanh hiu; hay đang đi xuống để nhổ phong lan (những chùm hoa tuyệt diệu, chưa từng thấy trước đó) mà bà đã vẽ bằng màu nước; một phụ nữ Anh bất khuất, cáu kỉnh, nếu bị cuộc chiến quấy rầy, chẳng hạn, đã thả một quả bom xuống ngay cửa nhà bà, từ sự mặc tưởng sâu xa về những chùm phong lan và chính con người bà đang du hành trong thập niên sáu mươi ở Ấn Độ – nhưng Peter đây rồi.

“Hãy tới nói chuyện với cô Helena về Miến Điện.” Clarissa nói.

Thế nhưng ông ấy chưa nói lời nào với bà suốt buổi tối nay!

“Chúng ta sẽ nói chuyện sau.” Clarissa nói, dẫn ông tới chỗ cô Helena, đang trùm chiếc khăn choàng và cầm cây gậy.

“Peter Walsh.” Clarissa nói.

Điều đó chẳng có nghĩa lý gì.

Clarissa đã mời bà. Nó gây mệt mỏi; nó ồn ào; nhưng Clarissa đã mời bà. Thế nên bà đã tới. Thật đáng tiếc khi chúng sống ở London – Richard và Clarissa. Giá như vì sức khỏe của Clarissa, tốt hơn chúng nên sống ở vùng nông thôn. Nhưng Clarissa luôn ưa thích giao du.

“Anh ấy từng ở Miến Điện.” Clarissa nói.

Chà. Bà không thể không nhắc lại điều Charles Darwin đã nói về cuốn sách nhỏ về các loài phong lan xứ Miến Điện của bà.

(Clarissa phải trò chuyện với phu nhân Bruton.)

Không ngờ gì nữa, giờ nó đã bị lãng quên, cuốn sách về các loài phong lan xứ Miến Điện của bà, nhưng nó đã được xuất bản ba lần trước năm 1870, bà nói với Peter. Giờ bà đã nhớ ra ông. Ông từng tới Bourton (và ông đã rời khỏi bà ta, Peter Walsh nhớ, không nói lời nào, trong căn phòng khách đêm đó, khi Clarissa yêu cầu ông tới đi thuyền).

“Richard rất thích thú bữa tiệc trưa của ông ấy.” Clarissa nói với phu nhân Bruton.

“Richard là sự giúp đỡ khả dĩ lớn nhất.” Phu nhân Bruton đáp. “Anh ta đã giúp tôi viết một lá thư. Còn cô thế nào?”

“Ồ, hoàn toàn khỏe mạnh!” Clarissa nói. (Phu nhân Bruton rất ghét sự ốm yếu ở những bà vợ của các chính khách.)

“Và kia là Peter Walsh!” Phu nhân Bruton nói (vì bà không bao giờ có thể nghĩ ra bất kỳ điều gì để nói với Clarissa; dù bà thích cô ta. Cô ta có nhiều phẩm chất tốt đẹp; nhưng họ không có điểm chung nào – bà và Clarissa. Có thể sẽ tốt hơn nếu Richard cưới một phụ nữ ít quyến rũ hơn, kẻ có thể giúp anh ta nhiều hơn trong công việc. Anh ta đã đánh mất cơ hội vào Nội các của mình). “Kia là Peter Walsh!” Bà nói, bắt tay với tên tội đồ dễ thương đó, con người rất có năng lực đó, kẻ lẽ ra có thể tự tạo nên tên tuổi cho mình nhưng lại không làm (luôn gặp khó khăn với những người phụ nữ), và, dĩ nhiên, với cô Parry. Vị tiểu thư già tuyệt vời!

Phu nhân Bruton đứng cạnh ghế của cô Parry, một bóng ma cận vệ, quần người trong lớp vải đen, mời Peter Walsh tới ăn trưa; thân mật; nhưng không nói chuyện linh tinh, không nhớ bất cứ thứ gì về cây cỏ hay động vật của Ấn Độ. Bà từng ở đó, dĩ nhiên; đã ở với ba ông tổng trấn; nghĩ rằng một số thường dân Ấn Độ là những anh chàng tốt một cách khác thường; nhưng đúng là một bi kịch – nhà nước Ấn Độ! Ông Thủ tướng vừa nói với bà (đại tiểu thư Parry có người lại trong tấm khăn choàng, không quan tâm tới những gì Thủ tướng vừa nói với bà ta), và phu nhân Bruton muốn xin ý kiến của Peter Walsh, ông mới trở về từ trung tâm, và bà sẽ mời ngài Sampson tới gặp ông, vì thật sự việc này đã ngăn không cho bà ngủ vào ban đêm, sự điên rồ của nó, sự đồi bại của nó, bà có thể nói, với tư cách con gái của một người lính. Giờ bà là một bà già, không còn giúp ích gì nữa. Nhưng ngôi nhà của bà, những người giúp việc của bà, ông bạn tốt Milly Brush của bà – ông ta có nhớ bà không? – tất cả đều có đó chỉ yêu cầu được dùng đến nếu – nếu họ có thể giúp, nói tóm lại. Vì bà chưa bao giờ nói về nước Anh, nhưng hòn đảo của những người đàn ông này, mảnh đất thân mến, rất thân mến này, đã nằm trong máu của bà (không cần đọc Shakespeare), và nếu có bao giờ một phụ nữ có thể đội mũ sắt và bắn tên, có thể dẫn quân tấn công, cai trị với sự công bằng bất khuất những bầy người man rợ và nằm tắt thở dưới một tấm khiên trong một nhà thờ, hay trở thành một nấm cỏ xanh trên một sườn đồi nguyên sinh nào đó, người phụ nữ đó là Millicent Bruton. Bị ngăn cấm bởi giới tính của mình và cả một sự thiếu sót nào đó của khả năng lôgic (bà nhận thấy mình không thể viết một lá thư cho tờ Times), bà vẫn luôn luôn suy nghĩ về Đế chế, và đã thủ đắc từ mối liên hệ của mình với nữ thần mang giáp sắt đó một thân hình thẳng tắp, cách xử sự ngay thẳng, khiến người ta không thể nghĩ rằng bà, ngay cả trong cái chết, bị tách lìa khỏi quả đất hay đang lang thang qua những lãnh địa mà trên đó, dưới một hình thức tinh thần nào đó, lá quốc kỳ của Vương quốc Anh đã ngừng bay. Không phải là người Anh, ngay cả giữa những người đã chết ư – không, không! Không thể nào!

Nhưng đó phải chăng là phu nhân Bruton (người bà từng quen biết)? Có phải đây là Peter Walsh đã bạc đầu? Phu nhân Rosseter tự hỏi (người từng

là Sally Seton). Tất nhiên đây là bà cô già Parry rồi – bà cô già rất gắt gỏng hồi bà còn ở Bourton. Bà không bao giờ quên việc để mình trần chạy dọc theo hành lang, và bị cô Parry cho mời tới! Và Clarissa! Ôi Clarissa! Sally chụp cánh tay của bà ta.

Clarissa dừng lại bên cạnh họ.

“Nhưng tôi không thể ở lại.” Bà nói. “Tôi sẽ tới sau. Chờ nhé.” Bà nói, nhìn Peter và Sally. Họ phải chờ, ý bà là thế, cho tới khi tất cả những người này đã ra về.

“Tôi sẽ quay lại.” Bà nói, nhìn hai người bạn cũ của mình, Sally và Peter. Họ đang bắt tay nhau, và Sally, chắc chắn là nhớ tới quá khứ, đang cười ròn rã.

Nhưng giọng của bà ấy đã cạn kiệt sự tươi tắn mê hồn; đôi mắt của bà ấy không sáng ngời như hồi trước, khi bà ấy hút xì gà, khi bà ấy chạy xuống hành lang để lấy cái túi xách đựng bột biển của mình, không có một mảnh vải trên người, và Ellen Atkins đã hỏi, Giá như các quý ông bắt gặp cô ấy thì sao?

Nhưng mọi người đều tha thứ cho bà ấy. Bà ấy lấy trộm một con gà từ tủ chạn vì bà ấy đói lúc đêm khuya; bà ấy hút xì gà trong phòng ngủ; bà ấy để quên một cuốn sách vô giá trong chiếc thuyền. Nhưng mọi người yêu mến bà ấy (có lẽ ngoại trừ Papa). Đó là hơi ấm của bà ấy; nguồn sinh lực của bà ấy – bà ấy vẽ, bà ấy viết. Cho tới tận hôm nay, những người phụ nữ lớn tuổi trong làng không bao giờ quên hỏi thăm “bạn của bà, người mặc chiếc áo choàng đỏ và có vẻ rất thông minh.” Bà ấy đã cáo buộc Hugh Whitbread, trong số tất cả mọi người chỉ có mình ông ta, ông bạn già Hugh của bà, nói với ông Đại sứ Bồ Đào Nha về việc ông ta hôn bà trong phòng hút thuốc để trừng phạt bà vì đã nói rằng phụ nữ nên có quyền bầu cử. Những gã đàn ông tầm thường được bầu cử, bà ấy nói. Và Clarissa nhớ đã thuyết phục bà ấy đừng tố cáo ông ta trong buổi cầu nguyện gia đình – điều mà bà ấy có thể thực hiện với sự táo tợn, sự khinh suất, tình yêu thái quá của mình đối với việc là trung tâm của mọi thứ và việc tạo ra những màn kịch, và nó buộc phải kết thúc trong một tấn thảm kịch kinh khủng nào đó, Clarissa thường nghĩ vậy; cái chết của bà ấy; sự tử vì đạo của bà ấy; thay vì thế bà

ấy đã lấy chồng, hoàn toàn bất ngờ, một người đàn ông hói đầu với một cái khuy áo to tướng, người làm chủ, theo lời họ nói, những xưởng chế biến vải cotton ở Manchester. Và bà ấy có năm cậu con trai!

Bà ấy và Peter đã ngồi lại với nhau. Họ đang nói chuyện: vụ này có vẻ rất quen thuộc – việc họ sẽ nói chuyện với nhau. Họ sẽ bàn về quá khứ. Bà ấy chia sẻ với hai người bạn họ (vì thậm chí còn có thêm Richard) quá khứ của mình; khu vườn; những hàng cây; già Joseph Breitkopf hát nhạc Brahms mà không có chút hơi nào; giấy dán tường trong phòng khách; mùi của những tấm thảm. Sally phải luôn là một phần của chuyện này. Peter phải luôn là. Nhưng bà phải rời khỏi họ. Còn có gia đình Bradshaw, kẻ mà bà không thích. Bà phải đi lên chỗ phu nhân Bradshaw (mặc y phục xám và bạc, đang giữ thăng bằng như một con sư tử biển ở mép cái bồn nước của nó, sửa lên những lời mời, các nữ công tước, vợ của người đàn ông thành đạt điển hình), bà phải đi lên chỗ phu nhân Bradshaw và nói...

Nhưng phu nhân Bradshaw đã lường trước tình huống:

“Chúng tôi tới muộn kinh khủng, bà Dalloway thân mến, chúng tôi hầu như không dám vào.” Bà ta nói.

Và ngài William, kẻ trông rất nổi bật, với mái tóc hoa râm và đôi mắt xanh, bảo vâng; họ không thể cưỡng lại sự cám dỗ. Chắc chắn là ông ta đã nói chuyện với Richard về Dự luật đó, mà họ muốn thông qua ở Hạ viện. Vì sao cảnh tượng ông ta nói chuyện với Richard lại khiến bà thu người lại? Trông ông ta đúng như nghề nghiệp của ông ta, một bác sĩ lớn. Một người đàn ông hoàn toàn dẫn đầu trong chuyên môn của mình, rất quyền uy, khá mệt mỏi. Vì phải suy nghĩ ca bệnh nào sẽ đến trước mặt ông ta – những người ở chiều sâu cùng cực của sự bất hạnh; những người ở bên rìa sự mất trí; những ông chồng và bà vợ. Ông ta phải quyết định những vấn đề khó khăn kinh khủng. Phải – điều mà bà nghĩ là người ta sẽ không thích ngài William nhìn thấy người ta không vui. Không; người đàn ông đó thì không.

“Cậu con trai của bà ở Eton thế nào?” Bà hỏi phu nhân Bradshaw.

Nó vừa mới trượt lớp mười một, phu nhân Bradshaw đáp, vì những lời căn nhắc. Cha của nó thậm chí còn bận tâm hơn nó, bà nghĩ. “Không là gì,

nhưng bản thân nó là một cậu trai tuyệt vời.” Bà nói.

Clarissa nhìn ngài William, đang nói chuyện với Richard. Trông ông ta không giống một cậu con trai – không giống một cậu bé chút nào. Có lần bà đã đi với ai đó để yêu cầu sự tư vấn của ông ta. Ông ta đã hoàn toàn đúng; cực kỳ nhạy bén. Nhưng Trời ạ – thật nhẹ nhõm biết bao khi bước ra đường trở lại! Có tiếng nức nở của một kẻ bất hạnh đáng thương nào đó, bà nhớ, trong phòng chờ. Nhưng bà không biết đó là gì – về ngài William; chính xác là bà không thích điều gì. Chỉ có Richard đồng ý với bà “không thích thị hiếu của ông ta, không thích mùi của ông ta.” Nhưng ông ta có khả năng đặc biệt. Họ đang nói chuyện về Dự luật này. Có một ca bệnh, ngài William đang nhắc tới, hạ thấp giọng xuống. Điều ông ta đang nói về những ảnh hưởng bị trì hoãn của chứng chấn thương tâm lý do chiến đấu có phương diện riêng của nó. Phải có một điều khoản nào đó trong dự luật.

Chìm giọng xuống, thu hút bà Dalloway vào nơi trú ẩn của một nữ tính chung, một niềm tự hào chung về những phẩm chất lừng lẫy của những đức ông chồng và khuynh hướng làm việc thái quá đáng buồn của họ, phu nhân Bradshaw (kẻ khờ dại đáng thương – người ta không ưa bà ta) thì thầm rằng: “ngay đúng lúc chúng tôi đang xuất phát, chồng tôi được gọi tới nghe điện thoại, một ca bệnh rất đáng buồn. Một người đàn ông trẻ (đó là điều ngài William đang nói với ông Dalloway) đã tự sát. Anh ta từng ở trong quân đội.”Ồ! Clarissa nghĩ, giữa buổi tiệc của mình, đây là cái chết, bà nghĩ.

Bà đi tiếp, vào căn phòng nhỏ nơi ngài Thủ tướng đã vào với phu nhân Bruton. Có lẽ có người nào đó ở đó. Nhưng không có ai cả. Những cái ghế vẫn lưu giữ ấn tượng về ngài Thủ tướng và phu nhân Bruton, bà quay lại một cách kính cẩn, ông ta đang ngồi vững chãi, đầy vẻ quyền uy. Họ đã nói chuyện về Ấn Độ. Không có ai cả. Sự huy hoàng của bữa tiệc rơi xuống sàn nhà, thật lạ lùng khi đi vào đó một mình trong bộ y phục lộng lẫy của bà.

Việc gì gia đình Bradshaw phải nói về cái chết trong bữa tiệc của bà? Một người đàn ông trẻ đã tự sát. Và họ nói về nó trong bữa tiệc của bà – vợ chồng nhà Bradshaw, nói về cái chết. Anh ta đã tự sát – nhưng như thế nào? Luôn luôn thân thể bà đi qua nó trước nhất, khi bà được kể lại, một cách

đột ngột, về một tai nạn; chiếc áo của bà bùng cháy, thân thể của bà bị thiêu rụi. Anh ta đã tự quăng người ra khỏi một cửa sổ. Mặt đất chột lóe sáng; những que sắt nhọn đầu xuyên qua thân người tím bầm của anh ta, một cách sai lầm. Anh ta nằm đó với một tiếng rơi ạch, ạch, ạch trong bộ não, và rồi một màu tối đen nghệt thờ. Bà nhìn thấy nó như thế. Nhưng vì sao anh ta làm điều đó? Và vợ chồng nhà Bradshaw đã nói về nó trong bữa tiệc của bà!

Có lần bà đã ném một đồng siling xuống hồ Serpentine, không ném bất cứ thứ gì khác nữa. Nhưng anh ta đã vớt bỏ nó. Họ tiếp tục sống (bà phải quay lại; các phòng vẫn còn đông người; mọi người vẫn tiếp tục tới). Họ (suốt ngày bà đã suy nghĩ về Bourton, về Peter, về Sally), họ sẽ già đi. Một điều quan trọng; một điều, bị bao quanh với những lời lẽ huyền thuyên, đã làm xấu đi, đã làm tối mờ đi cuộc sống của chính bà, đã thả xuống mỗi ngày sự đồi bại, những lời nói dối, những câu chuyện huyền thuyên. Anh ta đã bảo tồn điều này. Cái chết là sự thách thức. Cái chết là một nỗ lực để giao tiếp; mọi người cảm nhận sự bất khả của việc đi tới điểm trung tâm vốn lẫn tránh họ một cách bí ẩn; sự gắn gũi bị tách rời ra; trạng thái mê ly tan biến, người ta còn lại một mình. Có một cái ôm xiết trong cái chết.

Nhưng người đàn ông đã tự sát này – anh ta có lao xuống trong lúc vẫn nắm giữ báu vật của mình không? “Nếu giờ là lúc phải chết, giờ là lúc hạnh phúc nhất,” có lần bà đã tự nhủ với mình, khi đi xuống trong bộ y phục toàn màu trắng.

Hoặc có những thi sĩ và tư tưởng gia. Giả sử anh ta có một đam mê, và đã tìm tới ngài William Bradshaw, một bác sĩ lớn thế nhưng với bà lại xấu xa một cách kín đáo, không có sức hấp dẫn giới tính hay dâm tính, cực kỳ nhã nhặn với phụ nữ, nhưng có khả năng gây tổn thương không tài nào tả được – áp bức linh hồn của bạn, đúng là thế – nếu người đàn ông trẻ này đã tìm tới ông ta, và ngài William đã gây ấn tượng đối với anh ta, như thế, với sức mạnh của mình, vậy khi đó anh ta có thể nói (lúc này bà thật sự cảm nhận được điều đó), Cuộc sống bị biến thành không thể chịu đựng nổi hay không? Phải chăng họ đã biến cuộc sống thành không thể chịu đựng nổi, những người đàn ông như thế?

Thế rồi (bà chỉ cảm thấy nó hồi sáng này) có một sự kinh hoàng; sự bất lực lẫn áp, bố mẹ của người ta trao nó vào tay người ta, cuộc sống này, để sống cho tới lúc tận cùng, để bước đi với sự thanh bình; trong chiều sâu của tim bà có một nỗi sợ kinh khủng. Ngay cả lúc này, hoàn toàn bình thường nếu Richard không ở đó đọc tờ Times, để bà có thể thu người lại như một con chim và dần dần hồi sinh, hét lên niềm vui khôn dò đó, chà xát chiếc que này vào chiếc que kia, thứ này với thứ khác, hẳn bà phải bị diệt vong. Nhưng người đàn ông trẻ đó đã tự sát.

Vì lý do nào đó đây là tai ách của bà – điều ô nhục của bà. Sự bị trừng phạt của bà chính là nhìn thấy chìm đắm và biến mất ở chỗ này một người đàn ông, chỗ kia một người đàn bà, trong bóng tối thăm sâu này, và bà buộc phải đứng đây trong bộ váy buổi tối của mình. Bà đã âm mưu; bà đã đánh cắp. Bà chưa bao giờ hoàn toàn đáng ngưỡng mộ. Bà đã mong muốn thành công. Phu nhân Bexborough và phần còn lại của nó. Và có lần bà đã bước trên sân hiên ở Bourton.

Đó là do Richard; bà chưa bao giờ hạnh phúc như thế. Không có gì đủ chậm; không có gì kéo dài quá lâu. Không niềm hân hoan nào có thể sánh ngang, bà nghĩ, kéo mấy cái ghế lại cho thẳng hàng, đẩy một cuốn sách trên kệ vào, điều này đã được thực hiện với những thắng lợi của tuổi trẻ, đánh mất bản thân trong tiến trình của sự sống, để tìm ra nó, với một niềm vui chấn động, khi mặt trời lên, khi mặt trời lặn. Hồi ở Bourton, bà đã nhiều lần đi ra trong lúc tất cả bọn họ đang trò chuyện để nhìn lên bầu trời; hoặc nhìn thấy nó giữa vai của mọi người vào bữa ăn tối; nhìn thấy nó ở London khi bà không thể ngủ. Bà bước tới cửa sổ.

Nó nằm giữ, ý tưởng ngốc nghếch thế ấy, một thứ gì đó của chính bà trong nó, bầu trời đất nước này, bầu trời bên trên khu Westminster này. Bà tách hai tấm màn ra, bà nhìn. Ôi, thật kinh ngạc biết bao! – ở căn phòng đối diện vị phu nhân già đang nhìn thẳng vào bà! Bà ta sắp đi ngủ. Và bầu trời. Nó sẽ là một bầu trời trang nghiêm, bà nghĩ, nó sẽ là một bầu trời u tối, quay mặt khỏi vẻ đẹp. Nhưng nó ở đó – tái nhợt màu tro, với những đám mây thon thon rộng lớn vùn vụt lướt qua. Nó mới mẻ với bà. Hẳn gió đã nổi lên. Bà ta sắp đi ngủ, ở căn phòng đối diện. Thật thú vị khi quan sát bà

ta đi đi lại lại, vị phu nhân già ấy, băng qua căn phòng, tới gần cửa sổ. Bà ta có thể nhìn thấy bà không? Trong lúc mọi người vẫn cười âm, la lối trong phòng khách, thật thú vị khi quan sát bà cụ đó, hoàn toàn lặng lẽ, sắp lên giường. Lúc này bà ta kéo tấm màn xuống. Đồng hồ bắt đầu điểm giờ. Người đàn ông trẻ đã tự sát; nhưng bà không thương hại anh ta; với đồng hồ đang điểm, một, hai, ba, bà không thương hại anh ta, với tất cả những điều này đang tiếp diễn. Kia! Bà cụ đã tắt đèn. Lúc này toàn bộ ngôi nhà tối om với điều này đang tiếp diễn, bà lặp lại, và những từ đó nảy ra trong tâm trí, Đùng sợ nữa sức nóng của vầng dương. Bà phải quay lại với họ. Nhưng đêm nay thật đặc biệt! Vì lý do nào đó bà cảm thấy rất thích anh ta – người đàn ông trẻ đã tự sát. Bà thấy mừng vì anh ta đã thực hiện điều đó; quãng nó đi. Đồng hồ đang điểm giờ. Những vòng tròn xám xịt đã tan biến giữa không trung. Anh ta khiến cho bà cảm thấy vẻ đẹp; khiến cho bà cảm thấy niềm vui. Nhưng bà phải quay lại. Bà phải tập hợp. Bà phải tìm Sally và Peter. Và bà đi vào từ căn phòng nhỏ.

“Nhưng Clarissa đâu rồi?” Peter hỏi. Ông đang ngồi trên cái trường kỷ với Sally. (Sau ngần ấy năm trời ông thật sự không thể gọi bà ta là “phu nhân Rosseter”.) “Người phụ nữ đó đi đâu?” Ông hỏi. “Clarissa đâu?”

Sally phỏng đoán, và cả Peter cũng thế về vấn đề đó, rằng có những người quan trọng, những chính khách, những kẻ mà không ai trong hai người quen biết trừ phi nhìn thấy họ trong những bức ảnh trên báo, những kẻ mà Clarissa phải đối xử tốt đẹp, phải chuyện trò. Bà ấy đang ở với họ. Thế nhưng Richard Dalloway không ở trong nội các. Ông ta không thành công, Sally đoán. Bản thân bà hầu như không hề đọc báo. Đôi khi bà thấy báo chí nhắc tới tên ông ta. Nhưng lúc đó – vâng, bà sống một cuộc đời rất cô quạnh, ở chốn hoang vu, Clarissa có thể nói thế, giữa những thương nhân, những nhà sản xuất lớn, nói cho cùng, những người đàn ông đã làm mọi thứ. Cả bà cũng đã làm mọi thứ!

“Tôi có năm thằng con trai!” Bà nói với Peter.

Ôi Trời, ôi Trời, bà ta đã thay đổi biết bao! Sự dị ứng của tình mẫu tử; sự ích kỷ của nó nữa. Lần cuối họ gặp nhau, Peter nhớ, là ở giữa đám cải bắp dưới ánh trăng, những chiếc lá “giống như đồng thô” bà ta đã nói thế,

với thiên hướng văn chương của mình; và bà ta đã hái một bông hồng. Bà ta đã dắt ông đi lên đi xuống trong cái đêm kinh khủng đó, sau màn kịch cạnh đài phun nước; ông muốn bắt kịp chuyến tàu nửa đêm. Lạy Trời, ông đã khóc!

Đó là cái tật cũ của ông, mở một con dao nhíp ra, Sally nghĩ, luôn mở và đóng một con dao khi ông ta kích động. Họ từng rất, rất thân mật, bà và Peter, khi ông ta đang yêu Clarissa, và đã có màn kịch dễ sợ, ngớ ngẩn đó về Richard Dalloway trong bữa ăn trưa. Bà đã gọi Richard là “Wickham”. Vì sao không gọi Richard là Wickham chứ? Clarissa đã nổi giận! Và thật sự họ không bao giờ gặp nhau kể từ đó, bà và Clarissa, có lẽ không hơn sáu lần trong mười năm qua. Peter Walsh đã sang Ấn Độ, và bà mơ hồ nghe nói rằng ông ta đã có một cuộc hôn nhân bất hạnh, và bà không biết ông ta có đứa con nào hay không, bà không thể hỏi ông ta, vì ông ta đã thay đổi. Trông ông ta khá nhăn nheo, nhưng tử tế hơn, bà cảm thấy, và bà có một tình cảm thật sự đối với ông ta, vì ông ta nối liền với tuổi trẻ của bà, và bà vẫn còn giữ cuốn sách nhỏ của Emily Brontë mà ông ta tặng cho bà, và ông ta có viết, đúng không? Trong thời gian đó ông ta có viết.

“Ông có viết không?” Bà ta hỏi ông, xòe bàn tay ra, bàn tay chắc chắn và có nét của bà ta, trên đầu gối theo một cách thức mà ông nhớ lại.

“Không một từ nào!” Peter Walsh đáp, và bà cười khanh khách.

Bà ta vẫn còn hấp dẫn, vẫn còn là một người có nét, Sally Seton. Nhưng gã Rosseter này là ai? Ông ta cài hai đóa hoa trà trong ngày cưới của mình – đó là tất cả những gì Peter biết về ông ta. “Họ có vô số người hầu, nhiều dặm nhà kính trồng cây,” Clarissa đã viết; đại loại như thế. Sally làm chủ nó với một tròng cười rộ.

“Phải, tôi có mười ngàn bảng mỗi năm” – trước hay sau khi đóng thuế thì bà không thể nhớ, vì chồng bà, “người mà ông phải gặp,” bà nói, “người mà ông sẽ thích,” bà nói, đã làm mọi thứ đó cho bà.

Và Sally đã từng nghèo tới tả. Bà từng đem cầm chiếc nhẫn của bà nội mình, chiếc nhẫn do Marie Antoinette tặng ông cố bà, để tới Bourton.

Ồ, vâng, Sally nhớ; bà vẫn còn giữ nó, một chiếc nhẫn nạm hồng ngọc mà Marie Antoinette đã tặng cho ông cố của bà. Dạo đó bà không bao giờ

có một xu dính túi, và việc tới Bourton luôn có ý nghĩa là một thời kỳ gay go đáng sợ. Nhưng tới Bourton cũng có rất nhiều ý nghĩ với bà – đã giúp bà không phát điên, bà tin vậy, bà đã rất khổ khổ lúc ở nhà. Nhưng tất cả những cái đó là chuyện quá khứ –giờ tất cả đã trôi qua, bà nói. Và ông Parry đã qua đời; còn cô Parry thì vẫn còn sống. Ông chưa bao giờ bị sốc đến thế trong đời mình! Peter nói. Ông đã hoàn toàn chắc chắn rằng bà ấy đã chết. Và cuộc hôn nhân, Sally đoán, là một thành công? Và cô gái rất đẹp, rất điềm tĩnh đó là Elizabeth, đang đứng đằng kia, cạnh những bức màn, mặc đồ đỏ.

(Cô ta giống như một cây dương, giống như một dòng sông, giống như một bông hoa lan dạ hương, Willie Titcomb nghĩ. Ồ, sẽ tốt hơn biết bao nhiêu nếu được sống ở miền quê và làm những gì cô thích! Cô có thể nghe con chó tội nghiệp của mình đang tru lên, Elizabeth chắc chắn.) Con bé không giống Clarissa chút xíu nào, Peter Walsh nói.

“Ồ, Clarissa!” Sally nói.

Điều Sally cảm thấy đơn giản là thế này. Bà đã nợ Clarissa một khoản lớn. Họ từng là bạn của nhau chứ không phải những người quen biết nhau, hai người bạn, và bà vẫn nhìn thấy Clarissa mặc toàn màu trắng đi lại trong nhà với hai tay ôm đầy hoa – cho tới hôm nay những cây thuốc lá vẫn khiến bà nghĩ tới Bourton. Nhưng – Peter có hiểu không? – bà ta thiếu một thứ gì đó. Thiếu thứ gì nhỉ? Bà ta có sự quyến rũ; bà ta có một sức quyến rũ cực kỳ. Nhưng nói thực lòng (và bà cảm thấy Peter là một người bạn cũ, một người bạn thật sự – sự vắng mặt có quan trọng không? Khoảng cách có quan trọng không? Bà vẫn thường muốn viết cho ông ta, nhưng rồi lại xé bỏ thư, thế nhưng cảm thấy rằng ông ta hiểu, vì người ta hiểu mà không cần phải nói ra, khi người ta nhận ra mình đang trở về già, và bà đã già, đã tới chiều hôm đó để thăm mấy đứa con trai ở Eton, nơi chúng mắc bệnh quai bị), vậy cứ nói thật lòng, vì sao Clarissa có thể làm điều đó? – lấy Richard Dalloway? Một người ưa thích thể thao, một người chỉ quan tâm tới những con chó. Nói cho đúng, khi ông ta bước vào phòng ông ta bốc mùi chuồng ngựa. Và rồi tất cả những thứ này? Bà vẫy tay.

Đó là Hugh Withbread, đang lững thững đi qua trong chiếc áo gilê trắng, mắt lơ mờ, béo tốt, mù tịt, bỏ qua mọi thứ ông ta nhìn, trừ lòng tự trọng và sự tiện nghi.

“Ông ta sẽ không nhận ra chúng ta.” Sally nói, và thật sự bà không có can đảm – vậy đó là Hugh! Hugh đáng ngưỡng mộ!

“Ông ta làm gì vậy?” Bà hỏi Peter.

Ông ta đánh giày cho nhà vua hoặc đếm những cái chai ở Windsor, Peter nói với bà. Peter vẫn còn giữ cái giọng điệu gay gắt của mình! Nhưng Sally phải thẳng thắn, Peter nói. Về cái hôn đó, của Hugh.

Trên môi, bà đảm bảo với Peter, một đêm nọ trong phòng hút thuốc. Bà đã đi thẳng tới chỗ Clarissa trong cơn giận dữ. Hugh không làm những chuyện như vậy! Clarissa nói, Hugh đáng ngưỡng mộ! Những đôi tất của Hugh là thứ đẹp nhất mà bà từng thấy, không có ngoại lệ – và giờ là cái áo buổi tối của ông ta. Tuyệt hảo! Và ông ta có con cái gì không?

“Mọi người trong phòng đều có sáu đứa con trai ở Eton.” Peter nói với bà, trừ chính ông ta ra. Ông ta, tạ ơn Trời, không có đứa nào hết. Không con trai, không con gái, không vợ. Chà, có vẻ như ông không bận tâm, Sally nói. Trông ông ta trẻ hơn bất cứ người nào trong số họ, bà nghĩ.

Nhưng theo nhiều cách, kết hôn như thế là làm một điều ngốc nghếch, Peter nói; “Bà ấy là một người hoàn toàn ngốc nghếch,” ông nói, nhưng “chúng ta đã có một thời gian tuyệt diệu”. Nhưng làm sao có thể thế được? Sally tự hỏi; ý của ông ta là gì? Và thật lạ lùng biết bao khi quen biết ông ta nhưng lại không biết một điều duy nhất nào đã xảy ra đối với ông ta? Và phải chăng ông ta nói câu đó vì lòng tự hào? Rất có khả năng, vì nói cho cùng hẳn ông ta phải rất bức mình (dù ông ta là một con người kỳ cục, một dạng yêu quái, không hề là một người bình thường), hẳn là rất cô đơn khi ở tuổi ông ta mà không có nhà cửa, không có nơi nào để đi. Nhưng ông ta phải ở lại với họ suốt nhiều tuần. Tất nhiên là ông ta sẽ; ông ta sẽ thích ở lại với họ, và đó là cách nó diễn ra. Suốt ngần ấy năm gia đình Dalloway chưa bao giờ tới một lần. Vợ chồng bà đã mời họ hết lần này tới lần khác. Clarissa (vì dĩ nhiên chính là Clarissa) sẽ không tới. Vì, Sally nói, Clarissa trong thâm tâm là một kẻ hợm mình – người ta phải thừa nhận điều đó, một

kẻ hợm mình. Và đó chính cái thứ chẵn ngang giữa họ, bà tin chắc. Clarissa nghĩ bà đã lấy một người thấp kém hơn mình, chồng bà – bà tự hào về điều đó – con của một người thợ mỏ. Ông ta đã kiếm được từng xu mà họ có. Hồi còn bé (giọng bà run rẩy) ông ta đã vác những cái bao tải lớn.

(Và bà ta sẽ tiếp tục như thế, Peter nghĩ, hết giờ này sang giờ khác; con trai của một người thợ mỏ; mọi người nghĩ bà ta đã lấy một kẻ thấp kém hơn mình; năm đứa con trai của bà ta; và điều khác là gì – những thứ cây trồng, những cây tú cầu, những cây tử đinh hương, những cây dâm bụt rất, rất hiếm, không bao giờ mọc ở kênh đào Suez, nhưng bà, với một người thợ làm vườn ở một khu ngoại ô gần Manchester, có nhiều luống loại hoa đó, chắc chắn là nhiều luống! Giờ Clarissa đã trốn thoát tất cả những thứ đó, một người không có tình mẫu tử như bà ấy.)

Bà ấy là một kẻ hợm mình ư? Phải, theo nhiều cách. Bà ấy đâu rồi, suốt thời gian này? Đêm đã khuya rồi.

“Chưa,” Sally nói, “khi tôi nghe nói Clarissa tổ chức một bữa tiệc, tôi cảm thấy tôi không thể không tới – phải gặp lại bà ấy (và tôi đang ở phố Victoria, thật sự là ngay kế bên). Vì thế tôi cứ tới không cần thiệp mời. Nhưng,” bà ta thì thầm, “hãy nói cho tôi biết, người này là ai vậy?”

Đó là bà Hilbery, đang tìm cửa đi ra. Vì đêm đã khuya rồi! Và bà lăm bẫm, khi đêm ngày càng khuya hơn, người ta tìm thấy những người bạn cũ; những góc vườn góc phòng yên tĩnh; và những cảnh vật đáng yêu. Họ có biết rằng họ đang bị bao vây bởi một khu vườn bị yếm bùa hay không? Bà hỏi. Những bóng đèn và những cây cối và những mặt hồ lấp lánh tuyệt diệu và bầu trời. Chỉ có vài ngọn đèn lồng ở vườn sau, Clarissa Dalloway đã nói thế! Nhưng bà ta là một nhà ảo thuật. Nó là một công viên... Và bà không biết tên của họ, nhưng bà biết họ là những người bạn, những người bạn không có tên, những bài ca không có lời, luôn là thứ tốt nhất. Nhưng có quá nhiều cửa, những nơi bất ngờ như thế, bà không thể tìm được lối ra.

“Bà cụ Hilbery,” Peter nói; nhưng người đó là ai? Quý bà đã đứng cạnh bức màn suốt cả buổi tối mà không nói lời nào đó? Ông biết mặt bà ta; từng liên hệ với bà ta ở Bourton. Chắc chắn là bà ta từng cắt đồ lót ở cái bàn lớn trong cửa tiệm? Davidson, phải chăng đó là tên của bà ta?

“Ồ, đó là Ellie Henderson.” Sally nói. Clarissa thật sự rất khắc nghiệt với bà ta. Bà ta là một người chị em họ, rất nghèo. Clarissa rất khắc nghiệt với mọi người.

Bà ấy khá khắc nghiệt, Peter nói. Thế nhưng – Sally nói, theo cách thức đầy cảm xúc của mình, với một dòng chảy nhiệt tình mà Peter từng yêu mến bà vì nó, nhưng giờ hơi sợ sệt chút ít, bà ta có thể trở nên rất dạt dào tình cảm – Clarissa rất phóng khoáng với bạn bè của mình! Và người ta nhận ra đó là một phẩm chất hiếm hoi biết bao, và đôi khi vào đêm hay ngày của lễ Giáng sinh, khi bà ta tính đếm những lời chúc phúc của mình, bà ta đặt tình bạn đó lên hàng đầu. Họ còn trẻ; đúng là thế. Clarissa có tâm hồn trong trắng; đúng là thế. Peter sẽ nghĩ là bà đa cảm. Bà là như vậy, Vì bà đã tới để cảm thấy rằng đây là điều duy nhất đáng nói tới – những gì người ta cảm thấy. Trí thông minh chỉ là thứ vớ vẩn. Người ta phải nói một cách đơn giản điều mà người ta cảm thấy.

“Nhưng tôi không biết tôi cảm thấy thế nào.” Peter Walsh nói.

Peter tội nghiệp, Sally nghĩ. Vì sao Clarissa không tới nói chuyện với họ? Đó là điều mà ông ta đang mong muốn. Bà biết điều đó. Suốt buổi ông ta cứ nghĩ về Clarissa, và cứ nghịch con dao của mình.

Ông không thấy là cuộc đời đơn giản, Peter nói. Những mối quan hệ giữa ông với Clarissa không đơn giản. Nó đã làm hỏng đời ông, ông nói. (Họ đã từng rất thân mật – ông và Sally Seton, thật phi lý nếu không nói ra điều đó.) Người ta không thể yêu hai lần, ông nói. Và bà có thể nói gì? Tuy nhiên, tốt hơn là được yêu (nhưng ông ta sẽ nghĩ là bà đa cảm – ông ta từng rất gay gắt). Ông ta phải đến Manchester và ở lại với họ. Tất cả những điều đó đúng, ông ta nói. Tất cả đều rất đúng. Ông ta thích tới và ở lại với họ, ông ta đã thực hiện ngay tức khắc điều ông ta phải làm ở London.

Và Clarissa đã quan tâm tới ông ta hơn là quan tâm tới Richard. Sally chắc chắn về điều đó.

“Không, không, không!” Peter nói (Sally không nên nói như thế – bà ta đã đi quá xa). Anh chàng tốt bụng đó – ông ta ở đầu kia phòng, đang đưa ra ý kiến, hết như trước giờ, già Richard thân mến. Ông ta đang nói với ai thế? Sally hỏi, người đàn ông trông rất nổi bật đó. Dù sống ở miền thôn dã, bà

có một sự hiếu kỳ vô hạn, luôn muốn biết mọi người là ai. Nhưng Peter không biết. Ông không thích dáng vẻ của ông ta, ông nói, có lẽ là một bộ trưởng. Trong số tất cả bọn họ, dường như với ông Richard là người tốt nhất, ông nói – người bất vụ lợi nhất.

“Nhưng ông ta đã làm gì?” Sally hỏi. Công tác công cộng, bà đoán. Và họ có hạnh phúc với nhau không? Sally hỏi (bản thân bà cực kỳ hạnh phúc); vì, bà thừa nhận, bà không biết chút gì về họ, chỉ nhảy tới những kết luận, như người ta thường làm, vì người ta có thể biết gì thậm chí về những người mà người ta sống chung hàng ngày? Bà hỏi. Không phải tất cả chúng ta đều là những tù nhân hay sao? Bà đã đọc một vở kịch tuyệt vời về một người đàn ông, kẻ đã viết nguệch ngoạc lên vách xà lim của mình, và bà cảm thấy đó đúng là cuộc đời – người ta viết nguệch ngoạc lên vách tường. Thất vọng về những mối quan hệ con người (mọi người quá khó khăn), bà thường ra vườn và nhận được từ những cây hoa của mình một sự thanh bình mà những người đàn ông và phụ nữ không bao giờ cho bà. Nhưng không; ông không thích những cây cải bắp; ông thích những con người hơn, Peter nói. Thật sự, tuổi trẻ thật là xinh đẹp, Sally nói, quan sát Elizabeth băng ngang qua phòng. Rất khác với Clarissa hồi bằng tuổi của nó! Ông có thể đoán ra bất cứ điều gì ở nó không? Nó sẽ không hé môi. Không nhiều, chưa, Peter thừa nhận. Con bé giống như một đóa hoa huệ, Sally nói, một đóa hoa huệ cạnh một bờ ao. Nhưng Peter không đồng ý rằng chúng ta không biết gì cả. Chúng ta biết mọi thứ, ông nói; ít ra là ông đã biết.

Nhưng hai người này, Sally thì thầm, hai người đang đi tới lúc này (và thật sự bà phải đi, nếu Clarissa không sớm tới), người đàn ông trông có vẻ nổi bật và bà vợ trông khá bình thường của ông ta, kẻ vừa nói chuyện với Richard – người ta có thể biết gì về những người như thế?

“Rằng họ là những kẻ bịp bợm đáng nguyên rủa.” Peter nói, thờ ơ nhìn họ. Ông khiến Sally bật cười.

Nhưng ngài William Bradshaw dừng lại ở cửa để nhìn một bức tranh. Ông ta nhìn vào góc tranh để xem tên của tác giả. Cả vợ ông ta cũng nhìn. Ngài William rất quan tâm tới mỹ thuật.

Khi người ta trẻ, Peter nói, người ta rất nôn nóng muốn hiểu biết mọi người. Giờ đây, khi người ta đã già, chính xác là năm mươi hai (Sally năm mươi lăm, về mặt cơ thể, bà nói, nhưng tâm hồn bà giống như tâm hồn của một cô gái hai mươi tuổi); giờ đây, khi người ta đã chín chắn, Peter nói, người ta có thể quan sát, người ta có thể thấu hiểu, và người ta không muốn đánh mất khả năng cảm nhận, ông nói. Không muốn, điều đó đúng, Sally nói. Mỗi năm bà lại cảm nhận sâu sắc hơn, mãnh liệt hơn. Nó tăng lên, có lẽ, ông nói, chao ôi, nhưng người ta nên vui mừng về điều đó – nó tiếp tục tăng lên trong kinh nghiệm của ông. Có một người ở Ấn Độ. Ông muốn kể với Sally về cô ta. Ông muốn Sally biết cô ta. Cô ta đã kết hôn, ông nói. Cô ta có hai đứa con nhỏ. Tất cả bọn họ phải tới Manchester, Sally nói – ông phải hứa trước khi họ ra về.

Đó là Elizabeth, ông nói, con bé chỉ cảm thấy phân nửa những gì chúng ta cảm thấy, chưa hết. Nhưng người ta có thể nhìn thấy họ dành hết tình cảm cho nhau, Sally nói, quan sát Elizabeth đi tới chỗ cha cô. Bà có thể cảm thấy nó thông qua cách Elizabeth đi tới chỗ cha mình.

Vì cha cô đang nhìn cô, trong lúc ông ta đứng nói chuyện với vợ chồng nhà Bradshaw, và ông ta đã tự nhủ, Cô gái đáng yêu đó là ai nhỉ? Và đột nhiên ông ta nhận ra đó là Elizabeth, và ông ta đã không nhận ra cô, trông cô rất đáng yêu trong cái váy màu hồng! Elizabeth đã cảm thấy ông ta nhìn cô khi cô nói chuyện với Willie Titcomb. Vì thế cô tới chỗ ông ta và họ đứng bên nhau, lúc này, khi bữa tiệc đã gần như kết thúc, nhìn mọi người ra về, và những căn phòng ngày càng trở nên trống vắng, với những thứ nằm rải rác trên sàn. Ngay cả Ellie Henderson cũng ra về, gần như cuối cùng, dù không ai nói chuyện với bà ta, nhưng bà ta muốn nhìn thấy mọi thứ, để kể cho Edith nghe. Richard và Elizabeth khá vui mừng vì nó đã kết thúc, nhưng Richard tự hào về con gái của mình. Và ông không có ý định nói với cô, nhưng ông không thể không nói với cô. Ông đã nhìn cô, ông nói, và đã tự hỏi, Cô gái đáng yêu đó là ai nhỉ? và hóa ra đó là con gái của ông! Điều đó khiến cô thấy hạnh phúc. Nhưng con chó của cô đang tru lên.

“Richard đã tiến bộ. Ông nói đúng.” Sally nói. “Tôi sẽ tới nói chuyện với ông ta. Tôi sẽ chúc ngủ ngon. Bộ não thì có gì là quan trọng,” phu nhân

Rosseter nói, đứng lên, “so với quả tim?”

“Tôi sẽ tới,” Peter nói, nhưng ông ngồi lại một lúc. Sự khiếp hãi này là gì vậy? Trạng thái mê ly này là gì vậy? Ông tự nhủ. Sự kích động lạ lùng tràn ngập tâm hồn mình là gì vậy?

Chính là Clarissa, ông nói.

Vì bà ở đó.

HẾT

• Chú thích

[1] Barnes & Noble: Trung tâm phát hành sách lớn nhất thế giới của Hoa Kỳ. Đi tiên phong trong việc xây dựng nên hệ thống siêu cửa hàng (superstore) phục vụ cho việc buôn bán sách, cung cấp sách qua mạng Internet.

[2] Ông đoạt giải Pulitzer và giải PEN/ Faulkner về văn học hư cấu trong cùng năm 1999 với tác phẩm Thời khắc (The Hours – xuất bản 1998). Bộ phim cùng tên chuyển thể từ tác phẩm (đạo diễn Stephen Daldry; kịch bản phim David Hare, diễn viên Nicole Kidman, Meryl Streep, Julianne Moore và Ed Harris) đã được đề cử chín giải Oscar năm 2002 và Nicole Kidman đã đoạt giải Nữ diễn viên chính xuất sắc nhất năm đó với vai Virginia Woolf.

[3] Virginia Woolf - The Diary 57.

[4] Virginia Woolf The Diary 61.

[5] Wilhelm Richard Wagner (1813 – 1883) nhà soạn nhạc, nhạc trưởng, triết gia, thi sĩ nổi tiếng người Đức.

[6] Alexander Pope (1688 – 1744) nhà thơ Anh, nổi tiếng về thể thơ trào phúng và bản dịch Homer sang tiếng Anh; là tác giả được trích dẫn thường xuyên thứ ba trong Tự điển Danh ngôn Oxford, sau Shakespeare và Tennyson.

[7] Trích từ vở kịch Cymbeline của Shakespeare.

[8] Jorrocks's Jaunts and Jollities của nhà văn Anh chuyên viết về thể thao Robert Smith Surtees (1805 – 1864).

[9] Soapy Sponge: chỉ một cuốn sách khác của Robert Smith Surtees, Mr. Sponge's Sporting Tour.

[10] Mrs. Asquith's Memoirs: Có lẽ ám chỉ cuốn hồi ký của Emma Alice Margaret “Margot” Asquith, Nữ bá tước vùng Oxford và Asquith (1864 – 1945), xuất bản năm 1920.

[11] Tựa sách này không tồn tại trong thực tế, nhưng có lẽ có một cuốn cùng đề tài.

[12] Tức là: “Xe của Thủ tướng.” Nhân vật Edgar J. Watkiss nói ngọng và ở đây tác giả chơi chữ. Nguyên văn toàn câu: “Edgar J. Watkiss, with his roll of lead piping round his arm, said audibly, humorously of course: “The Proime Minister’s kyar.” (Một sự trùng hợp: kyar có nghĩa là xơ dừa hay dây thừng bện bằng xơ dừa).

[13] Brooks's là một trong các câu lạc bộ mang tính chọn lọc nhất của các quý ông ở London, thành lập năm 1764 bởi 27 người, trong đó có bốn công tước.

[14] Những ý nghĩ của bà Dempster về các chuyển động của chiếc phi cơ.

[15] Marie Antoinette (1755 – 1793), công chúa nước Áo, trở thành Hoàng hậu Pháp khi vua Louis XVI của Pháp lên ngôi. Bà bị xử tử bằng máy chém năm 1793.

[16] William Morris (1834 – 1896): nhà thiết kế hình họa trên các chất liệu vải, nghệ nhân, nhà văn người Anh.

[17] Plato (424/423 Tr.CN – 348/347 Tr.CN) triết gia, nhà toán học Hy Lạp cổ đại, đệ tử của triết gia Socrates.

[18] Percy Bysshe Shelley (1792 – 1822) một trong những nhà thơ lãng mạn trụ cột của Anh.

[19] Othello - Người Ma-rốc ở thành Venice, một vở bi kịch của thi hào, kịch tác gia Anh Shakespeare (1564-1616).

[20] Horatio Nelson, Đệ nhất Tử tước Nelson, Đệ nhất Công tước xứ Bronte, (1758 – 1805) anh hùng đô đốc hải quân Anh, nổi tiếng nhất với việc chỉ huy trận thủy chiến Trafalgar năm 1805 trong cuộc chiến tranh với Napoleon.

[21] Charles George Gordon, (1833 – 1885), còn có các biệt danh Gordon Trung Hoa, Tổng trấn Gordon, và Gordon Thành Khartoum, anh hùng, thiếu tá quân đội Anh.

[22] Sir Henry Havelock, Đại tướng quân đội Hoàng gia Anh (1795 – 1857).

[23] Nguyên văn: “Time”.

[24] Theo cuốn khảo luận Virginia Woolf: An Inner Life của nhà phê bình nổi tiếng Julia Briggs, những lời của bài hát này dịch từ bài thơ Allerseelen (All Souls' Day) của Heberb von Gilm, được nhạc sĩ Richard Strauss phổ nhạc. Bản tiếng Anh (do bà Malcolm Lawson dịch) như sau:

Lay by my side your bunch of purple heather,
The last red asters of an autumn day,
And let us sit and talk of love together,
As one in May, as once in May.
Give me your hand, that I may press it gently,
And if the others see, what matter they?
Look in mine eyes with your sweet eyes intently,
As one in May, as once in May.

Dịch nghĩa:

Hãy đặt cạnh em bó hoa thạch nam tím của chàng/ Bó hoa cúc tía cuối cùng của một ngày thu/ Và chúng ta hãy cùng ngồi chuyện vãn về tình yêu/ Như một ngày trong tháng Năm, như một lần trong tháng Năm.

Hãy trao cho em tay chàng, để em khẽ khàng áp tay lên/ Và nếu những người khác thấy, thì họ có gì là quan trọng?/ Hãy chăm chú nhìn vào mắt em với đôi mắt ngọt ngào của chàng/ Như một ngày trong tháng Năm, như một lần trong tháng Năm.

[25] Nữ thần về nông nghiệp, mùa màng, sinh sản trong thần thoại Hy Lạp.

[26] Địa ngục. Phần 1 trong kiệt tác Thần khúc (Divina) của Durante degli Alighieri, thường gọi là Dante (khoảng 1265–1321), thi sĩ Ý nổi tiếng thời Trung cổ.

[27] Aeschylus: (khoảng 525/524 Tr.CN. –khoảng 456/455 TR.CN) kịch tác gia Hy Lạp cổ đại.

[28] Richard Lovelace (1618–1657) nhà thơ Anh.

[29] Robert Herrick (1591 – 1674) nhà thơ Anh.

[30] Nhân vật truyền thuyết trong lịch sử Anh, sống vào khoảng thế kỷ thứ 5.

[31] Là phần sân có cổng riêng nằm trong khu vực Tu viện Westminster ở London.

[32] King's Counsel: một địa vị trong giới Tư pháp Anh.

[33] William Willett (1856 – 1915) là một nhà xây dựng người Anh. Ông đã cổ động không mệt mỏi cho việc chuẩn y phương án tiết kiệm thời gian ban ngày (daylight time saving- DTS) vào mùa hè ở nước Anh. Ông qua đời trước khi nhìn thấy kết quả các nỗ lực của mình. Cuối cùng, Quốc hội Anh đã thông qua đạo luật này vào ngày 17-5-1916. DTS được thực hiện bằng cách cho đồng hồ chạy trước một giờ so với giờ thường lệ vào mùa hè.

[34] Nguyên văn: “And Whitehall was skated over, silver beaten as it was, skated over by spiders, and there was a sense of midges round the arc lamps” đây có thể là đoạn văn khó hiểu nhất trong Mrs Daloway; người đọc có thể hiểu hình ảnh ẩn dụ về lũ nhện trượt trên đường phố, về đám muỗi vằn bay quanh những bóng đèn, nhưng cụm từ “silver beaten” thì quá khó hiểu. Người dịch đã chừa lại phần nguyên văn nêu trên cho tới khi kết thúc bản dịch mới cố công tìm hiểu về nó lần nữa, may sao có một bài viết đã lý giải được vấn đề này. “silver beaten” có thể hiểu là gỗ bị nện, đập hay dầm cho tới lúc trở nên bạc phếch. Vì vậy, đây là một chi tiết mang tính lịch sử; nó xác định rằng ở thời điểm Peter Walsh đi trên đường phố Whitehall (1923), vỉa hè của con đường này được lát gỗ.

[35] Sir Joshua Reynolds (1723 – 1792) họa sĩ Anh nổi tiếng về tranh chân dung.

[36] John Milton (1608 – 1674) nhà thơ, nhà bút chiến nổi tiếng người Anh.

[37] Nay là Sri Lanka. Trước đây Sri Lanka là thuộc địa của Anh (1815-1948).